

NAM PHONG

VĂN-HỌC KHOA-HỌC TẠP-CHÍ

CHÍNH-TRỊ PHÁP-VIỆT

BÀN VỀ BÀI LUẬN CỦA ÔNG FONTAINE (1)

Ta đọc bài *Essai de politique indigène* của ông FONTAINE đăng báo *L'Avenir du Tonkin*, mà trong lòng bưng-bưng lên muốn phúc-dáp lại, cho được tỏ ý-hướng của quốc-dân, nhưng không biết chánh-phủ bảo-hộ có cho phép quốc-dân ta được nói không?

Principes 89 mà quốc-dân Pháp đã tuyên-bố từ thế-kỷ thứ XVIII, khiến cả Âu-châu được hưởng quyền ngôn-luận tự-do, có lẽ nào quốc-dân ta chính là dân nước Pháp bảo-hộ, mà người Pháp lại không cho được quyền ấy. Vậy thì ta cứ nói, nếu chính-phủ bảo-hộ nghe lời ta nói mà thi-hành chính-sách cho thích-hợp với thời-cực, khiến tình thân-ái hai nước được lâu dài, chớ hay lắm ru? Nếu không nghe ta, thì là người Pháp tự che lấy tai của mình, để không được biết thấu tình thực quốc-dân ta, chứ không phải quốc-dân ta không có lòng trung-thành, mà không muốn nói thực.

Cõi Đông-Pháp nay chính là buổi khó-khăn, quả như lời ông FONTAINE nói, mà sở-dĩ thành ra khó-khăn như thế, không phải chỉ bởi những duyên-cớ ông đã nói đây, duyên-cớ ấy là duyên-cớ phụ mà thôi. Cuộc rối-loạn ở bên Tàu, thực có truyền-bá tư-tướng độc-lập tự-do sang nước ta,

mà quốc-dân ta sang lòng-chinh bên Pháp, ta cũng phải công-nhận có tiêmnhiệm tư-tướng của người Pháp, nhưng đều là việc mới mười năm nay. Những lời hứa của các quan Toàn-quyền, là nhắc lại lòng hi-vọng cuộc tương-lai của quốc-dân ta, chứ không phải quốc-dân ta bởi những lời hứa ấy mới sinh lòng kỳ-vọng. Còn bọn thanh-niên ta, nhờ giáo-dục mới mà có tư-tướng khai-phóng, sự ấy thật thế, nhưng chỉ là một số ít trong quốc-dân ta. Vậy nên ta nói sự khó-khăn ở cõi Đông-Pháp ngày nay, không phải chỉ bởi những duyên-cớ ấy, duyên-cớ ấy là duyên-cớ phụ, chứ còn duyên-cớ chính nữa, mà nó đã nẩy mầm từ khi mới có cuộc bảo-hộ ít lâu, duyên-cớ chính là gì? Là cái hồn mơ-màng của quốc-dân ta, đã nhờ ơn nước Pháp đánh thức dậy, mà tỉnh biết nước Việt-Nam là nước chung của hai mươi triệu dân Việt-Nam.

Từ thế-kỷ thứ X, quốc-dân ta thoát-li nước Tàu đô-hộ, mà tự-lập thành nước Đại-Cồ-việt, là lúc quốc-dân ta bắt đầu biết phiến đất mé bờ Đông này là đất của mình, tư-tướng ấy đến đời Trần càng phát-dạt, cho nên khi quân Minh bên Tàu sang ăn cướp, thời tất cả kỳ-lão trong nước, đồng-thanh xin đuổi đánh quân Minh; nhưng tự dấy về sau, quân-quyền mỗi ngày một chuyê-

(1) Bài này bản-chí củ-bút đã lược-thuật trong N.-P. số 114.

chế, dân-khí ngày càng tiêu-ma, đến bán-triền thời dân hầu không biết nước là nước của dân nữa.

Nếu nước Pháp bảo-hộ ta, mà lại là nước quân-chủ chuyên-chế như nước ta, thời có lẽ quốc-dân ta đến nay vẫn chưa thức dậy được, nhưng nước Pháp chính là nước đề-xương dân quyền đầu cả thế-giới, mà đã lập lên một nước dân-chủ, hiến-pháp định chủ-quyền ở quốc-dân, cái lý-trưởng quang-minh chính-đại ấy soi sáng chói rọi vào óc quốc-dân ta, khiến quốc-dân ta tỉnh biết nước Việt-Nam chính là nước của mình. Chả những chính-thể nước Pháp làm cho quốc-dân ta phát-sinh lòng ái-quốc, mà những điển-văn của các người Pháp, nói luôn đến chữ Tổ-quốc, đều là bài học rất cảm-động cho quốc-dân ta. Vì thế cuộc bảo-hộ chưa bao lâu, quốc-dân ta đã nhiều người trốn ra nước ngoài, vận-động cầu độc-lập, mà những sự phản-đối với chính-phủ bảo-hộ cũng thường xảy ra.

Duyên-cớ chính ấy tức là cái mầm rối-loạn, đã nảy ra ở cõi Đông-Pháp từ lâu rồi, mà lại được những duyên-cớ phụ của ông FONTAINE nói, để vun tưới thêm cho chóng phát-đạt, bởi đó mà gây nên sự khó-khẩn ngày nay.

Ta chả cần nói sự khó-khẩn thế nào, thời người Pháp cũng đã biết thừa đi rồi, ta chỉ bàn chánh-sách của nước Pháp đối với sự khó-khẩn ấy, nên sửa-đổi cách nào cho được hoàn-thiện.

Cách đồng-hóa mà người Pháp đem thi-hành cho nước ta trước là bởi người Pháp không biết lịch-sử nước ta. nước ta nội-thuộc Tàu trải mấy nghìn năm, cùng một giống người, cùng một tôn-giáo, chả những tinh-thần đồng-hóa, đến vật-chất cũng đồng-hóa, mà chỉ quốc-giới không sao đồng-hóa được, kết-cục Tàu vẫn hoàn Tàu, ta vẫn hoàn ta, thời-kỳ nội-thuộc lâu biết

chừng nào, mà nước Tàu không thu được hiệu-quả gì về sự đồng-hóa. Đủ chứng-minh giống người Việt-Nam, chỉ hóa văn-minh nước người ra văn-minh nước nhà, chứ không chịu hóa nước nhà ra nước người.

Ông FONTAINE biết chính-sách đồng-hóa là lầm, vậy nên ông chủ-trương chính-sách hợp-tác, ông nghĩ đã chu-đáo lắm, cái công-ti Pháp-Việt dựng lên ở cõi Đông-Pháp, người Pháp làm quản-lý, người Nam làm cổ-đông, cùng mưu sự sinh-hoạt cho được thịnh-vượng; học thức ấu-trĩ như quốc-dân ta, mà được dự chân cổ-đông, đã vinh-hạnh lắm rồi, nhưng cách hợp-tác ông định thế nào? Chính-thể bảo-hộ bây giờ, các công-sở nào cũng có người Pháp làm chủ, mà người Nam làm phụ, coi ra hợp-tác lắm đấy chứ. Ý ông cho như thế, người Nam chỉ là người làm công cho công-ti Đại-Pháp đó thôi, chứ không phải là chân-chính hợp-tác, mà thực thế, chính quốc-dân ta cũng dự biết như thế. Vậy thì thế nào mới là hợp-tác, ta tưởng trừ ra chính-phủ bảo-hộ cho người Pháp người Nam trách-nhiệm cũng như nhau, quyền-lợi cũng như nhau, thời không gọi là hợp-tác được, chứ chỉ bàn-bạc với người Nam, thời Chính-phủ bảo-hộ nay đã làm rồi; nhưng người Nam có đủ tài học mà chịu trách-nhiệm ấy không? Ta sợ không đủ, thế thì hợp-tác sao được? Ví như một người mạnh, một người yếu, hai người cùng ước với nhau mang chung một vật gì nặng-nề kia, thế-tất người mạnh bao giờ cũng chịu khó nhọc hơn, mà có lẽ để người yếu ghé vai vào một phần, càng thêm làm bận cho mình nữa. Cách hợp-tác của ông, chắc không làm được, mà dù có làm thời kết-cục cũng lại đến hợp-tác hữu-danh vô-thực như bây giờ.

Thử xem lịch-sử hoàn-cầu, phạm nước lớn chiếm lấy một nước nhỏ,

chưa thấy nước nào hợp-tác được với nhau ; kia như Anh lấy Ấn-độ, Mỹ lấy Phi-luật-tân, trải bao nhiêu năm, thế mà người Phi vẫn yêu - cầu độc-lập, người Ấn vẫn xưng chủ-nhĩa bất-cộng-tác, thời biết giống người khác, tính-tình khác, không sao hợp-tác được; cái công-lệ của các dân-tộc đều như vậy, chứ không phải một mình quốc-dân ta.

Hợp-tác tất không được, có lẽ «phân-tác» còn ổn hơn, nghĩa là người Pháp, người Nam đều làm riêng. Việc làm riêng thời trách-nhiệm mới chuyên, mà quyền-lợi không xung-đột, quyền-lợi không xung-đột thời tình thân-ái mới vững-bền; như là binh-chính và ngoại-giao là việc quan-trọng, người Pháp tất phải tự làm, không làm chung với người Nam được, còn các việc nội-trị, nước Pháp để cho quốc-dân ta làm riêng, người Pháp chỉ giám-đốc các việc ta làm là đủ, không cần phải nhận làm lấy cả.

Cứ như chính-thể bây-giờ thời phạm các cơ-quan chính-trị trong nước ta, người Pháp chiếm hết cả, đầu nước ta có vua, có quan, có Nghị-viện, nhưng chả qua chỉ có danh-biêu hão mà thôi, kỳ-thực không người nào có chút chính-quyền gì, làm như vậy có những sự tai-hại như sau :

1^o Quốc-dân ta không được dự chính-quyền thì sinh lòng oán-vọng, lòng ấy cũng rất chính-đáng : một nước có lịch-sử, có văn-hóa tự gần nghìn năm, mà nay đến nỗi truy-lạc như vậy, thời ai không phải đau-dớn, phương-chi ngọn cờ độc-lập phát-phơ luôn ở trước mắt, tiếng kêu đồng-chúng hò reo rầm cả ngoài tai, thời dù quốc-dân ta có tính diêm-tĩnh thế nào, cũng không khỏi cảm-dộng được, mà đã cảm-dộng thời có ngày phải phá-liệt, sự đó là lẽ tất-nhiên.

2^o Những người có tài-học dù không bỏ nước nhà đi sang nước khác, mà có chịu một chức gì của chính-phủ bảo-hộ bồ-dùng nữa, nhưng nom thấy cuộc đời đảo-diện như vậy, thời lòng phải chán-nản mà không muốn làm hết bổn-phận của mình; còn những kẻ tầm-thường lại lợi được trách-nhiệm không ở mình, mà cứ việc làm vậy, sự tham-những ngày nay phát ra nhiều quá, chính bởi tại thế, quan tham bao nhiêu, thì dân càng oán chính-phủ bấy nhiêu.

Ta cũng phải thú thật rằng : quốc-dân ta gần nay oán chính-phủ bảo-hộ lắm, mà quan-trưởng nước ta cũng hủ-bại quá chừng. Nếu chính-phủ bảo-hộ nay giữ binh-quyền, và ngoại-giao quyền, còn các việc nội-trị trả quốc-dân ta, thời quốc-dân ta biết nước rất yếu, rất quý của ta, dầu không được tự-chủ hoàn-toàn, nhưng cũng chưa đến nỗi mất hẳn, cần phải dựa vào chính-phủ bảo-hộ, để mưu sự tiến-bộ về sau, chả những lòng oán-vọng nước Pháp tự-nhiên tiêu dần, mà tình thân-ái nước Pháp lại càng mật-thiết lắm. Còn như quan-trưởng đều là có học-thức cả, thấy chính-phủ bảo-hộ cho quốc-dân ta được nội-trị, chắc ai cũng vui lòng làm việc, để báo-bổ cho Tổ-quốc nhà, người biếng cũng thành chăm, kẻ tham cũng hóa liêm, bao nhiêu những thói hủ-bại bây giờ phải tiêu-diệt hết!

Chính-phủ bảo-hộ đừng nghĩ quốc-dân ta học hãy còn hèn, chưa đủ sức đảm-đang các việc nội-trị, sức học-vấn của quốc-dân ta so với người Pháp thời kém thực, nhưng hơn bốn mươi năm nay nhờ nước Pháp dạy bảo, quốc-dân ta đã biết hơn trước nhiều, dầu công việc nội-trị phiền-phức thế nào, quốc-dân ta cũng có thể làm được, mà nếu có sự gì khó-khẩn lắm, thời đã có nhờ người Pháp dìu-dắt cho. Đưa trẻ mà đã biết đi, dầu đi chưa vững

mặc lòng, người nuôi nó cũng nên cho nó tập đi dần, nếu sợ nó ngã mà cứ bắt nó ngồi yên, thời chân nó phải liệt đi, mà không bao giờ bước được nữa. Vả lại nó biết đi mà cứ cầm nó mãi, thế-tất nó phải kêu, phải khóc, có lúc nó ù té chạy, dù ngã đến chảy máu ra cũng cam-tâm, ấy tính bản-niên của người ta vẫn như thế.

Ta nói đến tiếng nội-trị, chắc người Pháp phải lấy làm lạ tai, nhưng không lạ đâu, chính hòa-ước năm 1884 là tờ giao-ước làm nguyên-bổn chính-thể bảo-hộ, đã minh-định như thế, nay quốc-dân ta chỉ yêu-cầu chính-phủ Pháp thực-hành hòa-ước ấy mà thôi.

Nhưng nội-trị phải làm thế nào bây giờ ? Ta phải định hiến-pháp mới vừa thích-hợp với đại-thế của thế-giới, mà cũng không trái với tình-tình phong-tục của nước ta.

Ta phải tổ-chức một chính-phủ mới, mà có trách-nhiệm đề tòng-quản

việc nội-trị cả toàn-quốc, những viên quan tổ-chức chính-phủ ấy đều chọn người có học-vấn, có lịch-duyệt, có đức-độ, mà quốc-dân vẫn tin-phục, chứ không kể hạng người nào.

Ta phải nhờ các quan Pháp làm cố-vấn, đề chỉ bảo ta những điều mà ta chưa am-thục.

Phương-pháp ta nói đây, hình-thức thời là « phân-tác », mà tinh-thần chính là « hợp-tác », người Pháp giữ binh-quyền và ngoại-giao-quyền để chống-chọi với nước ngoài, còn người Nam thời giữ quyền nội-trị, để mưu tiến-hóa cho quốc-dân, ví như người chống-mạnh khỏe thì làm việc bên ngoài, người vợ yếu đuối, thời làm việc trong nhà, mà đều là hợp sức nhau làm cho nhà mình được thịnh-vượng, hợp-tác đến thế, mới là hợp-tác một cách chân-chính.

VIỆT-DÂN



MỘT QUYỀN SÁCH MỚI VỀ AI-CẬP VÀ ẤN-ĐỘ (1)

Les mouvements qui agitent aujourd'hui l'Asie sont obscurs, confus, dispersés et contradictoires ; mais ils existent. On ne les supprimera pas, mais on peut les canaliser et les diriger. L'Européen a donné des noms : ce n'est point faire assez. Elle devrait prendre la peine de les étudier de près, car ils mettent en jeu son influence et ses intérêts...

Vous êtes encore aujourd'hui les arbitres du monde, et il ne tient qu'à vous de le rester. Si vous entreprenez résolument en Asie une politique de sympathie, de collaboration et d'égalité, c'est le salut pour vous, c'est le progrès pour nous. Si vous insistez sur les différences de race et de couleur, si vous faites une politique de supériorité et d'exploitation, tous les peuples de l'Est, y compris la Chine et le Japon, finiront par se persuader que, ne pouvant *acquérir par vous* l'indépendance et le bien-être auxquels ils aspirent, ils devront les *conquérir sur vous et contre vous*. Alors, oubliant leurs rivalités et leurs désaccords, ils s'uniront. L'union des peuples orientaux sera-t-elle demain une réalité, et une réalité redoutable ? Cela dépend de l'Occident.

(Un patriote indien)

— Những cái phong-trào nó xô-dẩy cỡi Á-châu ngày nay vẫn còn là ngấm-ngấm, còn là tạp-loạn cả, nhưng đích-thực là có, chứ không phải không. Muốn ngăn tiết đi, không thể được, nhưng có thể khai-dẫn mà sử-linh được. Đối với những cái phong-trào ấy, Âu - châu chỉ biết mệnh-danh cho là thế nạn thế kia ; thế chưa đủ. Phải nên nghiên-cứu cho kỹ mới được, vì quyền-lợi thế-lực của Âu-châu còn hay mất là quan-hệ ở đó. . .

Người Âu-châu các ông ngày nay còn cầm cái quyền mình - chủ thế-giới ở trong tay ; quyền ấy từ nay còn hay mất chỉ ở các ông. Nếu các ông biết quả-quyết thi-hành ở Á-châu một cái chính-sách thân-thiện, hòa-hiệp, bình-đẳng, thì các ông tự cứu được cho các ông, mà chúng tôi cũng nhờ đó được tiến-bộ. Nhược-bằng các ông cứ lấy cái thiên-kiến về chủng-tộc, về sắc da mà kỳ-thị chúng tôi, nhược-bằng các ông cứ theo cái chính-sách cây tãi cây sức, chỉ vụ trục-lợi, thì tất cả các dân-tộc Đông-phương, kể cả nước Nhật nước Tàu, sẽ có ngày phải tự-cam rằng đã không nhờ cậy được các ông để mưu sự độc-lập, sự hạnh-phúc cho mình, tất phải phản-đối với các ông mà chiếm-đoạt lấy. Bấy giờ sẽ quên cả

(1) L'Inquiétude de l'Orient. Sur la route de l'Inde. Par MAURICE PERNOT — Librairie Hachette, 1927 — 232 pages.

những nỗi hiềm-thù, những sự phản-trái nhau mà cùng nhau liên-hiệp lại. Cuộc liên-hiệp các dân-tộc Đông-phương đề phản-đối lại Tây-phương, mai này có thể thành sự thực được không, mà sự thực đáng sợ không? Cái đó là tự ở Tây-phương vậy.

(Lời một nhà chí-sĩ Ấn-độ)

Những sách nói về các nước Đông-phương mà tình-thế cảnh-ngộ cũng gần giống như nước ta, như Ai-cập, Thổ-nhĩ-kỳ, Ba-tur, Ấn-độ, Tàu, Phi-lật-tân, chúng ta nên để ý đọc cho biết qua, không phải là không có ích. Các nước ấy đều là thuộc về lối văn-minh khác với văn-minh Tây-phương mà ngày nay phải miễn-cưỡng cái-cách theo Tây-phương, hoặc bị người Tây-phương chiếm-lĩnh quản-trị, tình-cảnh có điều khó-khăn nguy-hiềm, dấu trạng-thái bày ra có khác với ta mà căn-nguyên sâu-xa thời cũng là một: cũng là chịu cái va Á-Âu xung-đột mà đến đảo-diên diên-đảo hết cả. Các nước ấy ở trong cảnh-ngộ ấy xử-tri ra thế nào, ta nên biết lắm, vì tức là một bài học rất hay cho ta vậy.

Ông MAURICE PERNOT là một nhà làm báo làm sách ở Pháp, năm 1924-1925 có đi du-lịch Ai-cập (*Egypte*) và Ấn-độ (*Inde*), khi về nước viết du-ký, mới rồi in thành sách, đề là: « Sự khủng-hoảng của Đông-phương. — Trên đường Ấn-độ » (*L'Inquiétude de l'Orient. Sur la route de l'Inde*). Sách xem ra quan-sát cũng tinh, phán-đoán cũng đúng, có vẻ bình-tĩnh, vậy nên tóm lược qua ra đây đề giới-thiệu cho các độc-giả.

Sách có sáu thiên, chia ra hai phần, phần thứ nhất hai thiên nói về Ai-cập, phần thứ nhì bốn thiên nói về Ấn-độ.

Tác-giả đến Ai-cập vào khoảng tháng chạp năm 1924, mấy tuần lễ sau việc ám-sát quan Nguyên-soái Tổng-binh Anh ở Ai-cập, SIR LEE STACK. Tình-hình Ai-cập bấy giờ đương bối-rối, người Ai-

cập thì cố đòi cho được độc-lập, người Anh thì cố trì-hoãn không muốn cho, hai bên đương găng nhau lắm, bọn quá-khích đến phải dùng cách bạo-động.

Nguyên Ai-cập trước thuộc quyền bảo-hộ nước Thổ-nhĩ-kỳ, nhưng người Anh vẫn có quyền-lợi to ở đấy và vẫn có ý dòm-dõi đã lâu, Ngày 18 tháng 11 năm 1914, nhân nước Thổ về bè với Đức, khai-chiến với Đồng-minh, nước Anh thừa-cơ tuyên-bố rằng Ai-cập không có quan-hệ gì với Thổ nữa và tự-nhận lấy quyền bảo-hộ về mình. Phó-vương (*khédive*) ABBAS HILMI nghi có tình-ý với Thổ bị phẫn và lập thân-vương HUSSEIN KAMEL làm vua (*sultan*) Ai-cập. Anh công-nhiên nói rằng chỉ giữ quyền bảo-hộ tạm-thời trong khi chiến-tranh, chiến-tranh xong thì thôi. Khi chiến-tranh xong, Ai-cập đòi độc-lập; Anh không dám chối lời hứa cũ, nhưng cứ dùng-dằng bắt chờ đợi mãi. Người Ai-cập lấy làm sốt ruột, phó-nghị-trưởng Hội-nghị Lập-pháp là ông SAAD ZAGLOUL bèn xưng-lập ra một « phái-bộ » thường-trực tên là *Wafd* đề đối với Hội-nghị hòa của Đồng-minh yêu-cầu độc-lập cho Ai-cập, nhưng chính-phủ Anh không cho phép phái-bộ sang Âu-châu, người Ai-cập lại càng lấy làm bất-bình lắm, bèn nổi loạn lên. Chính-phủ Anh đem dầy ông SAAD ZAGLOUL và mấy người lãnh-tụ khác trong đảng ái-quốc ra đảo *Malte*. Cách áp-chế ấy lại càng làm cho dân Ai-cập tức giận, một lòng nổi lên phản-đối người Anh. Công-dân nông-dân cũng đồng lòng với đảng học-sinh; người *Coptes* theo đạo Thiên-chúa cũng tự-nguyện kết-liên với dân Hồi-giáo

Nói tóm lại là cả dân Ai-cập đều nhất-ban nổi loạn; người Anh phải dùng hết võ-lực mà cũng không dẹp cho yên hẳn được. Đầu năm 1919, thủ-tướng Anh LLOYD GEORGE phái tướng ALLENBY sang làm toàn-quyền Ai-cập và giao cho cái trách-nhiệm phải giữ trật-tự cho yên-đàn. Bấy giờ không dùng cách đàn-áp nữa, giở ra cách thương-thuyết; ZAGLOUL và các bạn đồng-chí phải đi đây ở đảo Malte được về nước cả. Phái-bộ Ai-cập được phép sang Âu-châu, tới Paris là nơi đương họp hội Nghị-hòa. Người Ai-cập vẫn đinh-ninh rằng trong việc yêu-cầu độc-lập này thế nào cũng được Giám-quốc Mĩ WILSON tán-trợ cho; ngờ đâu đến Paris lại bị Giám-quốc khước đi không chịu giúp. Người Ai-cập bấy giờ không hiểu đầu đuôi thế nào nữa. Trong khi ấy thì chính-phủ Anh phái sang Ai-cập một hội ủy-viên để điều-tra mọi việc, chánh ủy-viên là chính-tổng-trưởng bộ Thuộc-địa LORD MILNER. Hội-đồng tra xét trong bốn tháng (từ tháng chạp năm 1919 đến tháng ba 1920), về Anh làm tờ báo-cáo cho chính-phủ, kết-luận rằng nước Anh không thể giữ quyền bảo-hộ ở Ai-cập lâu được nữa, nên phải kíp cho Ai-cập độc-lập, duy chữa được hoàn-toàn độc-lập ngay, và phải định mấy điều-kiện cho phân-minh vậy. Chính-phủ Anh thuận lấy lời báo-cáo ấy làm căn-cứ mà thương-thuyết với đại-biểu Ai-cập ở Luân-đôn, thương-thuyết hai kỳ, kỳ thứ nhất từ tháng 6 đến tháng 8 năm 1920 với SAAD ZAGLOUL, kỳ thứ nhì từ tháng 7 cho đến tháng 11 năm 1921 với ADLY PACHA. Nhưng hai lần cũng không thành chuyện gì cả. Trong khi ấy người Ai-cập vẫn nao-dộng. — Tự ngày 15 tháng chạp năm 1921 đến ngày mồng 1 tháng 3 năm 1922, trong nước không có chính-phủ, vì không có nhà chính-trị Ai-cập nào chịu đứng ra tổ-chức nội-các, LORD ALLENBY lại

xoay ra dùng cách đàn-áp; ngày 23 tháng chạp ông hạ lệnh bắt ông ZAGLOUL đẩy ra quần-đảo Seychelles; các tay lãnh-tự trong đảng ái-quốc đều bị tổng-giam cả. Cả nước Ai-cập bấy giờ nổi lên phản-đối, loạn tứ-tung, lại phải dùng đến võ-lực để dẹp. Sau chính-phủ Anh biết rằng không thể cưỡng được lâu nữa mới phải đành chịu vậy. Thủ-tướng CURZON cho đòi tướng ALLENBY về Anh đề bàn việc, tướng ALLENBY quả-quyết xin hai điều: một là dùng cách đàn-áp thì phải cho đóng ở Ai-cập 6 sư-đoàn 15 vạn người; hai là nếu không có đủ số quân ấy thì nên thuận theo lời yêu-cầu của người Ai-cập mà cho họ độc-lập. Anh không có được 15 vạn quân cho tướng ALLENBY, bắt-đắc-dĩ ngày 28 tháng 2 năm 1922 phải thuận nhận cho Ai-cập được độc-lập. Tuy-nhiên sự độc-lập chưa được hoàn-toàn: nước Anh còn giữ lấy 4 điều quan-trọng để điều-đinh với Ai-cập sau này: một là sự phòng-bị cho đường giao-thông ở trên Vận-hà Suez; hai là sự bảo-hộ cho quyền-lợi của người ngoại-quốc kiều-cư ở Ai-cập; ba là sự bảo-hộ cho các « thiểu-số dân-tộc » (*minorités ethniques*); bốn là cái chế-độ riêng về đất Soudan. Hễ bốn điều ấy chưa điều-đinh được thỏa-thuận hai bên thì quân-đội của Anh vẫn cứ đóng ở Ai-cập. Phái ôn-hòa, lãnh-tự là SAROIT PACHA, thuận nhận lời tuyến-bố độc-lập như thế, vua FOUAD lên thay vua HUSSEIN cũng bằng lòng. SAROIT PACHA lại thuận ra tổ-chức một nội-các nữa. Nhưng đảng quốc-gia thì nhất-định không chịu, bác cách điều-đinh đó là trái với quyền-tự-chủ của nước Ai-cập, không nhận vua FOUAD và lại càng hết sức vận-động phản-đối. — Tuy-nhiên người Anh vẫn dè-huè với đảng ôn-hòa, cùng thảo một bản hiến-pháp, đặt ra một nội-các có trách-nhiệm để cầm quyền chính-phủ, và hai nghị-viện, một ghi-viện thì bầu

theo cách phổ-thông-dầu-phieu, một nghị-viện thì một phần là bầu-cử, một phần là do nhà vua ủy-nhiệm. Cuộc tuyển-cử thứ nhất vào hội Lập-pháp kết-quả được 190 người về đảng ông ZAGLOUL và có 21 người về đảng ôn-hòa mà thôi. Ông ZAGLOUL bấy giờ đã được về nước, theo hiến-pháp ngày 23 tháng giêng năm 1924, vua ủy cho ông lập nội-các mới. Nội-các mới đã thành, bấy giờ cũng muốn chằm-chước mà điều-đinh cho xong bốn cái điều còn để riêng lại như trên kia. Ông ZAGLOUL bèn đi Luân-đôn để thương-thuyết với thủ-tướng Anh MAC DONALD. Hai người còn là bàn chuyện riêng với nhau, chứ chưa phải công-nhiệm thương-thuyết, từ ngày 26 tháng 9 đến mồng 4 tháng 10 năm 1924. Nhưng xét ra không thể đồng-y nhau được. ZAGLOUL bèn về Ai-cập, giữa lúc nội-các MAC DONALD bị đổ và nghị-viện Anh phải giải-tán (ngày mồng 9 tháng 10). Nghị-viện mới bầu-cử lại thì đảng bảo-thủ được chiếm phần hơn và một nội-các thuộc đảng ấy lên cầm quyền nước Anh. Thế là cái hi-vọng hoàn-toàn độc-lập của người Ai-cập chưa bết đến bao giờ thực-hành cho được. Đảng quá-khích Ai-cập lấy làm căm-lức quá; ngày 18 tháng 11 thì nguyên-soái tổng-binh Anh bị ám-sát như trên kia đã nói. Toàn-quyền Anh ALLENBY gửi tới-hậu-thư cho chính-phủ Ai-cập; ZAGLOUL không chịu phải từ chức. Vua đồng-y với Toàn-quyền cử ông ZIWER PACHA lập nội-các mới (ngày 24 tháng 11 năm 1924).

Tác giả đến Ai-cập giữa hồi bấy giờ là lúc tình-hình đương bối-rối lắm. Ông tìm giao-tiếp với các bậc yếu-nhân, như thủ-tướng ZIWER PACHA, nội-vụ tổng-trưởng SEDKY PACHA, lĩnh-tự đảng ái-quốc ZAGLOUL PACHA, v. v., cho chỉ cả Toàn-quyền Anh là tướng ALLENBY, để hỏi-han ý-kiến và dò xét tình-hình. Nay không thể thuật hết được nữa.

lời ông nói chuyện với các bậc ấy, chỉ tóm-tắt lại đây ý-kiến của một ông nghị-viện Ai-cập buôn-bán to ở thành *Alexandrie* và một ông chủ nhà băng Ai-cập ở kinh-dô *Le Caire*, hai người tuy cũng có can-thiệp vào việc chính-trị, nhưng đều là tay thực-nghiệp to, phán-đoán về việc chính-trị biết giữ cái phương-diện khách-quan, có ý công-băng và xác-đáng hơn.

Ông nghị-viện thì nói rằng : « Nước Anh đột-nhiên cho Ai-cập được độc-lập ngay, nhất-đán tặng cho một cái hiến-pháp bình-đẳng tự-do như các nước Âu-tây, thế là cái mưu của Anh đã rõ lắm, mưu ấy rất nguy-hiểm. Người Ai-cập chúng tôi đối với nước Anh khác nào như đứa con trẻ yếu-ớt cha mẹ vẫn giữ-gìn nâng-giãc từng tí thường khuyển răn ; Con đừng ăn cái này nhớ, con đừng làm cái kia nhớ ; con ra chơi ngoài vườn thì đừng đi khỏi cái cây kia nhớ, cho bao giờ cũng trông thấy luôn... Đương giữ-gìn từng tí như thế, vụt chốc bỏ mặc cho được tự-do. Chắc là thế nào cũng không khỏi lạm-dụng cái tự-do đó, vì đã ai từng dạy cho biết dùng tự-do bao giờ. Bấy giờ có làm hậy mới mắng dữ chủ già, lấy dây da, lấy thắt lưng mà chằng mà buộc lấy, không cho bước ra ngoài một bước nữa, nói rằng : Mày trông đấy, mày đã biết đi đâu mà dám đòi đi ! — Ấy cái mưu của người Anh như thế. Mưu ấy người Ai-cập không nên mắc mới phải. Thế mà ông ZAGLOUL chúng tôi lại để đến mắc mưu của họ. Ông là một bậc lỗi-lạc thật : có trí thông-minh, có sức kiên-nghib, có tài hành-động. Nhưng ông ham danh-vọng lắm, ông ham danh-vọng mà ông lại có cái tính thiên về đảng-phái, cho nên có khi nhãng cả việc khác không nghĩ tới. Giá như người khác đã thông tỏ việc nước như ông, khi đến Luân-đôn tất gia sức thương-thuyết, gia sức thảo-luận, cò-kè bớt một thêm hai, dùng

hết mạnh-khoé, cho được ít nhiều mới nghe. Ông thì không thế, ông muốn đòi cả một lúc, thành ra không được tí gì, rút cục xối hồng bồng không cả. Trong khi thương-huyết với người Anh tựa-hồ như ông chỉ nghĩ đến cái danh-giá của ông khi về nước, nếu được toàn-thắng thì quốc-dân hoan-nghênh thế nào và khi ra nghị-viện diễn-thuyết tuyên-bổ sẽ được vẻ-vang thế nào. — Hoặc-giả nói nhân những việc xảy ra độ mới rồi, ông ZAGLOUL có mất thế-lực đi ít nhiều. Nói thế không phải. Ngày nay cả dân Ai-cập cũng vẫn phục ông lắm. Nhưng ông định giắt dân đi đâu? Dân Ai-cập có mười-bốn triệu người mà không được một triệu biết đọc biết viết. Nhưng bọn đó tưởng rằng đã tài giỏi lắm, việc gì cũng có thể làm nổi được. Ông ZAGLOUL bảo họ rằng: «Ai-cập phải độc-lập mới được, Ai-cập được độc-lập hẳn-hoi đó. Bọn đó tin như thế và hành-động ra cách độc-lập lắm. Thủ-bất-tri ở thế-giới này có nước nào là hoàn-toàn độc-lập, có nước nào là không phải cần đến nước khác. Thứ nhất là Ai-cập lại phải cần đến Âu-châu, cần đến nước Anh lắm. Cái tình-thế trong nước khiến nên như thế, phải nói cho dân biết là một sự bất-đắc-bất-nhiên, chứ không phải là sự cam-tâm nô-lệ chi. Cái chính-sách của người Anh ở đâu cũng vậy, ở Ai-cập cũng vậy, chỉ biết làm đường lộ, đặt hỏa-xa, đào sông cống; nhưng không mở trường học, không đặt quân-bị cho dân. Thành ra dân chúng tôi tri-dục thê-dục đều là thiếu-thốn cả. Hiện nay Ai-cập võ-bị được bao nhiêu? Chừng bốn vạn người, mà đạn-dược thì dùng độ 24 giờ là hết, giá người Hi-lạp đem độ một chiếc chiến-hạm vào trước cửa sông Vạ-nhà thì thật không biết lấy gì mà ngăn-cản được. — Ngày nay bọn học-sinh Ai-cập chỉ chăm việc cách-mệnh, nhãng bỏ cả sự học-hành. Các bậc lãnh-

tự cũng không khuyên-bảo cho bọn thanh-niên biết rằng muốn cho nước được độc-lập, muốn cho được độc-lập mà giữ được mãi, thì cốt nhất là phải học cho biết; phải bồi-bổ cho thân-thể và cho tinh-thần, phải biết giữ phép-lắc, theo kỷ-luật mới được.»

Ông chủ nhà băng tên là TALAAT BEY, có chân Thượng-nghị-viện Ông là người sáng-lập và quản-lý nhà băng *Misir*, nghĩa là Ai-cập-ngân-hàng. Ngân-hàng này là nhà băng thứ nhất của người Ai-cập chủ-trương, tiền vốn người làm toàn là Ai-cập cả. Khi tiếp chuyện với tác-giả ông liền nói rằng: «Tôi không muốn nói chuyện chính-trị với ông. Trong sở tôi, tôi cấm cả người làm không được nói chính-trị, tôi phải làm gương cho họ bắt-chước.» — Rồi ông liền nói đến việc nhà băng của ông, sử-dĩ làm sao mà năm nă n nay ông quyết-định mở ra một ngân-hàng ở kinh-đô Ai-cập, ngày nay phát-đạt được như thế, suốt trong nước đâu cũng có chi-điểm. Vốn của nhà băng khi lập ra chỉ có tám vạn *livres* Ai-cập, mà đến đầu năm 1925 thì tăng lên được 50 vạn. Nhờ có tiền lãi, không những lập được một khoản trừ-bị thường theo điều-lệ là hai vạn *livres* và một khoản trừ-bị phi-thường là ba vạn năm ngàn, mà lại còn đặt được một cái quỹ riêng năm vạn *livres* để chấn-hưng cho các công-nghệ trong nước. Nhà băng lại đảm-bảo cho một sở in sách và một công-ti sợi. TALAAT BEY nói rằng: «Việc chúng tôi làm mà thành được như ngày nay, là nhờ dân có lòng tin, người nhà quê thường đem tiền đến gửi chúng tôi, mùa bông đến, có cần chúng tôi lại cho vay. Cách cho vay rất nhẹ, hồi đầu đã có người cho rằng rẻ quá không ăn thua gì, nhưng nghiệm ra mới biết làm thế là phải.» — Ông chủ nhà Băng này tuy không chuyên-chủ về việc

chính-trị mà thực là một nhà ái-quốc chân-chính, duy giữ cái thái-độ ôn-hòa, không ưa những cách cấp-tốc như các phái khác, thế mà có lẽ lại được việc cho nước hơn nhiều. Hiện ông có lập một sở diễn-kịch ở kinh-dô để khôi-phục lại các cổ-kịch trong nước ; ông lại định mở một câu-lạc-bộ cho người Ai-cập ở Paris. Trong việc doanh-nghiệp thì ông là một tay tiến-thủ rất bạo, thế mà trong cách cư-xử trong gia-đình thì ông lại là một người bảo-thủ, muốn giữ lấy những nền-nếp cũ, không ưa những lối-lãng mới của Âu-tây. Ông thường nói rằng : « Con gái tôi, tôi muốn giáo-dục theo lối cũ như các bà các cụ tôi ngày xưa vậy. » Cái chủ-nghĩa của ông về việc nước tóm lại trong một câu như sau này : « Ai-cập muốn độc-lập, trước nhất phải độc-lập về đường kinh-tế. » Sự-nghiệp của ông chính là khuynh-hướng về mục-dịch đó vậy.

Về phần riêng tác-giả kết-luận về việc Ai-cập có phán-đoán mấy câu như sau này : « Tôi xét ở Ai-cập ngày nay, lòng ái-quốc trong dân-gian thì nồng-nàn hăng-hái lắm, ai ai cũng nhiệt-thành mong-mỏi cho nước được hoàn-toàn độc-lập, nhưng trên chính-cục, trong chính-giới thì lại hỗn-độn lắm, và không khỏi có cái vẻ lăm-thường nhỏ-nhen thường xuất-hiện ra những cách vận-động loạn-tạp và vô-ích. Chính-đảng thì có, lãnh-tụ cũng có, nhưng chẳng có đảng nào, chẳng có người nào là có chương-trình nhất-định cả. Bậc lãnh-tụ nào được lên cầm quyền, thì chỉ mong làm ơn cho đỡ-dặng mình, cho thân-thuộc mình, cho việc làm, cho tước-vị, cho bổng-lộc, chỉ dùng cách đó để giữ lấy địa-vị mà thôi. Xem như ông ZAGLOUL là một người rất thanh-liêm chính-trực, rất nhiệt-thành yêu nước, thế mà ra cầm quyền cũng không khỏi cái tật ấy được.

Thành ra cái chính-sách của kẻ đương-đạo thì gồm lại có hai câu: một là siêng-mị công-chúng, hai là huyễn-diệu quốc-dân. Làm thế để mong giữ được địa-vị, chứ còn xuất thực-lực để mưu việc ích-quốc lợi-dân thì không mấy người nghĩ đến. »

Nay việc Ai-cập chẳng qua là một phương-diện riêng trong một cái vấn-đề lớn-lao, là vấn-đề Đông-phương và Tây-phương tiếp-xúc với nhau. Tây-phương từ mấy thế-kỷ nay ý ở sức mạnh máy-móc, lại cũng tự-phụ rằng có cái văn-hóa hay hơn, ngày ngày cứ lấn-láp sang Đông-phương, khiến cho các dân-tộc Đông-phương ngày nay không còn dân nào là giữ được hoàn-toàn tự-do độc-lập. Trước kia vẫn chịu ép một bề, nay mới dần dần tỉnh-ngộ ra, lấy cái tình-cảnh eo-hẹp ấy làm đau-dớn. Đối với cái phong-trào mới ấy, Tây-phương phải xử-tri ra thế nào? Theo tác-giả thì Tây-phương phải nhận-chán lấy cái chức-trách của mình, là phải giúp cho các dân-tộc khác được mau tiến-tới trong cõi văn-minh. Ông nói rằng : « Trong cách Âu-châu đối-đãi với các dân-tộc Đông-phương ngày nay, phải theo một cái tôn-chỉ như sau này là các dân-tộc ấy thường là những dân hiếu-học mà Âu-châu đã tự-nguyện rằng muốn giúp cho các dân ấy được mau tiến-hoá, thì phải chỉ-dạy cho họ một cái phương-pháp đoàn-luyện tinh-thần thế nào cho phát-siễn được hết cái quốc-túy của họ, chứ chớ hề nên cưỡng-bách hay là đàn-áp người ta. Âu-châu không nên đồng-hóa các nước Đông-phương, cũng không nên kiếm-tính sáp-nhập với mình, nhưng phải mở-mang mà đưa giắt cho đến cõi sáng-sủa. Nhiều các dân-tộc Đông-phương xưa kia về đường học-thuật, mĩ-thuật, tôn-giáo, chính-trị, đã tới một cái trình-độ cao hơn bây giờ nhiều, như vậy thì

cải công giáo-hóa của Tây-phương lại càng khó-khăn lắm. Thường không phải làm mới mà chỉ khôi-phục lại cái cũ cũng đã hay rồi. . . »

Câu sau cùng đó tưởng cũng có ý-vị lắm vậy. Về đường văn-hóa, cái trách-nhiệm của Tây-phương đối với Đông-phương nhiều khi không phải là đem cái mới của mình mà giáo-hóa người ta, thường là giúp cho người ta biết nhận-chân lấy cái văn-minh cố-hữu của Đông-phương, rồi thì dùng những phương-pháp mới mà phát-siển nó ra. Thật thế, người Tây muốn giáo-dục chúng ta cho phải đường thì nhiều khi không cần phải dạy cái mới cho ta bằng giúp ta khôi-phục lấy cái cũ của ta, cái cũ ấy vì bấy lâu nay ươn-hèn để đến mai-một đi mất. Song ta cầu-vọng ở Tây-phương như thế, chẳng là trách-bị quá lắm dư? Tây-phương chỉ có thể truyền-bá cho ta cái văn-minh của Tây-phương mà thôi, lẽ đâu lại dạy lại được ta cả cái văn-minh của ta nữa? Tuy-nhiên, Tây-phương có tài lô-chức, có phép khoa-học, tức là cái lợi-khí dùng để suy tìm sự-thực, có thể giúp ta văn-hồi khôi-phục lấy cái văn-hóa cũ của ta được. Xem như các nhà bác-học Âu-tây gia-công khảo-cứu các cổ-tích Ai-cập, phát-minh được ra cái văn-hóa rực-rỡ đời xưa thì đủ biết vậy,

Tác-giả ở Ai-cập rồi sang Ấn-độ. Ông đi suốt từ nam đến bắc, tự đông chí tây, tự đảo *Ceylan* đến thành *Delhi* là kinh-dô mới, tự *Calcutta* là kinh-dô cũ đến *Bénarès* là thành Xá-vệ đời xưa mà bây giờ vẫn là nơi chốn tổ đạo Ấn-độ ở trên sông Hằng-hà, tự *Madras* là cửa bể lớn ở cõi đông-nam đến *Bombay* là cửa bể lớn cõi tây-bắc; lại các nơi cổ-thành cổ-tích ở trung-bộ Ấn-độ như *Hayderabad*, *Golconde*, ông cũng đã từng đi qua cả, nhiều đoạn tả về phong-

cảnh rừng núi, cung-diện đèn-dài, thuật về phong-tục thổ-dân, cảm-tưởng du-khách, văn-chương cũng có lý-thú và có đặc-sắc lắm. Song đây ta không xét về phương-diện du-lich mà muốn xét riêng về chính-trị của Ấn-độ thế nào. Ấn-độ ngày nay cũng ở trong cái tình-trạng khủng-hoảng như các dân-tộc Đông-phương khác; đối với tình-trạng ấy, người Ấn-độ xử-trí ra thế nào?

Cái tình-trạng khủng-hoảng ở Ấn-độ kể phát-hiện ra đã ba bốn mươi năm nay, từ khi người Ấn-độ bắt đầu yêu-cầu quyền chính-trị với chính-phủ Anh và lập ra Quốc-gia đại-hội-ng nghị tự năm 1885. Nhưng mới trở nên kịch-liệt là tự sau cuộc Âu-chiến năm 1914-1918 vừa rồi. Từ trước cho đến cuộc Âu-chiến, người Ấn-độ còn có lòng tin cậy ở nước Anh từ sau cuộc Âu-chiến đến ngày nay thì không còn tin nữa, mà dần dần thành ra thất-vọng. Cái tình-trạng bối-rối ở Ấn-độ ngày nay là chính ở cái lòng thất-vọng của người Ấn-độ đối với nước Anh đó vậy.

Khi nước Anh hữu-sự bên Âu-châu, cổ-dộng cho các thuộc-địa đem tiền đem người sang giúp, Ấn-độ cũng một lòng trung-thành quyên tiền mộ người để sang giúp mẫu-quốc, trước sau gửi sang Anh có tới 985 000 người, vừa chiến-binh vừa công-binh, cũng tưởng rằng hết lòng giúp lúc hữu-sự rồi sau tất được đền-bồi, chẳng thiệt đi đâu. Người Ấn-độ mong rằng việc chiến-tranh xong rồi, nước Anh tất mở rộng cho mình được tự-do vậy. Người Anh cũng khéo lợi-dụng cái lòng hi-vọng đó mà hứa cho những sự xa-xôi. Lại giữa lúc bấy giờ ông Giám-quốc Wilson nước Mỹ xướng lên 14 điều, mà điều thứ nhất là tuyên-bố cho các dân-tộc được tự-quyết, khiến cho

lòng hi-vọng của người Ấn-độ lại càng nồng-nàn lắm vậy. — Nhưng hi-vọng càng to bao nhiêu, thất-vọng lại càng đau bấy nhiêu. Tháng 11 năm 1917 và tháng 8 năm 1918 hai lần quốc-gia hội-nghị Ấn-độ yêu-cầu cho đặt chia-thê đại-nghị ở Ấn-độ, nghĩa là xin cho bầu Nghị-viện để thay mặt dân tham-dự việc nước, chính-phủ Anh không cho, dân nổi loạn lên. Tự khi có việc chiến-tranh chính-phủ có đặt luật đặc-biệt để phòng giữ việc trị-an trong bản-xứ, luật này định chỉ thi-hành trong khi chiến-tranh mà thôi, bao giờ chiến-tranh xong sẽ bãi đi; bấy giờ nhân trong dân-gian có ý muốn bạo-động, chính-phủ bèn nghị-định tăng kỳ-hạn các luật ấy. Nghị-định ấy tức gọi là *Bills Rowlatt* đem ra hội-nghị lập-pháp xét hồi tháng 2 năm 1919, hội-nghị bác đi, nhưng chính-phủ không chịu. — Bấy giờ dân công-nhiên nổi loạn; ở kinh-đô, ở *Bombay*, ở *Lahore*, ở *Amritsar*, đồng-thời đều xảy ra sự bạo-động; như ở *Amritsar* nhân-dân định mở một cuộc « mết-tinh », quan binh cấm không cho phép, dân cứ họp, quan binh lấy cớ đó truyền cho quân-lính bắn chết nhiều lắm. Công-chúng không có khí-giới, đương họp nhau ở trong một khu đất nhỏ, tướng *Dyer* đề binh đến, truyền cho cứ chĩa súng tay bắn vào trong giữa đám đông đó, chết mất 379 người và bị thương mất 1200 người. Được tin ấy cả dân Ấn-độ nổi lòng công-phẫn. Bấy giờ mới xuất-hiện ra một người tiêu-biểu cho cái hồn ái-quốc của dân Ấn-độ, người ấy là ông *GANDHI*. Ông ra đứng đầu đảng phản-lối, nhưng ông là một người giàu lòng tôn-giáo, hết sức khuyên đỡ-đảng không nên bạo-động, ông đề-xướng lên cách « tiêu - cực phản-kháng » (*satyagraha*), nghĩa là phản-đối mà không dùng cách bạo-động. Theo chủ-nghĩa của ông thì người ta không thể cam - tâm mà chịu cái ác, đối với cái ác thì bạo-động mà phản lại

còn hơn là khiếp-nhược mà đành chịu. Nhưng còn có cách hay hơn cách bạo-động, là cái thái-độ ôn-kiện kiên-nghị, bởi lòng từ-bi quảng-dại mà ra. Ông nói rằng : « Ta lấy lòng từ-bi quảng-dại, có thể giúp cho công-lý đắc-thắng ». Chính-phủ Anh dùng những thủ-đoạn ma-quái, làm nên tội ác tày đình, người Ấn-độ không nên lấy sự phiến-loạn, sự sát-lục mà đối lại, phải nên dùng cách « bất-hiệp-tác », để chế các trường học, các tòa án cùng các hội - nghị, lại lâm-thời có thể dùng cách « bất-phục-tòng », như không chịu đóng thuế, không chịu tuân luật-lệ, vân-vân. — Ở Ấn-độ, trong dân-gian xưa nay vẫn chia ra hai phần, phần theo Ấn-đô-giáo là phần nhiều nhất, và phần theo Hồi-giáo, hai bên vẫn xung-đột nhau, không có hòa-thuận bao giờ. Nay dân Ấn-độ phản-đối như thế, chính-phủ Anh có thể tựa vào phần dân Hồi-giáo để chống lại không? Trong khi chiến-tranh thì dân Hồi-giáo vẫn trung-thành với chính-phủ; người Anh dùng để đánh Thổ-nhĩ-kỳ là nước đồng-văn đồng-giáo, cũng không từ. Kịp đến khi đế-quốc Thổ-nhĩ-kỳ bị tan, cũng không hề thấy cảm-động gì cho lắm. Nhưng khi chiến-tranh xong, thấy quân Đồng-minh đến chiếm kinh-đô Thổ là thành *Constant nople*, đem người Hi-lạp đến để đàn áp dân Thổ, rồi bao nhiêu những nơi thánh-địa của đạo Hồi thuộc quyền quân-hạt Thổ-nhĩ-kỳ trước không trao lại cho dân Hồi mà lại phân-phát cho các nước Âu-tây chiếm lĩnh, thời bấy giờ dân Hồi ở Ấn-độ mới hiểu rằng thiên hạ đánh lừa mình, cũng nổi công-phẫn lên, quên cả những nỗi hiềm-thù cũ, đồng lòng hiệp-lực với dân Ấn-độ để phản-đối chính-phủ Anh. Khi Thủ-tướng Anh *LLOYD GEORGE* ức người Thổ bắt ký hòa-ước *Sèvres*, lại xui quân Hi-lạp sang chiếm đất *Anatolie* của Thổ, thì lòng công-phẫn ấy lên đến cực-điểm.

Bọn thực-dân Anh ở Ấn-độ biết sự nguy-hiểm đến nơi, mấy phen gửi lời cảnh-cáo về Luân-đôn, nhưng chính-phủ không nghe. — Ngày 24 tháng chạp năm 1919 Quốc-dân hội-nghị Ấn-độ họp ở Amritsar, tuyên-bố Ấn-độ có liên-lạc với Ba-tư, Ai-cập và Thổ-nhĩ-kỳ, và dân Ấn-độ-giáo đồng-tình với dân Hồi-giáo đề yêu-cầu cho quyền chúa - tể trong đạo Hồi được hoàn-toàn độc-lập. Lãnh-tụ đảng Hồi-giáo là hai anh em họ ALI (MOHAMMED ALI và CHAUKAT ALI) liền kết-liên hiệp-lực với lãnh-tụ đảng Ấn-độ-giáo là ông GANDHI đề công-kích chính-phủ Anh và đòi cho Ấn-độ được tự-do độc-lập. — Bấy giờ bọn cầm quyền ở Luân-đôn mới hiểu rằng tình-thế nguy vậy, và cần phải tìm cách bỏ-cứ ngay. Hai năm trước Tổng-trưởng bộ Ấn-độ là ông MONTAGU đã thân-hành sang tra xét tận nơi kỹ-càng cẩn-thận lắm và có làm một bản báo-cáo nói rõ nên cải-cách thế nào. Quan Tổng - đốc Ấn-độ hồi bấy giờ là LORD CHELMSFORD cũng đồng-ý với ông MONTAGU và cùng ký tên vào tờ báo-cáo ấy, khi ấy giữa tháng 7 năm 1918. Từ đấy chính-phủ Anh cứ xét đi xét lại mãi, không quyết-định cải-cách ra thế nào. Trong khi trì-hoãn như thế thì tình-thế ở Ấn-độ càng ngày càng nguy-kịch. Đến bấy giờ thì gấp quá rồi, không thể dùng-dằng được nữa. Nội-các LOYD GEORGE bèn kịp định ban cho Ấn-độ một bản hiến-pháp tuyên-bố ngày 23 tháng chạp năm 1918, hạn đến ngày mồng 3 tháng giêng năm 1921 thì bắt đầu thi-hành. Theo hiến-pháp ấy, thì quyền chính-trị ở Ấn-độ trên có quan Tổng-dốc thay mặt nhà vua, dưới có hai hội-nghị : một « Hội-nghị Lập-pháp » (*Conseil législatif*) có 144 người, trong số đó thì 103 người là dân bầu và 41 người là chính-phủ cử, và một « Hội-nghị Tham-chính » (*Conseil d'Etat*) 60 người thì 33 người

bầu và 27 người do quan Tổng-dốc bổ-nhiệm. Quyền bầu-cử định theo số đóng thuế đồng-niên, đại-khái được ước hơn hai triệu người có quyền bỏ vé đối với tổng-số dân 250 triệu. Còn các bang độc-lập, nghĩa là các xứ còn thuộc quyền quốc-vương cai-trị, thì đặt ở thủ-phủ Delhi một « Hội-nghị các quốc-vương » (*Chambre des Princes*), để làm cái cơ-quan cố-vấn cho quan Tổng-dốc. — Các hàng tỉnh thì mỗi tỉnh có một hội đại-biểu, chỉ có quyền bàn-bạc về các việc đã kê định sẵn, còn những việc khác thì do chính-phủ tài-quyết. Nhưng luật tài-chính thì tất phải do hội đại-biểu quyết-nghị mới được, như muốn đặt ra một thứ thuế mới nào phải có hội Đại-biểu bằng lòng mới được. — Lối chính-trị đó gọi là *dyarchie*, nghĩa là « bán-tự-trị », nửa thuộc về lối thuộc-địa bất-tự-trị (*colonies*), nửa thuộc lối thuộc-địa tự-trị (*dominions*). Trong ý ông MONTAGU và CHELMSFORD là hai người dự-thảo ra hiến-pháp ấy, thì cách cai-trị như thế là một cách tạm-thời mà thôi, để khiến cho người Ấn-độ học-tập cai chính đại-nghị, rồi dần dần sẽ mở rộng đường tự-do hơn. Trong lời sắc-lệnh của vua và lời diễn-thuyết của công-tước CONNAUGHT thay mặt vua khai hội-nghị mới ngày tháng 2 năm 1921 cũng nói rõ cái ý như thế. Sự cải-cách đó so với tình-trạng trước thì cũng đã là tiến-bộ lắm. Tuy chưa được là cải chính-sách tự-trị (tiếng Ấn-độ là *Swaradj*, dịch tiếng Anh *Sel/-Government*) như bọn tri-thức Ấn-độ sở-nguyện, nhưng cũng là một cái phương-tiện cho tới được cõi tự-trị. Hiến-pháp này giá ban ra hai năm trước thì thiên-hạ tất hoan-nghênh lắm; đến bấy giờ mới tuyên-bố ra thì dư-luận đã kích-thích quá đi rồi, không ai lấy làm bằng lòng nữa. Phải ôn-hòa cũng muốn thử thi-hành xem kết-quả thế nào, chắc cũng có lợi cho nước ít nhiều; nhưng

dâng quốc-dân, vừa về phần dân Ấn-độ, vừa về phần dân Hồi-giáo, đều nổi lên công-kích, gọi hiến-pháp mới là cái hiến-pháp giả để đánh lừa dân, rồi cử-động để chế cuộc tuyên-cử, từ chối không chịu vào các Hội-nghị mới, gây nên trong nước một cái phong-trào « bãi-công » về chính-trị. Ngoài cái phong-trào « bãi-công » về chính-trị đó, lại thêm cái phong-trào « bãi-khóa » ở học-đường và « bãi-công » ở các xưởng : con trẻ không đi học nữa, thợ-thuyền không đi làm nữa. Các nhà vận-động không những cử-động phản-đối chính-phủ Anh, lại cử-động phản-đối cả Tây-phương nữa, cho Tây-phương là áp-chế Đông-phương, đem những tư-tưởng mê-hoặc, những máy-móc oái-oăm, những hóa-vật vô-dụng mà phá-hoại mất cái nền văn-hóa thuần-túy của Đông-phương. — Giữa lúc cái phong-trào phản-đối kịch-liệt như thế thì chính-phủ Anh cử LORD READING sang làm tổng-đốc Ấn-độ, bấy giờ vào tháng 4 năm 1921. Ông hết sức điều-hòa cho dân-tâm yên di. Ông yêu-cầu với ông GANDHI và hai anh em họ ALI nên khuyên các đồ-dảng đừng bạo-động. Chính-phủ với các đảng quốc-dân có ước với nhau để giữ cho trật-tự được yên-ổn. Nhưng người Anh quá-quắc, thừa được lúc yên-ổn ấy lập mưu chia-rẽ các đảng phản-đối để đối-phó cho dễ. Đảng Hồi-giáo, đảng Ấn-độ-giáo, người Anh khéo xui-siễm cho hai bên lại ngờ lẫn nhau, thành ra cái khối đồng-tâm đã khó lòng mới gây dựng ra được, nay lại bắt đầu tan dần. Nhưng chính-phủ đã khéo mà lại vụng: thấy hai anh em họ ALI công-kích chính-phủ dữ quá, Tổng-đốc READING hạ lệnh tổng-giam hai người, ông GANDHI liền nổi lên kháng-nghị, trách Tổng-đốc là không giữ ước, nên tự mình cũng phá ước hòa-bình mà cử-tập cả các phái Ấn-độ cùng Hồi-giáo để quyết-chiến một

lần nữa. Ban trị-sự của Hội-nghị quốc-dân, rồi đến cả hội-nghị đều ủy-toàn-quyền cho ông GANDHI để chủ-trương sự phản-đối chính-phủ Anh và thi-hành cái chương-trình « bất-hiệp-tác » của ông. Bấy giờ là vào khoảng tháng 9 đến tháng chạp năm 1921. Lòng ác-cảm của người Ấn-độ tỏ ra một cách rõ-rệt giữa lúc hoàng-thái-tử Anh đi kinh-lược Ấn-độ : đi đến Bombay, dân xô-xao lên muốn nổi loạn ; đến các tỉnh khác thì cũng gọi là đi qua cho mau, vì đến đâu cũng thấy đường phố vắng tanh và người dân ra vẻ buồn rầu. Cuối năm 1921 thì họp Quốc-dân hội-nghị, họp Liên-đảng các Hồi-dân ở Ấn-độ và họp hội Ủy-viên vận-động về việc ngôi Giáo-hoàng đạo Hồi, bấy nhiêu hội-đảng đều quyết-nghị một lời như nhau cả : cuộc đồng-tâm vừa phải cái nguy giải-tán, nay lại được bền chặt hơn xưa. — Bấy giờ xem ra bọn cầm quyền Anh ở Ấn-độ hiền-rõ tình-thế hơn là Chính-phủ Luân-đôn. Thủ-tướng LLOYD GEORGE càng thi-hành cái chính-sách bài Thỏ thì phái Hồi-dân ở Ấn-độ lại càng tức-giận nước Anh lắm và càng hiệp-lực với phái Ấn-độ để phản-đối lại. Tổng-đốc READING viết một bức thư can-cấp để can-ngăn Thủ-tướng, mà Thủ-tướng không những không nghe, lại bãi-chức tổng-trưởng bộ Ấn-độ là ông MONTAGU, vì ông đã đem thư ấy công-bố ra. Lại có lệnh ở Luân-đôn truyền cho quan Tổng-đốc phải bắt ông GANDHI, Tổng-đốc thi-hành cái lệnh ấy chắc cũng lấy làm miễn-cưỡng. Cáo-trạng định tội ông GANDHI thì buộc cho ông tội xui-giục dân ác-cảm với Chính-phủ, và làm án ông cũng như ông TILAK là thầy ông khi xưa phải sáu năm tù, án tuyên-bổ ngày mồng 10 tháng 3 năm 1920. Ông GANDHI vẫn đã dự biết thế nào cũng phải bắt, nên trước khi bị bắt ông đã dặn kỹ các đồ-đệ đừng nên kháng

ngại òn-ào, cũng đừng nên bạc-dộng gì cả. Khi ông bị bắt, các đồ-dệ cũng theo như lời ông. Nhưng đảng quốc-dân mất mấy tay chủ-trương có thể-lực, là ông GANDHI và hai anh em họ ALI, thì cũng yếu sức đi, mà chủ-quyền cũng không được thống-nhất như trước nữa. Ông Das đứng lên kế chân làm lãnh-tụ, liền đòi phương-châm, không dùng cách « bất-hiệp-tác » nữa mà dùng cách hiệp-tác, nhưng hiệp-tác để ngăn-trở chính-phủ. Có phái thì vẫn trung-thành với chủ-nghĩa ông GANDHI, có phái thì công - nhiên ra tham-dự cuộc tuyên-cử năm 1923, và cử đại-biểu ra Hội-nghị Lập-pháp cùng các Hội-nghị hàng tỉnh. Chương-trình của hai bên thì vẫn là giống nhau, nghĩa là muốn đòi sửa đổi lại hiến-pháp, bãi bỏ cái chính-sách « ban-tự-trị » đi và yêu-cầu cho Ấn-độ được hoàn-toàn tự-trị ; nhưng mỗi bên muốn thi-hành cái chương-trình ấy theo một phươg-pháp riêng. — Sau ở bên Âu-châu ký điều-ước *Lausanne* để giải-quyết việc Thổ-nhĩ-kỳ, ở Ấn-độ thì Tổng-dốc READING quả quyết tuyên-bổ rằng chính-phủ Anh không có ý gì phản-đối đạo Hồi, nhân đó dân Hồi-giáo ở Ấn-độ cũng người dần cái lòng tức giận người Anh đi. Ở bên Anh thì nội-các LLOYD GEORGE bị đở, nội-các MAC DONALD lên thay, thủ-tướng mới là lãnh-tụ đảng xã-hội ở nước Anh, có chính-kiến rộng-rãi, cho nên người Ấn-độ có ý mong-mỏi nhiều lắm. Đầu năm 1924 ông GANDHI được tha, chính-phủ lại nghị-định thay đổi về quan-chế, mở rộng các ngạch quan-lại và ngạch quân-đội cho người Ấn-độ được tham-dự vào, việc đó cũng có ảnh-hưởng tốt trong dân-gian. Tổng-dốc READING lại can-thiệp để bệnh-vực cho các dân Ấn-độ kiều-cư ở Đông-Phi-châu, việc đó cũng được lòng dân. Thành ra nam 1925 tình-hình Ấn-độ được tạm yên-ôn hơn trước.

Giữa hồi ấy tác-giả đến Ấn-độ, cũng tìm đến tiếp chuyện với các nhân-vật trọng-yếu trong chính-giới.

Ông không được tiếp ông GANDHI, trong bốn tháng trời định gặp nhau mà cứ nhật mãi, khi người nọ đến tỉnh nọ thì người kia đi ra tỉnh khác, ông cũng lấy làm tiếc lắm. Nhưng ông GANDHI hồi bấy giờ mới ở tù ra, cũng không can-thiệp đến việc chính-trị lắm. Song tác-giả được tiếp ông Das là người kế chân ông GANDHI chủ-trương đảng quốc - dân ; ông Das vốn là thầy kiện, người nghiêm-khắc ra tay luật-gia, mà tự-hồ không có cái phong-thể một nhà chính-trị ; cả cuộc nói chuyện với ông Das có thể tóm lại một câu rằng : « Người Ấn-độ chúng tôi không có mong ở người ngoài để mà giúp cho tiến-hóa ; cái mầm tiến-hóa là ở tự chúng tôi, ở phong-tục chế-độ chúng tôi, ở cái tinh-thần Á-châu và cái quốc-túy Ấn-độ của chúng tôi. Âu-châu phải hiểu rằng Ấn-độ ngày nay sở-dĩ không tiến-hóa được, không phát-đạt được về đường chính-trị, xã-hội, tri-thức, luân-lý, cái trở-lực chỉ là ở người Anh chiếm mất cả chủ-quyền trong nước. »

Tác-giả lại gặp hai anh em ông ALI là lãnh-tụ đảng Hồi-giáo ở Ấn-độ. Chủ-nghĩa hai ông này cũng giống như chủ-nghĩa ông GANDHI, không những cho cái chính-sách của nước Anh là hại cho Ấn-độ, mà lại chò cả cái văn-hóa của Âu-tây là hại cho Á-châu nữa. Ông MOHAMMED ALI thì làm chủ hai cái báo ở *Delhi*, một cái tuần-báo bằng tiếng Anh và một cái tuần-báo bằng tiếng *urdu*. Ông phê-bình về văn-hóa Âu-tây có nói rằng : « Ngày nay có chữ tiến-bộ, tiến-hóa, thiên-hạ nói đến luôn mà không ai hiểu rõ nghĩa là gì. Tây-phương tự-cao là đã phát-minh chế-tạo được trăm nghìn thứ lạ : xe lửa, giầy thép, tàu bay, súng đạn. Ông tôi ngày xưa ở nhà chỉ có

cái quạt kéo, người nhà ngồi kéo ; tôi nay dùng máy quạt điện. Đã chắc hẳn nay hơn xưa chưa ? Tây-phương chế ra cái quạt máy, chớ có phát-mình ra được một cái đức-tính gì mới không ? Về phần hồn, thật người Tây không phát-mình được cái gì lạ. — Ông có biết sự tiến-bộ của người Tây là gì không ? Xin hãy thử so-sánh một điều như sau này. Về đời trận Thập-tự, dân Hồi-giáo và dân Gia-giáo hai bên quyết-chiến với nhau là vì một cái lý-tưởng, vì cái lòng tin-ngưỡng, bên nào cũng tin-tưởng rằng thắng được bên kia là cứu được linh-hồn cho công-chúng. Ngày nay sâu-sé nhau chỉ để tranh cướp lấy than mỏ, dầu hỏa, bông sợi. Thế mà cho là tiến-bộ hơn xưa sao?...»

— Đối với người Anh thì ông nói rằng ; « Đã lâu tôi đối với người Anh vẫn mơ-tưởng mà xét là m. Ông cũng biết rằng họ bỏ tù em tôi và tôi là vì chúng tôi đã khuyên dân Hồi-giáo không nên đánh nước Thổ-nhĩ-kỳ, vì vua Thổ là giáo-hoàng trong bần-đạo chúng tôi. Đó là cái nghĩa-vụ của chúng tôi phải thế ; chúng tôi cũng muốn giúp đồng-minh đánh Đức, nhưng không thể giúp nước Anh hại đạo Hồi được. Khi ở nhà tù ra thì tôi đau cũng nặng. Có người bày kế cho tôi trốn sang *Afghanistan*, tôi không thuận. Là nghĩ rằng mình từ trước đến nay đã học được người Anh nhiều điều lắm rồi ; tưởng nay đến lượt người Anh cũng có điều nên học ở mình. Bây giờ tôi mới tỉnh-ngộ mà biết rằng người Anh không chịu học gì cả, và họ đối với chúng tôi không đời thừa nào chịu đổi tình-ý, đổi phương-pháp của họ. Ấy cái khổ to nhất của Ấn-độ là ở đó. Sáu mươi năm nay, về thời ông tôi còn sống, thì dân Ấn-độ còn có sức mạnh, có thể trục-xuất người Anh đi được. Nhưng hồi bấy giờ chúng tôi hãy còn có lòng tin người Anh, là vì chưa được biết họ lắm. Ngày nay đã biết họ rồi thì thành ra hèn yếu không làm gì được.»

Tác-giả đã hỏi ý-kiến các nhà chính-

trị, nhưng còn ngờ rằng nhà chính-trị hay có bụng thiên, phán-đoán không được đích-đáng chăng. Ông bèn đến thăm mấy nhà thực-nghiệp, mấy nhà học-vấn, là những người đứng ở ngoài vòng chính-trị, không có những cái đức-tính, những cái thiên-kiến thường của nhà chính-trị. Các hạng này thì cách nghị-luận có vẻ bình-tĩnh hơn, nhưng xét kỹ lời phán-đoán cũng không khác gì các nhà chính-trị, nghĩa là cũng cho là hai cái tinh-thần cố-hữu của Đông-phương và Tây-phương là có trái-ngược và có xung-đột nhau, và cái tình-cảnh khốn-nạn ở Ấn-độ ngày nay chính là bởi sự trái-ngược ấy, sự xung-đột ấy mà ra. Các nhà ấy nói rằng : « Cớ sao lại cứ nói rằng văn-minh họ là hơn, văn-minh kia là kém ? Các ông chớ văn-minh các ông là hơn, xin cứ giữ lấy, nhưng đừng cưỡng bắt chúng tôi phải theo làm gì ; chúng tôi cũng cho văn-minh chúng tôi là hơn, xin để cho tự-do ». — Hoặc-giả bác rằng người Anh sang Ấn-độ, về đường vật-chất không phải là không có ích-lợi cho dân Ấn-độ, như đặt các đường-sá, cầu-cống cho tiện việc giao-thông, đặt các sở vệ-sinh, nhà bệnh-viện, để trị các bệnh-tật, sửa-sang việc canh-nông, việc kỹ-nghệ, việc hình-chính, việc trị-an, tưởng người dân cũng được ơn nhờ lắm chứ. Các nhà ấy trả lời rằng : « Chúng tôi vẫn thừa-nhận rằng trong sự kinh-lịch của Âu-tây có nhiều điều sở-trường hơn chúng tôi, thứ nhất là về cách tổ-chức chính-trị, chúng tôi sâu lòng theo đòi học-tập các ông lắm. Nhưng mà tự các ông sang làm điền-dào cả cái nền xã-hội kinh-tế của chúng tôi đi, thì cái đó chúng tôi không thể cho là một điều hay cho chúng tôi được. Phàm cưỡng-bách để mà giúp người ta thì sự giúp ấy không thể hay được. Tây-phương đã làm cho Ấn-độ được những gì ? Làm cho xứ Ấn-độ thành một xứ giàu, mà dân Ấn-độ thành một

dân nghèo. Họ bắt chúng tôi làm cho ruộng đất sinh-sản được nhiều hơn, nhưng phần hoa-lợi họ thật không hề cho chúng tôi được một tí gì. Lấy cớ là giúp cho tiến-hóa, mà thực là làm cho lay-chuyển cả cái cơ-sở thiên-nhiên của xã-hội cùng kinh-tế của chúng tôi. Dân làm ruộng, làm thợ, nay biến thành một lũ lao-động ở các công-xưởng. Các nơi thành-thị càng phát-đạt lên, thì chốn dân-thôn là cái nguồn sinh-hoạt của Ấn-độ cũng càng ngày hư-háo đi. Họ cưỡng bắt chúng tôi phải theo về cái chế-độ công-nghệ, nhưng phần lợi trong chế-độ ấy thì họ hưởng cả, mà phần tai-hại khổ-nhục thì chúng tôi phải chịu. Sự hoạt-động của người Âu-tây ở đất Ấn-độ này, cái lý-tưởng nó, cái mục-dịch nó, thật không có quan-hệ gì với nhân-đạo cả; thuần là thuộc về cái lòng trục-lợi cả. Người Anh không phải là cai-trị đất Ấn-độ, chỉ là rút lợi của Ấn-độ mà thôi.»

Ông NATARAJAN là một nhà xã-hội-học có tiếng ở Ấn-độ; ông không những là một tay học-vấn yêm-bác, lại là một nhà từ-thiện thường đem thân cống-hiến cho các việc công-ích trong xã-hội. Ông nói rằng : « Ông hỏi ý-kiến tôi, tôi xin cứ thành-thực mà nói : tôi xem ra Âu-châu ngày nay chỉ thấy đi ăn báo của Á-châu, của Phi-châu mà thôi. Không biết sau này người Âu-tây có biết khôn-ngoaan và rộng-rãi hơn mà sang để giúp đỡ cho chúng tôi, chứ không phải chỉ để rút lợi của chúng tôi mà thôi ? Tôi thật hết lòng mong-mỏi có ngày được như thế. — Muốn được như thế thì trước hết người Âu-châu phải dừng sâu-sé lẫn nhau nữa, phải ký ước bảo-hiểm cho nhau và đồng-tâm kiệt-lực với nhau. Nói thế không phải là bãi bỏ hẳn sự cạnh-tranh về kinh-tế trong các nước đâu, nhưng chỉ là phải qui-định sự cạnh-tranh ấy cho có điều-độ, cho không ra ngoài trường mậu-dịch công-thương

mà biến thành ra sự xâm-lược về chính-trị. Người Ấn-độ chúng tôi, tôi có thể nói là cả người Đông-phương chúng tôi, đều biết rằng chúng tôi được ơn nhờ Âu-châu nhiều. Nói riêng về Ấn-độ, chắc ngài cũng biết rằng thừa trước các rợ phương Bắc xuống xâm-lấn chúng tôi biết bao nhiêu lần, thật đã từng khổ-sở lắm lắm. Rồi đến các dân ở phía Tây tràn sang, thời thấy có lợi cho chúng tôi, chứ không có hại. Người Bồ-đào, người Pháp, người Anh, lần lượt nhau đến làm việc ở Ấn-độ; công việc của họ cũng có lợi cho chúng tôi ít nhiều. Nhất là sự giáo-dục của người Anh đã bồi-ich cho người Ấn-độ được nhiều : nhờ sự giáo-dục ấy mà người Ấn-độ đã được biết rõ về cõi-rê, về lịch-sử của nước mình, và nhận-chân được cái tinh-thần cố-hữu của mình. Cái đó là chúng tôi ơn nhờ được người Anh, không bao giờ quên. — Nhưng mà thế cũng chưa đủ; Tây-phương đã đi vào con đường ấy là đường hay, phải đi dần lên nữa mới được. Xưa kia đã có thời Âu-Á đối-đãi nhau rất mực bằng-đẳng; ngày nay phải khôi-phục lại cái tình-trạng bình-đẳng đó. Cứ xét lại cái công-nghiệp của đạo Cơ-đốc ở Âu-châu thì đủ biết. Âu-châu đời bấy giờ chia ra làm hai cái văn-minh, một là văn-minh Hi-lạp, hai là văn-minh La mã. Đạo Cơ-đốc đã điều-hòa dung-hóa được hai cái văn-minh ấy mà làm thành ra văn-minh Thái-Tây ngày nay. Ở Á-châu này cũng vậy, cũng có hai cái văn-minh đối nhau : phía tây là văn-minh Hồi-giáo, phía đông là văn-minh Ấn-độ, đã lan sang cả miền Viễn-đông. Âu-châu ngày nay mà lại điều-hòa được cả hai cái văn-minh đó nữa, thời sự-nghiệp này vĩ-dại biết dường nào. Kể ở Ấn-độ thì việc ấy cũng không lấy gì làm khó lắm, vì phần nhiều Hồi-dân khi xưa là dân Ấn-độ cải theo đạo Hồi, và hai cái văn-minh Hồi-

giáo và Ấn-độ đã từng hỗn-hợp với nhau một cách mật-thiết. Nói thế không phải là bảo Âu-châu nên cải-hóa cho dân Ấn-độ và dân Hồi-giáo cũng theo cả về đạo Thiên-chúa đấng, nhưng phải làm thế nào khiến cho hai bên biết khoan-dung với nhau và hợp-tác cùng nhau vậy. — Vì rằng chúng tôi đây đều hiểu biết rằng Âu-châu vốn có cái tài tổ-chức, thật đáng làm thầy dạy chính-trị cho thế-giới. Vả lại Âu-châu xưa đã học tôn-giáo, triết-lý và các nguyên-lý cách-trị của chúng tôi, nay dạy lại cho chúng tôi những cái kết-quả hay đã suy-diễn được ở đó ra, tưởng cũng là phải vậy.»

Tác-giả đã hỏi ý-kiến các hạng người tại đất ở Ấn - độ, bên kết-luận mà tự phán-đoán mấy lời như sau này.

« Tôi thí-nghiệm trong mấy tháng ở Ấn-độ, nay có thể cai-quát lại mấy câu sơ-lược như sau này, — Các nhân-vật ở xứ này có ba hạng : một bên là phái các nhà thần-học, triết-học, tu-tướng, thường quay nhìn về đời trước, không thêm đoái xét đến những hiện-tượng đời nay ; một bên là phái các nhà công-thương, nhà thực-hành, cũng biết kính-trọng đời trước, nhưng lại am-hiểu thời-thế bây giờ, biết rằng người Ấn-độ cũng cần phải cải-cách cho thích-hợp với cách sinh-hoạt đời nay ; giữa hai phái đó thời có phái chính-khách, chủ-nghĩa mập-mờ mà nghị-luận thời lại kịch-liệt lắm, hành-động thời chỉ biết khéo lựa thời, theo gió bẻ măng, không có định-chỉ, bài-bác công-kích các chế-độ hiện-hành thì tài giỏi lắm, nhưng chưa hề nghĩ định ra được phân-minh một cái chương-trình cải-tạo thế nào. Hạng trên thì cho văn-minh Tây-phương là một cái văn-minh ma - quái, và cái gì của Tây là nên bãi bỏ đi hết : trong cách nghị-luận của họ, đã khởi ra cái tiền - đề như thế, thì kết-luận cũng tất phải thế không sai

được. Hạng giữa thì đối với văn-minh Tây-phương cũng tỏ cách khinh-bĩ như thế, nhưng không hiểu căn-cứ ở lẽ gì, chẳng qua là lấy làm tài-liệu cho cuộc thảo-luận hàng ngày mà thôi. Như thế thì cũng không lấy gì làm chánh-dáng, và không phải là lời bàn có giá-trị vậy, Còn hạng dưới là những người muốn thực-hành cho có kết-quả. Biết rằng cách sinh-hoạt theo lối Đông - phương ngày nay không thích-hợp nữa rồi, không phải rằng có cho văn-minh Tây-phương là hay-họ tốt-đẹp gì lắm đâu, mà vị-tất họ đã phục gì văn-minh Tây-phương, nhưng mà họ xem Tây-phương có cái gì sở-trường thì họ bắt - chước lấy, và trong cái văn-hóa cổ Đông-phương có cái gì hay họ cũng cố bảo-tồn lấy, muốn giữ lấy cái tinh-thần cốt-cách của loài giống mình, giữ lấy phần hồn của mình cho hoàn-toàn, không để cho đến vì phong-trào mà suy-vi đi mất ; cái thái-độ của bọn đó có lẽ là chánh-dáng hơn cả, và cái cách hành-động của họ có thể hòa-hợp được hai thế-giới Đông-Tây, tuy vẫn là khác nhau, không thể nào lẫn lộn được, nhưng không đến nỗi tất - nhiên phải khinh - bĩ nhau mà sinh ra xung - đột chiến-đấu với nhau vậy.»

Nay các bậc chí-sĩ ở Ấn-độ không phải chỉ không-ngôn mà thôi, cũng có nhà chủ sự thực-hành, và cách thực-hành cũng có khi có ý-vị thâm-trầm lắm. Thí-dụ như hội *The Servants of India*, có thể dịch là « Ấn-độ Công-bộc hội ». Hội này cũng lạ, có cái tính-cách tôn-giáo như một hội tu-hành vậy. Lập tự năm 1905, người sáng-lập là nhà chí-sĩ GOKHALE, chính ông đặt ra qui-tắc trong hội. Hội có một hội-trưởng, mười lăm chánh-hội-viên, tám hội-viên dự-bị và một số ít những người phụ-trợ ở ngoài. Trước khi được lên chức chánh hội-viên thì phải qua một thời-kỳ dự-bị là năm năm. Khi thụ-chức, phải đọc bảy điều nguyện như sau này,

không khác gì nhà sư mới thụ-giới vậy: 1^o trong tư-tưởng lúc nào cũng phải nghĩ đến tổ-quốc trước nhất, và phải tự hứa đem thân cống hiến cho tổ-quốc; — 2^o trong khi phụng-sự tổ-quốc, không được mưu sự lợi-lộc cho mình; — 3^o phải coi hết - thấy người Ấn-độ như anh em một nhà, và phải hết sức giúp cho sự khai-hóa trong quốc-dân, không phân-biệt giai-cấp cùng tôn-giáo; — 4^o hội cấp lương cho bao nhiêu thì tiêu-dùng bấy nhiêu, người nào có gia-thất cũng vậy, không được đem tài-lực mà dùng để kiếm tiền riêng cho mình; — 5^o trong cách sinh-hoạt, phải lấy sự thanh-khiết làm đầu; — 6^o đối với người ngoài, phạm việc riêng không được tranh-gôn iran-h-luận với ai cả; — 7^o trong trí bao giờ cũng phải nhớ đến mục-dịch của hội, và mỗi người phải hết sức riêng mà chăm-chút công việc hội, khiến cho hội được mở-mang phát-đạt thêm ra; **hải cam-doan** không được làm điều gì trái với mục-dịch hội.

Hội tuy có cái tính-cách tôn-giáo như thế, nhưng không phải thuộc về một đạo riêng nào, người trong hội ai muốn theo đạo nào cũng được, ai muốn ở luôn trong hội cũng được, nhưng không có lệ bắt-buộc. Người nào ăn ở trong hội thì phải theo qui-tắc chung: như khi ăn cơm phải ăn cùng với nhau và ăn chay, v. v. . . Tuy-nhiên sự hoạt-động của hội là đối với ngoài phần nhiều. Chính hội không có hành-động gì mấy, nhưng mỗi hội-viên về phần riêng phải hành-động ra ngoài. Cái đặc-sắc của hội là như sau này: Mỗi hội-viên, tức là mỗi chân « công-bộc » của Ấn-độ, tự chọn lấy một cái phạm-vi, một cái địa-vị riêng, tùy theo tài-học, theo chức-nghiệp đã làm trước, theo sự kinh-lịch của mình từ trước khi vào hội mà thi-thố ra. Như người này thì chuyên về các vấn-đề giáo-dục, người kia chuyên về các vấn-đề luật-pháp; lại người nọ thì chủ xét về phạn-sư đản-

bà con gái trong xã-hội. — như ông hội-trưởng ngày nay là ông SRINIVASA SAS-TRI thời chuyên-chủ về vấn-đề xã-hội, và thân-phận bọn thợ-thuyền lao-động. Năm 1921 ông đã từng làm đại-biêu cho Ấn-độ ở Hội Vạn-quốc; ngày nay ông vẫn còn thay mặt cho Ấn-độ ở « Quốc-tế lao-động tổng-cục » ở Genève. — Người trong hội có thể sung các công-chức được. Hiện có nhiều người có chân hội-nghị Lập-pháp và các hội-nghị hàng tỉnh; có người nhận cả chức ủy-viên của chính-phủ để làm các việc chính-trị, việc xã-hội thuộc trong chương-trình của hội. Các hội-viên thường diễn-thuyết viết báo ở Bn-độ và ở ngoại-quốc. Nói tóm lại là phạm cách gì đạt được mục-dịch của hội cũng dùng hết. Hội có một cái tuần-báo để làm cơ-quan, gọi là « Ấn-độ Công-bộc báo ». Hội lại có một cái thư-viện to, có đủ các sách về triết-học, lịch-sử, kinh-tế, xã-hội, lại hết thấy các sách thuộc về Ấn-độ, về dân-tộc, phong-tục, tôn-giáo của Ấn-độ, đều sưu-tập được hết cả. — Ngoài các việc đó, hội lại còn chăm về đường từ-thiện nữa: phạm những việc vệ-sinh, cứu-tế, phát-chần, cứu-bần, hội có tham-dự vào hết, cả. Cái phong-trào hiệp-lực cộng-trợ (*mouvement coopératif*) ở Ấn-độ gần đây tấn-tới mau, cũng là nhờ ở hội chủ-trương vận-động nhiều.

Nay cái thái-độ của hội đối với chính-trị thế nào ?

Một ông hội-viên nói rằng: « Ông SASTRI là hội-trưởng chúng tôi ngày nay, cũng như ông GOKHALE là nhà sáng-lập, là thuộc về phái ôn-hòa. Phạm những sự bạo động của phái cực-doan chúng tôi không biểu-dồng-tình. Chính-phủ đối với hội chúng tôi vẫn có ý vì nể. Bọn cầm quyền thì cũng tùy lúc, khi thời có cảm-tình, khi lại có bụng nghĩ chúng tôi. Nhưng không có một đại-viên nào đi qua thành Poona này mà không vào thăm hội chúng tôi. »

Un lettré moderne

Distingué, c'est le premier mot qui vient à la pensée quand on songe à M. ABEL BONNARD ; et pendant longtemps, du moins à un examen superficiel, il n'a guère paru mériter d'autre éloge. Mais d'abord ce n'est pas rien que d'être distingué, lorsqu'on l'est, comme on dit, dans toute la force du terme, et tel est précisément le cas de M. ABEL BONNARD. La distinction, en effet, chez lui n'est pas seulement la marque caractéristique de l'esprit, elle s'étend à l'âme entière, à la conduite de sa carrière, au style de sa vie, d'où elle émane et se répand comme un charme subtil à travers son œuvre. . .

Il publia peu, il travailla beaucoup, et, sans s'astreindre à un ascétisme inhumain, sans mutiler aucunement les dons et les grâces de sa nature, sans prétendre anticiper sur les maturations du temps et, en suivant une image célèbre, aller droit au but comme une flèche sur la cible, il se donna pour tâche essentielle le perfectionnement de sa vie intérieure, l'approfondissement de son cœur, et par delà ces enrichissements subjectifs la conquête de la sagesse. Il est à peine besoin de souligner ce que l'aventure a de singulier, en un temps qui a tellement perdu le sens de la sagesse, et non pas seulement de sa beauté, mais de son utilité, ou pour mieux dire de son importance vitale, que son nom même en a pris quelque chose de dérisoire. Portée à ce point, la distinction n'est plus une qualité, elle est la quintessence exquise des vertus qui font l'honnête homme. Un honnête homme, passionnément attaché à restaurer en lui, et non pas seulement pour lui, les valeurs de l'antique, de l'éternelle sagesse, tel nous apparaît M. ABEL BONNARD.

RENÉ GILLOUIN

(Esquisses littéraires et morales)

Văn-sĩ đời nay

Ông ABEL BONNARD là người bác-nhã ; nói đến tên ông, tất nghĩ đến chữ bác-nhã, mà hướng-lai thiên-hạ, có lẽ xét chưa kỹ, muốn khen ông cũng chỉ khen bằng hai chữ đó mà thôi. Nhưng người bác-nhã không phải là người tầm-thường, người bác-nhã hoàn-toàn như ông lại không phải là người tầm-thường lắm nữa. Vì cái tinh bác-nhã của ông không những là một cái đặc-sắc về tri-tuệ, lại bao-quát cả tâm-hồn, cả sự-nghiệp, cả cái cách làm người của ông, và bàn-bạc trong sách-vở ông như một cái thanh-hương mát-mẻ vậy...

Ông xuất-bản không mấy, ông làm việc thật nhiều ; ông không phải là theo cái chủ-nghĩa khổ-hạnh chi, ông không phải là để cho tổn-hại-mất cái tài-bộ thiên-nhiên của mình, ông cũng không có vội-vàng, hấp-tấp, theo thói thường người ta cứ cắm đầu đi cho tới đích ; ông chỉ chăm-chút có một điều, là sửa mình, bồi-trí, luyện tâm, cho phúc-hồn được phong-phú thêm lên, mà cầu lấy cái đạo « khôn-ngoan » ở đời. Ở đời này mà lập chí như thế cũng là lạ, vì đời nay không biết cái nghĩa « khôn-ngoan » là gì nữa, không những không biết sự khôn-ngoan là hay, mà cũng không biết là lợi nữa, không biết là hệ-trọng cho nhân-sinh là đường nào, thậm-chí cái tiếng « khôn-ngoan » cũng sai-lạc ý-nghĩa đi mà thành như một sự tầm-thường vậy. Tinh bác-nhã mà đến được bậc đó thời không phải là một cái tinh-cách thường nữa, chính là phần tinh-tủy những đức-linh làm ra người quân-tử vậy. Ta xét ông ABEL BONNARD quả là một người quân-tử ham muốn khôi-phục lấy đạo khôn-ngoan ở mình (ở mình, chứ không những cho mình mà thôi), tức là đạo của cổ-nhân, mà cũng là đạo thiên-cổ vậy.

VIỆT-NAM LỊCH-SỬ NGŨ-NGÔN THI (1)

越南歷史五言詩

Cõi trống tiếng Nam Biên cờ văn Việt

III

THIÊN THỜ HAI MƯƠI

Lê bình Minh phục-quốc

Thiên-tâm muốn trị-bình,
 Giáng-sinh người dẹp loạn ;
 Vua Lê Thái-tổ ta,
 Thừa-thời ra khỏi-vận.
 Lam-sơn nơi phát-tích,
 Sinh ra đã khác thường ;
 Dáng giống dáng long hồ,
 Tiếng tựa tiếng chuông vàng.
 Gặp khi Minh quân-huyện,
 Triệu-dụng làm thổ-quan ;
 Từ chối mùi chung-đỉnh,
 Thương nỗi nước làm-than.
 Định mưu trừ cướp nước,
 Quyết chí yên giặc dân ;
 Không chịu tiếng nô-lệ,
 Những mong làm chủ-nhân.
 Đề danh thơm thiên-cổ,
 Khởi tiếng thối vạn-niên ;
 Ảnh-hưởng trên lịch-sử,
 Đến nay vẫn lưu-truyền.
 Nam-tử tu-mi nọ,
 Dem thân tôi tớ người ;
 Lắng nghe mà ngẫm-nghĩ,
 Xin chớ gác ngoài tai.
 Nay xem khi khởi-nghĩa,
 Khởi tự đỉnh non Lam ;
 Nhân-bình vang nước Bắc,
 Nghĩa-cử động trời Nam.

Kê lăm lúc phong-trần,
 Nắm gai và ném mật ;
 Thù chẳng đội chung trời,
 Thệ thu-hồi cõi đất.

Chiêu-dụ các hào-kiệt,
 Cùng quyết đánh quân Ngô ;
 Anh-hào đua nào-nức,
 Giúp giáp mọi mưu-mô.

Lưu Chú ra bày kế,
 Chứa nhọn và nuôi uy ;
 Lê Lai ra thế mệnh,
 Lý hiềm và lâm nguy.

Văn có Nguyễn-công Trãi,
 Từ-mệnh bậc tài cao ;
 Hịch truyền một mảnh giấy,
 Hạ được các thành-hào.

Vũ có Lê-công Khôi,
 Hùng-tài và nhanh-nhẹ ;
 Trong bụng muốn giáp-bình,
 Thu-phục các quận-huyện.

Trước kinh-lược Tây-dô,
 Sau bình-định Đông-dô ;
 Cởi giận cho dân Việt,
 Ăn mừng nuốt giặc Ngô.

Mã Kỳ đà mất mạng,
 Liễu Thăng phải thiệt mình ;
 Phụ, Bán cùng vía bạt,
 Thạnh, Phúc cũng hồn kinh.

* Vương Thông thế từng quá,
 Đưa thư xin cầu-hòa ;

Từ đây Nam với Bắc;
Cùng gác ngọn can - qua.

Hai bên không đối lũy,
Trăm họ được yên tường;
Sông lặn tấm kinh-ngạc,
Rừng vắng dấu sài-lang.

Sau khi Minh đã định,
Sợ Minh lại báo thù;
Bèn quyết lòng gần nghĩ,
Đề khỏi cách xa lo.

Bao nhiêu đồ giáp-binh,
Trước được nay hết trả;
Đường thủy tiến thuyền-bè,
Đường bộ tiến trọng-mã.

Minh-quan cùng phục bưng,
Minh-quân cũng phục tinh;
Danh tuy nghĩ vũ-dũng,
Thực cũng giống văn-minh.

Sau khi Trần đã mất,
Vẫn có ý phù Trần;
Bèn tìm dòng Trần-duệ,
Đề thỏa lòng quốc-dân.

Quyền lập phong Trần Cảo,
Gọi là dấng quốc-vương;
Cảo tự-tri vô-trạng,
Tự thoái dề xin nhường.

Tây-hướng nhượng ba thứ,
Nam-hướng nhượng hai lần;
Trên thuận theo thiên-mệnh,
Dưới hòa hợp nhân-dân.

Thuận-thiên niên-hiệu mới,
Từ đây mới cải-dề;
Nước non non nước cũ,
Từ rày mới thuộc Lê.

Phong Lam-sơn công-thần,
Đề bá-cáo quốc-trung;
Bỏ người vin cánh phượng,
Thỏa kẻ bám váy rồng.

Ban Bình-ngô-dại-cáo,
Đề công-bá thiên-hạ;
Bốn bề tiếng vang lừng,
Muôn dân đều hi-hạ.

Quan-danh vừa ngay-ngắn,
Quân-hiệu cũng rõ ràng;
Đổi thay tên phủ huyện,
Đồ-bản rất phân-minh.

Dựng gậy nhà học-hiệu,
Rộng mở các kho thư;
Tu mở kho quốc-luật,
Chế định phép triều - nghi.

Mười năm nền khai-sáng,
Sáu năm nếp trị-bình;
Vang cả trên bia miệng,
Sáng truyền trong sử xanh.

Thái-tôn lên nối nghiệp,
Mở rộng phép khoa-trường;
Dựng bia đề Liễu-sĩ,
Tư-vấn có chủ-trương.

Chín năm gìn-giữ phép,
Cũng lắm sự thi-vi;
Viên-di cùng mến đức,
Cường-thần cũng sợ uy.

Tuổi xanh hoang-túng quá,
Vườn xuân mãi-mết tình;
Nghìn vàng thân rất trọng,
Một sớm tự coi khinh.

Đông tuần đến Bắc-ninh,
Riêng cùng nàng Thị-Lộ;
Vui thú khoảng thâu đêm,
Đề danh ở thiên-cổ.

Nhân-tôn còn ít tuổi,
Chưa gánh nổi gian-nan;
Quyền trong về mẫu-hậu,
Chính ngoài phó bách-quan.

Mười năm hội đại-đồng,
Chính-sự tựa gương trong;
Cổ-lũy theo văn-đức,
Xiêm-thành phục võ-công.

Đến khi vừa cả lớn,
Lên ngự chốn ngôi trời;
Nghĩ-Dân lòng tàn-nhẫn,
Gươm giáo sắp những ngày.

Tiềm-muru đêm bắc thang,
Lén vào trong cung-khuyết;

Mẹ con đang giấc nồng,
Dám đang tay mà giết.

Tự mình chuyên tiếm-vị,
Vấn tướng thế là hay;
Dứt cả lòng lương-thiện,
Làm toàn sự ác cay.

Đình-thần xưng nghĩa-cử,
Chém bỏ chợ bên đông;
Đón rước Gia-vương dựng,
Tức là vua Thánh-tông.

Thánh-tông đáng thần-tiên,
Gia công học thánh-hiền;
Quốc-âm Đường-luật thạo,
Thiên-văn toán-pháp chuyên.

Đã giàu đường đạo-dức,
Lại nảy cách tài-hoa;
Văn-kiến nhiều điều rộng,
Thi-chương lắm lẽ già.

Ba năm mở một khoa,
Hiền-tài hết chuyên thu;
Tân-hưng đại-tị,
Hết theo nhà Thành-Chu.

Nhạc-âm rèn tập đủ,
Lễ-chế giảng cầu tinh;
Quan-danh và phục-sắc,
Bất-chước triều Đại-Minh.

Đánh Ai, Bồn, Chiêm-thành,
Đặt Quảng-nam, Trấn-ninh;
Đề-phong muôn dặm đất,
Hách-trạc tiếng uy-thanh.

Chế Quỳnh-uyền cứu-ca,
Soạn Thiên-nam du-hạ;
Nguyên-súy chủ tao-đàn,
Thái-bình vui xưng họa.

So cùng Thánh-tôn Lý,
Sánh với Thánh-tôn Trần;
Có hơn không chẳng kịp,
Thực là đáng thánh-quân.

Hiển-tôn lên nổi phép,
Trong nước mừng được yên;
Túc-tôn sinh xấu-số,
Tạ-vị chưa đầy niên.

Uy-mục-để nổi vị,
Tửu-sắc kẻ vô-ngân;
Tin dụng bề ngoại-thích,
Làm hại đảng từ-thân.

Sứ Minh lại yết-kiến,
Gọi là bậc quý-vương;
Giản-Tu đem binh đến,
Hồn ma tới suốt vàng.

Tương-Dực để thay nổi,
Càng bao-ngược dám-hoang;
Bác-tước 1 người Tôn-thất,
Xa-hoa chốn cung-trông.

Quốc-nhân đều chỉ-trích,
Đều gọi bậc chư-vương;
Duy-Sản đem binh đến,
Ngồi biếc đồ bồng-quang.

Chiêu-tôn lên nổi nghiệp,
Vận Lê gặp buổi suy;
Duy-Sản chuyên quyên-vị,
Đặng-Dong lộng phúc-uy.

Cung-hoàng lên nổi ngôi,
Thế Mạc ngày càng thịnh;
Thí-hậu và thí-quân,
Làm nhiều điều bạo-ngịch.

Ôi trời đã sinh Lê,
Có sao lại sinh Mạc;
Đề cho Mạc Đặng-Dong,
Tiếm vua và cướp nước.

Gian-hung làm rõ mặt,
Chẳng kiêng sợ chi mà;
Thăng-long truyền vị nước,
Nghĩ-duong dựng thế nhà.

Rõ người cho phú-qui,
Đề cầu lấy dài lâu;
Nịnh-thần cùng tới đến,
Trung-ngĩa ai thềm theo.

Tuấn Mâu tay giấu đá,
Văng ném vào thân-thê;
Vũ Duệ ôm hòm ấn,
Gieo mình xuống cửa bề.

Thái-Pạt nhờ vào mặt,
Mãng vào quân nghịch-thần;

Tuấn-Kiệt chổi vàng lụa,
Tuốt gươm chém sứ-thần.

Xứ-xứ nghĩa-binh khởi,
Động rau cả bốn bề ;
Lòng gian trông thế-sự,
Ngắm lại nghĩ mà ghê.

Dâng vàng và nộp đất,
Cầu phong nói dối Minh ;
Minh tham tiền của hậu,
Chẳng nghĩ chi ân-tình.

Đặng-Dong càng đặc-chí,
Lại truyền cho Đặng-Doanh.
Nào ai tận tâm-lực,
Phù Lê buổi đảo-khuynh.

May có Nguyễn Triệu-tồ,
Nguyễn vẫn chức Lê-thần ;
Lòng căm hàng ngụy-chúa,
Chí phù đấng chân-quân.

Tránh loạn sang Ai-lao,
Tập-luyện đồ binh-mã ;
Tôn Lê sắp những ngày,
Đề mong dền ơn cả.

Mới hay vận Lê bĩ,
Cảnh Lê đã héo rời ;
Ân trời mưa móc tới,
Cảnh lê lại mọc chồi.

Trang-tôn cùng gặp-gỡ,
Quân-thần cùng hợp mưu ;
Chia binh miền Thủy-đạn,
Mở cờ nước Ai - lao.

Lôi-dương vừa giáp trận,
Nghịch-thần đã phá tan ;
Nước non mừng chủ cũ,
Cây cỏ đón xe loan.

Thồ-hào ra ứng nghĩa,
Trâu rượu đề khao quân ;
Nhân-dân cùng nao-nức,
Cắt cỏ ngựa ông ăn.

Tây-đô quét sạch bụi,
Ngọn giáo thẳng trường-khu ;
Đông-đô hẹn ngày tới,
Một hai phục cơ-đồ.

Công-nghiệp làm gần trọn,
Phút thấy tướng-tinh mờ ;
Kẻ hiền là Trịnh Kiềm,
Nổi chức dự quân-cơ.
Sáu năm vàng nhật tổ,
Phút thấy bóng mây che ;
Trung-hung công-nghiệp đó,
Thanh-sử vẫn còn ghi.

Trung-tôn nhờ dư-uy,
Hào-kiệt hết qui-y ;
Mạc-chúa vừa trốn chạy,
Mạc-tướng hết theo về.

Lưu-tôn lên tức-vị,
Đương lúc buổi gian-nan ;
Mạc vào xâm Thanh-hóa,
Nguyễn ra trấn Hoành-son.

Trịnh Kiềm vì quân-quốc,
Đã mỗi sự cần-lao ;
Cối Tông thay nổi chức,
Anh em khởi binh-đào.

Tông khi nhân thắng-thế,
Cầm giữ mỗi triều-cương ;
Búa rìu Lê Cập-Đệ,
Sấm sét đất Lôi-dương.

Thế-tôn khi nổi mối,
Trịnh Tông phù lập Lê ;
Uy Trịnh vừa ra giúp,
Giặc Mạc từ đấy yên.

Tóm kể đời nhà Mạc,
Trước sau tranh tiếm ngôi ;
Năm vừa đầy sáu chục,
Đời tính được năm đời.

Cửa trước hở vừa lui,
Cổng sau lang mới tới ;
Mạc kia vừa giúp xong,
Trịnh này lại kể khởi.

Thế vua tự dây nhợc,
Quyền chúa tự dây cương ;
Lẽ riêng long-trọng quá,
Trọng tiến tước Bình-vương.

Kinh-tôn còn thơ trẻ,
Trịnh-thị càng gian già ;

Ngôi vương quen sẵn ngỗ,
Quyền chúa lại truyền nhà.

Thần-tôn vừa cải-nguyên,
Trịnh Tráng lại lộng-quyền ;
Nước nhà đương yên lặng,
Xin vua xuống chiếu truyền.

Chẳng qua dạ gian-khi,
Làm tổ mặt phúc-uy ;
Đề quyền chúa ngày thịnh,
Làm ngôi vua ngày suy.

Chân-tôn tuổi mười-ba,
Quyền chúa và ngôi cha ;
Bảy năm hưởng lịch-số,
Xem ra thực hững-hờ.

Thần-tôn là cụ-chúa,
Thay mặt ngôi tân-hoàng ;
Thờ-ơ cớ với kiện,
Chính-quyền nắm phó-vương.

Trịnh nhờ Minh mượn binh,
Phó-vương sắc ngày vinh ;
Chuyên tiếm còn chưa thỏa,
Phong tước cả con mình.

Kiên-cương ngày đổ nghiêng,
Nào ai ra phù-chính ;
Duy thần-thánh triều ta,
Tôn Lê mà giận Trịnh.

Sắc sai hầu Chiêu-thuận,
Sáu năm cùng giao-binh ;
Lũy dài trong Thuận-huế,
Còn đề dấu uy-linh,

Huyền - tôn buổi truân-chiến,
Trịnh Tộ lộng uy-quyền ;
Vào châu không cúi cổ,
Tấu bài chẳng xưng tên;

Đặt giường bên ngự-tọa,
Ngôi sánh với thiên-nhan ;
Chẳng qua là dạ nghịch,
Làm đề tổ lòng gian.

Đem binh hỏi tội Mạc,
Sao chẳng hỏi ngay mình ;
Phận tôi đâu được thế,
Phép vua lẽ phải hình.

Gia-tôn vừa nổi ngôi,
Trịnh Côn đã xưng tước ;
Thay đổi các văn-thần,
Hội bàn trong bí-các.

Giáng-gia quyền Trịnh-chúa,
Đề giám thế Lê-hoàng ;
Quyền-thần đã lộng-lây,
Ưu-binh cũng sinh-cường.

Hi-tôn lên thay anh,
Họ Trịnh giữ quyền-hành ;
Quan Thanh sang xâm-nhiều,
Dòng Mạc lại tung-hoành.

Nào ai có thiện-chính,
Bách-tính cùng âu-ca ;
Hỏi ra ai cũng nói,
Quan Tham ở Văn-hà.

Nào ai có ác-chính,
Bách-tính cùng sấu-bi ;
Hỏi ra ai cũng nói,
Quan Tham là Lê Hi.

Dụ-tôn nổi ngôi vua,
Trịnh Cương theo dòng chúa ;
Thi-trương nhiều phép mới,
Canh-cải hết phép cũ.

Lục-phiên đặt tư-nha,
Chuyên giữ đường tài-phú ;
Quan-viên trong các trấn,
Đều đặt đủ văn vũ.

Trấn-ti hơn hay kém,
Xét xem có sáu điều ;
Thăm-hình tra kiện cáo,
Đặt ở trước sân triều.

Mở ra khoa thi võ,
Hỏi về nghề kiếm cung ;
Tam trường cùng chung cả,
Cũng đề tên bảng rồng.

Đạc công-tur diên-thổ,
Xan-xẻ cho dân cùng ;
Lục-quân kén tứ-trấn,
Luyện-tập việc binh-nhung.

Tuần-hành đặt nông-quan,
Giữ-gìn các đê-lô ;

Đưa thư sang qua Tàu,
Đòi lại các quặng mỏ.

Dựng bia Đổ-chu-hà,
Phân-minh chôn cương-giới ;
Qui-mô sửa thái-bình,
Xem ra cũng có giới.

Nhưng xét lòng chuyên-tiến,
Cũng như Mạc với Hồ ;
Cồ-bi mưu lập-phủ,
Thanh-hóa định di-đô.

Đã ủng-lập Duy-Tường,
Lại cải-lập Duy-Phường ;
Thực dạ gian-hùng quá,
Làm cho loạn mối-đường.

Vĩnh-khánh vừa tức-vị,
Trịnh Giang đã vu-oan ;
Thần-tôn đặt lại bỏ,
Trịnh Giang thực làm cần.

Ý-tôn còn trẻ tuổi,
Trịnh Doanh càng già gian ;
Sửa chùa và xây động,
Bán tước với mua quan.

Ngựa xe giông-ruổi khắp,
Phủ khổ tiêu hóa nhiều ;
Vua chơi kẻ vô-độ,
Hoang-túng biết đường bao.

Phó-vương chưa thỏa chí,
Thượng-vương mới thích-tình ;
Thực là gian-quyết quá,
Giả tiếng sắc rồng Thanh.

Rời ra trời đánh trượt,
Vẫn nên người bạn-ly ;
Già, Cừ, Bồng, Tuyên, Tề,
Động cả trong bốn bề.

Trống còi vang đất gươm,
Cờ tán rợp trời ghê ;
Chẳng qua mưu diệt Trịnh,
Đề tỏ ý phủ Lê.

Hiền-tôn lên tức-vị,
Phù-lập bởi Trịnh Doanh ;
Nguyên đáng người long-
phượng,
Vốn thực giống thần-minh.

Tuy có đức khoan-hậu,
Gặp phải buổi truân-chiến ;
Loạn âm trong ba phủ,
Giặc động ngoài bốn bên.

Trịnh Xâm nổi sẵn lẽ,
Vũ-công càng sinh ghê ;
Cây thế hơn dòng Trịnh,
Vu-oan thiệt giống Lê.

Mũ dày rất đảo-diên,
Nào ai ra phủ-chính ;
Vạc cả vốn duy-trì,
Hoàng-triều tiên-liệt-thánh.

Giống thần vốn linh thiêng,
Nào ai cũng ngấp-nghe ;
Khởi động ở Quảng-nam,
Tây-sơn Nguyễn Quang-Huê.

Lê hoàng ngồi tựa bút,
Trịnh-chúa đối như ma ;
Ngoài đốc-chiến Nguyễn Huệ,
Trong cầu phong Minh-gia.

Đến khi tuổi đã già,
Khải, Tông, Cán tuôn trẻ ;
Ngôi chúa cùng tranh nhau,
Phủ-binh ngày đặc-chí.

Xét lại thừa cầu-phong,
Nào ai có lòng trung ;
Duy có Vũ Trần-Thiệu,
Vốn người xứ Hải-dông.

Ngoài mặt tuy vàng Trịnh,
Trong lòng vẫn vị Lê ;
Động-dinh rào-rạt sóng,
Lênh-đênh một chiếc bè.

Dưới có lòng nước biếc,
Trên có mặt trời trong ;
Biểu tiên giông đước sáng,
Chén thuốc tới dòng trong.

Những phường gian-đáng đó,
Nghe ra nghĩ thẹn-thùng.
Ấy ai chìm nổi đó,
Nghe ra chắc sợ-sùng ;

Nhủ khuyển người tồ-quốc,
Thuyền coa qua Động-dinh ;

Hương-hoa mà kỷ-niệm,
Kỷ-niệm bậc trung-trinh.

Xét đương buổi gian-nan,
Nào ai lăm mưu gian ;
Duy có Nguyễn Hữu-Chỉnh,
Là Hương-cống Nghệ-an.

Nhân gặp đương thời loạn,
Đem mình để hàng Tây ;
Cơ-quan các mưu-lược,
Hết đem để dải bày.

Dẫn-dục Tây-sơn lại,
Kéo thẳng tới kinh-huê ;
Giả danh trừ chúa Trịnh,
Nổi tiếng giúp vua Lê.

Xóm nam triều lại bắc,
Kinh-luân đổi mọi bề ;
Tiếng giúp nhà vua lại,
Thực đem nước nhà về.

Sau bị phải tan xác,
Kề thực kẻ không oan ;
Than ôi truyện dưng-hồ,
Người xưa nói cũng tin.

Chiêu-thống khi tức-vị,
Vận Lê sắp hết rồi ;
Giường vua đã quét đất,
Thế chúa hấn nghiêng trời.

Kẻ phù-lập Trịnh Lệ,
Người suy-tôn Trịnh Bồng ;
Tây-sơn theo lối đuổi,
Trịnh-thị chạy đường cùng.

Tóm kẻ đời nhà Trịnh,
Phi-đế và phi-bá ;
Quyền nghiêng cả quốc-quân,
Thế lãng cả thiên-hạ.

So cùng Mạc với Hồ,
Gian-ác có phần quá ;
Truyền ngôi được tám đời,
Tiêu-tướng sinh khởi-họa.

Tây-sơn thừa thắng-thế,
Lê-hoàng phải chạy xiêu ;
Thái-hậu và nguyên-tử,
Đang thư viện nước Tàu.

Người Tây đương thế được,
Quân Tàu cũng phải thua ;
Lê-hoàng phải bắc-hạnh,
Mưu-mô để tái-đồ.

Nghĩ thêm tim đỏ máu,
Lo rụng tóc xanh đầu ;
Cảnh Lê sương nắng chịu,
Trăm năm luống ầu-sầu.

Nhớ lại khi truân-kiên,
Trung-thần mới tỏ ra ;
Lòng trung treo nhật-nguyệt,
Nghĩa-khi động sơn-hà.

Hoàng Phùng khi mắng giặc,
Chiêu Tuấn-Tú cần-vương ;
Cần Quỳnh theo xe giá,
Văn-Quyên cầm dây cương.

Nam-nhân dà hiệu-lực,
Bắc-quốc cũng ân-cần ;
Kiền-long nhân mệnh tướng,
Sĩ-Nghị phụng hành quân.

Cứ xét như nhân-sự,
Xét ra thực hết rồi ;
Tiếc thay trời chẳng giúp,
Thành ra cũng luống công.

Nhớ lại khi bối-rối,
Đảng gian mới tỏ tường ;
Bia miệng lưu-truyền mãi,
Sử xanh chép rõ-ràng.

Tích Dương thực bạc tình,
Vào quyết-đoán đưa giáo ;
Cảnh Thiếc thực bất-nhân,
Cuớp đường mà giạt áo.

Vận suy suy bĩ quá,
Ngẫm nghĩ nghĩ buồn chưa ;
Sứ-thần Phúc-Khang-An,
Lập-tâm để đánh lừa.

Cứ xem như nhân-tâm,
Đã trở lia như thế ;
Suy ra xem thiên-mệnh,
Chắc không ở nữa nhĩ.

Tóm kẻ đời nhà Lê,
Ba trăm sáu mươi năm ;

Công-đức bình Minh-khẩu,
Danh-tướng đã vang-lừng.

Kể về khi sơ-chính,
Dáng tựa mặt trời lên;
Văn-đức vang nghìn thừa,
Vũ-công dậy bốn bên.

Kể về khi trung-hưng,
Dáng giống nhà Đông Chu;
Chân vạc chia ba chúa,
Ngai rồng đội một vua.

Kể về khi mặt-vạn,
Giống Hán buổi suy-đời;
Sợ tơ co chín vạc,
Trung nghĩa xiết bao người.

Tốt thay vận Hòa-đạo,
Chung đức nhiều vượng-khí;
Trường-trị vượt Đinh Lê,
Cứu-an hơn Trần Lý.

Ghi lại học lý-số,
Lý-học có ông Trình;
Chu-dịch đã đọc thuộc,
Thái-ất rất chuyên tinh.

Biết suốt việc kim-cổ,
Quán cả lẽ thiên-nhân;
Sấm-văn ghi ký để,
Nghiệm ra cũng rất thần.

Ghi lại học y-khoa,
Y-học có ông Lãn;
Nói nối gót Kỳ Hoàng,
Chen theo chân Lư Biễn.

Suy xét các bệnh-nguyên,
Tích-thông các khí-mạnh;
Lãn-ông y-học bộ,
Xem ra kể cũng thánh.

Lại còn nhiều sự lạ,
Xem ra thú lạ dường;
Khắc Khoan tài sứ-mệnh,
Sang Minh cải nợ vàng.

Tài thơ Giáp Công-Hải,
Đôi nước tiếng khôi-nguyên;
Nhân-chính Từ-công Thức,
Muôn thừa kiếp tu-tiên.

Văn-tài Đoàn Thị-Điễm,
Trăm đời tiếng tài-hoa;
Tiết-nghĩa Nguyễn Thị-Kim,
Nghìn thu tiếng Ti-bà.

Đó là ghi đại-lược,
Kể còn lắm truyện hay;
Tuyển-kỳ ghi chẳng hết,
Trích-quái chép còn đầy.

Khuyên người xem tiểu-truyện,
Nên xem cho tinh-tường;
Sử Lê đầy cả trước,
Soi đây để làm gương.

THIÊN THỨ HAI MƯƠI MỐT Tây-sơn tam phân quốc-thổ

Cây Lê bóng nhật tà,
Cung Đoài ánh sao mọc;
Nguyễn Nhạc ứng điềm ra,
Nguyễn là người bất-học.

Trời giáng điềm hoàng-long,
Đất ghi kiểu đại-tượng;
Nguyễn trước làm biện-binh,
Nổi sau làm tặc-trương.

Rồi sau sợ thanh-thế,
Mã kiểm hiển vua Lê;
Chúa Trịnh ra phong trước,
Ban ân để võ-vê.

Tự dấy càn đắc-chí,
Thanh-thế lại tung-hoành;
Em là Huệ là Lữ,
Có trí và tài nhanh.

Từ dấy càn thừa-thế,
Dưỡng-uy và sức-nhuệ;
Lại được Nguyễn Hữu-Chỉnh,
Cơ-mưu khéo bày vẽ.

Mượn tiếng phủ vua Lê,
Ra uy trừ chúa Trịnh;
Khi ra bắc tiểu-binh,
Lúc vào nam phủ-định.

Tự xưng mình hoàng-đế,
Đóng ở giữa trung-trong;
Tuyên quan và thi-sĩ,
Sửa sang các mối giương.

Phong Huệ Bắc-bình-vương,
Mặt Bắc giao kinh-lý ;
Phong Lữ Đông-định-vương,
Mặt Nam giao quân-trị.

Một nhà kiêm một nước,
Ba xứ đặt ba vua ;
Non tây mùi sực-nức,
Hoa nụ rất thom tho.

Phông trong luật gia-pháp,
Mà ngoài định quốc-vương ;
Đề phòng khi thế biến,
Nào ai dám khinh thường.

Tiểu thay trong một sớm,
Anh em cùng huých-tường ;
Đông tây chia môn-hộ,
Nam bắc cắt phong-cương.

Nguyễn Huệ cũng xưng-đế,
Ký-hiệu là Quang-trung ;
Tiếng là người phùng vũ,
Tâm-sự thực anh-hùng.

Cùng anh là Nguyễn Nhạc,
Đôi dũ lại làm lãnh ;
Cùng em là Nguyễn Lữ,
Hòa-thuận chẳng cùng tranh.

Văn dùng Nguyễn Hữu-Chỉnh,
Vũ dùng Vũ Văn-Nhâm ;
Vó ký mưu ra Bắc,
Cánh bằng định vượt Nam.

Non Tây cờ diệt Trịnh,
Sông Bắc trống phù Lê ;
Trịnh-chúa nghe kinh khiếp,
Lê-hoàng cũng trọng ghê.

Mặt bắc phá quân Thanh,
Mạn nam kinh chúa Nguyễn ;
Thanh-bình cũng phải lùi,
Nguyễn-quân không dám tiến.

Lại khéo việc bang-giao,
Sang Thanh dễ tiến cống ;
Sứ Nam thịnh nghi-dong,
Vua Tàu cũng long-trọng.

Lại tài nghề thủy-chiến,
Danh tiếng cũng vang ầm ;

Thuyền nam đem đánh nổi,
Tàu tây cũng phải chìm.
Đến khi tuổi đã già,
Chẳng kém gì đương trẻ ;
Súc-tích lắm binh-lương,
Tập-luyện nhiều tượng-mã.

Muốn đánh sang Chi-na,
Khôi-phục lại I-ông-Quảng ;
Trông-lược động châu Long,
Quân-thanh vang quận Tượng.

Tiểu thay chí chưa thỏa,
Ngán nỗi việc chưa xong ;
Sông cùng và nước cạn,
Trời hăm kẻ anh-hùng.

Với Triều tuy có tội,
Đổi nước há không công ;
Giá phải trời thêm tuổi,
Anh-hùng nhất Á-Đông.
Quang-Toản dòng ấu-chúa,
Đắc-Tuyên bậc lão-thần ;
Liên thuộc cùng công-kích,
Nào ai kẻ cấm ngăn.

Thiệu, Thù phùng đồng-ấu,
Lân, Thấp bọn si-nhi ;
Kẻ xưa oai rất thịnh,
Tự đó thế dần suy.

Đức Thánh-tổ Cao-hoàng,
Mời ra tay kinh-lược ;
Non Tây bóng sao mờ,
Trời lại tỏ ánh sáng.

Tóm kẻ chúa Tây-sơn,
Ta đời mười-bảy năm,
Tiếng lừng ngoài nước Đê,
Danh vang trong nước Nam.

Đó chính thực là vua,
Không nên bảo là giặc ;
Nhạc Huệ phỏng tái-sinh,
Thét lên ai địch được ?

THIÊN THỨ HAI MƯƠI HAI
Hoàng Nguyễn nhất-thống
tam-kỳ

Chấn-cung vàng nhật tổ,
Đoài-khuyết bóng sao mờ ;

Đức Cao-hoàng triều Nguyễn,
Ưng điềm sáng-nghiệp ra.

Oai hồ giống dòng cha,
Huyết rồng nhờ đất tổ ;
Tồ-tích giúp Lê-hoàng,
Tông-chi kinh Trịnh-chúa.

Kể từ cụ Triệu-tổ,
Cho đến ông Duệ-tôn ;
Mười-hai đời truyền nối,
Hai trăm năm có hơn.

Danh tuy là Nguyễn-chúa,
Thực vốn vẫn Lê-thần ;
Hoành-sơn một dải thẳng,
Vạn-đại dễ dung-thân.

Cao-hoàng lên nối mối,
Gặp đương buổi gian-nan ;
Giận chưa nguôi Trịnh-chúa,
Tức lại gặp Tây-sơn.

Khởi binh từ Thuận-hóa,
Kéo ra Nam Bắc-kỳ ;
Gọi mưa và chải gió,
Lắm lúc thực gian-nguy.

Đào Duy-Từ Ngọc-sơn,
Tán-trợ việc binh-nhung ;
Liệu giặc thiết kỳ-kế,
Tài chẳng kém Nhân-long.

Nguyễn Hữu-Tiến Tống-sơn,
Trù-hoạch việc quân-vụ ;
Lâm trận lắm kỳ-mưu,
Người hô làm hắc-hồ.

Tiền-quân Nguyễn Văn-Thành,
Tả-quân Lê Văn-Duyệt ;
Kể bày cách văn-mô,
Người giúp đường võ-liệt.

Này tiếng dùng nghiên bút,
Nọ sức tập cung-dao ;
Dụng lực tuy rằng khác,
Tâm-sự cũng cùng nhau.

Cổ-đạo Bá da-lộc,
Mĩ-hiệu là Đa-răng ;
Nguyên từ bên Pháp lại,
Giúp hộ lắm tài-năng.

Vi-e là Văn-Thắng,
Đa-dốt là Văn-Chấn ;
Cũng từ bên Pháp lại,
Tông-chinh đều phán-tấn.

Quang-vê ba-da-chê,
Xe-nhỏ vi-ni-ê ;
Mua giúp đồ súng đạn,
Vận chở máy tàu bè.

Người trắng khác màu da,
Niềm son cùng một dạ ;
Tự ấy người Tây-Âu,
Men dần sang Nam-Á.

Thanh-thế đức Cao-hoàng,
Tự đó càng nổi vang ;
Ba quân lòng khảng-khái,
Sáu ngựa chí phi-dương.

Ngon cờ chỉ Nam-hà,
Bắt được Nguyễn Văn-Lâm ;
Và mọi Tây-sơn trông,
Trừ tan phép dữ Tần.

Tiếng trống ra Bắc-hà,
Bắt được Nguyễn Quang-Toán ;
Và các Tây-sơn thần,
Ban ra điều-trớc Hán,

Tây-bắc cùng núi rừng,
Đông-nam cực dương biển ;
Non nước nước non nhà,
Từ đây mới thuộc Nguyễn.

Nói về việc nội-trị,
Qui-mô cũng hoẵng-viến ;
Kỷ-nguyên là Gia-long,
Hiệu nước là Nam-Việt.

Kinh-đô đóng Thuận-huế,
Tức là chốn trung-trương ;
Hoàng-đế là tôn-chủ,
Sửa-sang các mối giương.

Kinh-lý Nam Bắc-kỳ,
Gọi là thành Nam Bắc ;
Đặt bỏ văn-vũ quan,
Chia giữ việc quan-chức.

Mở khoa cầu người hiền,
Dụng miếu thờ tiên-thánh ;

Sùng-tự phái vua Lê,
Truy-phong dòng chúa Trịnh,

Chiếu cầu sách di-thư,
Châm-chước điều luật-lệ ;
Tu sửa sở dinh-diền,
Sau định gạch tô-thuế.

Mở thông đường giang-hà,
Đắp xây cửa hải-tân ;
Khai-thái mỏ sơn-lâm,
Ghi chép nơi phong-vật.

Tuyển binh giữ quan-ải,
Súc dân đắp đê đường ;
Chân-cấp dân cơ-khở,
Ăn-thích nước hung-hoang.

Chú-tạo cuộc ngân-tiền,
Bao-tướng người tiết-nghĩa ;
Quyên xá kẻ bỏ-đào,
Khai-khẩn nơi hoang-phế.

Phàm muôn việc tề-chính,
Nhất-thiết đều cải-ách ;
Phàm trợn sự công-ích,
Nhất-luật đem thi hành.

Nói về việc ngoại-giao,
Xét xem sự giao-hiểu ;
Giao với nước lớn nhỏ,
Thực cũng là hữu-đạo.

Một là phương-diện bắc,
Giao-tiếp với Đại-lhanh ;
Kim-ngân vừa đem cống,
Ngọc ấn đã bao vinh.

Hai là phương-diện nam,
Giao-thiếp với Cao-miền ;
Mệnh quan sang bảo hộ,
Phong vua đề chiêu-yên.

Ba giao với Vạn-tượng,
Cống-vật có thành qui ;
Bốn giao với Nam-chương,
Xử-trí cũng dắc-nghi.

Năm là phương-diện nam,
Giao-thiếp với Xiêm-la ;
Trao đưa đồ ngọc-bạch,
Gác sắp ngọn can-qua.

Sáu là phương-diện tây,
Giao-thiếp-với người Pháp ;
Bao nhiêu người có công,
Trọng-dụng và hậu-đáp.

Danh tiếng vang năm cõi,
Hùng-oai dậy tứ-lân ;
Kẻ khen người trí-giả,
Người trọng bạc nhân-nhân.

Hai-nhăm năm kinh-doanh,
Mười tám năm tu-lý ;
Công chẳng kém Đinh Lê,
Đức cũng ngang Trần Lý.

Thánh-tổ lên nối ngôi,
Kỷ-nguyên là Minh-mệnh ;
Đương vận-hội thái-bình,
Ưu-cần mọi việc chính.

Không đặt quan Tề-tướng,
Không thi khoa trạng nguyên ;
Không lập ngôi hoàng-hậu,
Không dùng chức hoan-quan.

Hoàng-thần và đế-thích,
Không được dự quyền-chính ;
Văn-thần và vũ-trương,
Đều phục theo mệnh định.

Văn-giáo lừng Mán Thổ ;
Vũ-oai dậy Xiêm Lào ;
Thần-công cùng thánh-đức,
Rực-rỡ kẻ đường bao.

Tiểu thay chỉ hưng-trung,
Mà lại hay bài ngoại ;
Người Pháp có công xưa,
Hết ra lòng bạc-đãi.

Đòi công hoàn bạc trả,
Mua hàng tra tiền đen ;
Thống-dả bọn giáo-sĩ,
Ưc-chế đám thông-thuyền.

Thông-thư dùng Hán-tự,
Không phiên-dịch Pháp-văn ;
Nghiêm cấm Gia-tô-đạo,
Phản sáp từng giáo-nhân.

Người Pháp từng tu-oản,
Muốn gây việc can-qua ;

Sửa-sang đồ chiến-cụ,
Nhưng vì chưa phát ra.

Hay đầu trong một sớm,
Rồng bay tới đỉnh-hồ;
Rồi sau sinh lâm việc,
Nạn nước nghĩ mà lo.

Hiển-tò lên nối ngôi,
Tức là vua Thiệu-trị;
Nhân cảnh-tượng thái-hòa,
Nối giữ phép cương-kỷ.

Nhờ Thanh sách-phong-vương,
Cồn-ba thêm vinh-dự;
Tôn lễ quan đại-thần,
Bàn-bạc mọi chính-sự.

Kính-thiên và pháp-tổ,
Cần-chính cùng ái-dân;
Bốn bài châm trước-tác,
Thực đáng đức nhân-quản.

Văn-đức khéo sửa-sang,
Vũ-công cũng chỉnh-sức;
Xiêm Lạp đều sợ uy,
Thị-sá cùng mến đức.

Tiệc thay theo dấu trước,
Lại ngược-dãi người ngoài;
Bọn giáo đều cấm giặc,
Khách buôn cũng ngấm-ngùi.

Đời vua Minh-mệnh xưa,
Người Pháp đã sinh tức;
Đời vua Thiệu-trị nay,
Người Pháp nghĩ càng bức.

Nào là đưa văn-thư,
Sai người sang để trách;
Nào là chở chiến-thuyền,
Đem binh sang để đánh.

Hai nước mới giao-binh,
Trên bề rất tung-hoành;
Mới hay đồ nhụt-chậm,
Địch sao được tinh-nhanh.

Tàu Tây vừa mới nổi,
Thuyền Nam đã phải chìm;
Súng Tây bắn vang dậy,
Súng Nam bắn im-im.

Tây-tướng vui mừng được,
Nam-hoàng tức giận thua;
Lại ngược-dãi Tây-thương,
Cùng cấm-cố giao-dồ.

Hay đầu trong giây phút,
Xe hạc tới vân-cung;
Sau này sinh lâm việc,
Thế cũng rồi bồng-bong.

Dực-tôn lên nối ngôi,
Kỷ-nguyên là Tự-đức;
Bẩm-chất rất thông-minh,
Lại thêm tài học-lực.

Đạo-quang mệnh khiến-lao,
Sùng-quang lại tích-phong;
Trương Đăng-Quế phục-chính,
Sơ-chính tựa gương trong.

Cổ-dộng về sĩ-khải,
Chấn-chỉnh thời dân-phong;
Bao-thưởng người tiết-nghĩa,
Tinh-thưởng kẻ tinh-trung

Sùng-tín nghề nho-học,
Trọng-dụng bậc nho-hân;
Tru-thuật nhiều thi-tịch,
Soạn kê lắm thư-văn.

Ngự-chế Việt-sử-giám,
Xuất-ngôn tựa đá vàng;
Ngự-chế Việt-sử-vịnh,
Hiệp vận đáng cung-thương.

Hồi loạn nhâm-tuất lên,
Khéo kén dùng vũ-trương;
Một tiếng trống nổi vang,
Ba quân cờ thét vàng.

Đẹp giặc Cai Vàng Bắc,
Phá quân Ngô Côn Thanh;
Bình giặc trên Thái Lạng,
Yên cướp bề Hải-ninh.

Vũ-công đương vang-lừng,
Văn-đức càng tỏ-rõ;
Xét trong sử quốc-triều,
Thực là vua hiểm-có.

Kề khi vừa tức-vị,
Có ý yêu người xa;

Rời ra theo dấu trước,
Lại ngược-dãi giáo-gia,
Y-pha-nho cũng tức.
Với Pháp kéo binh sang ;
Thả lửa ăn Đông-thồ,
Dắt ngựa uống Nam-dương.

Trước đến xứ Nam-kỳ,
Tàu chiến phá Hải-quan ;
Đông tây nguyên sáu tỉnh,
Sau trước mất hai phen.

Miếng đất như hòn ngọc,
Mất rồi ai tiếc thương ;
Duy có một danh tướng,
Là cụ Nguyễn Tri-Phương.

Vì nước cố lòng thay,
Ra tay tranh chọi mãi ;
Rời ra kiệt tinh-thần,
Một mình khôn kéo lại.

Danh-nhân từ đó vắng,
Cõi đất thuộc về Tây ;
Ấy ai hưởng ngon ngọt,
Mình lấy nghĩ đắng cay.

Thừ đến xứ Bắc-kỳ,
Tàu buôn mượn đường đi ;
Sinh sự trong một tháng,
Liên phá các thành-trị.

Miếng đất như hạt châu,
Bỏ rồi ai yêu-giấu ;
Duy có một văn-quan,
Mĩ-hiệu là Hoàng Diệu.

Vì vua hết sức thay,
Ra tay dễ cố-thủ ;
Rời ra kiệt tâm-thần,
Treo mình trên cổ-thụ.
Danh-nhân đã vắng rồi,
Người Tây nhận bảo-hộ ;
Ấy ai hưởng thú-vui,
Mình lấy nghĩ sâu-khổ.

Sau đến xứ Trung-kỳ,
Bắn phá cửa Thuận-yên ;
Tứ-Quảng trống nổi động,
Tam-tài cờ kéo lên.

Miếng đất như âu vàng,
Sứt rồi ai khóc thầm ;
Duy có hai chú cháu,
Nguyễn Duy và Nguyễn Lâm.

Vì vua lại vì nước,
Ra tay dễ giữ-gìn ;
Rời ra kiệt tinh-lực,
Liều thân trước trận-tiền.

Vua cũng ưu-cần quá,
Sớm nặc và trưa-ăn ;
Mặt trong tu chiến-cục,
Mặt ngoài ước cầu-thần.

Lại việc quân Cờ đen,
Ra chống người mũ trắng ;
Mũ trắng mới giao-binh,
Cờ đen bị đuổi thẳng.

Mã-nhung dương động địa,
Long-giá đã triều thiên ;
Râu rồng vin chẳng kịp,
Quần-thần lưỡng thờ-thần.

Hiệp-hòa được ba ngày,
Kiến-phúc vừa tám tháng ;
Triều-chính rối như tơ,
Bách-quan đều chênh-máng.

Người Tây lại đánh tràn,
Quần Tàu phải thua đồn ;
Việt Thanh ký giấy hòa,
Nhận Pháp làm bảo-hộ.

Rời lại lập Hàm-nghi,
Nổi lại dựng Đồng-khánh ;
Chủ-chiến và chủ-hòa,
Bời-bời không nhất-dịnh.

Hỏi ai chủ cuộc chiến,
Tức là Tôn-Thất-Thuyết ;
Chiến cùng mới chạy ra,
Loan-dư phải siêu giạt.

Tiếng động cả Nam Bắc,
Nghĩa-doàn cùng nổi theo ;
Cổ cây cây cỏ cũ,
Thành ra phải nát nhèo.

Hỏi ai chủ cuộc hòa,
Tức là Nguyễn Văn-Tường ;

Cuộc hòa vừa đình ước,
 Long-giá đã trương-hoàng.
 Phủ-dụ khắp trong ngoài,
 Nhân-dân đều yên nghiệp

Non nước ở đời xưa,
 Lại nảy mầm xinh đẹp.

NGUYỄN THẾ-XƯƠNG

KHẢO VỀ LỐI VĂN NGŨ - NGÔN Ở CÁC NƯỚC

Văn ngũ-ngôn với những văn tiểu-thuyết, truyền-kỳ, hài-văn, kịch-bản, đều thuộc về lối văn bịa đặt cả, cho nên tiếng Pháp *fable* là ngũ-ngôn, mà tiểu-thuyết, truyền-kỳ cùng những tin ngoa-truyền cũng là *fable* cả.

Các thứ văn tiểu - thuyết, truyền-kỳ, hài-văn tuy là bịa đặt, song bịa đặt một cách còn giấu-giếm không chịu là bịa đặt, có khi như là việc có thực cũng được, đến như văn ngũ ngôn thì lại có g-nhiên nhận là bịa đặt, bịa đặt một cách sờ-sờ ra, có khi con vật hay cái đồ vật mà cũng biết nói bao giờ.

Cứ lấy cái thiên-kiến của những kẻ hay câu-nệ thì tất cho ngũ-ngôn là một lối văn không chính-dáng, không phải là cái bút-pháp tin-thực của nhà văn, cho nên ở Đông-phương ngày xưa thì có bài «chiến-cổ 戰古» giấu ở g Mạnh-tử, trích ngay hai truyện ngũ - ngôn của ông mà đặt làm hai câu thơ rằng : « 乞丐焉能有二妻。鄰人安得許多雞。Thằng ăn mày sao có hai vợ, hàng xóm lấy đâu được lắm gà ? » Ở Tây-phương thì ông ROUSSEAU trích ngay bài thơ ngũ-ngôn « *Le Corbeau et Le Renard*, con quạ với con cáo » mà phê bác từng chữ rằng : « Cáo mà biết nói ư? . . . Quạ mà gọi bằng ông ư? ... »

Cứ kể những chỗ mà người ta đã bác đi đó không phải là không có lý, nhưng mà xem các văn-học-sử của cổ-kim đông-tây thì lại thấy lối văn ngũ-ngôn này có đã rất cổ, mà đời nào cũng thịnh-hành, từ nhà lập thuyết, nhà du - thuyết, nhà giáo-duc, nhà chính-trị, đến nhà tôn-giáo, đều lấy lối văn ngũ-ngôn làm một lối văn khuyên-răn cho người ta được thông hiểu ; ngay từ khi hai dân-tộc Âu-Á chưa mặt-tiếp nhau, chưa đọc lẫn sách-vở của nhau thì lối văn ấy ở đâu cũng đã có đủ tinh-thần thể-tài mà cũng giống nhau như hệt rồi, thì biết cổ-nhân đều tự có sở-kiến chứ không phải là sự ngẫu-nhiên đâu.

Ông Mạnh-tử là một nhà đại-giáo-duc có nói rằng : « Day cũng có nhiều mẹo ». Làm sao mà day lại phải có nhiều mẹo, là vì tri-thức người ta có cao hạ khác nhau, nên cách day cũng phải có thiên thâm tùy từng bậc. Trường học, kinh sử, đạo-lý là chính-phép, là con đường ngay, là cách trực-tiếp của sự giáo-duc, mà nhà hát, bức họa, bài tiểu-thuyết có nghĩa chính-dáng thì là mẹo, là con đường tắt, là cách gián-tiếp về sự giáo-duc cả đó, biết như thế thì biết cái dụng-ý về lối văn ngũ-ngôn của cổ-nhân vậy.

Học trò ông Mạnh-tử là Công-đô-tử hỏi ông rằng : « Người ngoài ai cũng bảo thầy là hay biện-thuyết » Ông nói : « Ta có thích hay biện-thuyết làm gì đâu, ta bất-đắc-dĩ đó ». Cứ ba chữ « bất-đắc-dĩ » của ông Mạnh-tử là đủ giải tỏ cái thâm-y, cái khỗ-tâm của các nhà ngữ-ngôn đông tây xưa nay, bất-quá cũng là dùng cái mẹo hay đường tắt về sự giáo-dục đó mà thôi, coi đó thì biết những lời bài-bác trên kia thực là biết một mà chưa biết hai vậy.

Văn ngữ-ngôn đã chuyên về phươg-diện khuyên răn và muốn cho chóng hiểu, thì nhà làm văn ngữ-ngôn phải có cái bụng công-chính, bao giờ cũng lấy nhân-tâm thế-đạo làm mục-đích, lại phải trải qua các lối diễn-kịch, họa-hội và mỹ-nghệ vẽ mà bày vẽ cái trạng-thái của từng tấn kịch còn còn bằng dăm ba lời thông-tục mà liệ hoạt khiến cho người dễ cảm, chỗ nào ông có ý kích-thích mà phải mím cùi, hư đó mà thực đó, tâm-thường đó là cao-xa đó, vật đó mà người đó, nói tóm lại ngữ-ngôn là cái lời nói có ngụ ý, thế mà thôi.

Nay đem các lối văn ngữ - ngôn ở Trung-quốc, ở Ấn-độ, ở Hi-lạp, ở Pháp-quốc cùng ở Việt-Nam ta giải bàn ra sau mà xem cái tinh-thần uyên-nguyên cùng cách hiệu-dụng khác nhau thế nào.

Văn ngữ-ngôn ở Trung-quốc. — Cứ xem các văn-học-sử thế-giới thì lối văn ngữ-ngôn có lẽ có sớm nhất từ Trung-quốc. Tức là bài thơ « Qua kia 鷓鴣 » của ông Châu công trước Tây-lịch ước hơn một nghìn năm. Nguyên vua Vũ-vương là anh ông Châu-công đánh vua Trụ lấy thiên-hạ của nhà Thương rồi phong cho con vua Trụ là Vũ-Canh ở một xứ nhỏ mà cho hai em là Quán-thức với Sái-thức đến giám-đốc, ít lâu Vũ-vương chết, con là Thành-vương còn bé nổi ngôi, Châu-công làm Thủ-tướng ; ông là một nhân-vật vĩ-đại ở Đông-phương xưa nay, lễ-văn chế-độ nhà

Châu một tay ông sáng-lập lên cả, chính ông là người thay mặt Trung-quốc bắt đầu tiếp-dãi Sứ-thần của nước ta đó. Vũ-vương mất rồi, Quán-Thức với Sái-Thức mượn tiếng Vũ-Canh mà làm phản, phao ngôn đi rằng : « Châu - công muốn lợi-dụng thằng bé con », Châu-công phải đi đánh giết được Quán-Thức Vũ-Canh mà xem ý Thành-vương cũng còn chưa tin bụng mình, mới làm ra bốn bài thơ « Qua kia » đưa về cho Thành-vương để tỏ cái lòng tru-quân ái-quốc là thế nào, mượn lời con chim mẹ bảo con qua ; « Mày đã bắt mất con tao, mày đừng phá nhà tao nữa ». Chim mẹ ví vào ông, con qua ví Vũ-Canh, chim con ví Quán-thức, tổ chim ví quốc-gia nhà Châu, lời văn rất bi-tráng, nay đọc còn chan-chứa tấm tru-ái của một vĩ-nhân đã hết lòng hết sức lo tính cho nước nhà ; toàn-văn như sau :

一	鷓鴣	鷓鴣	鷓鴣	既	取	我	子。
	無	毀	我	室。	恩	勤	斯。
	鷓	子	之	閱	斯。		
二	迨	天	之	未	陰	雨。	微
	桑	上。	網	繆	牖	戶。	今
	下	民。	莫	敢	侮	子。	
三	予	手	拮	据。	予	所	搖
	予	所	拮	租。	予	口	卒
	予	曰	予	有	室	家。	
四	予	羽	譙	譙。	予	尾	脩
	予	室	翹	翹。	予	雨	所
	搖	子	維	音	曉	曉。	

10 — Qua kia đã bắt con ta,
Thôi đừng phá-hủy cửa nhà ta chi ;
Biết bao bú mớm bù trì,
Thương con ai cũng lòng kia khác nào.

20 — Hôm nay trời chửa mưa dầm,
Bể cảnh dâu đề ta khoản về nhà ;
Khoản về chẳng buộc nhà ta,
Dưới kia ai dám lân-la nhòm hành.

3 — Ta đi tha rác mọi nơi,
Ta đi tìm kiếm lấy mỗi chất-chiu ;
Chân nam đá với chân chiêu,
Miệng khô vì nổi dùm kiu cửa nhà.

40 — *Ta kêu réo-lắt gần xa,
Đuôi ta cup lại cánh ta xấp-xèo ;
Vì chung gió lật mưa dề,
Cửa nhà lay chuyển chĩnh e rã rời.*

Chương thứ hai nói cái ý dự-phòng tai-biến. Không phu-tử khen rằng : « Người làm bài thơ này thật là biết cái đạo trị-quốc. Minh chẳng buộc được nước nhà mình trước thì ai còn dám nhòm-hành nữa ». Ôi ! Đông-phương từ đấy đến nay, hơn ba nghìn năm, ngày nào chỗ nào cũng đọc đến bài thơ ấy hô-hô, mà ngày nào chỗ nào cũng thấy vong-quốc bại-gia âm-âm, thì biết có học mà không có tâm cũng chẳng ích gì.

Bài này là thủy-tồ lối ngụ-ngôn ở Đông-phương mà về sau cũng chỉ có một bài này là vận-văn, còn thì là tản-văn cả.

Xuống đến đời Đông-Châu, nghĩa là từ Xuân-thu đến Chiến-quốc hơn bốn trăm năm, thời-cục xoay dần ra cái thế liệt-quốc cạnh-tranh, học-thuật tự-do, tư-tưởng tự-do, ngôn-tuận tự-do, nhân-dó triết-học văn-học đại-tiến, các phái học-giả đua nhau nào lập-thuyết, nào du-thuyết để răn khuyên người đời, mà lối văn ngụ-ngôn về thời ấy cũng phát-dạt lắm, có hai nhà trứ-danh là ông Trang-tử với ông Mạnh-tử.

Ông Trang-tử ở đời Xuân-thu, ông muốn phát-huy một môn triết-học cao-siêu ra, nên văn của ông phải dùng nhiều những lối ngụ-ngôn để diễn-tả, như nói : « Con bọ ngựa chổng với cái bánh xe — thiên Nhân-gian-thế », « con chó bằng cổ đã tể thần rồi — thiên Thiên-vận », vân-vân. Song đều còn là nói đem vào câu văn chứ chưa kết-cấu thành chuyện, thành chuyện thì như : « chuyện ông Hà-bá nghĩ mình là to, đến lúc ra bề, thấy bề móng-mệnh bát-ngát mới vái thần Nhược (thần bề)

thần Dương (thần đại-dương) mà thần phục vậy — thiên Thu-thủy. »

Ông Mạnh-tử ở đời Chiến-quốc, ông muốn cứu cái đời hôn-loạn ấy nên lời nói kích-thiết lắm, như trào-phúng kể đi bôn-cạnh phú-quí thì nói : « Anh chàng người nước Tề kia có hai vợ, vợ cả bảo vợ bé rằng : « Hôm nào thầy nó đi đâu về cũng thấy no say, hỏi thì nói đi chơi bởi ăn uống với rất những người phú-quí mà chẳng thấy người quan sang nào tới nhà, ta thử đi đình xem. » Mai vợ cả theo hót đi, khắp vùng chẳng thấy quen ai, sau hết thấy đến chỗ « cúng tạ mã » xin đồ thừa mà ăn không đủ lại đi xin chỗ khác. Vợ cả về bảo vợ bé rằng : « Chúng ta chỉ trông cậy về người chồng, mà nay thầy nó là đồ phú-quí ăn xin như thế, thì còn mong nổi gì ! » Rồi hai vợ vừa khóc vừa mỉa-mai chồng ở nhà sân, chồng không biết, hi-hồn là ngoài về, vẫn ra bộ lên mặt với hai vợ. »

Răn kẻ muốn chổng thì nói : « Nước Tống có người muốn cho lừa chổng lớn, cầm cổ lừa kéo lên, hăm-hăm về kẻ công mệth nhọc, con ra xem thì lừa đã chết khô ra rồi. »

Công-kích lời bàn giảm thuế dân rằng : « Có một thằng mỗi ngày bắt trộm của hàng xóm một con gà, người ta bảo thế là xấu lắm, nó nói : Xin giảm mỗi tháng một con, sang năm thì thôi. — Như biết là bất-nghĩa thì sao không thôi ngay đi có được không. »

Đó là lược-trích mấy bài ở hai bộ sách Trang-tử với Mạnh-tử, còn các người thuyết-sĩ ở hai thời-dại ấy cũng có nhiều chuyện ngụ-ngôn bay lăm.

Chuyện « con bọ ngựa dình con ve 螳螂捕蟬 » của thái-tử nước Ngô không những nói bằng lời lại diễn thành kịch nữa. Phù-Sai hay đi xâm-lược, Thái-tử muốn can, một buổi sáng

Thái-tử tay cầm cung tên, quần áo ướt át ở vườn sau về. Vương-phụ thấy sự lạ bèn hỏi. Thái-tử thưa : « Con ra vườn sau nghe có con ve đang hóng gió kêu vang trên cành lấy làm đắc-sở lắm, ngờ đâu con bỏ ngựa thót bụng giờ dao, men cành đến chực chém con ve mà ăn thịt. Con bỏ ngựa đang chú-ý vào con ve, ngờ đâu con chim chích luồn bụi đến dính mỏ con bỏ ngựa. Con chim chích đang chú-ý vào con bỏ ngựa, ngờ đâu hạ-thần giương cung lấp tên định bắn con chim chích, hạ-thần mãi nhắm con chim chích ngờ đâu ở bên có cái hố sâu chân ngã xuống lấm-láp cả để vương-phụ ngài cười. » Nói thế là chỉ nghĩa rằng nước Ngô đi đánh lấy được nước Tề nước Lô thì nước Việt sắp đem binh sang diệt nước Ngô đó.

Còn như chuyện mua ngựa 涓人 得馬骨 của Quách Ngộ nói với vua Yên Chiêu-vương để tỏ ra rằng bỏ xương ngựa « thiên-lý mã » còn mua nữa là chính con ngựa « thiên-lý mã », người chưa được hiền-tài còn quý nữa là đại-hiền-tài. Chuyện « Ông Tăng Sâm giết người 曾參殺人 » của Cam Mậu nói với vua Tần đề vua đừng nghe người gièm pha mà tin mình, ý nói : « Hiếu đức đến ông Tăng Sâm mà ba bạn có người đến mách bà mẹ rằng : « Tăng Sâm giết người », trước bà cụ còn không tin, sau cũng phải bỏ khung cửi đang dệt mà chạy, nhưng kỳ-thực là đứa trùng tinh-danh với ông giết người, chứ ông có giết người đâu. Vậy tôi nay bị đầu bẳng bà cụ Tăng-mẫu, hững kẻ gièm tôi giết người chẳng những ba bạn, e vua cũng đến bỏ khung cửi mất thôi »

Truyện « Biện Trang đâm hổ 卞莊刺虎 » của Trần Trần nói với vua Huệ-vương nước Tần, lược rằng : « Biện Trang đợi hai con hổ cắn nhau, tất một con chết một con đau, rồi đâm con

đau là được cả đôi hổ, » để chứng rằng nên đợi cho hai nước Hàn với Ngụy đánh nhau rồi chỉ phải đánh một nước là được cả hai nước. Đó là những chuyện ngụ-ngôn đã có tiếng. Đến như chuyện « Con chai với con cò (蚌鶴相持) của Tô-dại vì nước Triệu nước Yên mà đánh nhau thì lợi cho nước Tần, kết - cấu y như ngụ-ngôn tây, nói rằng : « Con chai há mồm ra tìm ăn, con cò đến mổ vào ruột con chai, con chai cặp vỏ lại giữ lấy mổ con cò. Con cò nói : « Nay không mưa mai không mưa. Chai mà tất chết ? » Con chai cũng nói : « Nay không về mai không về, cò mà phải tử! » Hai bên đều không chịu buông tha nhau. Ông Lão đi câu ở đâu đến vớ cả đôi. » Truyện này người Đông-phương thích lắm, đã vẽ ra tranh ra đồ sứ để chơi; câu : « bạng duật tương trì, ngư-ông đắc-lợi » thì người thường dân Việt-Nam ai cũng nhớ.

Từ Tần trở xuống văn-học suy dần, lối văn ngụ-ngôn không thịnh-hành, đời vua Tuyên-đế nhà Hán có một truyện « chữa cửa sổ bếp chệch lại và dọn đồng củi đi (曲突徙薪) », nguyên trước Từ-Phúc thấy họ Hoắc lộng quyền, bèn đầu vua nên trị đi, vua không nghe. Sau họ Hoắc quả mưu bỏ vua, vua biết, giết cả nhà họ Hoắc, thưởng cho bọn cáo-giác mà không nói gì đến Từ-Phúc, có người vô danh dâng thư thuyết-khách cho Từ-Phúc, cả một bài thư ngắn ngắn là một bài ngụ-ngôn, đại lược nói : « Trước có người khách bảo nên chữa cái cửa sổ bếp chệch lại và dọn đồng củi đi, thì chủ-nhân không nghe, một lát cháy nhà, xóm làng đến chữa, may lửa tắt, làm cỏ dãi xóm làng, người nào sém đầu bỏng trán thì ngồi cỏ trên, mà người khách bảo dọn bếp trước thì không nhớ đến. » Truyện này chép vào Sử-ký, còn các sách ngoài cũng còn mấy bài như : « Chuyện con ngựa của ông

Lão trên cửa ải (塞翁馬) » nói nghĩa họa-phúc không nhất-định, chuyện « Con lợn ở Liêu-dông (遼東豕) » bĩ kê vọng-tư tôn-đại, vân vân, song đại-đề đều không lý-thú bằng ngụ-ngôn cổ cả.

Lối văn ngụ-ngôn ở Ấn-độ. — Ở Ấn-độ về hồi Phật-giáo toàn-thịnh tức là hồi văn-học triết-học Ấn-độ toàn-thịnh, thì lối văn ngụ-ngôn cũng phát-đạt ở trong nhà chùa trong kinh sách Phật-giáo có chia ra một thể văn đề cảm-hóa cho bọn « độn-căn chúng-sinh » nghĩa là những người ngu dốt, gọi là văn « si-dụ ». Si-dụ tức là ngụ-ngôn đó. Song lối văn ấy về tư-tưởng xuất-thể khác hẳn với cái tư-tưởng nhân-sinh của xã-hội ta, đây chỉ lược thuật một chuyện sau này cho biết cái ngạnh-khái mà thôi. Chuyện tả về đời người nói : « Có một người bị bốn con cuồng-tượng nó đuổi chạy đến cái hố sâu vô-đề, miệng hố có cái dây leo thông xuống, người ấy bám dây leo xuống, đến nửa chừng, trông xuống thì thấy những giống độc-ác, trông lên thì thấy có hai con chuột đến gặm cái dây. » Người ấy chỉ về người đời, bốn con cuồng-tượng ví bốn cái nghiệp nó khu-bách người ta Cái giây ví đời người, hai con chuột gặm ví ngày tháng mòn mỏi, dưới hố ví nơi sa-đọa, nghĩ đến đời người như thế còn có thú gì mà không tu-hành giải-thoát.

Lối văn ngụ-ngôn ở Âu-châu. — Ở Âu-châu có hai nhà đại-gia chuyên-trì về lối văn ngụ-ngôn, xét về tính-thần thì cũng giống như văn ngụ-ngôn Trung-quốc, nhưng đến cái phương-pháp đem hiệu-dụng thì khác hẳn. Hai nhà đại-gia ấy là ông Esope với ông LA FONTAINE.

Ông Esope là người Hi-lạp vào hồi thế-kỷ thứ sáu trước Tây-lich. Hi-lạp vốn là một cái tổ văn-học triết-học của Âu-châu về thượng-cô cũng như Châu Lô ở Đông-phương. Lối văn ngụ-ngôn ở Hi-lạp có đã xưa

lắm, trước đời SOCRATE (Tô-cách-lạp-đề) phu-tử đã có nhiều bài hay lắm. (Xem bài tựa sách thơ ngụ-ngôn LA FONTAINE), đến Esope mới tổ-thuật và soạn hẳn ngay ra một bộ ngụ-ngôn chuyên thứ đề dạy trẻ. Kể các văn ngụ-ngôn ở Trung-quốc, Ấn-độ và cả Hi-lạp tuy đều là văn khuyên răn, song hoặc làm-thời mà làm ra, hoặc làm ra để dạy hạng người đã lớn tuổi mà thôi. Cho nên tản-mát cả ở các sách khác, đến như soạn riêng ngay ra làm sách *Hiến-mông thú-vị thư* thì thật mới sáng-kiến ra từ ông vậy.

Ông là một bậc danh nho mà người xấu-xí đến không ai buồn nhìn, thân-thể vất-vả bị « mả nô » đi mấy lần, ai không tưởng rằng lịch-sử của ông là một lịch-sử để cho thiên-hạ vạn-thế về sau phải thương-hại, phải tức cười cho cái hăm-hiu ẹ nhông, thế mà sách của ông thì lại là ra ông phải thương-hại phải tức cười cho cái ẹ-cuồng của thiên-hạ vạn-thế về sau. Ông khéo dùng những mặt trò lật-vật, những con vật vô-tri mà tả-mạc được hết cái tính nết của loài người xưa nay. Từ những tư-tưởng về luân-lý, đạo-đức, chính-trị, cho đến nhân-tình thế-thái, tham bao, lâu lĩnh, khờ dại cũng bày diễn ra một cách hoạt-động mà dễ hiểu, lại lý-thú để gọi cái giác-quan của con trẻ được cả, đan-cử như « Chuyện con giới với hai con cày, *La Chauve Souris et les deux Belettes* » thì rõ là « đi với Bụt thì mặc áo cà-sa, đi với Ma thì mặc áo giấy » ; chuyện « cái nồi đất với cái nồi sắt, *Le pot de terre et le pot de fer* » thì thật không nên « tấu voi chung với đức ông » ; chuyện « con chó sói với con chiên con, *Le loup et l'Agneau* » thì « dứa ngăn cổ chẳng còn kêu vào đầu được nữa » ; chuyện « mặt trời với loài cóc nhái, *Le Soleil et les grenouilles* » thì rửa kẻ cường bạo đến cụt cuối cụt ngọn.

Người Âu-châu xưa nay lấy sách ông làm kim-khoa ngọc-luật cho trường Ấu-học, bây giờ thì dịch ra hết các thứ chữ trong thế-giới rồi. Ông thật là một vị tổ-sư về nghề gõ đầu trẻ trong thế-giới.

Ông LA FONTAINE là một nhà thi-nhân nước Pháp về thế-kỷ thứ mười bảy, mới đem sách ngụ-ngôn tân-văn của Esope dịch ra thành thơ tiếng Pháp, được sáu quyển đề là « Ý sách ngụ-ngôn điển-ca của LA FONTAINE, *Fables d'Esope mises en vers par M. DE LA FONTAINE* ». Sau lại nối thêm thành 12 quyển cũng là thơ cả mà hợp làm một bộ tổng-danh là : FABLES DE LA FONTAINE.

Lối văn ngũ-ngôn ở Việt-Nam. — Văn ngũ-ngôn Việt-Nam ta có đủ hai thể văn vần văn xuôi, hai thứ chữ Hán-ngữ và Việt-ngữ, ra thì chừng có tự đố? Trần-mạt, a thịnh-hành ở đời Hậu-Lê là thời văn-học thịnh thì phải, song các cụ cần-thận không dám công-nhiên nhận là mình đặt ra, về Hán-ngữ Việt-ngữ, truyện nào cũng có một câu phủ đầu rằng tác-giả cách-vật trí-tri nghe được tiếng con vật mà biết.

Về Hán-ngữ. — Những chuyện bằng Hán-ngữ đều là tân-văn cả, như chuyện « Con long với con hổ 龍虎鬪奇記 » tả về con long với con hổ thì sức khoe tài rồi đối-đáp với nhau, thúc-kết thì bính con long là nhân mà bĩ con hổ là bạo, chuyện khá dài, không có tên tác-giả, nhưng lời văn đều là khuyên-sáo chấp nhất chứ không có tư-tưởng gì mới cả.

Chuyện « Cóc đi thi 蟾蜍登龍門 » của ông Lê Quý-Đôn, truyền rằng ông định bĩ một ông quan triều người thô-bĩ nào đó mà làm ra, song cũng là câu chuyện hài-hước mà thôi, đại-ý nói : Cóc theo loài thủy-tộc lên cửa Long-

môn thi, Long-vương thấy lạ hỏi : « Cái quái-vật gì mà bụng to da kẹch thế này », rồi đập cổ cóc xuống.

Có ba chuyện sau này đều khuyết danh tác-giả mà đều có nghĩa hay nhiều: chuyện « Con gà với con mèo con chó 三物傳 », ý là cho văn cũng không kém gì vũ, nên nói : Mèo kẻ công bắt chuột, chó kẻ công giữ trộm, gà kẻ công dậy sớm gọi con nhà chủ dậy học cho được thành tài-đức đỗ-đạt. Chuyện « Sức-vật hội-nghị 代牛言 » đề trừng-giới kẻ lừa, lược rằng : Trâu hội cả gà, chó, mèo và lợn lại mà bảo : « Anh gà kia thức-thời thì cho chiêm-nghiệm thời-tiết. Chú chó kia mạnh bạo thì cho giữ nhà, chú mèo nọ tài bắt chuột thì cho giữ thóc, còn tên lợn này ăn no ngủ kỹ thì chờ béo lên rồi ăn thịt ». Lợn kháng-nghị không chịu. Trâu rằng : « Biết sớm muộn mi không bằng gà, giữ kho không bằng mèo, coi trộm không bằng chó, mà lại ăn hại như thế không mỗ đề làm gì » Lợn hỏi : « Thế nào ông ? » Trâu nói : « Ta hết sức cày ruộng để nuôi cả chúng bay ». Còn chuyện « Con ve với con ruồi tranh luận 羽虫角勝 » thì cực-tả con ve là bậc thanh-cao mà con ruồi là kẻ tham-ô.

Về Việt-ngữ. — Những chuyện ngụ-ngôn bằng Việt-ngữ thì về vận-văn cả, nay đọc còn thấy tinh-thần lý-thú không kém gì thơ LA FONTAINE.

Có bốn bài đoản-thiên văn dùng làm bài hát ru em, nên đàn bà trẻ con đều thuộc lòng cả. Nhưng nghĩa thơ cũng khi sâu mà ta không biết lợi-dụng để khai-tri cho trẻ, không ai cắt nghĩa ra bao giờ, trẻ con chỉ biết hát chứ không hiểu gì cả.

Bốn bài là :

1 — Con gà cực tác : « Lá tranh »,
Con lợn ỉn-ỉn : « Mua hành cho tôi » ;
Con chó khóc đứng khóc ngồi :
« Bà ơi đi chợ mua tôi đồng diềng ».

Nghĩa lá chanh để ăn thịt gà luộc, hành để nấu thịt lợn và diềng để nấu thịt chó, thì ra ở đời chỉ đòi lấy cái chết.

2^o — Con mèo mà trèo cây cau
(hay là nhà sau),
Hỏi thăm chú chuột đi đâu vắng nhà?
Chú chuột đi chợ đường xa,
Mua mắm mua muối giỗ cha chú mèo.

Thì ra kẻ hèn vẫn phụng-sự kẻ mạnh mà kẻ mạnh cứ dính bắt chừ có tha cho đâu.

3^o — Con cò mà đi ăn đêm,
Đỡ phải cảnh mèm lợn cổ xuống ao;
Ông ơi ông vớt tôi nao,
Tôi có lòng nào ông sẽ sáo măng;
Có sáo thì sáo nước trong,
Chớ sáo nước đục đau lòng cò con.

Tả cái lòng không dám quên ai tể-độ, dù có bị ngờ mà phải chết cũng xin cho chết một cách trong-sạch cho khỏi đau lòng.

4^o Bài này dài hơn, tả về tình-trạng gia-đình kẻ bịnh-dân, lược rằng: Vợ chồng chim chích nở được bốn con, chồng dặn vợ ở nhà nuôi con, chồng đi kiếm mồi về nuôi. Sau vợ thương chồng vất-vả đòi đi kiếm thay, không ngờ lạ thổ, suốt ngày không được gì, trời nhá tối, thấy trong cái hoa sen có con nhện vào bắt thì hoa sen sụp lại bị giam cả đêm, mai mới về được, chồng ngờ là say đắm hoa nguyệt, vợ chim chích phải giải bày: « Tôi mà phụ dẫy chồng con, thì xin lên đỉnh núi non tôi thề ».

Lại có hai chuyện tràng-thiên xuất-bản đã lâu là chuyện « Trinh-thử 貞鼠傳 » với chuyện « Tré cóc 蜘蛛傳 », nay tuy sai-suyễn nhiều chữ mà cũng vẫn còn hay, kết-cấu thật-thà, tả-mạc kỹ-càng, lời văn tuy cổ mà nhẹ-nhàng, bao-biếm mát-mẻ, thật có cái nghĩa « ngôn chi giả vô tội, văn chi giả túc dĩ giới » của nhà phong-nhân

Đông-phương, nghĩa là lời nói vô-tội mà người nghe phải chừa vạy.

1^o — Chuyện *Trinh-thử* nói tác-giả là một người học-trò tên là Hồ-sinh, đời Long-khánh vua Duệ-tôn nhà Trần, nhân ra kinh-thành chơi, trọ ở bên dinh Thủ-tướng Hồ Quý-Ly, có sở-cảm mà làm ra; có phải thật tác-giả ở thời ấy thì Quý-Ly lúc đó đã có chí khác đang cử-dụ vầy cảnh, nên tác-giả lấy làm thâm-bĩ Truyện tả một con chuột bạch cái góa chồng nuôi lũ con thơ mà ở chỗ nhà chủ ngay bên dinh Thủ-tướng Hồ Quý-Ly, nhân đêm sang dinh kiếm mồi, bị con chó nó đuổi chạy vào một cái hang ẩn thân, hang ấy của một con chuột đực vợ đi vắng, đang đêm có gái đẹp đến nhà chuột đực dỗ-dành trước lấy tình gọi, sau lấy lời dụ. Chuột bạch nhấ, định thủ-tiết không chịu, hai bên nhđáp với nhau nhiều điều. Sau hết là một bạch vừa cáo-từ ra thì vợ chuột đực cũng vừa về bắt gặp, ngờ là có sự trăng hoa. Chuột cái lại mắc tiếng oan, Nghĩa chuyện đến đây là đủ, nhưg tác-giả còn thôi-sao ra một đoạn nữa là vợ chồng chuột đực và chuột bạch ghen-tuông cãi-cọ om-xòm, ý để khơi hài cho vui đó thôi.

Trong chuyện những lời kiên-trình của chuột bạch đã cố-nhiên đi rồi, đây chỉ lược trích mấy lời chuột đực dỗ-dành thật là rõ ra khẩu-khí một kẻ tham-phu mà khéo nói.

Chuột đực trước còn :

— Bã hay trong đạo vợ chồng,
Nghĩa sâu tình nặng há lòng chẳng
thương.

Kinh quyền đôi lẽ là thường.
Được nơi tựa ngọc nường vàng thì thôi,
Một mình giữ lũ con thơ,
Để ai lo-lắng sớm trưa với mình....

Chuột bạch cũng không nghe lại nói :

— Bã là tai mắt ở đời,
Cứ mình chớ bắt chước người vụ danh.

Suy trong thế-thái nhân-tinh,
 Hễ là miễn được ích mình thì thôi. . .

— Thương nàng nay chữa an thân,
 Ở nơi đình-trú Đông-lân bây giờ,
 Khó-khăn nhà xác như vò,
 Nước sông gạo chợ củi mua từng đồng,
 Gà về bới nát cỏ sân,
 Mèo buồn lại chạy kiếm ăn ngô ngoài.
 Chó nằm hè gặm vỏ khoai,
 Lợn ngồi dũi đất ngậm hơi gầy gò.
 Vật nuôi còn chữa được no,
 Của đâu thừa-thãi mà cho đến nàng.

— Vậy nên gặp cửa người đây,
 Ngồi cao nhất-phẩm lộc dày thiên-
 Vả nhà mấy kẻ hiền-lành, [chung.
 Tụng kinh chẳng nở sát-sinh loài gì.
 Đem con sang ở bên này,
 Phòng khi ấm lạnh đỡ thay cho mình.

Không được bên đăm ra giọng vôi ;
 Chúa quán dầu có thể h-hanh,
 Đến vườn cũng bẻ một, thể ho cam ! . . .

Nhưng cũng không thua gì cả.

20 Chuyện Tré-cóc ta về quan tham
 lại những, sự kiện-cáo vô-ích, không
 có tên tác-giả, chuyện nói : Con cóc đi
 kiện cá tré nhân sít mất con, qua Phủ
 Hải-giang bắt tré đem vợ tré phải đứt
 lốt cả quan-nha, Thông Tâm về khám
 làm biên-bản nói những con nòng-nọc
 giống tré như hết, cóc phản-tọa lại bị
 giam, vợ cóc đi tìm được thầy kiện
 Nhái-Bén, Bén rằng :

« Ở đời là kiếp phù-sinh,
 Giống nào giống ấy tranh-hành làm chi.
 Tré kia là đũa ngu-si,
 Chẳng qua tham đại nghị gì đến sau.
 Thôi đừng kiện cáo chi nhau,
 Con đương trứng nước dễ hầu làm
 Đẻ cho tré nó bù-trì, [sao.
 Rụng đuôi nó tự tìm về là hơn.
 Muốn cho êm-ái đôi bên,
 Thì đem trình Phủ mà xin chổng về.
 Nhược-bằng có giạ tranh-thi,
 Làm đơn kiện lại cho tré khó gì. »

Văn là cái khí tự trong người phát-lộ
 ra, không thể giấu được, cũng không
 thể giả-rá được, mà nhất là những văn
 thuyết-bộ ca-kịch lại càng dễ phát-biểu
 cái tính-tình hiếu-thượng của các dân-
 tộc ra hơn là sách khác. Nay ta khảo
 qua các lối văn ngũ-ngôn thế-giới trên
 ấy, Đông-phương thì có vẻ trang-nghiêm
 phác-thực, Thiên-trúc thì có vẻ trầm-uất
 mơ-màng, Âu-châu thì có vẻ hoạt-bát
 hóm-hỉnh, như thế mà ở đâu dạy-dỗ
 hun-đúc cho đầy, mấy trăm nghìn đời
 truyền làm « chủng trí », diễn ra phong-
 tục, dựng nên sự-nghiệp, nhất-đán gặp
 nhau xô-xát nhau, ai quyết mà ai ngay,
 ai khôn mà ai đại, ai mạnh mà ai yếu,
 cho đến ai thành mà ai bại, có thể suy
 biết được ít nhiều cái sở-dĩ nhiên.

NGUYỄN TRỌNG-TUẬT



DỊCH THƠ ĐỜI LÝ VÀ TRẦN (1)

李陳詩選譯義

111

LXXXVI

禁臨支樓軍澗藩千
 闕風稜瀨後南城里
 峇跋關谷軍澗蠻逕
 嶼馬險深前北砦邊
 雲高與於青紅一般
 氣回天井咒旗醴鼓
 西首齊底啼轉鷄鼓

支稜洞

Động Chi-lãng

Nổi trống tuần biên bước dặm ngàn,
 Xem tày trùng nhỏ khóm phiên-man ;
 Quạt cờ đông đội che đầu núi,
 Gầm thét ba quân kéo một đoàn ;
 Lầu Lại hang sâu dò khó tới,
 Chi-lãng cửa hiểm vượt khôn toan ;
 Ngựa giông trước gió nghiêng đầu ngấm,
 Cung khuyết mây đoàn lúc hợp tan.

LXXXVII

歷白秦孔大黃舊萬
 歷頭城廟別河遊里
 江因漢堯驛波三馳
 山觀邑都捉浪十驅
 在公入供彭太又北
 眼前色編覽船雪年燕

和
大明使
余貴

Họa thơ quan Sứ nhà Minh

Giông-ruồi dặm nghìn đường sứ Yên,
 Lối xưa ba chục lại ba niên ;
 Hoàng-hà Thái-hành sóng với tuyết,
 Đại-biệt Bành mầu trạm rồi thuyền ;

Đền Khổng đồ Nghiêu thăm cảnh cũ,
 Thành Tần ấp Hán về tờ tiền ;
 Sứ-trình non nước già còn nhớ,
 Trước mắt đường treo bức cảnh tiên.

LXXXVIII

清醉翁文傘玉江新
 時墨仲郎圓珥上朝
 人淋祠城霽寒春使
 物漓深古色光風者
 盛題雲山照侵試日
 三驛_{nh}là_l昇廣倚從
 雍壁濃_{oi}龍野筇容

和
大明使
題
珥河驛

Họa thơ sứ Tàu để trạm Nhị-hà

Quan sứ thiên-triều thanh-thả thay,
 Trên sông chiếc gậy gió lung-lay ;
 Trăm vùng ruộng tốt sông Hoàng tâm,
 Một vẻ thành Long núi Tần bày ;
 Quanh lũy Văn-lang đòi khóm núi,
 Trước đền Ông-Trọng mây tầng mây ;
 Bốn bề vách trạm cầu thần-diệu,
 Nhân-vật Tam-ung há dễ tầy.

LXXXIX

依小滿兩杲榮民即
 舊臣城岸口河熙墨
 藍歲細新風水俗行
 袍歲雨霜搖遂古都
 司陪土金百九太古
 隸鑿蝦襦丈重平古
 前轄天國船殿年渾

扈
駕天長
卽事

(1) Xem N. P. số 114, 115

Ảnh đắp đê ở Bắc-kỳ



thê
c
16

Phu đang lấy đất



Việc đắp đê trị-thủy ở bến Gia-lâm

Kính ảnh T. C. Khuẩn

Ảnh đấp dề ở Bắc-kỳ



Xe máy nghiền đất

nh
là
ri



Lúc phu ra về

Kính ảnh T. C. Khuế u

Tức-sự khi hổ-giá ở Thiên-tràng

Tức-mặc dành riêng đất ngự chơi,
Thái-bình dân cũ tục khôn dòi;
Nước quanh đềm ngự sông Vinh rộng,
Gió đón thuyền rồng cửa Cảo khơi;
Khấp bến mới mang màu móc quít,
Đầy thành rải-rắc hạt mưa rươi;
Thường năm hô-giá thường châu-chực,
Một bộ bào xanh sắc vẫn tươi.

XC

祈側文宸細乳宜橘
和聽體心旃旃燕召雲
大侍先二廣鳴儒九
社臣秦帝厦鳩臣色
定傳兩三漫當出擁
新內漢王香午殿宮
儀旨奇古癖漏遲闌

春日應制

Ngày xuân sáng chế

Chín sắc mây hồng dấy thế vàng,
Nho-thần ứng đội chầu quân-vương;
Tiếng chim trưá rộn thâu chuông khắc,
Giường ngự thơm xông át đỉnh hương;
Sánh với đế-vương lòng quảng-đại,
Lạ hơn Tần Hán cách văn-chương;
Nói-thần truyền chỉ đều nghe cả,
Định lễ Kỳ-hòa rất mới mang.

XCII

春會竹風雲綠古
歸是徑軒深暗戀
愁先花水龍鶴明
思皇溪檻馭田時
最遊錦蒼查今敢
相覽石苔難再乞
關地班古攀到閒

登天奇山留題

Đề núi Thiên-kỳ

Non sông cảnh đẹp nhớ Đông-triều,
Lỗi hẹn vì chưng mển thánh-triều;
Ruộng hạc biếc phai chân bước lại,
Xe rồng mây khuất mắt nhìn theo;

Ngoài hiên gió nước rêu đầy khóm,
Giữa suối hoa cây đá mọc meo;
Đất ấy tiên-hoàng thường ngự tới,
Xuân về bao thuở cảnh buồn leo.

XCIII

回塵致白
首埃君日
愧六十堯升
黃冠載難天
易

冰壺集

權歸岷山有

題玄天觀
陳元旦
王昭明
孫胡季整專

Đề quán Huyền-thiên (Trần Nguyên-Đán)

Hóa tiên còn việc dễ,
Tri chúa rất gian-nan;
Sáu chục năm đua đuổi,
Nhìn ai hổ mũ vàng.

XCIV

白三禾年
頭萬稿來
空卷苗夏
負書傷旱
愛無害又
民用轉秋
心處深霖

壬寅六月作

Tháng sáu năm nhâm-dần

Hạn rồi qua lụt đã ghè phen,
Đau nổi đồng điền lúa chẳng lên;
Đồng sách hóa ra tờ giấy nát,
Bạc đầu chưa chút chữa dân đen.

XCIV

年自世三
纒笑上分
四不紛頭
十如紜白
便錢萬寸
休若事心
官水難丹

戊申正月作

Tháng giêng năm mậu thân

Ba phần đầu bạc tức niềm đan,
Khăng-khtu trăm chiều việc thế-gian;

*Minh hồ minh thua tiền-nhược-thủy,
Bốn mươi tuổi đã sớm từ quan.*

XCV

分	歸	朔	萬	夜歸舟中作
取	舟	燕	國	
漁	未	東	民	
燈	穩	汴	生	
照	江	已	沸	
古	湖	邱	鼎	
書	夢	墟	魚	

Đi thuyền về đêm

*Dân bị làm-than mấy triệu thừa,
Yên tan Biện nát đã bao giờ;
Giang-hồ chiếc gôi chưa yên giấc,
Mượn lửa thuyền chài đọc sách xưa.*

XCVI

病	目	故	官	不寐
愈	前	園	舍	
不	盡	松	秋	
如	是	菊	霜	
猶	關	在	漏	
病	心	天	轉	
時	事	涯	遲	

Chẳng ngủ

*Mái nhà sương nặng khắc chuông lâu,
Tùng cúc vườn xưa biết ở đâu;
Trước mắt trăm điều trong dạ rối,
Đau lành sao tựa lúc còn đau.*

XCVII

爭	華	蒼	布	敬	窮	上	學	賀樵隱朱先生 拜國子司業
得	動	頭	襪	老	經	庠	海	
巢	只	白	芒	崇	博	山	回	
由	是	髮	鞋	儒	史	斗	瀾	
作	垂	浴	歸	政	工	得	俗	
內	常	沂	去	化	夫	斯	再	
臣	治	春	日	新	大	人	醇	

Mừng ông Chu Văn-An

*Học truyền Khổng Mạnh thời Đường
Ngu,*

*Nhân-phẩm dành nên bậc phạm-mô;
Công cả sôi kinh và nấu sữ,
Chính hay mển lão lại ưa nho;
Thú vui vườn cũ dày mo đạo,
Xuân tắm sông Nghi tóc tuyết phò;
Giúp trị nhà vua xiêm áo rủ,
Tôi trong âu cũng có Sào Do.*

XCVIII

料	清	芳	長	優	寄	鶴	漢	奉廣太上皇御製 天長府重光宮
知	暇	草	空	遊	興	髮	家	
夢	每	春	秋	山	乾	道	豐	
寐	存	回	皎	色	高	遙	沛	
到	尊	綠	黃	水	坤	太	竹	
昇	社	浦	江	聲	厚	上	爲	
龍	念	風	月	中	外	翁	宮	

Họa bài "nhĩ" chế cung Trưng-quang, "lạ" nữ Thiên-tràng

*Dường như cây trúc Hán ngày xưa,
Thái-thượng người nhân tóc hạc thừa;
Đất rộng trời cao cơn hừng giục,
Non xanh nước biếc thú vui thừa;
Trên không thu quạnh trăng sông dãi,
Ngọn cỏ xuân đầy gió bãi đưa;
Tôn-xã khi nhân thường sực nhớ,
Thành Long vào mộng tỉnh hay chưa.*

XCIX

青	晚	一	千	雲	香	銀	林	九月三十 日有感
燈	菊	去	金	凝	渡	漢	樞	
黃	早	不	難	古	小	無	半	
卷	梅	回	買	鼎	鑑	光	掩	
舊	新	閒	好	熟	新	日	逗	
生	富	歲	秋	蘭	稻	影	霜	
涯	貴	花	色	茶	粥	斜	花	

Cảm-tình về cuối thu

*Cánh song khép mờ giọt sương sa,
Lấp-loáng trên không bóng ác tà;*

Cháo nếp đầy sanh hương vẫn mới,
 Chè sen một vạc chín thì pha ;
 Mầu thu khôn lấy nghìn vàng đổi,
 Ngày tết lần đi một bước xa ;
 Mai cúc mới thêm bông phú-quí,
 Sách đèn xưa vẫn chức sinh-nhai.

C

一坐散退叩隨松十
 邱待給閒門馬下年
 老功青緣問望行政
 骨成苗野字塵吟省
 已名謝知有無倚負
 凌遂不何詩俗瘦秋
 層。後。能。及。僧。客。藤。燈

山中遣興

Chơi núi

Mười năm hồ với ngọn thu-dăng,
 Dưới bóng ngà-nga chống gậy dăng ;
 Theo ngựa trông không kẻ tục,
 Gõ song hỏi chữ có nết lành ;
 Vườn toan biếng cũ cây muộn,
 Lúa hầy còn xanh khe sỏi-năng ;
 Muốn đợi công-danh tròn vẹn đã,
 Cái già từng đã tòi sau lưng.

CI

輟札北西梅桂詔隆
 望文行狩砌宮從慶
 蒼有冉茫從嚴駟年
 梧盡冉茫容蓬使間
 淚情遇迷顧瞻綴被
 滿無哀大問依陪選
 巾。盡。時。駕。頻。近。臣。掄。

奉北使恭遇
 熙陵大祥日有感
 范仁卿號古山進士官監修國史

Phụng Bắc-sứ (Phạm Nhân-Khanh)

Long-khánh năm kia có chiếu đòi,
 Sứ-thiều theo lối phận làm tòi ;
 Trông chừng cung quẻ lầy gang tấc,
 Hầu chuyện thêm mai đã mấy hồi ;
 Giá trở miền tây đường khắp-khênh,
 Người qua cõi bắc bước lồi-thôi ;
 Lê-văn dầu hết tình chưa hết,
 Trông nẻo thương-ngộ lệ xụt-xùi.

CII

世笑香鐘星銀天斗
 間我滿分橋渚上杓
 機生佳靈斜高佳酉
 巧來人匹掛橫期轉
 亦從針悲月雲會火
 無素線歎如似女輪
 求。拙。樓。夜。鉤。傘。牛。收。

七夕

Mồng bảy tháng bảy

Chuôi đầu về lầy bánh hỏa thâu,
 Duyên trời gặp gỡ Nữ và Ngưu ;
 Mây giàng sông bạc đường cây tán,
 Trăng đứng cầu sao tựa lữ cầu ;
 Mùi đủ vui buồn đêm kết ước,
 Hương xông kim cải khách nương lâu ;
 Cười mình bản-tính xưa nay mộng,
 Khéo-léo nghề ai chẳng chút cầu.

CIII

滿笑半一衝帶天高
 空我幅一聲風雨外秋
 鳥素鄉霜斜亂遙澤
 跡無書信作翻看園
 不倉伴連數千鴈早
 能頰月雲行點字寒
 名。意。行。起。輕。濕。橫。生。

雁字

Chữ nhạn

Thu già mặt nước lạnh lòng thay,
 Một nét ngoài trời chữ nhạn bày ;
 Nghìn diêm tung ra mưa rải-rắc,
 Và hàng cỏ xuống gió lung-lay ;
 Đón tin sương tới cơn mây dựng,
 Đưa bức thư về bóng nguyệt ngay ;
 Minh hồ tài thua Thương-Hiệt trước
 Dấu chim chan-chứa chữ khôn hay

CIV

滔離江江
 滔思波樹
 寄浩綠晴
 江難未更
 水。收。已。濃。

陳廷琛號樗
 昌人嘗使明
 官御史

題秋江送別圖

Đề tranh thu-giang tống-biệt

(Trần Đình-Tham)

Trên sông sắc cây nòng,
Dưới sông làn sóng biếc;
Li-biệt sầu chừa-chan,
Nước sông biết không biết.

CV

又不知一般里事人無秋楊
是知般客鄉可相吹風柳
烟擁緒心陳識旆長亭
波節鷓鴣蝶度逢江短
幾明朝鵲蝶度逢江短
日朝鵲蝶度逢江短
程去聲夢情客城亭。

北使題桂林驛
無名氏

Sứ Tàu đề trạm Quế-lâm (Vô-danh)

Dài ngắn bờ dương trái mấy đình,
Gió đưa cờ tiết tới giang-thành;
Mắt nhìn tỏ mặt đôi bên khách,
Ai ngỏ cùng ai một mối tình;
Hồn bướm mơ-màng nhà sực nhớ,
Tiếng chim rầu rĩ dạ khôn đành;
Biết đâu sứ-tiết ngày mai đã,
Đường mây ngày đi vượt sóng kênh.

滴無吟醉庭樹薰十月
碎端邊裏菊蟬風月
鄰夜山乾花聲何炎
關半水坤開響可蒸
萬空舊新秋客得臥
理階知使夢懷披桂
心。雨。音。節。深。古。襟。林。

又體

Thành Quế như hun nắng tháng mười,
Gió nam trông đợi chẳng tâm hơi;
Tấm lòng thôn-thức đoàn ve rộn,
Giấc mộng say-sưa nhị cúc phơi;
Một chén sứ-trình trời đất khách,
Mấy câu tri-kỷ nước non người;
Mưa đêm bông đã thềm rơi giọt,
Như giục lòng quê mấy dặm khơi.

CVI

那珍四萬
邊重十年端
風諸人休餘截
月人休餘餘斷
更借夢一
寬問問間
身閒

示寂

僧法螺
宗時嘗稱有
道眼居安子
山號竹林
羅姓同九
仁

Bảo sự chết (Tăng Pháp-Loa)

Nghìn sâu rửa sạch một thân nhân,
Hơn bốn mươi năm giấc mộng tàn;
Nhân gửi người đời xin chớ hỏi,
Gió trăng nhiều thú khác nhân-gian.

CVII

菊歲臥忘
花晚久身
開山第
處中
卽無
重曆
陽日
涼忘

菊
僧玄光
號竹林
人英尊
賜
姓陳武
萬載

Hoa cúc (Tăng Huyền-Quang)

Thân-thể nào hay có với không,
Một giờong lạnh ngắt kẻ ngồi trông
Giữa non năm cuối quên ngày tháng,
Mách tiết trùng-dương cúc, nở bông.

CVIII

江微撐一
水茫出葉
連四葦扁
天願行舟
一海風湖
鷗潮撼海
白。生。氣。客。

舟中

Trong thuyền

Dấu khách giang-hồ thuyền một lá,
Hàng lau lách gió treo thông-thả;

Bốn bề trông quanh ngọn triều lên,
Nước biển in trời âu trắng xóa.

CIX

爐翁一半
殘在傾間
情禪毳石
出床衣壁
日經經和
三在歲雲
竿案寒住

石室

Thạch thất

Mây êm đời khóm và gian đá,
Trời lạnh thường năm một áo lông ;
Người tựa giường thiền kinh trước án,
Lò hương tro trắng bóng dương hồng.

CX

聾已山
聲矣矣字
唧成禪簫
唧禪然
為心枕
誰一綠
多片羅牙

山字

Nhà ở núi

Thu tới ngoài hiên giục gió đêm,
Nhà non chiếc gôi cỏ cây êm ;
Tắm lòng dành đã say mùi đạo,
Tiếng để vì ai rộn góc thềm.

CXI

月數山水
落聲青艇
波漁水乘
心笛綠風
霜蘆又泛
滿花秋渺
江外光茫

泛舟

Chơi thuyền

Là thuyền cười gió sóng mênh mông,
Non nước trời thu một sắc trong ;

Tiếng địch thuyền câu ngoài bến say,
Trăng rơi đáy nước móc dây sông.

CXII

一如何光富
楊何陰貴
松小流浮
風隱流水
茶林水急
一杯泉相
下催未

贈仕途子弟

Tặng tử-đệ làm quan

Giàu sang mây nổi dùng-dăng đến,
Ngày tháng thời đưa đắp-đồi liền ;
Thà tới làm-tuỳen mua thú ăn,
Giường tùng gió thoảng chén chè chuyên.

CXIII

過竹扶抱猶已門庵
半林衰拙尺竿開迨
伴多有無虎龍雲青
閒宿瘦餘溪洞上霽
僧鳥藤策冰日層冷

安子山庵居

Am núi An-tử

Khi lạnh xâm am núi,
Tầng cao mở cửa mây ;
Động rỗng trời đã sáng,
Khe Hồ giá dương đầy ;
Quê kèch nghề trăm vụng,
Già nua gậy một cây ;
Rừng tre chim đậu khóm,
Quá nửa bạn nhà thầy.

CXIV

休幸羨變不已文才
怪能魚豹復將章識
東日何只功得嗟如
亭月必堪名喪我君
似頻苦閒到遣老尙
馨來臨隱枕形無少
懸往川霧邊外綠年

遊東亭和蕊溪韻

胡尊薦
官翰林
濱州土城人

閩胡詩

THƠ ĐỜI NHUẬN-HỒ

Chơi Đòng đình (Hồ Tôn-Thức)

Khen ai tài-bộ tuổi còn xanh,
Già với văn-chương hồ phân minh ;
Lòng Phật hẳn quên điều đượ mắt,
Giấc tiên nào thấy cuộc đua tranh ;
Che mù dành vậy beo trên núi,
Không lười khen chi cá dưới ghềnh ;
Thăm viếng miên cho ngày mỗi có,
Khánh treo chớ ngại kẻ Đòng-đình.

CXV

月潮疎遠
白生疎遠
又天地落從
江地客僧
空曉蓬寺。

阮飛卿
化城晨鐘
胡溪人榜眼龍名
侍郎郎榜眼龍名
仕蕊應

Chuông sớm ở thành Huế

(Nguyễn Phi-Khanh)

Xa xa từ cửa Phật,
Nhè nhẹ tới mái bằng ;
Trời đất con triều sớm,
Trong veo nguyệt giữa sông.

CXVI

胡孤筠蓼
海燈蓬浦
十年明半三
年又夜秋
情滅聲雨。

黃江夜雨

Sông Hoàng-giang đêm mưa

Gió bãi ba thu trợn,
Thuyền đêm một tiếng đưa ;
Chiếc đèn khi đỏ tắt,
Hồ-hải nhớ tình xưa.

CXVII

騷遙月匆
魂想白匆
幾故風客
度人清裏
遠襟獨又
雨運自中
樓在愁秋。

中秋玩月有懷

Xem trăng trung-thu có cảm

Quê người khách lại gặp trung-thâu,
Gió mát trăng thanh giục mối sầu ;
Trên nhớ người quen thơ nặng túi,
Hồn ngậm mảy độ dạo quanh lâu.

CXVIII

安遜學心涼啼六故
仁物到從風鳥歲園
志勞充閒殘落兒亂
已人時處夢花童後
遂休四千半深頗有
幽誤體憂窗巷愛先
居我舒失虛永書廬。

家園樂

Vui vườn nhà

Vườn xưa kinh loạn ^lin nhà xưa,
Ham sách vui xem lũ trẻ thơ ;
Hoa rụng ^{ch}nh kieu đầu ngõ vắng,
Giấc tàn ^{là} cánh song thưa ;
Lòng vào ^đinh thiên ^đu rút,
Học đến ^đ hay sức khỏe thua ;
Trần lụy buộc mình ^lũ ấy khỏi,
Chàng Phan chiếc ốc đủ khoan thư.

CXIX

水唵胡王旗鼓如說
綠都軍道旆鉦今著
山授抱回參淘鹹沙
清首恨春差湧子場
入知漱濃竹潮漫感
望何寒古影聲經慨
除處波樹斜急過多。

陳婁
過鹹子關
生東岸人胡太學
明授訓導。

Qua ải Hàm-tử (Trần Lâu)

Sa-tràng đau đôn truyền tương truyền,
Hàm-tử hôm nay gặp-nghe thuyền ;
Trống giục ngọn triều nghe tiếng nhật,
Cờ giăng bóng trúc đứng hàng chen ;
Cây già còn nhiệm xuân trời Việt,
Sóng lạnh khôn người trận giặc Nguyên ;
Đò hỏi Toa-Đô nơi tử trận,
Nước non thăm thăm lối xưa quên.

CXX

何賸許論甚久避人
妨把與文衰別逅生
涓此相每笑冷誰躑
北詩期向我人知跡
與當氣交夢思一雪
江佐概情周叔笑泥
東契中上公度同鴻

李下齋見訪賦
此以答
范汝翼號北溪
補胡教授明仕

Đáp lời Lý Hạ-Trai thăm

(Phạm Nhữ-Dịc)

Tuyết in mấy độ vượt chim hồng,
Gặp-gỡ sao không ước cũng đồng;
Mắt vắng khiến người trông Thúc-độ,
Thân hèn thẹn kẻ mộng Châu-công;
Mượn câu văn vẻ lời vàng đá,
Cầm chén thề chia gánh núi sông;
Xin chẻ thơ này làm khoán-ước,
Ngại gì cắt bắc với L...

CXXI

老歸去旅
盡期年館
故何春客
鄉日復仍
梅是來在

黎景詢字子謀
胡太學生
亡嘗作萬言
書勸裴伯者
請明立陳陵
明捕送金陵

Ngày tết

(Lô Cảnh-Tuân)

Đất khách ngày bao trải,
Trời xuân năm thứ hai;
Kỳ về còn chữa định,
Quê cũ đã chờ mai.

CXXII

踏四上躡饒身此無
徧方灘磴有雖生意
江山自下捫當老行於
也男涉更死心止知
一兒千萬不仍人便見
奇事危險辭壯為知

無意

Vô-ý

Tri-ngộ thờ-ơ chẳng ý gì,
Dễ ai ngăn dừng lại ngựa đi;
Tôi già lòng đổ còn nguyên vầy,
Đương nghĩa thân vàng dám tiếc chi;
Gai góc xông pha ghê nổi hiểm,
Thác ghềnh lên xuống trải cơn nguy;
Cung tên trắng nợ làm trai phải,
Tuyết khắp non sông mới gọi kỳ.

CXXIII

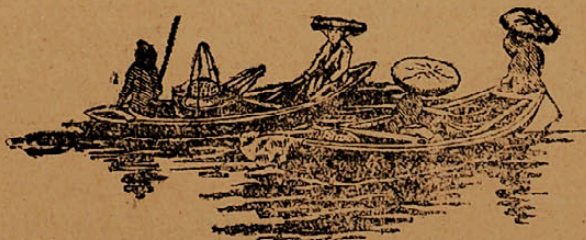
幾國洗致事時無世
度讎兵主去來窮事
龍未無有英屠天悠
泉報路懷雄鈞地悠
帶頭挽扶飲功入奈老
月先天地恨成酣老
磨白河軸多易歌何

後陳詩感懷
鄧容又安左天祿
立重光帝與明人
百戰人稱其忠

THƠ ĐỜI HẬU - TRẦN
Cảm-hoài (Đặng Dong)

Việc đời ngày ngắn linh sao đây,
Trời đất thu vào giọng hát say;
Vận đỏ người hèn lo dễ nổi,
Hồi đen tài thánh giận thêm cay;
Phò vua nghĩa cả sáu ghi dạ,
Rửa giáo miền cao lưỡng với tay;
Nợ nước chậm đền đầu chóng bạc,
Mài grom dưới nguyệt mấy thu chầy.

ĐINH VĂN-CHẤP dịch



ĐÀN BÀ BÔNG-PHƯƠNG

VIII

Hiền-mẫu Chu-thị

Hiền-mẫu họ Chu 周氏, người đất Phụng-hiền xứ Tô-châu, vốn sành về đờng mẫu-giáo, tinh siêng-năng cần-thân. Tuổi mười chín về làm dâu họ Thái. Họ Thái vốn là một họ có thanh-vọng cao trong một ấp, người làng đều gọi tên đất đó là Thái-trang. Đến khi ấy nhà họ Thái đã hơi kém, bạc phong-phú sút xuống bậc trung-thường. Hiền-mẫu phải tự mình giữ việc gơ chổi, làm việc chày cối thui g gàu; ăn tất ăn gạo thô, mặc tất mặc áo vá, trước người mà làm-lụng, sau người mà nghỉ-ngơi, lúc nào cũng vẫn vui-vẻ, không lấy làm khổ; bố chồng mẹ chồng đều yêu quý, khen là dâu hiền. Gặp hồi có cái loạn Việt-phỉ, nhiều dân quá lắm, quân phỉ đi qua chỗ nào thì dân-cư chỗ ấy biến thành gò hoang. Ông bố chồng nhân xướng-suất ra một cánh quân đoàn-luyện để giữ-gìn hương-lý, mộ được hơn ba trăm người, dùng binh-pháp biến-chế thành quân-đội. Chỉ nổi lương ăn không đủ, ông bố chồng đem hết của nhà, bán cả điền-sản, cũng không đủ, hiền-mẫu dốc cả tư-trang ra giúp việc. Khi ấy bà mẹ chồng vì già-nua đeo tật-bệnh, thường nằm bẹp trên giường nệm; hiền-mẫu trở vào thì hầu-hạ thuốc-thang, trở ra thì chủ-trì việc nấu-nướng, không một khắc nào rời nhàn. Lại gặp khi phòng-bị đương cần kíp, nào người tân-khách, nào kẻ bộc-lụng, rộn-rịp ra vào trong nhà hàng ngày phải đủ thức ăn cho vài mươi người ă, mà hiền-mẫu chỉ một mình chu-toán về việc đó, không phải nhờ đến kẻ ty-bộc. Khiến cho bố chồng với

chồng được chuyên chí về quân-sự, ngày đêm phòng-bị. Rồi được quanh miền Thái-trang khoảng vài mươi dặm, không tung-tích quân phỉ, chốn hương-lý được yên, đều nói rằng nếu không hiền-mẫu tán-trợ không được thế.

Hiền-mẫu tính lại càng từ-thiện, thấy họ-hàng kẻ bần-phạp, liền chu-cấp cho, chỗ lân-lý chột có người cần kíp lại hỏi vay, không người nào là không lập-tức cho vay. Tục nước Trung-hoa, con gái đi lấy chồng, đồ hồi-môn lớn-phi lắm. Đất Phụng-hiền lại có cái tục nhà nghèo không đủ đồ hồi-môn, không thể gả chồng được cho con gái, thường đem con gái nhỏ về nhà chồng tự thừa nhỏ để đãi-la, ngày sau giảm được lễ hồi-môn, gọi là đờng-dưỡng-tức, nghĩa là nàng dâu nuôi tự thừa nhỏ. Thói thường, người mẹ chồng hay xử tệ với con dâu, cũng có người không lấy nhân-đạo đãi con dâu, Có một đờng-dưỡng-tức họ mô, bị mẹ chồng đánh đau, thân-thể không còn chỗ nào lành-lẽo, đau quá trốn đi, kêu khóc ở giữa đờng, không biết về đâu. Hiền-mẫu nghe biết có sự ấy, đem lòng lân-tuất mà dắt con bé ấy về nhà. Sáng mai, mời người mẹ chồng đến, đờng-aiện trách là tệ-ác, và bảo người mẹ chồng rằng này cứ để con dâu bà làm việc thuê mướn ở nhà tôi, tôi trả tiền công cho ít nhiều, đợi con trai bà khi đến tuổi, thì tôi gọi là sắm-sửa đồ hồi-môn cho nó, khiến nó lại về làm dâu bà. Người mẹ chồng cảm-động khóc lóc mà đi. Hiền-mẫu coi con bé ấy như con mình đẻ ra, dạy nó nghề may vá thêu thùa, và việc canh cấy nấu

nướng, ăn-cần không chán không mỏi. Về sau xử-dãi đúng như lời nói Phạm người trong làng ấy, ai cũng nức-nở vui bản đến sự ấy.

Hiền-mẫu đối với khi tống-táng cho bố chồng mẹ chồng đều đủ đường nghi-lễ, hết lòng bi-thương. Ngày giỗ ngày tết trong tứ-thời, tất thân-hành sắp đặt, đồ lễ tất phong hậu, tất linh-khiết ; dầu đến một cái chén một đôi đũa, cũng tất tự mình lau rửa, Người nhà xin làm thay, thì không nghe mà nói rằng việc tế-tự là một việc đại-diễn trong gia-đình, nếu không tự mình thân - hành mọi việc, thì thế nào gọi là cái đạo làm dâu. Kịp khi người chồng mất, hiền-mẫu tuổi đã ngoài sáu mươi ; việc tống-táng xong, đoán bảo hai con rằng bố mày thì hết rồi, nhưng lũ mày tất nghĩ làm thế nào được cho bố mày không chết, thì bố mày sẽ có thể nhắm mắt yên, cái điều làm được cho bố mày không chết, là điều gì, tức là điều ma-luyện học-vấn, tu-tĩnh phẩm-hạnh đó ; lũ mày phải khéo mà ghi lấy. Từ đây thay mặt chồng giám-đốc giáo-dục hai con, đức từ lại kiêm cả đức nghiêm, không chút nào cầu thả phóng-túng, cho nên hai con đều biết cần - cù về nghiệp nho, đảm-nhiệm địa-phương công-tch, kể được gia-thanh, vì phụng-thừa cái giáo-huấn của hiền-mẫu vậy. Hiền-mẫu tuổi tám mươi sáu mới mất, khi mất con cháu quanh ở dưới gối, đông chật một nhà, Thúc-giả đều bảo rằng hiền-mẫu tự mình khắc-khổ, tu-đạo hiếu-kính, mà đức lòng từ thiện, nên được hưởng phúc như vậy, hiền-mẫu cũng đủ làm phép cho đời.

Phê-bình

Phàm xem truyện, ai cũng thích xem những truyện ly-kỳ ; đến như truyện đàn bà thì lại thích xem những truyện ly-kỳ lắm. Nhưng biết đâu những truyện ly-kỳ, một là do cái cảnh-ngộ nó

biến-thiên, hai là do cái kỳ-tài kỳ-tiết của một người nó xui khiến ; đã gọi là kỳ là biến, thì không thuộc về lệ thông-thường nữa. Xã-hội tự xưa đến nay, phần ly-kỳ là phần đặc-biệt trong thiên-cổ, phần thông-thường là phần đúng về sự hàng ngày. Cho nên những truyện ly-kỳ chỉ đủ làm gương cho xã-hội, những truyện thông-thường mới đủ làm qui-tắc cho nhân-loại vậy.

Truyện ly-kỳ như mây ngũ-sắc, truyện thường như gió bốn mùa. Truyện ly-kỳ như trái kỳ-phong, truyện thông-thường như đường đại-lộ. Truyện ly-kỳ như sen tịnh - đế, truyện thông-thường như lan tứ-thời. Truyện ly-kỳ như món thời-trần, truyện thông-thường như cơm gạo trắng. Truyện ly-kỳ như nét hoa gấm, truyện thông-thường như tấm lụa trơn. Truyện ly-kỳ như bức chữ thảo, truyện thông-thường như bức chữ chân. Truyện ly-kỳ như thơ Lý Thái-Bạch, truyện thông-thường như thơ Đào Uyên-Minh, Truyện ly-kỳ như nhàn-giao-giao, truyện thông - thường như nhà nông - học. Truyện ly-kỳ như viện bảo-tàng, truyện thông-thường như chợ giao-dịch. Truyện ly-kỳ như nhật-quang phản - chiếu, truyện thông-thường như không-khí hô - hấp. Truyện ly - kỳ như tiếng ngoại-quốc chuyên-môn, truyện thông-thường như tiếng phổ-thông quốc-ngữ, Truyện ly-kỳ như vai đào hát múa trên sân khấu, khiến người cười, khiến người khóc, khiến người vỗ tay, truyện thông-thường như chị con gái nhà quê, hát câu ca-dao tục-ngữ ở giữa cánh đồng, khiến người lắng tai, khiến người gật đầu, khiến người ngẫm nghĩ.

Lịch sử bà Chu-thị, có ly-kỳ gì đâu, chẳng qua là cái lịch sử siêng năng việc nhà, hết đạo làm dâu, thờ cha kính mẹ, tế-tự tổ-tiên, đỡ người thương người, giúp chồng dạy con, thuần là cái lịch-sử thông-thường cả. Mà cái tinh-thần

của dân bà Đông-phương ta, xem truyện bà cũng đủ rõ rệt ; cái đường công-danh sự-nghiệp của kẻ trượng-phu Đông-phương ta, xem truyện bà cũng thấy vẻ-vang ; cái nền hòa-lạc hạnh-phúc của xã-hội Đông-phương ta xem truyện bà cũng biết là chắc-chắn. Dân bà Đông-phương ta xưa nay, trừ những bậc nữ-long bay ở trên trời, thur-phượng đậu ở cảnh biếc ra không kể ; còn thì ai là người xứng đáng làm vị nữ-giáo-sư cho nữ-học muôn đời ? Người Đông-phương ta cũng nên thực nhận rằng vạn-thế nữ-giáo-sư Phụng-hiền Chu-thị.

Gia-định hiệp-nữ

Mười ngày chém giết thành Dương-châu, ba ngày sát-hại đất Gia-định, là cái lịch-sử đau đớn của dân-tộc Trung-hoa về hồi Mãn Thanh nhập đế Trung-quốc. Khi ấy quân Mãn-Thanh đã phá được thành Gia-định rồi, lại hạ lệnh sát-hại nhân-dân trong thành ba ngày, xác chất như tầng núi, máu chảy như nước sông, cái người may mà sống sót thì trăm người không được một người. Cái lệnh sát-hại đã đình-chỉ, nhân-dân vẫn còn nấp náu chưa dám lộ ra. Một hôm về buổi chiều, có một người con gái tự trong đồng xác người chết, xông-pha làn máu mà đi ra, tuổi độ mười sáu mười bảy, mặc quần áo trắng, khắp thân-thể nhuộm gần máu, trong bề yếu-diệu lộ ra vẻ anh-sảng. Khi ra, chợt bị một tên Mãn-tốt nhằm thấy, liền bắt ngay đi vào yết-kiến Mãn-tướng; viên Mãn-tướng yêu người con gái nhan-sắc cũng có chiều xinh đẹp, răn bảo chớ được giết, rồi đem nuôi ở chỗ hậu-doanh. Viên Mãn-tướng tuổi đã ngoài bốn mươi, con cái còn hiếm, tức khắc nhận người con gái ấy làm nghĩa nữ, dạy tập nghề võ, người con gái quả-nhiên thông-tuệ, tập chữa đầy vài tháng, quyền-thuật đã tinh-thông, lại dạy cho kiếm-thuật. Viên Mãn-tướng

bảo người vợ rằng con bé ấy, thật là hạng cán-quốc anh-hùng, để nó lất có lo về sau. Lập-tức sai đem chém đi. Người con gái khóc to lên, cầu-cứu với vợ Mãn-tướng. Vợ Mãn-tướng vẫn yêu người con gái ấy, lập-tức bênh cho mà cả trách Mãn-tướng, sự ấy mới nửa chừng lại thôi. Người con gái từ đấy cùng với vợ Mãn-tướng lại tỏ ra bộ thân-thiết nhau lắm, gọi vợ Mãn-tướng là mẹ.

Một hôm người con gái với vợ Mãn-tướng hai người cùng đi tản-bộ ở ngoài chỗ quân-doanh. Khi ấy gặp buổi xuân-sơ, hồn đào mới tỉnh, mắt liễu gần thư, làn phượng-thảo ở chỗ mạch-dầu hiện ra sắc tiên-hồng, vì cái ngăn máu của bách-vạn sinh-linh còn chưa sạch vậy. Người con gái trông thấy cảnh-sắc tiêu-diên ấy, phần thì tân-sầu, phần thì cụ-tan, chan-chứa trong lòng, bất-giác thồn-thức lệ tuôn. Liền nghĩ riêng rằng : chết ! làm rồi, cái sầu-phận của ta, chỉ nên để ở trong lòng, không nên hình ra ngoài mặt ; nếu như thế, thì thành thế nào được đại-sự. Khi ấy vợ Mãn-tướng chợt ngấm nghĩa ở chỗ cách xa không biết, người con gái mới làm ra sắc mặt vui vẻ, cùng với vợ Mãn-tướng đi về trong doanh. Đến đêm dần dọc không ngủ ; một mảnh trăng trong vắt lạnh-lùng, tự chỗ hé cửa sổ soi vào, làm ra sắc đậm-bạch. Người con gái mới đẩy cửa sổ, ra trông trăng, đôi với trăng khóc mà nói rằng : « Ôi trăng kia ơi ! sao trăng tròn thế vậy. Nhớ tự khi cha ta mẹ ta, và anh em ta, chết ở tay kẻ Mãn-nô, cũng thích-đương về tới trăng tròn, đến nay đã sáu tháng rồi đây. Cha ta thực vẻ-vang là một ông hiếu liêm nhà Đại-Minh, mẹ ta cũng là con gái nhà đại-gia, anh ta em ta cũng đều mổ bằng người, nay bất-hạnh chết cả ở trong tay kẻ Mãn-nô. Mãn-nô, Mãn-nô, ta tát ăn lấy thịt mày, nắm vào da mày, cho hả lòng ta ! » Mới nghĩ đi nghĩ lại,

không có kế-sách gì ; rồi tản-bộ đi quanh nhà, nghĩ ra được một kế. Trong quân Mãn có hai anh tướng, anh chủ-tướng tức là nghĩa-phụ người con gái, anh phó-tướng thì là Phúc Đồng. Phúc Đồng tuổi độ ba mươi, cũng hơi có tính khinh bạc ; ở trong doanh, hề trông thấy người con gái ấy, liền tỏ ra ý ái-mộ. Người con gái ấy cũng không cụ không khước, bằng đường hữu-tình, bằng đường vô-tình ; hoặc khi mỉm cười rồi lại trông ra chỗ khác, hoặc khi giả cách ra dáng bộ bờ-ngõ, Phúc Đồng hồn-xiêu phách-dãng, không thể tự chủ được. Một hôm Phúc Đồng ở chỗ hậu-tràng, chính gặp người con gái đứng ngồi một mình, Phúc Đồng ôm chặt lấy hai cánh tay người con gái, thuật ra cái ý tương-tự. Người con gái ngậm nước mắt mà nói rằng thiếp là chất bồ-liêu, nhờ có tướng quân anh-nhân đến, thiếp há không biết ; chỉ vì nổi nghĩa-phụ dãi thiếp nghiêm lắm, không có sự yếu-cần, không được đi đâu ra khỏi một bước, vậy tướng-quân tưng-nhiên có lòng yêu thiếp, ân ấy đức ấy, chỉ có thể báo được ở kiếp sau mà thôi. Nói xong, thồn-thức gieo mình vào trong lòng Phúc Đồng kêu khóc. Phúc Đồng vùng đứng dậy mà nói rằng quý-khanh hãy cứ về, ta tất có kế để cứu vớt quý-khanh. Người con gái xét ý Phúc Đồng đã chuyển-động, lại bảo Phúc Đồng rằng sự ấy há phải là dễ đâu, nghĩa-phụ tuổi tuy nhiều hơn tướng-quân, mà cái đục-làm vẫn chưa suy-giảm chút nào, dãi với thiếp thường lộ ra ý khinh-bạc ; nên thiếp ở trong doanh, cũng có phần nguy-hiểm, chỉ muốn cất cánh bay đi nơi khác mà không được, sau này nghĩa-phụ nếu quả sinh ra sự bất-lợi cho thiếp, thì thiếp chỉ có một cái chết để báo tướng-quân mà thôi. Nói chưa xong, vợ Mãn-tướng chợt tự ngoài đi vào, trông thấy Phúc Đồng, hỏi làm sự gì thế. Phúc Đồng chỉ như-nhi ở trong miệng không đáp lại được. Phúc Đồng đã đi ra. Vợ Mãn-

tướng lại hỏi người con gái, người con gái cũng không đáp gì cả, chỉ bưng mặt mà khóc. Rồi vợ Mãn-tướng với người con gái hai người cùng về hậu-doanh. Về đến hậu-doanh, vợ Mãn-tướng lại hai ba lần chất-vấn, người con gái mới gạt nước mắt mà nói rằng con khi ấy chợt đi ra chỗ hậu-tràng tản-bộ, trông thấy một người, tự xưng tên là Phúc Đồng, là chức phó-tướng trong quân bộ, cử chỉ thì khinh-bạc, xuất-ngôn thì vô-lễ, con không thèm trả lời, muốn tức-khắc chạy về bẩm cáo phu-nhân, bị người ấy ôm chặt lấy cánh tay mà giữ lại, lại có những lời gớm ghê không thể vào tai được, đem khuyên bảo con, con sợ phu-nhân nghe lời ấy, thì phát nộ đùng-dùng, cho nên không dám nói. Vợ Mãn-tướng nói rằng mày cứ nên nói cho ta nghe. Người con gái nói rằng người ấy bảo con rằng nghĩa-phụ mày dãi mày bạc-ác, vả toan có sự bất-lợi cho mày, mày sớm chiều lật có đại-họa, làm kế cho mày, không kể nào bằng kế thừa lúc đêm hôm, ám sát nghĩa-phụ đi. Vợ Mãn-tướng nghe nói nổi giận, lập-tức đem lời người con gái báo với Mãn-tướng. Mãn-tướng lập tức hạ-lệnh gọi Phúc Đồng vào, bảo Phúc Đồng rằng ta dãi mày tử-lẽ, mày lại dám đem cái tâm cầm thú dãi ta, nay ta chẳng gết mày, ta sợ ta tất chết ở tay mày. Phúc Đồng ngạc không biết là có gì, toan muốn biện-bạch thì đã bị kẻ bộ-hạ giết đi mất rồi. Sau Mãn-tướng liền hỏi lại nói rằng ta làm rồi ! sự đó tất là trúng cái gian-kẻ của đứa con gái, ta với Phúc Đồng vốn không điều gì, cùng nhau vào sinh ra tử nơi chiến-trường, đã mười năm nay, nay vì một lời nói gièm của đứa con gái, mà thương-hại đến kẻ lương-đồng của quốc-gia, sau này ta mặt mũi nào trông thấy Phúc Đồng ở dưới đất. Mới đem hậu lễ táng cho Phúc Đồng, và truyền đem giết người con gái ấy đi. Vợ Mãn-tướng lại

hết sức biện bạch cho người con gái ấy là oan, ngăn-ngừa chớ nên giết. Chợt Mãn-tướng nhân có việc khác đi ra ngoài, sự ấy nửa chừng lại thôi. Người con gái đã đi về nơi làm thớt, khôn xiết cảm ơn vợ Mãn-tướng. Nhưng lại nghĩ rằng cha mẹ ta và cư dân trong toàn-thành ta, đều bất-hạnh bị giết; ta còn sống ở đời này, thì ta còn để cái bụng báo thù ngày ấy, chỉ ta không thể di-dịch được. Một hôm, vào khoảng nửa đêm, người con gái cầm đồ lợi-khí bước vào chỗ phòng riêng của Mãn-tướng, Mãn-tướng khi ấy còn chưa ngủ, đương cúi đầu xuống mặt án làm việc, người con gái dùng sức mạnh chặt lấy đầu, đem vắt vào trong đồng lửa cháy, trong quân đại-loạn, người con gái vượt qua tường mà trốn đi.

Kỳ-nữ Thăm Vận-Lan

Đời vua Đạo-quang nhà Thanh, đất Hoài-bắc bị phen đói lớn, một xứ Giang-âm, dân bị đói đến đó kẻ có mấy nghìn người. Kẻ thân-hào vùng ấy sợ rằng số người dân đói nhiều quá, thường quấy nhiễu đến các chỗ hương-lý, mới tụ tập một khoản tiền và gạo đem phát-chần, để mong họ chóng đời đất ấy mà đi. Khi ấy kẻ dân bị đói dần-dà người nào người ấy đều đi về chỗ hương-ấp cũ duy có một người con gái một mình ở lại không về. Người con gái tuổi độ mười bảy mười tám, yểu-diệu gầy-gò mà có nhan-sắc, vẻ dáng điệu đi đứng nhân-nhã ung-dung, ra cách con nhà đại-gia, không giống kẻ bình-dân nhi-nữ. Có kẻ hiếu-sự lại hỏi quê quán tên họ là gì? Thì nói rằng: « Nhà tôi ở Hoài-bắc, tôi họ Thẩm 沈, tên là Vận-Lan 韻蘭, điều khác thì không chịu nói nữa. » Vận-Lan ở vùng Giang-âm ít lâu, vẫn có quần áo cũ kỹ, đi hành-khất ở các làng, đêm thì ngủ nhờ ở trong cái miếu, gọi là Nhạc-miếu ở mé đông huyện-thành. Kẻ con trai khinh-

bạc ở vùng ấy hoặc có kẻ đến trêu cợt nói pha trò thì Vận-Lan ngảnh mặt làm thinh, không hề đối-dáp lại. Một hôm vào độ xế chiều, có một tui vô-lại độ vài mươi người, tay cầm đồ nhọn, từ-từ đi vào trong Nhạc-miếu, vì khinh Vận-Lan là kẻ yếu đuối ở cùng, toan bắt hiếp đem đi; kẻ bàng quan ai cũng lấy làm là sự nguy-hiểm cho Vận-Lan. Khi ấy Vận-Lan hành-khất chợt về, trông thấy nhiều người dậm-dịch tụ-tập ở trong miếu đã biết ngay rằng không phải là loài lương-hiện. Tui vô-lại thấy Vận-Lan đến, toan hiếp-chế bắt liền. Vận-Lan thừa cơ cướp ngay được một cái côn của kẻ vô-lại, tay cầm lên múa vù-vù như gió, liền đánh trúng ba bốn người ngã xuống đất, người khác hết thấy kinh-hãi trốn chạy, có người cuống chân đạp ngã, có người mất vía chết ngay. Từ đấy những kẻ vô-lại ở trong thành, không dám dòm nom nữa. Nhưng Vận-Lan vẫn đi hành-khất như thường, không có ý đi về Hoài-bắc, người ngoài cũng không trách-lượng được là người thế nào. Một hôm có một ông hiệu-liêm họ Vương ra làm lễ tiến-hương, dạo đi quanh miếu, vào nhằm một cái nhà nhỏ, trông thấy cái bàn sách bằng trúc, trên bàn có đề vài bộ sách cũ, bên vách lại có treo mấy cái đồ đánh võ; nhân hỏi một ông tui ở trong miếu rằng chỗ này là chỗ người nào ở? thì ông tui đáp rằng họ thị cái chỗ người con gái vẫn đi ăn mày ở đó. Ông hiệu-liêm lấy làm kỳ, muốn dò xét thân-thể người ấy thế nào một chút, thì Vận-Lan khi ấy còn chưa về, ông hiệu-liêm chỉ than thở mà thôi. Chứa bao lâu, gặp hôm mưa tuyết, trời rét như cắt, Vận-Lan đi khất-thực ở mé thành tây thôn Đào-đ, vào một nhà chủ nhà là Hồng Hưu-Tài, Hưu-Tài có người con trai là Nhuận-sinh, trông thấy Vận-Lan đem lòng thương-xót, mới xin với mẹ cho Vận-Lan một mâm cơm và một cái áo gấm cũ. Vận-Lan nhận mâm

com ăn, mà trả lại cái áo gấm. Khi ấy Nhuận-sinh vốn là đem lòng từ thiện thương người, Vân-Lan đi khỏi. Nhuận-sinh cũng không để ý gì đến cả. Cách vài ngày, Vân-Lan lại đi đến nhà Hữu-Tài, qui xuống một hồi lâu, xin yết-kiến chủ nhà. Hữu-Tài nói rằng mày lại đây, lại muốn xin com chăng? Vân-Lan nói rằng con lại đây, không muốn xin com, cũng không muốn xin tiền, chỉ định lại tạ ơn công-tử mà thôi. Hữu-Tài nói rằng cái ơn nhỏ ấy, sao dám nói ơn; vả con ta cũng không muốn nhận cái sự tạ ơn của mày mà mày cứ đi. Vân-Lan thưa rằng con còn có một điều, xin qui-nhân trông xuống xét cho. Hữu-Tài nói rằng mày cứ nói ta nghe. Vân-Lan nói rằng công-tử là người nhân-hậu, con xin khuya sớm ở đây phụng-sự việc khẩn mắt lược đầu cho công-tử. Người nhà Hữu-Tài nghe đến lời ấy, ai nấy đều là lưỡi chẳng nói gì, vì hình-bỉ là kẻ khát-cái vậy. Hữu-Tài nói nhà ta tuy không phải là môn hộ cao quý gì cho lắm, nhưng không khi nào có lẽ lấy đứa con gái đi ăn mày làm vợ, may nên đi ngay Song Vân-Lan cứ qui mãi không chịu đi. Hữu-Tài không biết làm thế nào, mới đem sự ấy chất-vấn ông Vương-hiếu-liêm ở làng diềng. Vì ông hieu-liêm là bậc trưởng-giả ở làng ấy, trong làng có sự gì khó giải-quyết, đều đến thủ-quyết ở hieu-liêm, vả hieu-liêm tức là người trước đã từng vào miếu, toan dò xét thân thể Vân-Lan, cho nên Hữu-Tài đi chắt vắn với hieu-liêm. Hieu-liêm nghe Hữu-Tài nói, càng lấy làm kỳ; liền thân-hành đến nhà Hữu-Tài, thấy Vân-Lan còn qui đó chữa đứng dậy. Hieu-liêm bảo Vân-Lan rằng mày bây giờ cứ đứng dậy, có muốn nói sự gì cứ bảo với ta. Vân-Lan nhân khóc-lóc bảo với hieu-liêm rằng: « Tôi vốn họ Thâm, ở đất Hoài-bắc, đọc sách sáu bảy năm, có từng biết chữ, tập nghề võ cũng có bốn năm năm. Người cha tôi là

Quốc-Nhương, rất tinh về thuật côn-quyền trong nghề võ, từng nhiệm chức tổng-binh đất Xuyên-nam, chẳng may đi chinh-chiến chết trận mất, chữa được bao lâu người mẹ tôi cũng lại chết, tôi mới thành ra là kẻ trơ-vơ. Năm nọ đất Hoài-bắc đói to, thóc gạo trong nhà tôi, bị dân đói lấy đi hết cả, tôi bắt-đặc-dĩ, mới theo chúng cùng đi trốn-tránh sự cơ-hoang. Tôi lại đây đã một năm, xem xét người đã nhiều lắm, chữa thấy ai nhân-hậu như công-tử; việc phụng-sự khẩn lược, thực tôi sỡnguyện. Nếu không thế thì tôi hoa-tàn mệnh bạc, trôi giạt lênh-dềnh ai thương ai tiếc. Qui-nhân nếu quả không cho, thì tôi xin lấy sự chết để báo đền cái ơn bát com tấm áo cho công-tử. » Hieu-liêm trông thấy Vân-Lan cách-bộ cử-chỉ có phong thái con nhà đại-gia, nghe nói cũng lấy làm thương tiếc, mới kíp tán-thành sự đó cho Vân-Lan, dẫn giải mọi đường gia-thế và cảnh-ngộ cho vợ chồng Hữu-Tài nghe, vợ chồng Hữu-Tài vẫn ngần-ngừ, dường như có ý bất-mãn, duy người con là Nhuận-sinh thì vui lòng quả-quyết. Sau khi đã làm lễ thành-hôn, một hôm Vân-Lan đem cái áo của mình ra bảo cho Nhuận-sinh biết, Nhuận-sinh thấy vật trước chỗ ngực, kháu đột mấy lần vải kỹ càng, ở trong dường như có vật, kinh ngạc mà hỏi rằng cái vật gì thế? Vân-Lan nói rằng tôi mang giữ cái vật ấy đã hơn một năm nay. Nói xong liền tháo mấy từng vải kháu đột ra, lộ đều là đồ kim-ngân gia-bảo. Rồi lại đem một tập phong giấy đưa cho Nhuận-sinh mà nói rằng đây là tập giấy biên-chác những số vàng bạc nhà tôi hãy còn. Kể số vàng bạc có hai vạn sáu nghìn lạng, hiện còn để chỗ ấy chỗ nọ, phu-quân nay giữ-gìn lấy; tôi lại đây một năm, sỡ-dĩ không tiếc gì về sự giáng chỉ hiển thân, vì không những chọn người gửi thân, lại chọn người gửi của nữa. Nhuận-sinh mới đem đồ

kim bảo và tập giấy trình với bố, rồi vợ chồng Hữu-Tài khôn xiết cảm-trọng Vân-Lan. Sau Nhuận - sinh cũng là người có chí, khắc-khò lực-học, thi đỗ làm ông hiều-liêm có danh-giá ; làm quan đến Chân-nam huyện tri-huyện, lại có tiếng là thanh-liêm. Mà Vân-Lan thì coi sóc gia-chính, có trật-tự khác

thường, lúc nhàn hạ thì đem nghề võ giáo-thụ cho các con. Tự đó về sau, con cháu họ Hồng không người nào là không biết võ ; mà nghề võ họ Hồng, nức tiếng là bậc cự-phách ở đất Giang-nam.

TÙNG-VÂN

TUÔNG HÁT

NGUYỄN-CHÚA PHÙ LÊ-HOÀNG

TỰA

Thúc-Khiêm từ khi sinh-bình đi học, vẫn lấy việc thánh-học làm thú, bởi nhã nhạc cũng tự đó mà sinh ra, như tấu tuồng thì tức là một khúc võ-nhạc để nuôi lòng khoáng-khái, diễn cách thể-thao, thực có ích cho người ta lắm. Khiêm xem như nước nhà tự trước, kể diễn tuồng thì cách điệu vốn đã là rất hay, nhưng chỉ thấy dùng chữ nho diễn tuồng Tàu thì nhiều, chữ diễn tích nước nhà thì ít, diễn tích nước nhà đã ít, mà diễn tích bản-triều thì ngoài vở Đắc-bằng vở Trưng-kỳ ra không thấy vở nào nữa, như thế thì e rằng chỉ biết khen người mà quên nhà, lấy gì làm gương làm bia cho người nước. Vả vua Thuấn có nhạc Thiệu, vua Vũ có nhạc Võ, tích nước nhà, triều vua mình, có hiềm gì mà không tấu ? Vậy nay Khiêm nhân xem sách sử quốc triều, đem khúc điệu Tây-sương diễn ra lời nôm, làm nên một bản tuồng này, để sánh với tuồng Sơn-hậu của Tàu ; dầu Khiêm là một người học trò xir quê, kể cách điệu vũ nhạc cũng chưa được tinh hiểu lắm, nhưng mỗi xem đến tích quốc-triều, vẫn như gương như bia chói-lọi in ở trong tầng óc, khiến cho mình lòng ghi miệng đọc, tay múa chân dậm, hăm-mộ không bao quên, vậy nay diễn bản này là cốt để tỏ ra lòng mình hăm-mộ mà thôi, nhưng nếu có ai cũng như lòng mình, thì nhân đó mà nuôi lòng khoáng-khái, diễn cách thể-thao, cũng là có chút ích, chứ nói đến sự đem tích quốc-triều làm gương bia cho xã-hội, thì có đâu dám ; vậy xin các ngài tâu nhạc xem nhạc đều hiểu cho, nếu chỗ nào lời lẽ chân quê, cách điệu chưa hợp, xin các nhà chính cho một vài, chứ nghề chơi cũng lắm công-phu, ai hay hát mà ai hay nghe hát. Nay tựa.

HOÀNG-SƠN TỬ-TÀI NGUYỄN THÚC-KHIÊM

Lược dẫn

Tuồng hát này có 2 tấn, 14 hồi, diễn làm 4 tối.
Tấn trên 2 đoạn, 8 hồi, diễn tích đức Chúa Nguyễn (Triệu-tổ) đi Lào, về Thanh-hóa, và công chúa Ngọc-Bảo lấy Trịnh Kiểm.

Tấn dưới 2 đoạn, 6 hồi, diễn tích đức Quốc-công (Thái-tổ) từ Thanh mở Thuận-hóa, và Ngô mi-nhân Thị-Lâm lấy Mạc Lập-Bảo Võ-Đoàn-Trung.

TẤN TRÊN**Đoạn thứ nhất (4 hồi)****HỒI THỨ I**

*Núi Voi-phục chúa Mạc dạy tranh quyền,
Thành rồng bay vua Lê bàn giữ nước.*

Chương-trình

Con gái chúa Nguyễn là công-chúa Ngọc-Bảo ra chơi vườn nước, khi ấy chúa Nguyễn đang làm quan nhà Lê, vì thấy chúa Mạc có ý tiếm Lê, nên ngài cáo quan về than-thở với con; khi nghe tin Mạc vào Thăng-long, ngài vào chầu vua Lê, vua Chiêu-tôn trao cho tờ chiếu, về mộ hương-binh, thì chúa Mạc đến thành, vua Lê thua trận tự-vẫn.

BÀI - TRI

Cảnh vườn hoa — Triều - đình — Đô-thành.

CÁC VAI TRÒ

Người giáo đầu — Ông đồ đẹp đảm
— Người dẫn trò — Công-chúa Ngọc-Bảo — Thị-nữ: Hồng-Tâm và Thúy-Nhị — Chúa Nguyễn — Chúa Mạc — Vua Lê Chiêu-tôn — Bá-quan — Quân lính.

Giáo đầu

Người đánh đầu ra bạch : — *Thét* :
Cuộc trời đất xây nên nền Nam-Việt,

Ngâm : Riêng một buồng Rêu : nước
biếc non xanh ;

Thét hường : Dưới biển Đông sông Nhi
vòng quanh, Trên non Tản rừng Ngang
man mác ; — *Tán* : Rúa, mà *ngâm* :

Người một giống con nhà Hồng-Lạc,
Ai chẳng là trứng nước sanh ra;
Vốn anh em con cháu một nhà,
Mẫu non nước anh-hoa chung đúc lại.

Thét giồn : Ủa mà, Bồn ngàn năm từng
mấy lớp phong-trào đã trải,

Via nam-xuân :

Mấy lớp phong-trào đã trải,
Nước non còn riêng cõi thần-tiên ;
Đức vua thắm khắp dặm nghìn,
Sử xanh muôn kiếp còn truyền bút hoa.

Tiếp nam-xuân :

Vậy nay diễn tích nước nhà,
Chưa mờ nét đá để lòa bóng gương (1).

Ông đồ ra đẹp đảm, bạch : — *Hường* :
Sanh vàng trời đất, học sách thánh
hiền ; trên chúc mừng thánh - chúa
muôn niên, dưới ca - võ thái-bường
trăm họ. — *Tán* : Tôi ông đồ vốn nhà
nho thuở nọ, giọng văn-chương pha
đủ mọi mùi ; chừ rạp tuồng mở tiệc
mua cười, rúa thử diễn mấy hồi ra
đẹp đảm, chớ. — *Thét hường* : Non xanh
ngần-ngặt, biển bạc lâu-lâu ;

Ngâm Nam-bình.

Nước non ai đúc nên bầu,
Quãng đàng phải học bắc cầu mà noi ;
Đua chen lên với cuộc đời,
Vàng đem thử lửa thép mài nên kim.

Than liên-châu : Ngán nỗi nghề đi học,
sớm khuya trần-trọc, công-danh lặn
mọc, — *Thét giồn* : nghĩ càng nát, làm
càng rách, mà — *Rêu* : kêu nữa càng

(1) Đoạn này nói giáo đầu, kể tuồng thì không có, nhưng theo lối chèo mà làm ra, cho có đầu cuối, nên bài này nói trước có trời đất, có non sông, rồi mới có vật người, có thần thánh vua chúa ra mở dựng nhà nước, nên diễn tích nước nhà, để làm gương bia cho người nước, mới là phải lẽ.

nhọc. — *Ngâm* : Kia kia như con — *Réo* : cuộc rồ kêu hè, — *Thét* : những len cùng lóc, những chen cùng chóc, — *Réo* : réo ra réo róc, — *Ngâm* : Rứa mà ai đã — *Réo* : phá con đường hiểm-học cho mày hử cuộc ơi? (1)

Than song-quan : Khi iêng đi học chữ nhỏ, *Ngâm* : áo lương khăn lượt coi ra trò, — *Thét* : mực than thì nhỏ, bút lông thì ho, — *Ngâm* : Đùng bồng chốc ông nghề ông công đã no no, — *Giờn* : thì sao bằng trở về nằm bò !

Đối song-quan : Khi iêng đi học chữ tây, — *Ngâm* : quần hồ áo cánh coi ra thầy, — *Thét* : ngòi sắt thì ghét, nét chì thì rây, — *Ngâm* : Đùng bồng cuộc thầy thông thầy kỹ thời này này — *Giờn* : thì sao bằng trở về đi cày !

Tiếp song-quan, thét : Thôi iêng đi học làm xâm, — *Ngâm* : chết nổi mắt không mù, — *Thét* : thôi iêng đi học ghình ghinh, — *Ngâm* : chết nổi lưng không gù, — *Thét giờn* : Ấu là iêng học mần tuồng quách, thua keo này, bày keo khác, mà người ta vẫn thường phải — *Ngâm* : tiền các bạc bù.

Ngâm tiếp nam-bình :

Ra tay gây ngài trả thù,

Gươm đàn nhẹ ghình san hồ quen chân,

Bua chen trên cuộc hồng-trần,
Cũng bông nữ bạc cũng lần áo hoa (2).

(Hạ)

Người dân trò ra bạch : — *Hường* : Đàng dài lươn gấp khúc, núi cũ cáo quay đầu, còn bụi bay ai tỏ mặt công-hầu, trải gió giạt mới biết màu cây cối (3). — *Tán* : Rứa chữ, — *Thét* : nhớ từ trước nhà Lê (4) dựng cõi, hai trăm năm dòng dõi bao xa, bồng gặp cơn gió táp mưa sa (5), cơ-dờ ấy xảy ra tay họ Mạc (6). — *Tán tiếp* : Uờ bầy chữ đấng chúa Nguyễn là Đức Triệu-tổ, — *Thét* : rứa ngài phải chen vòng loạn lạc, gồng con vua (7) sang nước Ai-lao, cõi Sầm-châu (8) tỏ ngọn cờ đào, thu-thập kẻ tài cao tướng mạnh. — *Tán tiếp* : Bầy chữ ngài mới đem công-chúa (8) gả về họ Trịnh, rứa là Trịnh Kiểm đó

Via nam-xuân :

Công chúa gả về họ Trịnh,

Buộc chỉ hồng trao ghình non sông.

Tán : Rứa mà ngài gả con gái cho Trịnh Kiểm mà trao cho đánh giặc, — *Ngâm* : iêng-hùng gây dựng iêng-hùng, — *Hàn* : rứa thiệt là iêng-hùng tạo iêng-hùng đó, — *Ngâm* : đứt dây họ Mạc nổi dòng vua Lê (10). — *Tán* : Rứa nên công-

(1) Đây nói việc học khó nhọc, mà đường công-danh hiểm-học, nếu văn-chương không có người tri-kỹ đầu-bạt, thì dẫu kêu như cuộc kêu hè cũng không làm gì.

(2) Bài này là mượn giọng nhà nho, ông đồ ra đẹp đám, để cốt tả ý mình ra diên tuông, cũng là một cách nói ba-lan cho vui đám, mà nếu cách điệu khéo, thì người ai cũng lắng nghe, thì hóa ra đẹp cho im đám.

(3) Đoạn này gốc từ lời ngạn nói « anh-hùng gấp phải khúc lươn, khi gấp thì ngắn khi vươ lai dài », lại nói « cáo chết ba năm quay đầu về núi », Tống-sử nói : « trong triều-ai ai biết thiên-tử tề-tướng » ; cô-ngạn nói : « đến khi cả gió mới biết cây cứng mềm » ; nên bốn câu này nói hàm ý nhà Lê nhà Nguyễn khi tránh nạn, khi về nước, khi khuất khi dấy như vậy, tức là câu làm cương cho một bài, tức là câu hướng.

(4) Lê là vua Lê Thái-tổ. — (5) Vua Lê Chiêu-tôn gặp nạn. — (6) Mạc là Mạc Đăng-Dong.

(7) Con vua Chiêu-tôn là ông Ninh, tục gọi là chúa Chồm, sau lên ngôi là Lê Trang-tôn. (8) Nay phu Trấn-ninh. (9) Con gái chúa Nguyễn, sau truy-phong là Ngọc-Bảo công-chúa.

(4) Sách Âm-bảng nói « thời-thế dựng anh-hùng, anh-hùng dựng thời-thế », và nói « thời-thế dựng thời-thế, anh-hùng dựng anh-hùng », như đức chúa Nguyễn dùng Trịnh Kiểm, đó là anh-hùng dựng anh-hùng.

đức ngài chừ hãy để nét bia còn đó.

Vĩa tiếp nam-xuân :

Hãy để nét bia còn đó,

Nay xin bày truyện cũ là đây.

Nước non vẫn nước non này,

Có công lập biển có ngày nên non.

∴

Công-chúa Ngọc-Bảo ra chơi vườn hoa, bạch : — Con nhà chúa Nguyễn, tôi Ngọc-Bảo là tên ; chợt ngày xuân dạo gót hoa-viên, thoảng trận gió sức động lòng hồ-liễu. *Gọi :* A thị-nữ, đừng cùng ta dạo ngắm huê-viên, đây mơ.

Ngâm từ-tuyệt :

Ngoan huê-viên, ngoan huê-viên,
Nô-nức chiều xuân nấn đợi tin ;
Châm một gót xuân xuân đã rộn,
Ngành xuân dịu dàng hạt sương chen.

Ngôi ca Ngọc-mĩ-nhân :

Ngành huê gió gieo đầu ngành,
Chiều xuân khéo như gợi tình,
Xui lòng ôm lòng sầu khách,
Nổi mình vin hỏi ngành huê,
Huê dù huê dù chẳng nói,
Riêng lòng lưỡng những thương xuân,
Hỏi xuân mong xuân sao mà,
Vấn-vit hoa mình vì là-đá,
Vì xuân mặt ngọc da ngà,
Hỏi xuân mong xuân sao mà,
Vấn-vit hoa mình vì là-đá.

Ngâm nam-xuân :

Giọt sương dĩa nặng ngành hoa,
Hải-đường lưỡng bấy là-đá vì xuân ;
Nhấn lời ướm hỏi đông-quân,
Vườn hồng đông mấy học xuân là đây ?

Thị-nữ Hồng-trâm ca hành-vân :

Chiếc trâm hồng, chiếc trâm hồng,
Giắt nụ nụ cài bông.
Mầu thanh sạch, tuyết sạch giá trong.
Về xuân càng sánh đượm,
Ai là không tựa bóng tường đông.
Hồng má hồng má hồng phận đẹp,
Lòng ti thiệp, ngãi chân tay,
Liếc ngang mây, lượn vòng trăng uốn,
Vin ngành mây ngành mây.

Thị-nữ Thúy-Nhị ca tiếp hành-vân :

Cành thoa giắt, hạt kim-châu,
Ngọc lưu-cầu, chỉ vàng xuân vàng xuân,
Chốn vườn hồng, tựa bóng trăng thân,
Lược đầu khăn mắt,
Còn nhiều mong tựa về sau.

Chúa Nguyễn (tự trào về, ra vườn hoa) bạch : — Thét tán : Ta chúa Nguyễn, vốn Lê dương cột, vì Mạc-thần trở gót tới lui, chốn vườn huê mựn thú làm vui, sẽ thử gác cuộc đời cho khuây-khỏa, nhân khi nhân-hạ phóng bộ huê-viên.

Ngâm từ-tuyệt :

Bộ huê-viên bộ huê-viên,
Man-mác ngày hồng trần gió xiên.
Trở gót làm-tuyên vui mựn thú,
Mà lòng quân-quốc dễ bao quên.

Vào hỏi : — A Ngọc-Bảo con cũng ra ngoan-cảnh đó ư ?

Ngọc-Bảo đứng nói : — Dạ, thưa cha, bữa nay cha tự trào về, có sự chi buồn bực, mà coi hình-thần không đặng vui vẻ làm vậy, thưa cha ?

Chúa Nguyễn ngồi nói : — Oa này con, chừ trào-dình tiếng là trào Lê, rủa mà cường - quyền về tay chúa Mạc hết thảy, vậy cha nghĩ buồn quá, nên từ quan trả chức mà về đó, a con.

Ngọc-Bảo nói : — Dạ thưa cha, người ta bảo núi có hầm thiêng, thì rau « lê » không ai dám hái dặng, rủa mà chừ cha trả chức về hưu, thẳng ngô chúa Mạc tiếm Lê thì làm thế nào, thưa cha ?

Chúa Nguyễn nói : — Uở này con — *Thét hương :* Rủa con là phận gái, chi ngổ việc triều - đình ; — *Tán :* Dẫu chừ cha về rủa thì về, nhưng nếu Mạc tiếm Lê chẳng rủa rủa sao cha có ngồi yên dặng ; — *Thét hương :* Tắm thân giang-hồ, tặc lòng lang-miêu, — *Tán :* có bao chừ mà quên dặng a con.

Ngâm nam-bình :

Chớ nghĩ mình phương-diện quốc-gia
Bá vàng cũng quyết phong-ba cũng liêu.

Ngọc-Bảo nói : — Dạ thưa cha, con coi cha từ trào về đã mệt, rứa xin cha hãy về nghỉ.

Ngâm nam-xuân :

Chớ trên vì nước dưới vì nhà,
Trẻ con đã biết đâu mà dám thưa.

(Ba)

(Bày cảnh triều-đình)

Chúa Mạc (vào Thăng-long tiếm nhà Lê) ra bạch ; — *Hương* Ngôi đất rồng bay, một nhà vương-đế ; đầu non voi phục, bảy quận anh-hào ⁽¹⁾ — *Tán xưng danh* : Như ta nay chúa Mạc — *Thét* : trải mấy năm kinh quốc ra vào,

Ngâm : lô núi xiêu thành một lưỡi đao (2).

Thét : trách thay vua Lê sao chẳng nghỉ (cười) oa há há.

(1) Xét kiểu đất nhà Mạc nói « Hoàng-long chi hải, vạn đại đế vương 黃龍至海萬代帝王 », sau thầy Tàu phúc lại nói đó là hoàng sà chi hải trị lục thập tải. 黃蛇至海治六十載 », rồi quả như thế. Vả chúa Mạc là người làng Cồ-loa huyện ngi-hương tỉnh Kiến-an. trước thuộc về tỉnh Hải-dương đó có núi Voi-phục là tô-sơn đất ấy nên câu ngạn nói : « Hải-dộng thất quận hào-kiệt ». Đây là chúa Mạc nói thế là có ý cạy được đất tốt người giỏi có chí toan làm vua.

(2) Chúa Mạc trước lấy sức khỏe, đỗ trạng vũ-khoa đô-lực-sĩ nhà Lê, rồi làm quan đến chỉ huy-sứ. Nên đó nói khỏe mạnh giỏi như vậy.

(3) Câu ngạn nói « xe chỉ buộc chân voi chân ngựa », là nói lấy phép luật giàng bước lòng người. Đây mượn tả chúa Mạc nói trách vua Lê không biết người, toan lấy quan-tước buộc mình vào phép luật, nhưng mình vốn là người việt đàng phá chổi, không phải quan tước áo xiêm gò buộc được, cho vào trong lung-lạc cả, chẳng qua vua Lê xe chỉ lại buộc tay mà thôi. Xét đoạn này tả giọng lưỡi chúa Mạc rất khó, vì nói không mạn-mẽ, vì nhu-nhược, không phải giọng gian-hùng, mà nếu trách vua Lê quá lời thì ngạo-ngược không phải thể tôi con, nên đây tả chúa Mạc chỉ nói khỏe mạnh giỏi, và trách vua Lê chỉ trách không biết dùng người, và không bó buộc được mình mà thôi, thế mới rõ là giọng gian-hùng, và đối với vua Lê, không ngạo, không thất thể.

(4) Đây tả chúa Mạc gọi truyền trăm quan về Thăng-long để rõ lúc bấy giờ chúa Mạc đã tiếm nghi-vệ thiên-tử.

(5) Bấy giờ chúa Nguyễn ngài đã làm quan cáo lão về hưu rồi, nhưng nghe thấy tin Mạc ngài lại khởi thân vào chầu vua Lê, là có ý như đức Khổng-tử đã cáo lão nghe thấy Tề Giản-tử giết vua nước Tề, mà ngài tám gọi vào chầu vua nước Lỗ xin đi đánh đũa có tội;

(6) Xét nhà Nguyễn vốn người làng Gia-miêu, tỉnh Thanh-hóa sau làng đó là qui-hương gọi là Bái-đô, Bái-đền. Mía Bái-đền rất ngon, quế Thanh-hóa rất quý, đều là vật có tiếng. Nên đây tả Chúa Nguyễn nói đất thiêng vật tốt, chắc là có người hay. Vả nước non đó cũng cốt có nhà vua gây dựng ra.

Via nam-bình

Rửa đó mà sao chẳng nghỉ,
Toan buộc chân với sợi chỉ đào ;
Luống công xe sợi chỉ đào,
Chỉ xe xe chỉ biết vào tay ai (3).

Gọi : Quân, troàn bá-quan tề-chính can-đại, dặng mỡ tới thiêng rồng toan việc nước đây mơ (4). (Ha)

Chúa Nguyễn nghe tin Mạc tiếm Lê, vô trào (5) bạch : *Hương* : Mía dân nơi đền Bái, quế mọc cõi Thanh-hoa ;

Ngâm : Nước non vẫn nước non nhà,
Vi ai gây dựng nên một ruộng đất cổ rừng
hoa (6),

Tán : Rứa ta nay chúa Nguyễn,

Ngâm : Nhờ ơn vua trăm hốt một nhà ;

Thét : bởi vì bước công-danh lui tới,

Ngâm : Chốn non quê nương tựa tuổi già.

Tán : Nhung rứa mà nghĩ đến câu
giang-hồ lang-miếu,

Ngâm : Thi già nay chưa dễ mà già (1). *Thét tán* : ước chừng bỗng nghe tin họ Mạc, ở ra lòng vong-quân bội-chủ, lẩn lát cõi sơn-hà, ta nay đạo thần-tử, cơm vua áo chúa, sá kể chi trời cao biển rộng, nước thăm non xa.

Ngâm nam-bình :

Chen vai gánh vác sơn-hà,
Chi nề sương tuyết xông-pha ngại-ngùng.

Gọi : quân, dựng cho mô vô trào bãi mệnh, a,

Ngâm bắc-tàu-mã :

Xa xa đàng mắc nganh,
Con ngựa hồ sức mạnh dường bao ;
Chếch-chếch nguyệt cái đao,
Thanh kiếm bạc tay trao từ đó.

(Hạ)

Vua Lê Chiêu-tôn (nghe tin Mạc ban trào) ra bạch : — *Hường* : Non mây rỗng ấp bóng, biển nước cá chia vây ; nhớ từ ngày đắp nắm trồng cây, sá nữ dễ lể bìm đồ gấu (2). *Tán* : Trẫm vua Lê vốn dòng thần-hậu, nước non nhà dầm dẫu sơn tươi. *Thét hướng* : Rừng Ngang, núi Lân, sông Nhị, biển khơi,

Ngâm : Trào-dinh riêng một góc trời,

Thét hướng : thiêng sững mây xanh ngất, non dải bóng vàng phơi,

Ngâm : Cơ-đồ gây dựng mấy mươi đời,

Thét : Rửa mà sá ghê cho họ Mạc chớ ai, chớ ai mà muốn những,

Ngâm : Đặng ngay một bước bước lên trời.

Thét : Sá không nghĩ, *hường* rút dây rừng động, xiêu thiêng đất lở,

Ngâm : Dễ mà chớ.

Gọi : Quân, troàn bá-quan vô trào, đặng cho trẫm phán đây mơ (3).

(*Quán dạ dạ*. — *Bá-quan ra cùng ngồi*).

Chúa Nguyễn vào qui tâu : — *Dạ* dấm tâu tôi chúa Nguyễn vô trào.

Vua Lê ngồi nói : — Đặng ai như chúa Nguyễn, *Thét* : ăn quả phải nhớ người trồng cây. Trào Lê ta từ khi gây dựng nước non này, kể xiết bao công-trình vun đắp, mới dựng có ngày nay, sá ghê cho họ Mạc, *Thét hướng* : Chỉ toan sự béo cò đục nước, không quản chi tìm cá leo cây (4). *Tán* : Rửa như trẫm quyết một phen này, *thét hướng* : Non rung, núi đổ, cát lở, bụi bay (5). *ngâm* : Ngẫm mà xem cơ tạo vẫn xoay, *giôn* : Đất có gấu gấu lại mọc, *Ngâm* : Khuyên ai đừng phụ nước non này.

Ngâm nam-thương :

Nước non vẫn nước non này,
Đào cây vương rế rút dây bên động rừng. (6)

(1) Chúa Nguyễn vốn là quan nhà Lê đã mấy đời, vì thấy chúa Mạc lộng lẫy, toan bức vua đời kinh-đô về nơi quê Nghi-dương, nên ngài cáo lão về. Và sách *Tống-sử* ông Phạm Trọng-Yêm có nói rằng : « quân-lữ ở chốn lang-miêu, thì lòng lo dân, lui về giang-hồ, thì lòng mến vua », nay tả chúa Nguyễn nói đến câu đó, thì dẫu cáo già về, nhưng lòng vẫn chưa già, cũng như ông Hoang-Trung ở đời Thục-Hán nói rằng : « Ta dẫu già nhưng con gươm ta chưa già là khảng-khái lắm.

(2) Đoạn này câu thứ nhất vua Lê tự nói mình, câu thứ nhì trở chúa Mạc, hai câu dưới mượn loài cây cỏ để nói trá chữ « lê ».

(3) Đoạn này tả vua Lê nói cơ-nghiệp nhà Lê, gây dựng khó nhọc, nay chúa Mạc muốn một bước đã lên trời ngay, thì cái sự đó khó quá, vả chúa Mạc không nghĩ, chớ rút dây thì động rừng, xiêu thành thì lở đất, đó là quan-hệ lắm, nếu nhà vua không yên, thì bầy tôi chưa dễ mà yên được.

(4) Câu ngạn nói : « đục nước béo cò » là nói kể sinh việc quấy rồi dễ kiếm ăn mồi. Sách *Manh-tử* nói : « leo cây tìm cá » là nói kể không biết lẽ làm càn. Đây tả vua Lê đối chúa Nguyễn nói họ Mạc chỉ quen đục trời quấy nước cho ích mình, mà hết sức gắng công làm vô-lý như vậy.

(5) Đây là tả vua Lê nói hùng-phấn như vậy.

(6) Đây tả vua Lê dặn dò chúa Nguyễn lấy nghĩa ăn quả nhớ kẻ trồng cây, và nói cơ-nghiệp nhà Lê như hoa cỏ mầm hạt rồi có lẽ lại mọc, cho họ Mạc dù mạnh, chưa chắc đã đào cây dứt rế được nào.

Chúa Nguyễn qui tàu: — Cúi đầu
tàu bệ ngọc, ngửa mặt động ngai vàng;
dù ai lay lá ngọc càn vàng, nhưng
tôi vẫn giữ lòng son dạ sắt.

(Tàu xong trở dậy đứng tham trào).

Vua Lê ngồi nói: — Đấng a chúa
Nguyễn, trăm vẫn biết chúa-công là
một người huân-cựu, trải bấy lâu thoái
lão giang-hồ, vẫn một lòng mến chúa
mộ vua, rứa là trăm ban cho chỉ-du,
đặng gắng sức khuông-phò nguy-chúa,
kíp lui về chiêu mộ hương-binh, nếu
Mạc nay phạm tới đô-thành, đặng đề
trăm điều-binh xuất tướng, nghe.

Chúa Nguyễn đứng ra nói: — Vâng
lời chỉ-du.

Via nam-lâu-mã

Dạ dảm vâng lời chỉ-du,

Kíp lui về chiêu-mộ hương-binh;

Trải bao non-nước gập-gheñh,

Ngựa hồ thẳng ruồi tới mình quê hương.
tiếp: Tay trao một lưỡi gươm vàng,

Lá tờ ngư-chiều mấy hàng chữ son.

(Hạ)

Tiểu-tốt báo: — Cặp-báo, cặp-báo!
đại-nguy! đại-nguy! trước thành nam
quân kéo đen sì, sau cửa bắc cờ bay
đỏ khé!

Chúa Mạc đến ngoài thành, ngâm bắc-tâu-mã:

Cặp-cặp hành-hành,

Lệnh-hành tiên-tiêu.

Trước ngoài sông Nhị hàng quân kéo.
Sau/nẻo non Nùng vó ngựa giông.

Vua Lê ra đời trận nói khiêu chiến:
— Hỡi ai như chúa Mạc người dù có
như chông như mác, cũng là người xanh
bạc, âu chừ trăm cùng người sống thác,

Via:

Chừ trăm cùng người sống thác,

Đành tiếng thom ghi tạc với non sông (1).

*Chúa Mạc đứng đời-trận nói khiêu-
chiến:* — Thôi nói chi vua Lê, trải bấy
lâu dù ngựa dù xe, dây cũng không
quản hề, bởi vì ai gây sự phân chia,

Via:

Vì ai gây sự phân chia,

Càng rộng lối đi về trong đất nước (2).

Chúa Mạc đứng nói đoản-mã. —
Liếc mũi đao đồng, tung núi
lò lung-
tung đá lở,

Vua Lê đứng nói đoản-mã: — Trao
con kiếm bạc cắt chồi oan tặc-đác hoa
roi (3).

Vua Lê thua trận nói: — Thôi thôi
dành là thác, rứa ta đây có kinh-ngạc
chi mà.

Ngâm nam-thương:

Hai vai gánh vác sơn-hà,

Dù khi gió táp mưa sa cũng đành,

(1) Đây tả vua Lê nói chúa Mạc dẫu mạnh, cũng là người bạc-bãnh, ta đành liều chết
một trận cũng còn tiếng thom với non sông, cũng như *Tả-truyện* nói trận đánh ở Càn-thời, dù
thua cũng sừng, là vì nghĩa trả thù.

(2) Đây tả chúa Mạc nói mình trước chiêu chuộng vua Lê, đề cho được xe ngựa tử-tế,
nhưng bởi vua Lê có lòng toan mưu bỏ mình mà chia lòng tây riêng, thì nay mình càng
tung-hoảnh, không sợ gì, là ý nói bỏ vua Lê đi, thì càng thừa ao tốt cá. — Lại xem đoạn
này hai bên đứng bày trận, cũng như *Tam-quốc-chi* nói hai trận song bày, hai tướng ra cửa
Viện-môn khiêu-chiến một lúc, rồi mới đánh nhau.

(3) Hai câu đoản-mã này hai bên đánh giáp trận một hai keo, như *Tam-quốc-chi* nói một
hai hợp rồi dừng nói câu đoản-mã, bên chúa Mạc biết cơ là được, nên hoành đao cây mình;
bên vua Lê biết cơ là thua, toan cầm gươm tự-tận. đó là cách đoản-mã, cũng như Tây-
sương-khúc-trụ-mã-thỉnh, là những câu vắn-tắt dòn-dã như thế.

Mặc ai nghiêng nước nghiêng thành,
Đọc ngang núi Tản tung-hoành sông Thao (1).

Nói rồi tự-vãn

Chúa Mạc thẳng-trần nói ; — Thôi
thôi vừa gặng sức, như ta đây dù nô-
nức mà chi. *ngâm nam-bình :*

Một tay rộng mở kinh - kỳ,

Từ đây lối lại đường đi mặc dầu ;

Dua chơi kia quán nọ lầu,

Phi-tần Trà-lịch công-hậu Cổ-trai (2).

(Hạ)

HỒI THỨ II

Tới rừng Lào tướng Trịnh tìm bà hậu.
Qua ải Lào chúa Nguyễn gồng con vua.

Chương-trình

Khi vua Lê mất, bà Lê-hậu đem Hoàng-tử
Ninh vào rừng tị-nạn, chúa Nguyễn cùng ông
Trịnh Duy-Sán đi tìm, mãi mới gặp, rồi cùng
đem Hoàng-tử sang Lào. Cảnh này có thắm
xót khải-khảng hơn ải Sơn-hậu chỗ Khương
Đình-Tá ở Đàng Thiên-Lạc đem thứ-phi tị-nạn.

BÀI TRÍ :

Cảnh rừng núi và đường đi.

CÁC VAI TRÒ

Bà Lê-hậu — Hoàng-tử — Tiều-phủ
Chúa Nguyễn — Trịnh Duy-Sán.

...

Bà Lê-hậu ôm Hoàng-tử Ninh tránh
nạn ra bạch : — Than : ời thương ời !
Hương : mây lồng cung quế, gió lạnh
buồng tiêu. *Tán* : tôi vốn Lê hoàng-hậu.

gặp phải khi loạn Mạc, *Ngâm* : bỗng xui
nên chân sóng mặt bèo (3). *thét* : ời Tiên-
quân ơi ! *Lâm-khốc ngâm nam-thương* :

Chớ dù đầu giải kết đến điều,

Thì đem vàng đá mà liều với thân (4).

Thét : ời Tiên-quân ơi ! *Tiếp nam-thương* :

Tiệc thay trong giá trắng ngàn,

Đến phong-trần cũng phong-trần như ai (5)

Thét đại-lâm-khốc : ời trời đất ơi ! rứa
như tôi nay, *hương* : chín khúc sóng
giòn, đôi hàng châu rử, một lòng mển
chúa, hai tay diu con (6), *gọi* : ời
Hoàng-tử ơi ! con ra đây cho mẹ ẵm con
đi, kẻo cha con đã mắc nạn rồi, ời con !

Ngâm tiếp nam-thương :

Chớ con tìm mẹ mẹ tìm con,

Cỏ hoa man-mác nước non lạnh-lùng (7).

(Đi quanh vào.)

(Hạ)

Tiêu-phu ra bạch : — *Hương* : Trăm
vàng non tía, nửa dãy rừng hồng, *tán* :
như tôi nay tiều-phủ, *thét* : trái mẩy
lần sương sa tuyết ủ, non nước một
vùng, buồn vì nỗi loạn-lạc, *hương* : cõi
rừng lau-lác, ngụ-chỉ tang-bồng, *thét* :
rứa như ta nay, *ngâm nam-xuân* :

Thảnh-thơi non tía rừng hồng,

Hai vai gánh vác một gồng quan-san.

Tiếp : Trái bao gió núi trắng ngàn,

Tựa vầng vách đá buồng màn đỉnh mây.

Tán : Rứa như mình tối đầu là nhà,
ngã đầu là giường, dù loạn-lạc vẫn
bằng chân như vại có hề chi.

(1) Đây vua Lê nói tự-tân, đành non sông phó mặc họ Mạc.

(2) Đây chúa Mạc nói khéo được nước, dù triều-thần nhà Lê có xôn-xao cũng không làm
gì, từ đây tha-hỗ phóng-túng. Vả chúa Mạc là người làng Cổ-trai lấy phi-tần người làng Trà-
phương, chỗ ở có núi Trà-sơn, kiêu đất có đủ trăm kinh nga-mi, vậy kiêu địa-lý nói rằng :
« Cổ-trai đế-vương, Trà-phương phi-tần ». Đây là tả chúa Mạc nói từ đó chơi-bời sang-trọng
như thế.

(3) Đồi cỏ nói trên mặt trăng có cây quế, nhân bảo cung trăng là cung quế. và buồng bà
hậu-phi thuở trước thường trát bằng hạt tiêu, để lấy hơi ấm, gọi là buồng tiêu. Đây tả bà
Lê-hậu nói mây lồng gió lạnh, là có ý mất ngôi tị-nạn rồi xưng-hiệu. mà nói lai-lịch như thế.

(4) Đó tả bà Lê-hậu lấy vàng đá thề tiết-liệt mình.

(5) Đó tả bà Lê-hậu than bằng sương gặp cơn gió bụi.

(6) Đó tả bà Lê-hậu đồng-khốc kêu trời đất và tỏ hết tình-cảnh mà khóc vua Lê.

(7) Đây tả bà Lê-hậu khóc vua Lê rồi gọi Hoàng-tử ẵm đi tị-nạn vào rừng.

Bà Lê-hậu ẵm con ra hỏi : Ơi chú
tiều-phu ơi, chớ đây có phải lối lên
rừng Lào không, a chú ?

Tiều-phu nói : — Chớ Mẹ con nhà
mụ đi mò, mà hỏi lối lên rừng Lào,
hay cũng muốn lặn vào kiếm củi ? Như
ta đây bạn cùng cây cối, chẳng quen
đàng len lối mò tề, thôi mẹ con nhà
mụ đi đi cho rồi (1).

(Ha)

Bà Lê-hậu ngồi ôm con khóc : —
Thét : Ơi như con ơi ! Ngâm nam-thương :
Chớ chung quanh những nước non người,
hàn : rứa như thân mẹ nay da mồi tóc
bạc, Ngâm : Ngành Lê trắng điềm một vài
bông hoa. Thét : Ơi Tiên-quân ơi ! Ngâm
tiếp : Chớ bằng nay bõn bề không nhà, Hàn :
rứa như mẹ con tôi, Ngâm : Hoa trôi mơn-
mác biết là về đâu (2) !

(Đi quanh vào.)

(Ha)

Chúa Nguyễn ra (khóc vua Lê, rồi
đi tìm bà Lê-hậu với Hoàng-tử) ra
bach : — Hương : Chợt nghe tin báo,
khúc dạ bồn-chồn, Thét : Ơi trời ơi là
trời ! Réo : Thôi ! Ngâm nam-thương :
Nghịch Lê đồ núi rung non, Hàn : Chừ biết
mần rằng cho dặng ! Ngâm đại-lâm-khốc :
Vua cha rắp khúc tôi con đau lòng ! Thét : Ơi
trời ơi là trời ! rứa như tôi chúa Nguyễn,
Ngâm : Thờ vua cha hai chữ hiệu-trung,
Hàn : phận tôi con đi làm vậy, Ngâm :
Chớ dẫu ngoài lang-miêu cũng trong giang-
hồ (3). Thét : Sá ghê cho họ Mạc Ngâm :
Dám đương đầu trái nước bội vua ! Thét :

rứa như nó, Ngâm : Dù hết trúc non Nam,
dễ hồ ghi không hết tội (4).

Gọi : Quân, dặng cho mỗ lên đàng thẳng
ruổi :

Vía nam-tầu-mả :

Đặng mỗ lên đàng thẳng ruổi,

Sẽ thăm dò con nối nhà vua,

Xa xa ruổi gót ngựa hồ,

Gập-ghech bãi Bắc quanh-co ngàn Đoài.

Tiếp : Mông-mệnh cá nước chim trời,

Người một nơi hỏi một nơi ngại-ngùng (5)

(Đi quanh vào)

Bà Lê-hậu ôm con ra đi đường rừng
khóc : — Thét : Ơi Tiên-quân ơi !

Ngâm nam-thương :

Rừng phong thu đã nhuộm màu,

Hàn : Chớ như mẹ con tôi tới ni, rừng
sâu núi thẳm, Ngâm :

Trông vờ cổ-quốc biết đâu là nhà !

Thét : Ơi Tiên-quân ơi ! Ngâm :

Chớ xưa sao phong gấm rủ là,

Hàn : mà chừ xảy ra bước làm vậy.

Ngâm :

Chớ lòng ai biết cho ta hỏi lòng (6).

(Quanh vào)

Trịnh Duy-Sản ra (trách Mạc rồi đi
tìm bà Lê-hậu với Hoàng-tử) bach : —
Hương : Sực nghe tin nói, xiết nỗi kinh
hoàng. Thét : Sá ghê cho họ Mạc là một
đứa nghịch-cường hung-hãn (7) Tân :
rứa như tôi nay dòng họ Trịnh, biểu
danh Duy-Sản, mấy mươi năm dực-
noãn vua Lê, nay bất-kỳ gặp buổi loạn-
ly, không biết bà Hoàng-hậu đem
Hoàng-tử đi đàng tề chẳng chớ ?

Gặp tiều-phủ hỏi :

(1) Đây là tả người tiều-phu nói ý ẩn-dật, không chịu ra len-lỏi luồn lọt gì với đời, nên không quen lối đi.

(2) Đó là tả bà Lê-hậu hỏi tiều-phu không trở lối rồi vỗ con khóc vua Lê mà đi.

(3) Đây tả chúa Nguyễn ra khóc vua Lê, và nói giang-hồ lang-miêu cùng đạo tôi con đề tỏ ý ngài đã cáo-lão về, nhưng thấy nghĩa phải làm.

(4) Đây tả chúa Nguyễn trách họ Mạc tội không xiết chếp.

(5) Đây tả chúa Nguyễn đi tìm chưa gặp.

(6) Đây tả bà Lê-hậu than bước gian-nan, không ai tỏ cho mình.

(7) Đây tả ông Trịnh Duy-Sản nói nghe tin vua Lê, rồi kể tội họ Mạc như thế, nhưng nói khác giọng chúa Nguyễn trên ấy, lại là một cách biến-văn.

Bớ người tiều-phủ, người có thấy người đàn bà nào ẵm một đứa con nít sớm qua đây không?

Tiều-phủ nói: — Dạ bẩm ngài, tôi sớm đi kiếm củi, có thấy một người đàn bà, ẵm một người con nít, đi lên mãi quãng rừng xa xa trên tê.

Trịnh Duy-Sản nói: Ừ nghe như tiều-phủ nói muốn phải, ầu là ta ruồi ngựa hồ thẳng tới ngàn tê.

Ngâm nam-tầu-mã:

Ngựa hồ thẳng tới ngàn tê.

Mây che cửa động trắng kẻ đỉnh non (1).

(*Quanh vào*)

Bà *Lê-hậu* lại ra ôm con đi dạo rừng khóc: — *Thét*: Ồi Tiên-quân ơi!

Ngâm nam-thương:

Nhớ đất bần nơi sông đùng đùng,

hàn: Chớ như mẹ con tôi trông ngang trông ngựa.

Ngâm:

Cát vàng còn nọ bụi hồng dậm kia.

hàn: Ồi con ơi con!

Ngâm:

Chớ thương con lòng nặng chề chề.

hàn: Rửa nay như thân mẹ,

Ngâm:

Màu hoa lê hãy dầm-đĩa giọt mưa (2).

(*Quanh vào*)

Chúa Nguyễn ra gặp *Trịnh Duy-Sản* hỏi thăm bà *Lê-hậu* với *Hoàng-tử*: — Oa ông *Trịnh Duy-Sản*! à mà ông *Trịnh*

Duy-Sản, chớ ông có biết bà *Hoàng-hậu* đem *hoàng-tử* đi dạo mô chằng chớ (3)?

Ông Trịnh Duy-Sản hỏi *chúa Nguyễn*: — Dạ bẩm ngài hỏi *Hoàng-hậu* với *Hoàng-tử* có việc chi (4)?

Chúa Nguyễn diu *Duy-Sản* ngồi nói chuyện: — Oa, ông *Trịnh Duy-Sản*, này *chúa Mạc* nó làm điều *hung-hãn*, rửa như anh em mình phải ra tay *đực-noãn* chừ-*hoàng*.

Ngâm:

Chớ trong một lưới gươm vàng,

thét: Sá nữ đề đưa gian cường bội nghịch. — *Tán*: ừ, rửa may gặp ông đây, — *Thét*: xin hãy ngồi vãi cỏ, tôi nói cho thiên thanh địa bạch, — *Ngâm*:

Chớ con gươm này, — *Giờ gươm thét*: quét sạch lũ yêu ma. — *Hỏi gan*: rửa hỏi ông có biết *Hoàng-hậu* đem *Hoàng-tử* đi dạo mô chằng chớ (5)?

Trịnh Duy-Sản nói xin *chúa Nguyễn* thề ước làm anh em, sẽ đưa đi tìm *Hoàng-hậu* với *Hoàng-tử*: — Dạ bẩm ngài, — *Thét*: ngài còn ghét những loài *hung-hãn*, huống như em dễ thấy nòi *bội* bạn mà tha, — *Tán*: rửa em cũng đi tìm *hoàng-hậu* và *hoàng-tử* từ bữa hôm qua, vừa mới nghe tên *tiều-phủ* nó nói, có một người đàn bà, ẵm một người con nít, đi lên mãi quãng rừng xa xa trên tê, — *Hương*: vậy em rắp lên

(1) Đây tả *Trịnh Duy-Sản* hỏi thăm *tiều-phủ* rồi ruồi ngựa lên rừng *Lào*, thì trời đã xế hôm, trăng thượng-huyền đã lừng-*lơ* trên đầu núi.

(2) Đây tả *Lê-hậu* than bước loạn lạc thương con mà tủi khóc.

(3) Đây tả *chúa Nguyễn* gặp *Trịnh Duy-Sản* nửa ngờ nửa mừng, chỉ cốt mau hỏi được tin *Hoàng-hậu* với *Hoàng-tử*, nên câu hỏi ngờ ngờ mừng mừng có ý rối-rít như vậy.

(4) Đây tả *Trịnh Duy-Sản* vốn đã nghe tin *Mạc* rồi, nhưng giả làm bớ-lờ chưa biết đề hỏi xem ý *chúa Nguyễn* thế nào. Thế mới ra *bực* lão-thành kín đáo.

(5) Đây tả *chúa Nguyễn* nghe *Trịnh Duy-Sản* nói như chưa biết tin *Mạc*, rồi rút gươm của vua *Lê* trao cho mình trước mà bảo *Duy-Sản* rồi cũng diu ngồi vãi cỏ nói chuyện, mà tuốt gươm chém đất *bạch* lòng trung, và chỉ cần hỏi tin bà *Hoàng-hậu* với *Hoàng-tử* làm cốt, đó lại là một *bực* lão-thành trung-thực nóng nảy lắm.

tê, bỗng gặp ngài tới đó, — *Thét* : hai ta một lòng phù chúa, xiu với ngài kết ngài anh em, dặng em sẽ đưa tìm hoàng-quyển (1).

Chúa Nguyễn nói thề với Trịnh Duy-Sản rồi cùng vào rừng Lào : — Oa, ông Trịnh Duy-Sản, đã một lòng chỉ quản công lao, — *tuốt gươm trở trời chém đất, thét* : Âu thì ta tuốt con gươm vạch đất mà chỉ thề với trời cao, anh em mình đến tới rừng Lào, xem có thiệt chừ hoàng chẳng chớ (2).

Hai ông cùng đứng dậy vào rừng Lào.

Ngâm bắc lầu mã :

Xách con lương-mã,
Ruổi mau tiền lộ,
Bồi hồi thu sắc mộ,
Lạc lạc lữ hoài cô,
Trên đỉnh đèo vàng đá lộ chớ,
Ngoài cửa động gương thu lấp-lánh (3).

Chúa Nguyễn đi đường rừng ngâm *tứ-tuyệt liên-chi* :

Bóng ác chênh chênh xế đỉnh đèo,
Đầu rừng lấp-lánh mảnh trăng treo ;
Conggươm chéch chéch vòng trăng uốn,
Xa ruổi đường rừng mấy khúc oeo (4).

(1) Đây tả ông Duy-Sản cùng chúa Nguyễn ngồi nói chuyện, thấy ngài mười phần trung-phần, bạch ngài đồng-tâm, bấy giờ mới nói nghe tin tiêu-phủ, nhưng hãy xin kết làm anh em, mới sẽ đưa tìm hoàng-quyển, lời nói nửa lộ nửa kín, thực là bực lão-thành cần thận không gặp người nói tri-ky ngay.

(2) Đây tả chúa Nguyễn đã tuốt gươm thề với Duy-Sản làm anh em, bèn giục Duy-Sản cùng lên rừng Lào xem có thực Hoàng-hậu với Hoàng-tử ở đó không, vì trảm tai nghe không bằng một mắt trông thấy, đó lại là bực lão-thành chu chỉ lắm.

(3) Đây tả hai ông ruổi ngựa đi đường rừng, bấy giờ trời đã chiều, chỉ thấy những vùng non đá sừng, cửa động trăng cài, cảnh chiều hôm lạnh-lùng như thế.

(4) Đây tả chúa Nguyễn nói buổi chiều bóng gác trăng tà, mà mình vẫn con gươm yên ngựa gióng ruổi chốn đường rừng như vậy.

(5) Đây tả Trịnh Duy-Sản nói đường rừng quanh quất, ngựa thét gió chiều, có ý cảm động lắm.

(6) Đây tả cảnh chiều, ngựa thét gió, chim liệng cành, ngàn hoa man mác, thực cảm động lắm. Xét cổ có câu «*Hồ mã tê bắc phong, Việt điều sào-nam chi* » là có ý mền phong-thổ cũ.

(7) Đây tả ông Sản trông thấy đàn chim tinh-vệ ngâm đá lấp biển mà cảm hứng.

(8) Đây tả chúa Nguyễn nói loài chim phải cung thì hay thấy cây công là lạng, những đàn chim đó tránh cung rầy đã quen dạn rồi, vậy thành ra loài chim khôn không ai lấy dây giàng buộc được nữa. vậy nói có ý gọi bạn từ hang tối lên cây cao mà thôi, xét cổ-thư nói «*Kinh cung chi điều, kiến khúc mộc nhi cao phi* » và nói «*hồng phi minh minh, đặc-nhân hà mộ* » và kinh Thi nói «*Xuất cốc, thiên kiêu ; cầu kỳ hữu thành* », đều là ý đó cả.

(9) Đây tả ông Duy-Sản nói loài chim đó gọi bạn lấp biển để chờ cho biển trong, nay anh em qua đó trên non dưới biển, ruổi ngựa nghe chim tinh cảm động mà không biết chiều trời đã muộn.

Trịnh Duy-Sản ngâm tiếp :

Xa ruổi đường rừng mấy khúc oeo,
Ngựa hồ mệt mỗi bước leo treo ;
Xa xa dãy núi dưng trông lại,
Gió cuốn đầu rừng ngựa thét kêu (5).

Chúa Nguyễn ngâm tiếp :

Gió cuốn đầu rừng ngựa thét kêu,
Mền ngành liệng tổ chiếc chim tiêu ;
Ngựa Hồ chim Việt tinh lai-lánh,
Man-mác ngàn hoa trận gió reo (6),

Trịnh Duy-Sản ngâm tiếp :

Man-mác ngàn hoa trận gió reo,
Vượt ngàn chim ngâm đá vàng gieo ;
Gắt công lấp biển xưa nào quản,
Kìa bọn chim rừng bé tẻo-teo (7).

Chúa Nguyễn ngâm tiếp :

Kìa bọn chim rừng bé tẻo-teo,
Tránh cung rầy đã dạn cây queo ;
Chim khôn ai dễ dánh dây buộc,
Gọi bạn tìm đàn chốn treo-leo. (8)

Trịnh Duy-Sản ngâm tiếp :

Gọi bạn tìm đàn chốn treo-leo,
Chờ xem đáy biển nước trong veo.
Còn non còn nước còn dây dấy,
Ruổi ngựa nghe chim suối buổi chiều (9)

(Cùng đi quanh vào.)

Bà Lê-hậu lại ôm con ra đi đường
rừng khóc : — *thét* Ơi tiên-quân ơi ! chớ
như mẹ con tôi, — *Ngâm Nam-thương* :

Mẹ già đầu bạc con thơ,
— *hân* : mà chừ lưỡng bơ vợ làm vậy,
Ngâm :

Bên trông đầu nọ bên chờ cuối kia.

— *hân* : vả như cơn bầy chừ, *Ngâm* :
Bóng trăng đã xê hoa lê.

— *hân* : rửa tướng như thân thiếp, — *Ngâm* :
Lòng son bẩy món tóc thề mười phương (1).

Chúa Nguyễn ra dẫn bà Lê-hậu, đứng
nói xin nâng đỡ Hoàng-tử. — Dám bằm
lệnh-bà, nay đang con hoạn-nạn, đạo
tử-thần dám quản công-lao, anh em tôi
xin lệnh-bà khắp cõi rừng Lào, vậy dám
xin lệnh-bà kịp chao Hoàng-tử lại
cho anh em tôi nâng đỡ, đón lệnh-bà
kiếp lên xe ngựa, cùng hạ-thần sang cửa
Lao-quan (2).

Bà Lê-hậu (toan trao Hoàng-tử cho
chúa Nguyễn, nhưng ý còn e sợ) đứng
nói. — *thét* : Ơi chúa-công ơi ! — *than* :
Nay ngành Lê là vàng rụng cuống,
qua xanh nẩy ngồng, — *thét* : may còn
đây một giọt máu hồng, — *g.ôn* : trăm
cảm ơn chúa-công, sao tránhặng
cho khỏi vòng hoạn-nạn.

Via nam-thương :

Tránhặng khỏi vòng hoạn-nạn,
Cảm ơn ngài đẹp loạn phù nguy.
Chớ sự đầu sóng gió bất kỳ,
Tình thâm lưỡng hỷ hồ nghi nửa
phần (3)

(Tay ôm con ngập ngừng không
dám đưa).

Ông Duy-Sản đến giục bà Lê-hậu
đưa Hoàng-tử cho chúa Nguyễn rồi
cùng sang Lao-quan : — Dạ dám bằm
lệnh-bà, xin lệnh-bà kịp trao Hoàng-
tử lại cho chúa-công. — *thét* : kéo dây
sắp sang sông trèo ải.

Via nam-thương :

Đây sắp sang sông trèo ải,
Xin lòng trời trông lại người trung ;
Nghiệp Lê còn giọt máu hồng,
Hoa gieo nẩy hạt quả trồng nên cây (4).

Bà Lê-hậu đứng nói mà trao Hoàng-
tử cho chúa Nguyễn và Duy-Sản rồi
cùng sang Lao-quan : — *thét* : Ơi chúa-
công ơi, Ơi tướng-quân ơi ! — *g.ôn* :
đây thì tôi xin trao Hoàng-tử lại
cho chúa-công và tướng-quân, xin
chúa-công và tướng-quân con hoạn-
nạn đỡ đầu Hoàng-tử.

Via nam-thương :

Hoạn nạn đỡ đầu Hoàng-tử,
Hưởng nay còn mắng sửa ngày thơ.

(1) Đây tả bà Lê-hậu than mẹ con đi đường rừng, uôi hôm trăng xế không gặp một ai, chỉ
có lòng tức bực thề nguyện với non sông mà thôi.

(2) Đây tả chúa Nguyễn gặp Lê-hậu, nói hoạn-nạn và nghĩa tử-ti ân lai-lịch, rồi kịp xin
trao Hoàng-tử nâng đỡ rước bà Lê-hậu lên xe ngựa sang Lao-quan, xem ý lời nói khẩn
thiết, thật là bậc trung thần kiên-quần.

(3) Đây tả bà Lê-hậu nghe lời chúa Nguyễn nói tay ôm Hoàng-tử mà khóc, toan trao cho
ngài, nhưng ý còn kinh-ngại, vậy nói bà Lê chỉ còn một Hoàng-tử là một giọt máu hồng,
xin trăm nghìn phần nhờ ngài a-bộ cho, sao mà tránh được khỏi hoạn-nạn, ý lời nói còn
kinh ngại lắm, là bởi lúc bấy giờ bụng đàn-bà ai cũng phải kinh ngại, nên đời Tam-quốc
bà Cam phu-nhân vợ ông Lưu-Bị chạy Tào-Tháo cũng trao con cho Triệu-Tử-Long rồi mà
chết, là vì không biết có tránh được khỏi nạn không, nên ai cũng kinh ngại và hồ-nghi.

(4) Đây tả Ông Duy-Sản thấy bà Lê-hậu toan trao hoàng-tử cho chúa Nguyễn mà có ý còn
kinh-ngại, nên giục bà Lê-hậu kịp trao ngay kéo sắp sang sông trèo ải hiểm trở khó nhọc,
người dân bà không thể ôm con đi được. Vả lại khẩn trời giúp đỡ, rồi nghiệp Lê hoa
quả lại mọc, không nên kinh-ngại gì cả.

Phận bỏ ruột héo như dưa.

Quan san ngàn dặm mây mưa mấy trùng (1).

(Trao Hoàng tử cho chúa Nguyễn).

Chúa Nguyễn giong Hoàng-tử sang
Lao-quan; — *Thét* : Tay cầm chỉ-dụ sang
sông, — *Ngâm* : Vai tôi gồng — *réo* : chúa
trèo qua non Hạc (2). — *thét gọi* : bờ chi
em, — *Ngâm* :

Chăm-chậm đời iêng cùng, — *réo* : kéo
lạc đường đi, — *tán* : ta đi đến đây
trên thì rừng dưới thì biển. — *Ngâm*
nam-bình :

Bước đi một bước một ngừng,
Qua miền biển bắc tới rừng non tề.

— *Gọi* : *Quần*, — *tiếp* :

Ba quân quyết một lời thề,
Ngon cờ trở nẻo bánh xe tiện đường.

— *Hàn* : Rửa như ta nay, — *tiếp nam bình* :

Ra tay quét sạch hung cường
Mác đồng chỉ núi gươm vàng iêng mài
non (3).

Lê-hậu cùng đi ngâm tiếp nam thương :

Chớ những là lạ nước lạ non,

— *hàn* : như rửa tôi chỉ thương Hoàng-
tử còn bé mà phải đi làm vậy, — *Ngâm* :

Hoa dù rã cánh lá còn xanh cây.

— *tán* : rứu mà chừ đã hôm rồi, —
Ngâm tiếp :

Chớ chiều thu trăng trắng vẽ mây,

— *hàn* : mà đi mãi chưa đến chỉ
không nóng ruột, — *Ngâm* :

Chín hồi vấn vít như vậy mới to.

Trình Duy-Sân thét ; — Chớ đây đã
tới hay chưa ? — *Ngâm* : Đây đã tới rồi
mau mau chân bước tới miền Lao-quan.

Hạ

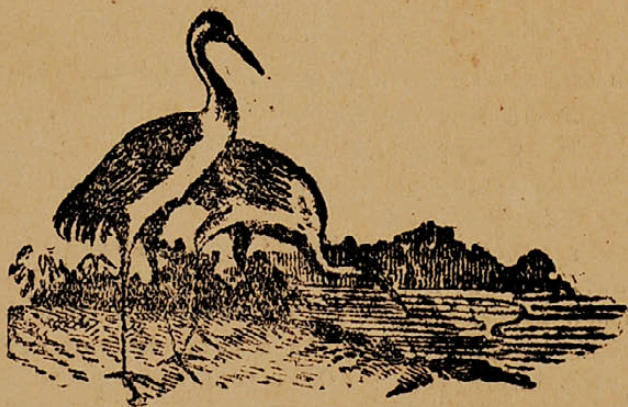
(Còn nữa)

NGUYỄN THỨC-KHIÊM

(1) Đây tả Lê-hậu đã nghe lời chúa Nguyễn và Duy-Sân giục, thế bất-đắc-dĩ, phải trao Hoàng tử cho hai ông, mà mình theo sang Lao-quan. Bởi tình-cảnh không thể không được, nên giọng nói thê-hảm.

(2) Xét sông Mã núi Hạc ở giới-phận Ninh-bình Thanh-hóa, là một đường nước ta thông sang Lào.

(3) Đây tả lời chỉ thề của chúa Nguyễn.



TÂY-THI ĐIỂM-SỬ (1)

西施艷史

(Lịch-sử liêu-thuyết)

III

CHƯƠNG THỨ MƯỜI MỘT

Tìm người đẹp trong xóm Trữ-la

Việt-vương Câu-Tiểu muốn cầu mỹ-nữ, tiến hiến Ngô-vương; lại sợ về sự đi sưu-cầu quá, thì kinh-nhiều dân-gian, đương về lúc vô-kế khả-thị. Chợt có một người ở trong hàng bách-quan đứng lên tâu rằng tôi có một kẻ, có thể không nhiều dân mà được mỹ-nữ. Việt-vương trông rã thì là quan tướng-quốc Phạm Lãi, kíp hỏi rằng tướng-quốc có diệu-kế gì, có thể không phải cần sự sưu-cầu mà được mỹ-nữ? Phạm Lãi thưa rằng: « Tôi xin được những kẻ thị-vệ thân-cận của đại-vương hơn trăm người cùng đi với tôi, và kén lấy người tài xem tướng đi lẫn ở trong, du-hành khắp trong nước; hễ gặp người nào là con gái thanh-niên, nhan-sắc xinh đẹp, vẻ kiều-diễm có thể động được người, thì tức-khắc ghi chép họ tên quê quán người ấy, đem về tiến-hiến đại-vương để đại-vương tùy ý kén lựa; cứ như thế mà đi, chẳng qua vài tháng, tức có thể đem họ tên quê quán con gái đẹp trong nước thái-phóng được hoàn-toàn, mà dân-gian lại chẳng bị kinh-nhiều về sự sưu-cầu, há chẳng phải là diệu-kế dư?» Câu-Tiểu cả mừng, liền theo kế Phạm Lãi, sai quau nội-thị hơn trăm người theo với Phạm Lãi, đi ra dân-gian, làm cách dò-la quan-sát riêng; nhất-thiết sự-tình, đều nghe quan tướng-quốc xử-trí, không ai được ngang trái. Phạm Lãi

lĩnh mệnh Việt-vương, tạ ơn lui ra, đi dò la quan-sát ở trong nước nửa năm, quả-nhiên cầu được số nhiều con gái đẹp, phần nhiều là kẻ kiều-diễm động-nhân, có thể duyệt-mục được. Song trong tám Phạm Lãi còn chứa mẫn-ý; tất muốn được người con gái tuyệt-sắc, rồi mới thỏa lòng. Một hôm đi đến địa-phương Chư-ky không hề kinh-dộng đến địa-phương-quan, chỉ xuất-lĩnh mọi kẻ tùy-tùng, nghỉ ngơi ở chỗ nhà trạm. Phạm Lãi nghĩ bụng riêng rằng đất Chư-ky là nơi kinh-đô cũ nước ta, cư-dân giàu có đông đúc nhân-vật chỉnh tề, chắc có người con gái tuyệt-sắc, ngày nay đi đến đây, nên phải dụng-tâm quan-sát. Phạm Lãi ở đất Chư-ky ít lâu, khi thì minh-tra, khi thì ám-phóng. Ngờ đâu quan-sát mấy mươi ngày, chỉ thấy những hạng con gái tầm-thường, theo lối thành-thị, trang-diễm bề ngoài; rút lại không thấy người nào là kẻ dung-nhan tuyệt-thế, nhan-sắc khuynh-thành. Phạm Lãi khôn xiết lo buồn, trong thành đã dành không có mỹ-sắc, còn chỗ hương-tìn-đâu chưa biết thế nào; đợi ta sẽ thử đi ra ngoài nơi giao-dã, du-ngoạn một phen, may ra có phen kỳ-ngộ, cũng chưa biết đâu. Phạm Lãi ý-kiến đã định, mới không hề xuất-lĩnh những kẻ tùy-tùng, chỉ một mình đi ra ngoài thành Chư-ky, tản bộ mà đi; tình-cờ đi đến một nơi địa-phương chỉ thấy núi non quanh-quất, muôn đọt tốt tươi, mây nước bồi-hồi, núi

(1) Xem N.-P. số 114, 115.

khe như vẽ. Phạm Lãi bước vào nơi ấy như vào chốn tiên-hương, tự-nhiên thấy tâm-chí khoáng-dãng, tinh-hần hòa-vui, mà nói rằng như chỗ sơn-thanh thủy-tú danh-khu thắng-cảnh này, tất sinh ra có người giai-nhân tuyệt-thế, diêm-sắc khuynh-thành; ta nếu không kỹ càng tìm hỏi quan-sát, thì có thể hư-phí mất chuyên đi này. Mới nhất-diện để bụng nghĩ-ngợi, nhất-diện đi xem phong-cảnh, chợt thấy một dải thanh-khê, nước chảy khúc-chiết, từ địa núi chảy ra, quanh co mà lượn lại. Theo giải thanh-khê mà trông ra, thì đảo-lý thành rừng, từng-bách xanh biếc, trong chỗ làn cây tươi tốt ấy, dường như phẳng-phất có cánh cửa giông có rặng rào trúc. Phạm Lãi mừng nói rằng mé bên kia sườn núi lại có thôn-cư, đợi ta đi vòng qua núi, ngoạn-cảnh một phen. Mới tức-khắc nơi sườn núi theo khe nước đi lên, đi ước vài trăm bước, dường có một trận gió thơm, quạt qua mặt đưa lại. Phạm Lãi thấy có cái khí thơm dường ấy, cả lấy làm kinh-dị nói rằng khí ấy tựa như khí lan mà không phải khí lan, trong ấy dường như có hương-khí mĩ-nhân, quyết không phải là hương-khí hoa-thảo. Đang lúc hồ-nghi, chợt nghe có tiếng nước động lên, dường như có người ở bên khe rửa giặt cái vật gì đó. Phạm Lãi kíp kíp ghé xem, mới biết rằng là một người con gái ở bên khe đương giặt sa; cái trận hương-khí vừa rồi, chính là ở đấy khởi ra, bị luồng gió mát thoảng qua đưa lại. Phạm Lãi đứng ngắm ở đằng xa xa biết được người con gái ấy có chiều yêu-diệu thanh-tú, liền đảo bước đi lên, toàn-chú tinh-thần xem kỹ. Trong khi xem xét, khiến cho Phạm Lãi mặt ngáy miêng ngốc, trong tâm lấy làm kinh-dị mà nỡ hĩ riêng rằng không ngờ cõi trần mà có người tiên, kia vẻ trăm-ngư lạc-nhạn, nọ màu bẽ-nguyệt tu-

hoa, sợ rằng những bậc Nga-Hoàng với Nữ-Anh, không có thể chuyên được tiếng đẹp ở ngày xưa vậy; ta không nên phóng quá mà làm mất cơ-hội tốt này. Mới lại gần vái chào hỏi rằng: Tiề-nương-lử ở về nơi nao, tên gì, họ gì, đất này là đất gì? Người con gái ấy thấy Phạm Lãi hỏi mình, ngừng mắt trông lên một cái, rồi đem cuốn sa đương giặt ở trong tay từ từ ném xuống, đứng lên: buông vuốt quần áo ở trên mình chỉnh-dốn qua, lùi lại vài bước mà đáp lễ thưa rằng đất này là cõi huyện Chư-ky, thuộc về nước Việt quân-trị, núi này gọi là núi Trữ-la, thôn này cũng gọi là thôn Trữ-la; thiếp tôi họ Thi tên gọi Di-Quang ở về Tây-thôn dưới núi Trữ-la, dân-cư chỗ Tây-thôn đều là họ Thi, vì thế lại gọi thiếp là Tây-Thi; nhân cư-xử về chỗ hoang-vu tịch-lậu, gia-cả thanh-bần, thường ở lên khe Nhược-gia này hàng ngày làm việc giặt sa; chưa biết đại-quan quý-tính đại-danh là gì, vì sao lại chỗ hương-thôn hoang-tịch này, hỏi hạn đến thiếp, có sự-cố gì? xin dạy rõ cho. Phạm-Lãi nói rằng chẳng dám nói giấu, kể hạ-quan này là tướng-quốc nước Việt Phạm Lãi đây. Tây-Thi nghe xong thất-kinh nói rằng: « Nguyên là quan tướng-quốc xa giá lại đây, tiện-thiếp này không biết, thất-lễ hồi-tị, xin tha tội cho. Duy lâu nay vẫn nghe tướng-quốc đem lòng trung-ái thờ vua, từng theo vua ta sang Ngô không ngại tân-khổ; sinh-mệ h vua ta và xã-tắc nước Việt, đều nhờ sức quan tướng-quốc cả; nguy mà lại yên, mất mà lại còn. Hiện nay vua ta tuy đã về nước, nhưng thù lớn chưa báo, giặc mạnh hãy còn, tướng-quốc chính nên ở chốn triều-dinh phụ-tá vua ta, để trùng-hung lã nước Việt, mới là chính-lý, vì sao lại đến đất Chư ky này, du-son ngoạn-thủy, làm hư-phí mất quang-âm trong thời-khắc thế du? Ngày nay chưa phải là ngày nước Việt đã yên, kẻ thù

đã diệt, quan tướng-quốc nguyên-vọng đã thỏa, trách-nhiệm đã xong, có thể ưu-du cho trọn ngày trọn tháng đó du! Tiệp-thiếp này làm thân con gái, ở chốn sơn-thôn, tính lại ngu-muội, tâm lấy làm ngờ, dám xin hỏi quan tướng-quốc?» Tây-Thi cất-vấn Phạm Lãi mấy lời, khi ấy cúi đầu khẹp vat áo đứng ở ven khe, đợi lời Phạm Lãi đáp lại. Chưa biết Phạm Lãi nói năng thế nào, sẽ xem chương dưới phân-giải.

CHƯƠNG THỨ MƯỜI HAI

Đỉnh lời ước ở bên khe

Phạm Lãi nghe Tây-Thi nói, biết rằng trong chốn ngôn-ngữ có ý trách mắng, bất-giác âm-kinh mà âm-tưởng rằng: « Ắ tiểu-nữ kia là kẻ sinh-trưởng chốn hươg-thôn, mà nghe ả kia ngôn-ngữ lại có kiến-thức lớn-lao, và mang lòng trung-nghĩa. Nếu được người con gái ấy đem tiến sang Ngô-quốc, thì không những nhan-sắc mỹ-lệ, đủ khuynh-động được Phù-Sai, mà lại kiến-thức dường ấy, miệng lưỡi lanh-lợi, biết nói điều phải, cũng đủ thêm cho nước Việt một cánh tay. Chẳng biết ả kia có chịu xả-thân báo-quốc đi sang Ngô hay không. Ta sẽ đem ngôn-ngữ đả-động ả kia, xem ý ả kia thế nào. » Âm-tưởng xong, mới ngỏ lời nói rằng kẻ hạ-quan phen này lại đây, không phải là sự nhân-du, chính là vì quốc-gia đại-sự mà lại đây. Tây-Thi nói rằng: « Tướng-quốc đã vì quốc-gia đại-sự, sao chẳng ở trong chính-phủ làm việc yếu-cần, vì sao lại đến chốn hươg-thôn cùng-tịch này, mà lại chỉ đi một mình, không có xa-mã bọc-tụng gì cả, rút lại là vì cơ sao? » Phạm Lãi nói rằng: « Vua nước Việt ta muốn báo cái thù bại-quân ở Cối-kê rửa cái nhục làm tù ở thạch-thất, nằm trên đống củi, ném nước mật đắng, lao-thân khổ-tử đã mười năm nay, muốn thực-hành sự

báo-cừu. Nhưng vì giặc Ngô chính là đương lúc cường-thịnh, kẻ mưu thần nước Ngô là Ngũ Tử-Tư còn chưa trừ đi được; binh-cường tướng-mạnh của nước Ngô hoàn-toàn còn cả; nhỏ mọn nước Việt ta muốn cùng nước Ngô kháng-cự, vạn-vạn khó phần đắc-chí. Nhân có nghĩ rằng nhà Thương mà dấy lên được, là vì có ông Y-Doãn ở nhà Hạ; nhà Chu mà dấy lên được, là vì có ông Lã Vọng ở nhà Ân; lấy nước nhỏ địch với nước lớn, lấy kẻ yếu chống với kẻ cường, phi có người nội-gián, không thành công được. Cho nên sai kẻ hạ-quan này đi từ-xứ tìm hỏi những kẻ tài-năng kỳ-dị, xuất-chúng siêu-quắc, khiến đi sang nước Ngô, để làm cái mật-kế nội-gián, kẻ hạ-quan này tự khi phụng-mệnh đến giờ, bôn-tầu ở trong nước, lịch-duyet chỗ sơn-nham, đi đến đâu sưu-cầu đến đấy, dụng tâm phóng-sát, đã nửa năm rồi. Trong mười hôm nay, đi đến địa-phương Chư-ky, cho nên đến đây làm sự nhân-du, để giải-phóng qua mọi điều uất-tích ở trong dạ, và nhân phóng-sát kẻ hiền-năng. » Tây-Thi nói rằng: « Nguyên là tướng-quốc vì nước đi cầu hiền, chẳng sợ khó-nhọc trong chốn phong-trần, cần-lao như vậy đáng kính đáng phục, nhưng không biết tướng-quốc trong nửa năm ấy đã từng vật-sắc được bao nhiêu người giai-sĩ, tiến-cử được bao nhiêu kẻ hiền-tài? » Phạm Lãi nói rằng: « Trong nửa năm ấy, tuy gặp được mấy vị hiền-nhân, chỉ khả-dĩ đảm-đang mọi việc ở trong nước, không khả-dĩ đảm-đang việc nội-gián ở nước ngoài; cái việc nội-gián hệ-trọng ấy, hiện còn phải đang đi tìm người chưa biết ngày nào mới gặp. » Tây-Thi nói rằng: « Nước Việt ta thụ-nhục với nước Ngô, người nước ta người nào người ấy đều nghiêng rãng, thiếp tôi tuy là phận con gái, cũng nghĩ sự báo-thù, hưởng-chi trong bọn tu-mi nam-tử, há không có một hai người hào-kiệt, vì nước quên mình, đảm-đang được sự hệ-trọng ấy

du ; thiếp tôi xem ra, không phải là không có người, chỉ tại tướng-quốc tìm xét/chứa đến nơi đây thôi. » Phạm Lãi nói rằng: « kẻ hạ quan này ngày nay được gặp tiều-nương-tử, ý muốn đem cái gánh vác hệ-trọng đi sang nước ngoài làm kẻ nội-gián ấy, đặt ở trên vai tiều-nương-tử ; tiều-nương-tử nếu nghĩ đến quốc-thù, mà khái-nhiên dảm-dang lấy việc ấy, thế là cái phúc nước Việt ta. » Tây-Thi ngạc-nhiên nói rằng : « Lời tướng-quốc là ý thế nào? tiện-thiếp này là một kẻ yếu-ớt chốn thôn-quê, sao có thể dảm-dang được trọng-nhiệm, tướng-quốc sao nên đem ngôn-ngữ cợt bỡn. » Phạm Lãi nói rằng : « bảo thật cho tiều-nương-tử biết, hạ-quan này phụng-mệnh Việt-vương, không phải là di-phóng-cầu người hiền-sĩ, chính là di-phóng-cầu người mỹ-nữ tuyệt-sắc, » Tây-Thi nghe nói, dung-nhan biến cải, chính-sắc mà bảo Phạm Lãi rằng : « Tướng-quốc nói vậy là sai ! Việt-vương mới thoát khỏi trong vòng tù-lở, được về nước cũ, chính nên siêng-năng việc nước, cố cầu chấn-hưng để làm cái kế báo-cừu tuyết-sĩ. Nay sai tướng-quốc đi phóng-cầu mỹ-sắc, thế thì muốn toan mưu sự khoái-lạc, không để ý về việc dân việc nước đây du ! Việt-vương quả có tâm ấy, tướng-quốc nên hết sức can ngăn ; sao lại tuấn-phụng mệnh-lệnh, vì vua đi đến đâu phóng-cầu mỹ-nữ đến đây du ! Tiện-thiếp này trước kia vẫn cho tướng-quốc là kẻ bề-tôi trung nước Việt, cứ sự này xem ra thì tướng-quốc thực là kẻ bề-tôi siểm-nịnh. Tiện-thiếp lắm rồi, cùng với kẻ siểm-nịnh bàn nói làm gì. » Nói xong, vùng ra muốn đi, liền bỏ cả cuốn sa đang giặt ở bên khe không đoái nữa. Phạm Lãi vội-vàng ngăn lại nói rằng : « Tiều-nương-tử đừng vội nội-gián, Việt-vương sai hạ-quan này đi phóng-cầu mỹ-sắc, không phải là mưu sự khoái-lạc của mình, chính là đem hiến nước Ngô, để làm kẻ nội-gián ; tiều-nương-

tử chớ trách lầm Việt-vương. » Tây-Thi nghe nói lại đứng chân đứng lại nói rằng : « tướng-quốc đừng nói dối người, nội-gián là việc hệ-trọng, không phải tay anh-hùng hào-kiệt không đương nổi, dùng làm gì con gái đẹp. » Phạm Lãi nói rằng : « Chỉ vì nước Ngô khi-diêm họ đương thịnh, binh tinh lương đủ, trung-thần mưu-sĩ của họ dày khắp triều-đình. Nước ta tuy có người sĩ chí-mưu, đi làm nội-gián, khó phần đắc-lợi. Nếu cứ dùng-dằng mãi, thì chưa biết ngày nào có thể thành công. Việt-vương ta cái tâm báo-cừu kíp lắm, muốn trong mười năm, đem nước Ngô xan phẳng làm hồ ao, bấy lâu vẫn chưa có cơ-hội gì. Nay biết rằng Ngô-vương đã đem dài Cồ-tô cải-tạo thành-công, làm rộng cung-thất, để mưu sự vui chơi. Việt-vương ta muốn thừa-cơ-hội ấy, tuyên-trách mỹ-nữ, đem hiến Ngô-vương, khiến cho Ngô-vương hoang-dâm về sự tửu-sắc, dợi nước Ngô dân cùng tài-kiệt, rồi nước Việt ta mới có thể thừa-cơ cử-sự. Duy trong đám mỹ-nhan đem hiến Ngô, tất phải có một hai người dung-mạo xuất-sắc, lấy được cái lòng sủng-ái của Ngô-vương sẽ khiến được Ngô-vương mê-hoặc tâm-chí, điều ác gì cũng dám làm. Rồi sau lại tiến những lời gièm để giết kẻ trung-thần họ, dẫn họ vào đường dâm-loạn, để hư-háo tài-sản họ, khêu họ về sự dụng binh để kết oán với các nước láng giềng, đổ họ những sự giông chơi, để hư không đồ-thành họ. Nước Việt ta mới có thể thừa-cơ mà vào nước họ để báo đại-cừu. Hiện nay mỹ-nữ tuy đã tuyên được khá nhiều, chỉ ít có người mỹ-nhan nào là trung-nghĩa can-dỡm tướng-mạo vô song, để dảm-dang cái trọng-nhiệm làm kẻ nội-gián ở nước Ngô. Hạ-quan này kẻ bấy nhiều lời, chỉ vì sự ấy, chưa biết tiều-nương-tử có chịu xả-thân báo-quốc đây không ? Tây-Thi không dợi nói hết, tức-khắc khảng-

khái tác-sắc nói rằng: «Thiếp này tuy là phận nữ-nhi, cũng biết ít nhiều đại-nghĩa ; tự khi nghe nước Việt ta phải nước Ngô đánh vỡ, Việt - vương ta phải đi sang nước khác làm kẻ thần - thiếp cho người, đã lấy làm phần - hận vô - cùng, nay quốc-gia dùng thiếp để báo - cứu, thiếp xin gắng sức để thành-sự : tương-quốc nếu quả còn cầu mỹ-nữ, thì thiếp có người bạn gái thân-thiết trong hàng chị em, tên là Trịnh Đán, dung-mạo cũng phảng-phất như thiếp, cũng có thể cùng đi được, để giúp thêm lấy một cánh tay. » Phạm Lãi cả mừng, chấp tay ngỏ lời cảm-tạ nói rằng nhờ tiểu-nương-lữ khảng-khải nhận lời, vả lại tiến-cử bạn gái, vì nước ra công ra sức, không những hạ - quan này cảm kích vô - cùng, tưởng cả nước Việt ta trên tự Việt-vương dưới đến bách-tính, cũng không ai là chẳng cảm-kích tiểu-nương - tử, cứ một lời nói ngày hôm nay là chuẩn định, ngày mai sẽ đem xe ngựa lại đây nghênh - tiếp. Tây-Thi nhất-nhất nhận lời, tuyệt không từ-chối chút gì nữa. Phạm Lãi mới cùng với Tây-Thi làm lễ từ-biệt, thẳng về trong thành Chu-ky. Tây-Thi cũng thu xếp cuốn xa đương giặt đi về nhà. Chưa biết Phạm Lãi quả nghênh-tiếp Tây-Thi đây không, sẽ xem chương dưới phân giải.

CHƯƠNG THỨ MƯỜI BA

Hoan-nghênh hai người tuyết-sắc

Phạm Lãi ở dưới núi Trữ-la bên khe Nhược-gia, gặp thấy Tây-Thi, ước định ngày mai, đem xe ngựa đến nghênh-tiếp. Đến sáng sớm ngày thứ hai, quả-nhiên đem hai cỗ hương-xa, đi đón Tây-Thi và Trịnh Đán hai vị mỹ-nữ. Trịnh Đán nguyên cũng ở về Tây-thôn núi Trữ - la, cùng với Tây-Thi vốn là bạn thiết chỗ láng - diềng, hai người đều ở kề sông, hàng ngày cùng nhau giặt sa ở đầu khe Nhược-gia ; má hồng

mặt nguyệt, đôi bên cùng ánh chiếu nhau, chẳng khác nào hai đóa tinh-đế liên-hoa. Ngày may thì một đôi tuyết-sắc mỹ-nhân ấy, đều bị Phạm Lãi đón đi. Phạm Lãi về đến Cối - kê, đem những người mỹ-nữ phóng-cầu ngày trước, ước được hơn hai nghìn người, nhất-tề kê rõ họ tên, và tuổi bao nhiêu, dung-mạo thế nào, đem trình Việt-vương Câu-Tiền ; Câu-Tiền sai người đi khảo-sát lại, lấy được hơn ba mươi người. Câu-Tiền lại thân-hành để mắt xem xét, chọn lấy hai người đẹp nhất trong đám mỹ-nhân, thì chính là Tây-Thi với Trịnh Đán, bắt họa-công truyền lấy hình-mạo, rồi sai Phạm Lãi đem vàng giao cho hai nhà, mỗi nhà trăm lượng, làm đồ sinh-lễ. Còn mỹ-nhân khác, phàm người trúng-tuyển, cũng đều cho vàng, người không trúng-tuyển, thì nhất-nhất tống cho về nhà. Rồi đem Tây-Thi với Trịnh Đán trang-sức một bề, cho mặc cái áo la-cấu, cho cỡi cái xe trùng - vi, khiến ở một nơi biệt-quán. Trong khi tống hai vị mỹ-nhân đi ra nơi biệt-quán, thì bách-tính trong nước ngưỡng mộ cái danh mỹ-nhân, ai nấy đều muốn biết mặt, tranh nhau lại xem, ủng-tắc cả đường cái, xe mỹ-nhân không thể đi lên được. Phạm Lãi truyền-lệnh nói rằng : «Đợi khi mỹ-nhân đã đến biệt-quán, các người nếu muốn xem, chỉ nên mỗi người nộp kim-tiền một đồng, khi ấy mặc sức xem không lo ủng-tắc. » Bách-tính nghe có lời ấy, liền mở ra một lối nhường cho xe đi, xe mỹ-nhân mới đi lên được. Khi đến trong quán, quả - nhiên đặt một cái hòm để thu tiền ; trong khoảng phút chốc kim-tiền đầy hòm. Mới bảo hai người mỹ-nhân lên chỗ lầu cao, tựa vào cái cầu lơ mà đứng, để bách-tính xem, bách-tính tự dưới đất trông lên khác nào như hai người tiên-nữ đứng ở trên chốn hư-không, bách - tính đua nhau bàn khen, tiếng vang trời đất. Hai vị mỹ-nhân ở nơi biệt - quán ba

ngày, được kim tiền vô-số, đem xe cả vào trong kho, để chi-dụng về việc nước. Sau ba ngày, Việt-vương thân hành tiễn hai vị mỹ-nhân ở nơi Thờ-thành; sai người giáo-sư lão-luyện về nghề ca-vũ, dạy hai vị mỹ-nhân, tập luyện lâu đến ba năm, nghề ca-vũ mới được tận-thiện. Rồi sau cho đội mũ châu-mạo, ngồi xe bảo-sạ, đi qua chỗ nào, thì chỗ ấy gió thơm sức nức cả gần xa. Lại dùng sáu người mỹ-tì là lũ Toàn-Ba với Di-Quang làm kẻ thị-nữ. Sai tướng-q ốc là Phạm Lãi đi sang nước Ngô tiến-hiến. Phạm Lãi khi đi sang đến nước Ngô, chợt gặp Ngô-vương Phù-Sai đi thân-chinh nước Tề, đại-hoạch toàn-thắng, mới đem quân về. Phạm Lãi vào yết-kiến, hai lay khấu đầu tâu rằng kẻ tiện-thần ở đông-bãi là Câu-Tiền, cảm ơn đại-vương được về trị nước, không có thể thân-hành đem cả vợ con sang đại-quốc, phụng-sự bèn tả hữu được, khắp tìm trong nước, được hai người múa khéo hát hay, sai kẻ bồi-thần này đem hiến vào chỗ vương-cung, để sung mọi việc sai-tảo. Phù-Sai trông thấy, cho là tiên ở trên trời sa xuống, hồn-phách say-mê. Khi ấy tướng-quốc nước Ngô là Ngũ Tử-Tur ở bên cạnh, tiến lời can rằng: « Tôi có nghe rằng ngũ-âm khiến người tai điếc, nữ-sắc khiến người mắt mờ. Cho nên vua Kiệt vì gái Muội-Hỉ mà diệt, vua Trụ vì gái Đát-kỷ mà vong, U-vương vì gái Bao-Tự mà chết, Hiến-công vì gái Ly-Cơ mà loạn; tự xưa đến nay, những kẻ táng-thân vong quốc, phần nhiều là do cái vợ mỹ-nữ. Nay Việt-vương đem tiến những đồ mỹ-nữ ấy, ấy là muốn cho đại-vương say-mê trê-biến, tự mình lại làm bại-vong lấy mình, xin vua chớ nhận cái vật vong-quốc ấy. » Phù-Sai nói rằng: « Cái tâm hiếu-sắc, người ta sở-đồng. Câu-Tiền được mỹ-nhân ấy, không dám dùng riêng, đem tiến quả-nhân, tức là đủ

chứng ra cái lòng tận-trung với nước Ngô, tướng-quốc sao lại ngờ họ có ý gì. Hưởng chi vua Kiệt vua Trụ vua U vua Hiến đều là ông vua vong-quốc, há nên đem quả-nhân ví với những vua ấy. Tướng-quốc làm kẻ bề tôi, tôn-kính bề trên nên như thế nào; lại ở giữa chốn triều-đình, đương-diện làm nhục quả-nhân, cái lễ làm kẻ bề tôi, há nên như thế. Quả-nhân nhất-thiết thu nhận mỹ-nhân nước Việt, để tướng-quốc xem quả-nhân có đến vong-quốc được hay không. » Tử-Tur nghe xong lời ấy, biết rằng Phù-Sai tâm chí đã mê-hoặc, can-ngăn cũng vô-ích, chỉ thờ dài một tiếng mà lui. Phù-Sai mới thu-nhận hai kẻ mỹ-nhân nước Việt, sai Bá-Bĩ khoản-đãi Phạm Lãi, ngày mai Phạm Lãi về nước, liền lui về trong cung hưởng cái hạnh-phúc trong cuộc ôn-nhu. Chưa biết việc sau thế nào, sẽ xem chương dưới phần giải.

CHƯƠNG THỨ MƯỜI BỐN

Sửa-sang loan Tiêu-hạ

Ngô-vương Phù-Sai nhận đồ cống-hiến nước Việt, Tây-Thi với Trịnh-Đán hai người mỹ-nữ đều là tuyệt-sắc. Phù-Sai đều sủng-ái cả. Mà Tây-Thi càng là kẻ yêu-diễm khéo chiều, cho nên độc-chiếm cái chiếu ca-vũ ở trên đài Cô-tô, chuyên cái phòng sủng-ái, khi ra vào nghi-vệ sánh với bạch-hậu-phí. Trịnh-Đán thì ở hậu-cung, vì Tây-Thi chuyên được Ngô-vương sủng-ái, trong tâm ghen-ghét, uất-ức chẳng vui, chửa kịp một năm, bị bệnh mà chết, Phù-Sai cũng lấy làm thương-tiếc, đem táng ở núi Hoàng-mao, lập đền để thờ. Từ đấy Ngô-vương lại càng sủng-ái Tây-Thi, chỉ sợ Tây-Thi kiêu-diễm như hoa, không dạn-dễ được sương gió, cũng như Trịnh-Đán trẻ tuổi chết non. Mới sai Vương Tôn-Hùng đặc-biệt kiến-trúc ra cung Quán-khuê ở trên núi Linh-nham, tạc cử xây hạm, đem thức châu-ngọc sức vào

dùng đồ thất-bảo chế nên, để làm cái chốn mi nhân du-ngoạn nghỉ ngơi. Mà Tây-Thi còn chữa xứng tâm thời thường nói ra có bệnh, khi bệnh thì thường nói rằng bệnh tâm-thống, mỗi khi bệnh khởi lên, thì tất ôm đàng trước quả tim, nhăn trán cau mày mà sẽ kêu, càng hình-dungra được vẻ kiêu-mị. Phù - Sai thấy như thế, biết rằng dấu đóa phù dung ngâm sương, đóa liên-hoa đúng nước, cũng không có vẻ điềm-lệ ấy. Sở-dĩ Tây-Thi mỗi tâm - thống khởi lên một thứ, thì Phù-Sai lại sủng-ái thâm đi một từng. Các phi-tần chỗ lân-viện, thấy Tây-Thi tâm-thống, Ngô-vương lại thêm sủng ái cho là Ngô-vương yêu về cái dáng cau mày nhăn trán, mới bắt-chước Tây-Thi, người nào người ấy đều làm ra cái trạng tâm-thống, hề gặp khi Ngô - vương xa giá về cung, thì nhất - tề nhăn trán cau mày, để mong phần sủng-ái. Ngờ đâu Ngô-vương thấy hình-dạng bọn ấy làm ra như vậy, lại cho là xấu-sa, mỉm cười nói rằng Tây-Thi tâm-thống nhăn trán cau mày, tự-nhiên có một giống thái-trạng khiến người khá yêu, lũ mày bắt-chước không thể sao bắt chước được; quả nhân xem ra lại thấy khó coi, thật là Tây-Thi ôm bụng cau mày, Đông-Thi bắt chước càng tỏ ra cái xấu đó mà thôi. Các phi-tần nghe nói, người nào người ấy tự lấy làm hồ-then, ngâm-ngùi mà lui ra. Người đời sau nhân lấy tích đó để cười những kẻ học - thức chữa bằng người, mà lại muốn bắt chước người làm, gọi là Đông-Thi hiệu-tần. Tây-Thi đã được chuyên bề sủng ái ở Ngô-cung, hàng ngày kêu dẫn Ngô - vương vào cõi hoang-dâm xa xỉ. Ngô-vương nhân vì Tây-Thi thích ăn cá tươi, cá trong ngự-trù tiến lên, Tây-Thi hiềm rằng không được thật tươi, thường không cầm đũa gặp đến. Ngô-vương mới sai đắp ra cái thành, gọi là Dưỡng - ngư-thành, thành thông ra hồ Thái-hồ, khiến nước

hồ với nước ở trong thành thời thời chảy đi chảy lại, để nuôi cá tươi. Tây-Thi lại thích ăn thịt vịt, thịt vịt tất ướp đồ hương-liệu, dãi gạo ở trong nường lên, ngoài lại bôi các thức dầu béo; vịt thì nuôi đến béo lớn lạ thường mới có thể thích-khẩu. Ngô vương lại vì Tây-Thi đắp ra cái thành gọi là Ấp-thành, chuyên sự nuôi vịt. Tây-Thi thích ăn gà non, gà thì tất chọn con nào tốt đẹp mới dùng. Ngô-vương nhân lại chế tạo ra sở nuôi gà, gọi là Kê-pha, để cung về sự Tây-Thi dùng. Tây-Thi thích uống thứ rượu gọi là Nữ-trình-tửu, nguyên rượu ấy sản-xuất ở đất Thiệu-hung trong nước Việt; Ngô-vương tức-khắc sai nước Việt mỗi năm phải cống-hiến rượu Nữ-trình, để cung-cấp cho Tây-Thi dùng. Hay đâu cái rượu cống-hiến tự đường xa đem lại, lại đi đường sông, kinh qua sóng gió lay động; khi đến nước Ngô, mở bĩ xem ra, thì đều đã vẩn đục, không thể làm đồ ẩm-liệu cho mi-nhân được. Ngô vương lại đắp ra Tửu-thành bắt-chước cái phép chế rượu Nữ-trình, nấu ra rượu để cung-cấp Tây-Thi dùng. Thường gặp khi trời nắng, Tây-Thi khổ cảnh viêm-nhiệt, mồ hôi chảy ra khắp mình, Ngô-vương sợ Tây-Thi cảm thử, hoặc sinh ra tật bệnh, mà lại không có phép gì khả dĩ chế ra được cảnh thanh-lương. Hỏi khắp các quan không ai có lương sách gì cả. Ngô-vương biết làm thế nào. Mới xuất bằng yết lên ở trong nước rằng có người nào đem cái phép tránh nực lại dâng, thì thưởng cho nghìn lạng vàng. Vương Tôn-Hùng mới hiến kế nói rằng tôi nghe chỗ Nam-loan mé tây Đông-dinh, dài được hơn mười dặm, ba mặt đều là núi, chỉ một mặt mé nam như hình môn khuyết, nếu ở chỗ ấy kiến-trúc cung điện, mùa nắng ở đó, rất là thích hợp. Ngô-vương cả mừng nói rằng: «Kế nhà người rất phải, nên chóng vì quả-nhân kiến-trúc cung-diện, để tiện sự tránh nực». Bà-Bỉ ở bên

canh nói rằng : «Chỗ Nam-loan mé tây Động-dinh tuy nhiên thích hợp về ngày nực, nhưng bây giờ đã đến mùa thịnh hạ rồi, nếu muốn kiến-trúc cung-diện há một chỗ mà làm thành; Vương Tôn-Hùng nói vậy sợ không thể dùng được.» Vương Tôn-Hùng kịp nói rằng : «Tự xưa đến nay, trong cuộc trọng thưởng, tất có kẻ dưng phu; đại-vương nếu quả cho tôi được tiện-nghi hành-sự, không tiếc tiền của trong kho, tự nhiên có thể trong mười ngày kiến-trúc thành cung điện, khiến đại-vương trong mùa thịnh-hạ này, có thể ở chỗ Nam-loan mé tây Động-dinh, tránh cái viêm nhiệt ấy.» Phù-Sai mừng nói rằng: «Đại phu quả có tài ấy, quả-nhân tiếc gì vàng bạc ở trong kho, cứ nhờ đại-phu lấy ra chi-dụng là phải.» Vương Tôn-Hùng được lời chỉ-dụ ấy, tạ ơn lui ra, kíp kíp đốc sức công-trình, khởi phu dịch mười vạn người đến Tây động-dinh kiến-tạo cung-diện. Số người ấy lại chẳng đủ, mới tâu Ngô-vương phát dinh tráng toàn-quốc tặn số đi làm công-dịch. Tài-liệu kiến-trúc không đủ, thì lấy những phòng-ốc hiện đã thành rồi để sung vào; lúc trước thì hiềm rằng phòng-ốc của dân-cư thấp hẹp, tài-liệu không kham ứng-dụng chỉ lấy các đền các viện để sung vào mà thôi, sau thì lấy đến phòng-ốc cao rộng của nhà giàu ở dân-gian, cuối cùng thì những phòng-ốc thấp hẹp của dân-cư cũng lấy cả đi để sung vào việc. Bách-tính đã phải theo đòi về sự công-tác, lại không có nhà ở, Vương Tôn-Hùng còn sợ rằng công-tác chậm trễ, đánh mắng roi vọt, không chút nào

thương dân, làm cho bách-tính trong nước kêu khổ dày đường, dẫm chân oán giận, sự canh-nòng bỏ cả, khung cửa trong dân gian không nghe có tiếng dẹt, chết-chóc lưu-ly, bắt tham ngu mục. Quả-nhiên đến kỳ hạn mười ngày, Vương Tôn-Hùng đã đem cung điện mới kiến tạo thành, báo cáo Phù-Sai. Phù-Sai cả mừng, cả khen Vương Tôn-Hùng khéo biện sự, ban thưởng cho nhiều. Ngô-vương mới cùng với Tây-Thi cùng cỡi thuyền rồng đi đến trong cung điện tân kiến trúc ở chỗ Tây-dộng-dinh tránh nực, thì thấy cung-diện nguy-nga, lầu gác tầng tầng lớp lớp, thật là họa-dống phi-vân châu-liêm quyền-vũ, mỹ-lệ khác thường. Phù-Sai truyền đặt tiệc rượu trong cung điện mới, để khánh-lạc-thành; Phù-Sai với Tây-Thi sánh vai mà ngồi, đòi bên bày hàng nữ-nhạc, thay đổi nhau tăng phiến lên tấu nhạc. Trong điện thấy hay hay có gió mát sinh ra, khi nắng toàn tiêu, so với mùa thu không khác gì cả. Phù-Sai cả cười nói rằng không ngờ trời sinh ra cái loan ấy, khiến quả-nhân này cùng với mình nhân được lấy đó làm chỗ tiêu-trừ khí viêm-nhiệt trong mùa hạ, nên đặt tên chỗ ấy là Tiên-hạ-loan. Tây-Thi cũng mười phần đắc-ý, mỉm miệng một cười, trăm vẻ đẹp xinh ra, càng khiến cho Phù-Sai tâm với thân đều say đắm. Chử biết sau thế nào, sẽ xem chương dưới phân giải.

(Lòn nữa)

TÙNG-VÂN



VĂN-UYÊN

DỊCH THƠ-CỔ

(Thề thất ngôn tuyệt cú)

I

蘇臺覽古

Đài Tô xem tích cũ

唐人李白

(Của Lý Bạch đời Đường)

傷苑荒臺楊柳新。
 Đài hoang vườn cũ liễu còn tơ,
 菱歌清唱不勝春。
 Đa-ga thanh ca giọng gió đưa ;
 祇今惟憶曲江月。
 Nay chỉ Tây-giang bằng nguyệt tỏ,
 曾照吳王宮裏人。
 Từng soi người ngọc điện vua Ngô.

Thơ này là thơ hoài-cổ. Lăng-ca là khúc hát Thái-lăng. Người ngọc trở về Tây-Thi; Vua Ngô trở về Ngô-vương Phù-Sai.

II

越中懷古

Qua đất Việt-trung nhớ sự cũ

唐人李白

(Của Lý Bạch đời Đường)

越王勾踐破吳歸。
 Việt-vương thừa nọ đánh tan Ngô,
 戰士還家盡錦衣。
 Chiến-sĩ về ban áo gấm cho ;
 宮女如花滿春殿。
 Cung-nữ mặt hoa diện xuân chát,
 祇今惟有鷓鴣飛。
 Nay đã phật-phối bóng gà gô.

Thơ này cũng là thơ hoài-cổ, Việt-vương trở về Việt-vương Câu-Tiền.

III

烏衣巷

Ngô Ô-y.

唐人劉禹錫

(Của Lưu Vũ-Tích đời Đường)

朱雀橋邊野草花。
 Bên kiều Chu-trúc cỏ hiu-hiu,
 烏衣巷口夕陽斜。
 Ngoài ngõ Ô-y nhạt bóng chiều ;
 烏辰王謝堂前燕。
 Chim yến nhà quan Vương Tạ cũ,
 飛入尋常百姓家。
 Lều tranh bách-tính lại bay vào.

Thơ này là thơ cảm-sự. Cảm-sự nghĩa là xem cái màu kim-tích cái số thịnh-suy; mà cảm-thương cho nhân-sự. Ô-y hạng, đời Tấn tử-dê họ Vương họ Tạ người nào người ấy mặc những áo đen, áo đen là áo kẻ sang đời bấy giờ, đời nhân gọi ngõ họ Vương ngõ họ Tạ là Ô-y.

IV

九月九日憶山中兄弟

Mồng chín tháng chín nhớ anh em trong núi

唐人王維

(Của Vương Duy đời Đường)

獨在異鄉爲異客。
 Chiếu gởi quan-hà nghiêng đất khách,
 每逢佳節倍思親。
 Trùng-dương liết đến nhớ-nhung ai ;
 遙知兄弟登高處。
 遙知兄弟登高處。
 Cảnh thù tưởng lúc lên cao bề,
 遍插茱萸少一人。
 Đủ mặt anh em vắng một người.

Thơ này là thơ ở đất khách nhớ người thân-thích trong họ hàng. Trùng-dương tức là ngày mồng chín tháng chín ; tục đời ấy cứ đến tết trùng-dương, thì nhà nào nhà ấy anh em rủ nhau lên chơi núi thưởng cây thù-du, rồi bẻ mấy cành về làm thuốc, cũng như tết đoan-ngọ mồng năm tháng năm đi bẻ cành ngải, vân-vân.

V

暮春即事

Mộ-xuân tức-sự

宋人周濂溪

(Của Chu Liêm-Khê đời Tống)

雙雙瓦雀行書案。

Đôi đôi sẻ-sành trên án nháy,

點點楊花八硯池。

Mấy chùm bông liễu trước nghiên rơi ;

閒坐小窗讀周易。

Ngày ngày ngồi sáng xem kinh Dịch.

不知春去幾多時。

Chẳng biết xuân đi mấy độ rồi.

Thơ này là thơ tức-sự. Tức-sự nghĩa là trở vào việc mà nói. Đây là tả về cảnh-thú chỗ xem sách trong buổi mộ-xuân. Đôi đôi sẻ-sành nghĩa là đôi con chim sẻ chế bằng sành, làm ra dáng đi dáng nháy, tức là cái giá để gác bút, là một vật thanh-nhã trong văn - phòng.

Tùng-vân

THI CA MỚI

1. Tắm mát buổi chiều

Đường cái thênh-thênh nhẹ gót hoa,
Gần nơi tắm mát thỏa lòng ta ;
Lập-lờ sông Nhị triều tuôn đầy,

Bảng-lảng non Tây bóng xế tà ;
Cả cả gương vây theo nước chảy,
Chim ngàn vỗ cánh khuấy mây xa ;
Mấy câu ướm hỏi người du-lich,
Phong cảnh Đò-son cũng thế à (1) ?

2. Nghĩ

Nghĩ quanh nghĩ quẩn nghĩ vu-vơ,
Nghĩ nổi gần xa lưỡng thần-thơ ;
Nghĩ cái trò đời, thôi có khác . . . ,
Nghĩ con người ấy thật không ngờ !
Nghĩ từng « bổ lão » thêm ngao-ngán,
Nghĩ chuyện « con hươu » khéo rơm-rờ.
Nghĩ chán-chê rồi, sau tự nghĩ,
Nghĩ chi cho lắm, bản lòng tơ !

3. Nhớ Thu-tri

Nào biết rằng ai có nhớ chi ?
Riêng ta ta chỉ nhớ Thu-tri ;
Ngựa xe rộn-rịp đường Tân-dê (2),
Khăn áo pho bày tại Thuận-vi (3) ;
Hội Lạng vào ra đã mấy độ (4) ?
Chợ Đồi tan họp trái bao khi (5) ?
Lộc-diền trông với làng Cầu nhĩ (6) ?
Khuất mấy ngàn dâu nọ thấy gì !

4. Bến Tân-dê

Qua sông tàu chạy nhẹ như tên,
Phong-cảnh này ai khéo vẽ nên ?
Đò dọc vào Nam mời khách xuống,
Xe hơi đi Thái đón người lên,
Phổ-phương lờ-đờ đường đôi ngã,
Hàng quán lơ-thơ chợ một bên ;
Tiện dịp dạo thăm nơi huyện-ly
Tắc lòng canh-cánh chữa từng quên !

5. Biệt bạn sáng sớm

Vàng đông đã thấy đỏ hoe-hoe,
Người ở nhà lan khách dăm hòe ;

(1) Núi Đò-son ở tỉnh Kiến-an, mùa bưc nhiều người đến đây nghỉ mát.

(2) Bến Tân-dê là nơi giáp-giới tỉnh Nam-dịnh và Thái-binh. Huyện lỵ Thu-tri ở liền ngay đó.

(3) Ở Thu-tri có câu hát rằng : « Gái Thuận-vi khăn áo chuốt, . . . »

(4) Ở làng Ngoai-làng vui về lắm.

(5) Ở làng Đòng-đại, mỗi năm ngày 15 tháng 7, họp một phiên.

(6) Quê hương tác-giả.

Thìa rượu ly-bôi men vẫn đậm,
 Câu thơ lưu-giẩn nét chưa nhòe ;
 Tan canh gáy rúc đào gà-trống,
 Lìa tổ kêu nôn lũ Chích-chòe,
 Cảm cảnh lòng đương ngao-ngán cảnh,
 Còi đầu giục-giã tiếng « toe-toe ».

6. — Trời nắng đường xa

Chang-chang khi trời nắng,
 Thăm-thăm đường đất xa ;
 Rán mặt lòng ngơ-ngần,
 Chồn chân bước đận-đà ;
 Nấu-nung lò tạo-hóa,
 Cay-đắng vị quan-hà ;
 Tâm-sự khôn bày tỏ,
 Một mình ta biết ta !

7 — Thức đêm

Trần-trọc lúc đêm thanh,
 Tư bề cảnh vắng tanh ;
 Sông Ngân Ngân đã tỏ,
 Đỉnh Giáp nhập chưa thành ;
 Vạc-vạc trăng soi bóng,
 Hiu-hiu gió lọt mảnh ;
 Đường kia nông-nỗi no,
 Lặng nghĩ suốt thâu canh,

8. — Quả cau

Gửi đưa buồng trước lại buồng sau (1),
 Sắp nước cho tươi để giữ màu (2) ;
 Vẫn biết đỏ môi là phải có (3),
 Yêu nhau nên hái để mời nhau (4).

9 — Miếng giầu

Gặp nhau câu chuyện sắp lán-la (5),
 Vội thuốc ai hay phải gỡ ra (6) ;
 Vì nếu không ăn cầm lấy nhé (7) !
 Dù cay dù mặn kẻ chi mà (8) !

10 — Quả mít chín

Sinh ra hình-dạng vốn sù-sì,
 Một chút danh thơm mấy kẻ bì ;
 Tiếng « đặc » người đời hay rĩa-móc
 Ai kia « rỗng tuếch » đã hơn gì !

11 — Rơm

Khói lửa tung bay bén mọi nơi (9),
 Anh-hùng gằn-gặn được bao người (10)?
 Trò đời rắc-rối hay thêm chuyện,
 Rơm bung ôm chi khéo nực cười (11) !

12 — Rạ

Đem voi mà giấu, giấu làm sao (12)?
 So gốc cho con liệu thế nào (13)?
 Quần áo quá chơi đem bán hết (14),
 Gió đông đành chịu dẫn thân vào,

Hát nói

I

Xem sách

Dục tri thiên-hạ sự ; tu độc Ngũ-châu thư. (15) Chẳng cứ gì công việc sau xưa, có trải biết mới là người kiến-thức. Hồn chữ văn-vơ làng hãn-mặc, duyên văn đàn-diu áng thư-hương. Kiếp phù-sinh trót đã dở-dang, hãy mượn lấy quyền vàng mà giải-trí. Nay triết-lý, nay vấ-chương, nay luân-thường, nay chính-trị, cầm trên tay ngẫm nghĩ chuyện gần xa. Đường tri-khôn thêm rộng mãi ra, nỗi u-uất lòng ta đều rũ sạch. Lúc ngày vắng ta vui với sách, khi canh tàn sách bạn cùng ta. Mặc người lộng nguyệt ngâm-hoa.

(1) Lời phương-ngôn : « Ai về tôi gửi buồng cau, buồng trước kính mẹ, buồng sau kính thầy... »

(2) « Ai lên nhẩn nhủ chị hàng cau, chiếu bươm sắp nước giữ màu cho tươi ». — (3) « Có giầu mà chẳng có cau, làm sao cho đỏ môi nhau thì làm ? » — (4) « Vào vườn hái quả cau xanh, bỏ ra làm sáu mươi anh xơi giầu... »

(5) « Miếng giầu là đầu câu chuyện ». — (6) « Ăn giầu phải gỡ giầu ra, một là thuốc độc, hai là mặn với ». »

(7) « Tiện đây đưa một miếng giầu, chẳng ăn cầm lấy cho nhau bằng lòng » — « Giầu này ăn thật là say, dù mần dù nhạt dù cay dù nồng... » Hai bài này, trích trong tập « Thọ Sơn tạp-vịnh ».

(9) « Lửa gần rơm lâu ngày cũng bén » — (10) « Anh-hùng rơm » — (11) « Ôm rơm rơm bung ».

(12) « Giấu voi đụn rạ » — (13) « So gốc rạ gả con » — (14) « Cờ bạc né đã khinh anh, áo quần bán hết một mảnh chẳng còn ! Gió đông non chui vào đống rạ... »

(15) Muốn biết việc thiên-hạ, nên đọc sách năm châu.

Lời hát vặt

1. Công cha đức mẹ

Ngày nào mới lọt lòng ra,
 Mẹ cha yêu giầu như hoa trên cành.
 Ngày nay tuổi đã trưởng-thành,
 Ở sao cho xứng chút tình làm con !
 Công-đức ấy như non như bể,
 Dầu đèn bồi chưa kể là bao ;
 Hỡi ôi bể rộng non cao,
 Công cha đức mẹ kiếp nào trả xong !

2. Nông-phụ tử

Tay bưng bát nước chè tươi,
 Mời chàng uống cạn cho người nổi lòng.
 Chàng ơi ! chớ có ngại-ngùng,
 Chân bùn tay lấm ra công cày bừa.
 Việc trồng cấy nắng mưa đừng ngại,
 Người tìm về ta phải tìm đi,
 Làm ăn cho được kịp thì,
 Cây trưa cấy muộ~~o~~ ra gì, chàng ơi !

3. Cuộc đời thay đổi

Đêm trăng khi tỏ, khi mờ,
 Ngày trời khi nắng khi mưa là thường.
 Đổi thay ai biết mà lường ?
 Nhân người trong cuộc, soi gương dưới
 đời.

Thơ-Son ĐOÀN NHỮ-NAM

Trác-chi thi văn tập (1)

琢之詩文集

1 — Bơi thuyền chơi Đông-hồ

Mặt nước hòn non nổi,
 Đáy hồ mảnh nguyệt trôi ;
 Chiếc thuyền thông-thả dạo,
 Tiếng hát động chân trời.

2 — Bụi trúc sau mưa

Bên đường có bụi trúc,
 Mới tắm trận mưa dào ;
 Quân-tử nghiêng mình xuống,
 Đi qua ta cúi đầu.

3 — Chơi hoa

Vườn xuân hoa đã nở,
 Dạo bước thử tìm hoa ;
 Sắc đẹp hương thơm đủ,
 Hoa cười hoa cợt ta,

4 — Hoa hồng

Trước rèm thoang-thoảng gió,
 Tha-thướt đóa hoa hồng ;
 Khéo khéo xinh-xinh lắm,
 Càng trông lại muốn trông.

5 — Hoa hồng buổi sáng

Sáng sớm đóa hoa hồng,
 Cánh thắm đượm màu sương ;
 Giọt lệ hồng-nhan đỏ,
 Buồn cho cuộc tang-thương,

6 — Hoa rụng

Ban mai còn tươi-tốt,
 Chiều xế đã rơi rời,
 Sớm muộn lẽ có khác,
 Người ta cũng thế thôi !

1 — Đông-khờ cảnh sớm

Phát-phơ bờ cỏ sắc xuân rờn,
 Nước chảy trời trôi liễu dứt chân ;
 Cá lộn ngang cảnh chim liệng sóng,
 Xuôi dòng vài bốn chiếc thuyền con.

2 — Đẻ ảnh tự cười mình

Cũng phết nhà nho cũng áo khăn,
 Tha-hương xem phải khách làng văn ;
 Làng văn thiệt giả lòng mình biết,
 Bộ cánh ngoài trông chẳng chắc bằng !

3 — Đêm đông nhớ bạn

Trận gió thê-lương thổi lọt song,
 Phòng vắng hơi giá lạnh như đồng ;
 Phương trời ai đó, người tri-kỷ,
 Chấn chiếu đêm nay có lạnh-lùng ?

(1) Trác-chi 琢之 là tên tự tác-giả.

4 — Thấy gió bắc cảm

Gió bắc nay đà tiễn gió thu,
Mà sao chưa thổi hết cơn sầu !
Người sầu nào phải sầu vì gió,
Sầu bởi vì trông cuộc bể dâu !

5 — Trông trăng nhớ bạn

Năm ngoài đêm nay cũng tháng này,
Cùng ai ta ngắm bóng trăng đây ?
Bóng trăng vẻ đẹp còn như trước,
Vẻ đẹp người yêu có đổi thay !

6 — Đề bình cảm hoa lài và
hoa hồng

Trắng ngà trong ngọc dạng hoa lài,
Thắm-thắm hoa hồng kịp sánh vai ;
Nhìn ngắm hoa thương hương-sắc ấy,
Đẹp thơm chẳng giữ được ngày mai.

7 — Đề sách tiểu-thuyết
« Nho-Phong »

của ông Nguyễn Tường-Tam

Thi-thư nền cũ nếp « Nho-phong »,
Đau-dớn cho ai kiếp má-hồng ;
Sóng gió chẳng sờn lòng tiết-liệt,
Trời Nam gương để chị em trông.

1 — Thanh-minh có mưa phùn

Trận mưa như rửa bóng thiêu-quang,
Đề tiết Thanh-minh cảnh đoạn-trường ;
Trời đất khéo treo tranh ám-dạ,
Non sông như ngậm vẻ thê-lương ;
Sè-sè năm đất người kim cổ,
Phát-phối tro tàn cuộc hải-tang ;
Nào khách trăm năm câu chuyện cũ ?
Rầu-rầu ngọn cỏ nửa xanh vàng !

2 — Lên chơi núi Đại Tô-châu

làng Thuận - yên

Một bước dăng-lâm thú đủ ngàn,
Nài chi khi mới gối chồn chân ;
Cỏ hoa êm lặng không màu tục,
Cây đá thiên-nhiên khác vẻ trần ;
Lác-dác dưới chân non nước nhỏ,
Chập-chờn trước mặt khói mây gần ;
Càng lên càng thấy trời cao rộng,
Giác-mộng phù-sinh bỗng tỉnh dần.

3. — Chơi Tô-châu

Bảng-lảng ngàn Tô bóng xế chiều,
Anh em năm bảy cảnh lần theo ;
Lòng sông sóng gợn trời xa thẳm,
Mặt biển buồm bay gió thổi vào ;
Trong vắt nước ngăm lồng bóng trúc,
Chênh-vênh cầu bắc gác lưng đèo ;
Ai về nhắn hỏi người tang-hải ?
Trần-thế ngày vui được bấy nhiêu ?

4. — Mừng tân-hôn

Nguyệt-lão cầm chân, buộc chỉ hồng,
Mừng trai nên vợ, gái nên chồng,
Trăng rằm hoa nhị tình đằm-thắm ;
Phận cải duyên kim nghĩa mặn nồng.
Một cửa thơ-hương gồm phúc lộc ;
Trăm năm tơ tóc hẹn non sông,
Giang-san một cuộc cùng chung gánh,
« Thuận vợ thuận chồng tát biển đông »,

5. — Kính tiễn Nguyễn đại
nhân trí-sĩ

Biên hoạn mệnh-mang khéo bất-bình !
Làm chi cho nhọc đám công-danh !
Giang-hồ bầu bạn hợt tan mặt,
Tòng cục anh em say tỉnh tình ;
Tiên quận há không trăng gió sẵn ;
Tân-an còn có nước non đành ;
Gió đông đã dải qua màu chạp,
Vườn cũ thăm xuân xuân vừa xinh.

Cảnh trăng trên Đông-hồ

(Chuyết-cổ)

東湖一片月

Đông hồ nhút phiến nguyệt,
Đã chơi trăng cho phải biết tình trăng,

湖之淨對月之恆

Hồ chi tịnh đối nguyệt chi hằng,
Hồ có nguyệt lại càng tăng cảnh sắc,

月照平湖詩滿幅

Nguyệt chiếu bình hồ thi mãn bức ;

湖涵明月酒盈樽

Hồ hàm-minh nguyệt tửu doanh tôn.
Hồ chưa vui, nguyệt hãy còn non ,

Nguyệt chẳng khuyết hồ vẫn còn với
nguyệt.

Lững-thững dạo thuyền lan một chiếc,
Góp gió trăng thề-thuyết với non sông,
Nước kia đề chữ « tương-phùng »,
Trăng kia tỏ mặt hào-hùng này chẳng ?
Xinh thay kia nước nọ trắng!

Hà-tiên ĐÔNG - HỒ

HÁT NÓI

Kính tặng

Huỳnh Thoại-Bằng 黃瑞鵬 tiên-sinh (1)

Mưỡu :

Rằng ơn giáo-hóa đời-dào,
Tấm lòng báo - đáp biết sao cho vừa.
« Bảo-tồn Nho-học nền xưa » (2)
Hoa chào Đán - Hạnh, hương đưa
F. trong-thành 芳城.

Nói :

人 生 於 三 事 之 如 一

Nhân sinh ư tam, sự chi như nhất.
Đạo thờ cha chi khác đạo thờ thầy ;
Đức cù-lao sinh-dưỡng ân dày,
Có giáo-dục sẽ nên người trí - thức.

« Non Thạch (石洞) dựng cao nêu
đạo-đức ;

« Hồ Đông (東湖) khơi rộng mạch
từ-chương » (3),

Nếp Nho-phong, nền Hán-học Đông-
phương,

Đạo luân-lý đã treo gương tỏ rõ,
Ba xuân sáng, dễ dền bồi tác cỏ,
Lượng trên xin cũng đủ lòng thương.

« Cảm vì chút nghĩ cũ - càng... »

Tán cụu nam nữ học-sinh kính bái,

Bài ký chơi Bàn-thành và đền Hiền-trung

槃城並顯忠祠遊記

Tôi từ khi được dời về tỉnh Bình-
định là nơi quê hương này, vẫn biết
là một chỗ nhiều danh-lam cổ-tích. nên
cứ ước-ao làm sao cho tai được nghe,
chân được bước đến những nơi dấu
xưa tích cũ của ông cha ngày trước,
tưởng-tượng làm sao cho mắt được
nhìn. tay được vẽ ra những chỗ cảnh
đẹp sắc xinh của non nước đất nhà,
lòng đã định-ninh, thường vẫn hẹn hò,
nay nhân đầu năm bình-dần, thiều-
quang chín chục vừa mới năm mươi, là
ngày lễ bái hưu-hạ, kỳ-giả cùng mấy
ông bạn là ông đốc và các ông giáo
trường Phù-cát, rủ nhau đi chơi thăm
thành Đờ-bàn và đền Chiêu-trung.
Trước khi thuật chuyện đi thăm Bàn-
thành và đền Hiền-trung, thì tưởng
phải nên thuật qua cái lịch-sử của
thành và đền ấy, mới có ý-vị có hứng-
thú, mà càng xem thì lại mới càng có
cảm-tình.

Thành Đờ-bàn là một cái đô-thành
cũ của nước Chiêm, nước Chiêm là
một nước có từ khi sau cuộc phân-
tranh của nhà Đường nước Tàu, bắt
đầu hồi chánh-thống của nước Việt-
Nam ta, thành cũng có từ lúc thành Hoa-
lư, thành Đại-la của triều Đinh triều
Lý nước ta, tính ra đều hơn mấy nghìn
năm có lẽ, khi hưng khi suy, lúc thành
lúc bại, nào những nhân-vật Chiêm giỏi
như Pông-Nga đánh đuổi Quý-Ly, dẹp
bất Mật-ôn, như Phạm-Văn và Dương-
Mại, xin lập-giới ở Hoành-son, đi cầu
lãnh ở Giao-châu, lại nữ-liệt Chiêm như

(1) Ngoài hai-mươi năm. Tiên-sinh vừa là ông thầy dạy võ lòng, vừa là ông giáo dạy khoa luân-
lý. ở trường Hà-tiên, (Hà-tiên cổ-danh là phương-thành 芳城).

(2-3) - Trích ở đôi câu đối khắc vào một tấm bảng đồng của các học-trò tặng tiên-sinh. Ngõ ền-
v ăn câu đối « Bảo-tồn Nho-học nền xưa, non Thạch dựng cao nêu đạo-đức. Giáo-dục Quốc-văn
lỗi mới Hồ Đông khơi rộng mạch từ-chương ».

nàng Mị - Ê khi bị bắt kháng - khái nói rằng : Nước mắt chổng chết chẳng biết đến ai nữa, rồi nhẩy xuống sông Hoàng-giang mà tử-tiết. Nước này thành này, đánh được nhà Trần, bị nhà Lê phá đi, rồi Tây-sơn dựng lại, đến quốc-triều ta năm kỷ-vị đức Gia-long đánh lấy được thành mới đổi đặt tên là thành Bình-dịnh, mệnh ông Hậu-quân Võ Tánh và ông Lê-bộ Ngô Tùng-Châu trấn giữ thành ấy, quân Tây-sơn nào đắp lũy đóng đồn cả bốn phía, nào mộ lính chiêu tài đến mấy mươi muôn, lắm lúc vây hãm, ghe phen đánh phá, mà hai ông ấy vẫn một lòng gìn-giữ, không chút đơn-sai, qua năm canh-thân hai ông làm tờ mật-biểu nói : Tây-sơn đương vây đánh thành Bình-dịnh, vua nên nhân thế đánh lấy cụ-kinh. Lúc đó có vợ người Phan Văn-Hán tên là Nguyễn Thị-Giả kháng-khái xin đem biểu đi, giữa đường bị giặc bắt được, tra khảo gì cũng không nói, nhẩy xuống nước mà chết. Sau lại sai người cai-đội đem biểu ấy đến dâng cho vua. Năm Tân-dậu thành bị vây đã ba năm, lương-thực hết cả, vua Gia-long nghe vậy nói với các tướng rằng : Thà mất thành không nên mất người lương-tướng ; vua sai người mang thơ lậu nước đem vào bảo ông Võ Tánh bỏ thành kiếm đường trốn ra họp với quân nhà vua. Ông Tánh trả lời xin chịu chết giữ thành, khuyên vua nên nhân đánh lấy thành Phú-xuân (tức là thành Huế bây giờ). Rồi ông Tánh sai quân lính kiếm cây củi chất dưới lầu Bát-giác, nói với ông Ngô Tùng-Châu rằng : Lương thực hết, thế cùng rồi, thành phải mất, tướng-sĩ phải bị thương, ông là kẻ văn-thần nên chớ mạng vua. Ông Ngô Tùng-Châu đáp rằng : Thành còn thì đều còn, thành mất cũng đều mất, tướng-quân biết vì nước mà chết nạn, Châu này lại không biết làm tôi chết trung hay sao. Bèn về dinh uống thuốc độc mà chết. Ông

Tánh coi liệm chôn xong, mặc đồ triều-phục vào trông về phía bắc lay, rồi lên lầu Bát-giác lấy lửa tự đốt, lúc đó có một người dầy tờ tên là Nguyễn Tấn-Huyền cũng nhẩy theo vào lửa mà chết. Sau khi vua Gia-long đã nhất-thống đại-định rồi, làm lễ tế hai ông ấy và tướng-sĩ, trong bài văn tế có những câu như là : « Sửa đại mằng châu về bắc-khuyết, ngọn hỏa-quang nung mát tằm trung-can. Chỉ nước non thề với cô-thành, chén tân-khồ nhắp ngon mùi chánh-khi. » Thật là vẽ rõ cái cảnh-tượng, tả đúng cái tâm-sự khi chết của hai ông, vẽ-vang thay ! cái chết của hai ông. Rồi vua Gia-long sắc lấy chỗ lầu Bát-giác ấy xây mộ ông Võ Tánh, ban cấp phẩm-vật cho bà con người cai-cơ Nguyễn Tấn-Huyền, và lập đền tại trước chỗ lầu Bát-giác ấy để thờ hai ông Võ Tánh và Ngô Tùng-Châu, tức là đền Hiền-trung hay Chiêu-trung.

Đối với thành này miếu ấy chúng tôi vẫn đã có mỗi cảm - tưởng sâu xa, nên cuộc đi chơi này lại càng sốt-sắng, sớm ngày 2 tháng 4 năm 1926, ông Đốc và các ông giáo ấy đều họp tại nhà tôi, người có xe nhà, kẻ mượn xe thuê, nào ngựa cỡi, nào xe đẹp, cùng nhau lũ lượt một đoàn ra đi, khi ấy vùng đồng vừa dạng bóng ác vàng, ngọn cỏ còn nhuốm mùi sương bạc, chúng tôi lần lần xuống thấp lên cao, qua cầu vượt bãi, gần một giờ đồng-hồ trải qua một đoạn đường quan từ huyện-ly Phù-cát đến chỗ quán Đốc chừng hơn 9 kilômètres. Chỗ quán Đốc có con đường rẽ về phía tây, đường này quanh co bụi bờ, ngựa trèo thì dễ, xe đi hơi khó, đi được hơn một kilômètre, qua một tàn núi đất, hỏi ra ấy là cửa tả-môn của Bàn-thành đó, chúng tôi nhìn xem chỉ thấy có đường đi vào, thế là biết dạng cái cửa thành xưa, chứ chẳng còn dấu-tích gì nữa, vì xét ra

sách chép năm Gia-long thứ mười hai, người ta đào lấy hết đá gạch thành này đem xây tỉnh-thành Bình-định bây giờ. Đi qua tầng ấy lại đến một hòn núi đất cao hơn, hồi dân xứ này gọi là núi Mã-tiên, trên đỉnh núi này có một tòa cổ-tháp của Chiêm, tháp cao hơn mười thước tây, xây toàn bằng gạch, hình tháp vuông, chỉ phía trước mặt có cái cửa lớn, còn ba bề bít cả, xung quanh tháp có trở những hình dẹt như câu đối, vuông như tấm ngói, nhọn như nóc nhà, những hoa lá cũ-kỹ và những chữ của Chiêm, trên đầu tháp hình hời nhọn nhọn, hai bên đầu tháp có trở những hình như cái nóc nhà nhỏ nhỏ, tiếng tây gọi là (*lucarne*), trên những nóc nhà nhỏ ấy, lại có trở lăm hình như rìa cờ, như lông chim, đứng xa trông thấy như những cái cánh chim, nên tục gọi tháp ấy là tháp Cánh-tiên, cách kiến-trúc tháp này tuy thì sơ-sài mà xinh xắn, ngó thì đơn-giản mà công-phu, thật rõ là một nền mỹ-thuật văn-hóa của đời cổ-sơ Chao ói! Một nước có đã hơn mấy nghìn năm, có lịch-sử, có văn-hóa, có mỹ-thuật như vậy, mà ngày nay phải bị tuyệt-diệt như thế kia! Thật là ; Cuộc đời trông thấy mà đau - đốn lòng! Đứng trên núi Mã-tiên có thể nhìn gần khắp cả bốn phía thành, hình thành tuy hơi vuông mà khuyết-khúc, lúc ẩn lúc hiện, thật là hiểm-trở, thành chỉ còn dấu đất dưới chân mà cao cũng đã hơn mười thước tây, thành rộng hơn mười mẫu tây (*hectare*) thành cách tỉnh-thành Bình-định bây giờ chừng 4 *kilomètres*. Chúng tôi leo trèo theo quanh khắp dấu chân thành, thấy thành còn dạng nắm cửa, phía trước hai cửa, bên tả một cửa, tức sách chép là Tân-khai-môn, bên hữu và sau hai cửa, tức là Vệ-môn cùng Cựu-nam-môn. Trước mặt thành có dãy núi Long-cốt, bên tả vực Bao-liệt, bên hữu núi Phong-sơn, sau lưng có nguồn Thạch-tán,

trông xa ra nữa thì phía nam là núi Dương-an cao ngất nghìn trùng, dài hơn trăm dặm, có đèo Cù-mông chập chồng ngoắt-nghéo, phía bắc có núi Bồ-chinh, núi Thạch-bàn, to lớn lạ thường, phía tây dãy núi Trụ-lãnh cao thấp nghìn ngọn núi xanh, phía đông là cửa bể Thi-nại (tức là cửa Giã hay Qui-nhon ngày nay) nhấp-nhô một vùng bể trắng, đứng mà xem đi ngắm lại cho kỹ, thật là một nơi dụng-võ hiểm-cứ vô-cùng, một cái thành vàng vững chắc đáo-dề, nên cũng có nhờ thế mà thành bị vây ba năm mà giữ gìn chắc được. Nhân dạo xem khắp thành rồi, thấy cảnh sinh tình, tôi bèn ngâm một bài rằng :

*Cùng nhau dạo khắp cảnh Bàn-thành,
Thấy cảnh càng sinh mới cảm-tình ;
Cảm cuộc bề dàu đau-đớn nhĩ,
Cảm hồi chiến-đấu nghị càng kinh !*

Được Trần Lê được là ai chủ ?

Thua Nguyễn Nguyễn thua biết mấy
[*binh !*]

*Thua được được thua quyền Tạo-hóa,
Muôn đời khôn lấp dấu uy-linh.*

Tôi ngâm xong lại lấy bút ra vẽ một bức cảnh có đoạn thành và tháp Cánh-tiên ấy, vẽ xong cùng nhau leo xuống thành để đi vào đền Hiền-trung. Xống thành rồi thấy trong thành nhan-nhãn những đám đậu đám mè, đám ngô đám mía, trong thành phía đông-nam nhân-dân ở cũng khá nhiều, chúng tôi bèn rủ nhau đi tìm kiếm lấy một vài ông cụ già trong làng ấy, để hỏi thăm may có biết thêm được chuyện xưa tích cũ gì nữa chẳng.

Nhân thế chúng tôi lại được xem cái che ép mía làm đường của ta, là một cái bộ máy của ông cha ta sáng-tạo ra đã mấy mươi đời rồi ; nhưng xem ra cũng chưa thấy có cái gì đã cải-cách cho tiện-lợi khéo đẹp hơn. Như thế thì ai lại bảo là người nước ta không có tinh sáng - khí ? hiềm vì xưa nay

cứ chôn chặt nhau vào cái hầm hư-danh, mà không chú-ý gì đến thực-nghiệp, nên công-nghệ thương-trường không hề phát-hung lên được đó mà thôi !

Chúng tôi đi tìm khắp trong vùng người ở đó, mà chẳng có ông nào là tuổi tác và cũng chẳng ai biết điều gì hơn cả, chỉ nói mập-mờ mừng-trởng thể thôi. Họ bảo chúng tôi rằng : Ông quá, ước gì các ông vào chơi bồi năm kia, thì có một cụ già hơn trăm tuổi, biết được nhiều điều xưa chuyện cũ và rõ được đầu đuôi hồi hai ông Võ Tánh, Ngô Tùng-Châu giữ thành và khi tuấn-tiết. Nghe qua mà cũng đáng tiếc thật. Ôi ! một nơi như thế này, sao người ở đây lại không ai biết được cái lịch-sử cái thanh - danh cho đích-xác, xét ra cho kỹ cũng vì người mình ít có cái tinh hiếu-cô và cũng vì ít học nữa ! thật đáng buồn thay !

Hỏi không được gì, chúng tôi mới xăm-xăm đi vào đền để cung-chiêm. Đền ở giữa thành, ngoài có một lớp thành cao độ chừng vài thước tây, vương vức rộng chừng một mẫu tây, có ba cửa : tiền và tả hữu, đều làm ở chính giữa lớp thành ấy, phía trước đền ngoài lớp thành ấy cách chừng năm chục thước tây có hai con voi bằng đá, mỗi con to bằng con voi con thật, con bên hữu thì lối điêu-khắc của ta, còn con bên tả thì cách điêu-khắc của Chăm, cả hai con đều có dấu mòn và sức xề, thật rõ là một vật rất xưa. Trước sân đền hai bên có hai cái nhà nhỏ nhỏ, hình như thờ các hàng sĩ-tốt thì phải, và có những văng cồ-thụ cao mấy trăm thước, lá-lấy rườm-rà, da vỏ sù - sì đóng rêu mốc thềch, gió đưa những nhánh lá cây ấy, làm cho trong trí chúng tôi tưởng-tượng như giọng quân của vua Lê dương reo đuổi người Chiêm, ngọn cờ của chúa Nguyễn dương giọng đẹp giặc Tây-son.

Sau lưng đền cách chừng hơn mười thước tây là mộ của ông Võ Tánh, ấy là chỗ cái lâu Bát-giác ngọn lửa thiêu người nghĩa-khí ngày nọ.

Chúng tôi vào ngồi nghỉ nơi nhà người giữ từ một hồi lâu, rồi mới bảo người ấy đem lên mở cửa đền cho vào chiêm-bái, đền làm lối cồ, tuy không hoa-hòe lắm mà chắc-chắn, người giữ từ mở cửa rồi chúng tôi bước vào, thấy gian chính giữa trên có bức biển đề ba chữ « Hiền-trung từ 顯忠祠 » bên hữu bức biển có mấy chữ Gia-long kiến-tạo, bên tả mấy chữ Tự-dức trùng-tu, màu sơn lối chạm tuy đã cũ mà nét vàng vẫn đương sáng chói. Án chánh giữa trong có một cái khám sơn son thếp vàng đề trên cái bệ voi, trong khám ấy tôn-tả hai cái bài - vị của ông Võ ông Ngô, hai gian gần đó cũng đều có hai cái khám hơi lớn hơn, thờ các hàng tướng-sĩ, hai gian ngoài nữa thì có hai dãy bài - vị đề trên hai dãy bệ voi dài, trở mặt qua với nhau, là thờ các hàng quân lính, những đồ thờ cũng đều là vật thường quá, lại thêm bụi bám bần-thỉu, không có cái gì là quý-trọng cả. Lại có một điều chúng tôi lấy làm lạ lắm, là một cái đền thờ những vị trung-thần nghĩa-sĩ như thế này, mà sao không hề có một câu đối hay bức hoành gì, gọi là của người đời sau xung-tụng cái công-dức, biểu-dương cái chí-khí của người đời trước cả ! Ôi ! nếu hai ngài này mà có cái thế-lực hay phò-trì huyền-diệu như những cậu quận cô nương kia, thì cái đền thờ này nào là lễ-vật hương hoa, nào áo xiêm trướng liễn đồng bóng tung - bùng, lay vang rộn-rịp, nào có phải văng-vẻ lãnh-đạm chỉ hai cái bài-vị với cái đền chống vồng như thế này đâu ! Ôi ! nếu hai ngài là kẻ trung-thần nghĩa-sĩ của một nước văn-minh Âu-Mĩ, thì cái đền thờ này nào là tượng đồng bia đá, nào tranh vẽ hình chụp, khi kẻ đời sau có qua chơi

thăm cũng được cung-chiêm cái dung-dạng, cái khí-phách của các ngài, nào có phải chỉ trông thấy mấy cái bệ vòi và mấy bát nhang tàn như thế này đâu ! Chúng tôi vòng tay đứng cung-chiêm một hồi rồi bước đến trước án làm lễ bái ba cái gạt nước mắt mà lui ra. Tôi nhân cảm-cảnh xúc-tình có ngâm một bài thơ rằng :

*Đoái thấy Chiêu-trung luống chạnh lòng,
Chạnh lòng càng nhớ kẻ song-trung !
Ngấn thành đắp lũy là ai đó ?
Vì nước ngay vua có phải ông ?
Thuốc đắng ngọt mồm người nghĩa-khi,
Lửa nồng mát dạ kẻ anh-hùng ;
Nào ai Nam-Việt nên nhìn đấy,
Tiếng để muôn đời với núi sông !*

Ngâm xong lại lấy bút ra vẽ qua cái cảnh đền thờ, rồi mới cùng nhau ra thăm mộ ông Võ. Trước mộ có hai con kỳ-lân hay là nghê bằng đá to bằng con bò lớn cách điệu-khác rất cổ, rõ là một vật xưa của Chiêm. Xung-quanh mộ có lớp nền cao gần thước tây, trên nền có thành cao hơn thước tây, vuông-vức rộng chừng một trăm thước vuông (*mètre carré*) đi xung-quanh ngoài lớp thành ấy thấy đường còn cái dấu chân nền lâu Bát-giác khi xưa. Bước lên nền thấy giữa có ngôi mộ xây hình như con qui nằm, to bằng nửa cái rương sập, những trên mộ lại trở hình nửa cái hoa

sen búp, thật là một kiểu cổ-sơ. Phía bên hữu dưới chân mộ lại có một ngôi mộ nhỏ, xây vuông bằng chiếc chiếu, cao chừng hơn một tấc tây, ấy là cái mộ của người nghĩa-bộc cai-cờ Nguyễn Tấn-Huyền đó. Chúng tôi đứng đó tàn-ngần trót một giờ lâu, trong tâm-trí thấy hình như ngọn lửa vô-tình kia đương bùng-bùng đốt cháy ông Võ đâu đó, rồi xụi-xùi bước đến trước mộ làm lễ bái ba cái mà lui ra.

Ra trước mộ sắp nhau chụp một bức ảnh để làm vật kỷ-niệm, chụp xong thì xem ra chim én đã bay về tổ, bóng chiều đã xế non tây, chúng tôi gọi người giữ từ đến cho mấy giắc bạc, rồi cùng nhau lữ-lộet thơ-thần ra về.

Về đến nhà đồng-hồ đã hơn sáu giờ chiều, cơm nước xong rồi, song trong trí tôi vẫn cứ bồi-hồi nghĩ-ngợi, nhớ thành lúc nọ, cảm người lúc kia, đêm xuân trần-trọc, giấc điệp bàng-khuàng, ngồi dậy chống tay với ngọn đèn mờ xanh đỏ cho đến suốt đêm dài, bèn lấy giấy bút ra chép bài này gọi là tỏ chút tình cảm-tưởng đối với thành với miếu ấy và là một vật kỷ-niệm trong cuộc đi chơi thăm này.

TRẦN QUANG-HOÀNG

(Phù-cát Bình-dịnh)



THỜI-ĐÀM

Việc thế-giới

Tình-hình chính-trị ngoại-giao trong thế-giới. — Các việc còn dở-dang trong tháng giêng chưa giải-quyết xong, đến tháng hai vẫn còn bàn xéi và có việc vẫn chưa giải xong. Việc quan-hệ nhất là việc nước Tàu, mà việc nay thì chưa biết đến bao giờ mới quyết hẳn. Lại còn việc Giám-quốc COOLIDGE nước Mĩ bàn với Liệt-cường nên họp một hội-nghị nữa để định việc tái-giảm hải-quân thuộc về các chiến-hạm hạng nhì ; lời bàn của Giám-quốc Mĩ nói là để bảo-thủ cho cuộc hòa-bình, kể cái ý thì hay lắm, nhưng xem ra các nước Âu-châu không lấy làm hoan-ngênh, cho rằng nước Mĩ xưa nay vẫn tuyên-bố không can-thiệp đến việc Âu-châu, thế mà nay bàn giảm-binh, mai bàn giảm-binh, tựa-hồ như nói một đảng làm một nẻo, cách đó không đủ làm cho thiên-hạ tin. Ngoài việc đó còn có vấn-đề Tanager và việc xung-đột nước Anh với nước Nga. Ấy trong khoảng tháng hai chỉ có mấy việc đó là quan-hệ nhất.

Nói về việc nước Tàu. — Xét về việc nước Tàu có hai phương-diện khác nhau ; Một là phương-diện Liệt-cường, hai là phương-diện chính nước Tàu. Trước hẵng xét về phương-diện thứ nhất, theo lời các báo Tây, rồi xét đến phương-diện thứ nhì theo các tin-tức điện-báo hàng ngày, nhưng phải lý-hội cho có đầu đuôi, nhiều khi cũng khó lắm. Tin-tức về việc Tàu thì vẫn nhiều lắm, nhưng tùy sở điện-báo của mỗi nước có khi cùng thuật một việc mà khác nhau. Về phương-diện Liệt-cường thì việc xảy ra ở Hán-khẩu về cuối năm ngoái và đầu năm nay, nước

Anh đã công-nhiên là thất-bại. Sau mới miễn-cưỡng để cố rửa mặt lại, nhưng nghe chừng cũng khó, đại-biêu Anh O MALLEY và quan ngoại-giao Tàu Trần Hữu-Nhân, hai người thương-thuyết với nhau kéo dài đến mấy tháng, khi thời tuyết-giao, khi lại tục-giao, các báo thế-giới lấy làm chuyện buồn cười. Mãi sau mới kết-quả, hai bên ký giấy điều-đinh, về phần nước Anh thì thực ra cũng không được lợi gì. Giấy điều-đinh đó tựa-hồ như qui-cửu cho chính-phủ Quảng-gông về những sự bạo-động xảy ra tại tô-giới Anh ở Hán-khẩu, và định các khoản phạt đền-bồi thế nào, nhưng lại thừa-nhận cho nước Tàu có quyền cai-trị trong tô-giới, hiện nay còn dự một phần to, sau này sẽ giữ cả toàn-quyền thống-trị ở trong tô-giới. Nước Anh lại hứa rằng sẽ không phái binh-thuyền sang Thượng-hải nữa, lời hứa ấy sau này cũng thành chuyện khó nghĩ cho Anh, vì Anh quyết không thể giữ được. Hồi nước Anh hứa với Tàu như thế thì hằng ngày cũng vẫn đem thêm binh-thuyền sang Á-đông, vẫn biết là có thể nói rằng binh-lực ấy cốt dùng để giữ cho Hương-cảng chứ không chủ đem lên Thượng-hải, nhưng Thượng-hải với Hương-cảng cách xa nhau là bao, và khi Anh thấy có nguy-hiểm đến quyền-lợi mình ở Thượng-hải, thời lời hứa nào ngăn được người Anh không đem quân ở Hương-cảng lên. Về mặt bắc-phương thì chính-phủ Bắc-kinh mới hạ-lệnh bãi chức viên tổng-giám-đốc Quan-thuế cục là người Anh tên là SIR FRANCIS AGLIN. Việc đó không những nước Anh mà đến cả Liệt-cường cũng lấy làm lạ. Hải-quan-cục xưa nay vẫn do người Anh quản-

lý, và ông AGLEN làm chức đó kể đã mấy chục năm nay rồi. Mới đây chỉ vì chính-phủ Bắc-kinh truyền cho ông phải trích một khoản trong quan-thuế, ông cho là trái lệ thường không tuân lệnh, nên bị bãi chức như thế. Song cái nguyên-do cách xử-tri của chính-phủ Bắc-kinh như thế là thế nào? Hoặc-giả nói một là đó là cái triệu-chứng chính-phủ Bắc-kinh có ác-cảm với nước Anh, hai là đó là một cách của chính-phủ Bắc-kinh tỏ ra rằng cũng biết thi-hành cái chính-sách bài-ngoại và cũng biết mưu sự độc-lập cho nước Tàu chẳng kém gì chính-phủ Nam-phương, làm thế để lấy lòng với quốc-dân đương theo về cái phong-trào công-kích người ngoại-quốc, và cho rõ rằng mình không có âm-mưu kết-liên với ngoại-quốc, như đảng phản-đối thường thống-trách như vậy. Xem đó về phương-diện bắc-phương cũng như về phương-diện nam-phương, nước Anh đều thất-bại cả. Anh vốn có quyền - lợi buôn bán ở Tàu to lắm, chuyển này thiệt - hại nhiều. Song thiệt cho nước Anh mà không phải là không thiệt-hại cho nước Tàu nữa, và các nhà buôn Tàu thường không được trường vốn bằng nhà buôn Anh, không có thể vãng-vãng mà đợi thời-cơ được, nên có lẽ lại tổn-hại hơn. — Đối với cái tình-trạng đó, các nhà ngoại-giao của Liệt-cường cũng phàn-ván bối-rối, không có một phương-sách nhất-tri để đối-phó lại. Và lại Liệt-cường ngoài mặt thân mà trong lòng thường vẫn ghen-ghét nhau không có đồng-tâm hiệp-lực, mà có khi lại cản-trở lẫn nhau, muốn thừa-cơ để lợi-dụng. Thành ra nước họ nghi nước kia, nước nào cũng để phó mặc cơ-hội, chứ không có định-sách gì cả.

Nay xét đến việc Tàu theo các điện-tin hàng ngày và các tin-tức trong báo tàu.

Tháng mới qua đây Nam-quân đã lấy được Nam-kinh, định thiên quốc-

dân chính-phủ đến đóng ở Nam-kinh mà kế-tục tiến quân Bắc-phạt. Song ở Vũ Hán lại xảy ra một việc là bọn cộng-sản lại biệt-lập ra một chính-phủ ở Vũ Hán, theo về chủ-nghĩa quá-khích để phản-đối với đảng quốc-dân, định cất binh-quyền của Tưởng Giới-Tchach mà đánh đổ Tưởng đi.

Bảng-bộ trung-ương ở Vũ Hán đều bị bọn cộng-sản kiềm-chế lao-lung. Cứ xem như lời Tưởng Giới-Tchach bá-cáo tướng-sĩ thì biết đảng quá-khích họ âm-mưu phản-động cũng kịch-liệt. Tưởng nói rằng: « Đương khi tướng-sĩ ta đánh giặc ở Chiết-giang và Giang-lô rất kịch-liệt, thì ở Vũ Hán không phát một đồng lương, không cấp một viên đạn nào cho tướng-sĩ ta, mà lại nói phao ra các lời rằng: Ở Giang-tây còn trữ một nghìn năm trăm viên đạn. Lại như giữa lúc chúng ta đương hết sức đánh trận lấy lối tiến quân, thì bị cuộc hội-nghị ở Vũ Hán bài-xích là tiến-quân quá vội. Lại như quân-đội chúng ta đã bố-tri sẵn-sàng, sắp đánh Nam-kinh Thượng-hải, thì chúng lại ngăn-trở không cho tiến quân, muốn cho chúng ta thất-bại không sao cứu-vớt được mới thỏa. Chúng lại còn xui giục Trương Tôn-Xương làm cho tiêu-diệt đảng chúng ta đi. Than ôi! Những sự sử-động của chúng như thế còn có tâm-can huyết-linh gì không?

« Sau khi chúng ta đã khắc-phục được Tùng-giang, Thượng-hải, cái bọn gọi là « Trung-ương-đảng » ở Vũ Hán lại mắng nhiếc chúng ta là « đảng giặc », hiện anh em vũ-trang đồng-chí có thể cam chịu được những tiếng ấy không? Tướng-sĩ ta đương phải phơi gan tắm máu ở chỗ rừng quom bề đạn, thì chúng lại mắng là « bắt cách-mệnh » mà chúng ngất-ngưỡng ngồi nhà, không phát lương, không phát khí-giới, có tin-tức gì lại thốc-mách với bọn quân-phiệt, chỉ biết an-hưởng cái lạc-thứ

quan cao lộc hậu, thì lại tự xưng là « cách-mệnh. » Như vậy trên thế-giới này còn có lẽ phải trái gì nữa không ? Nếu trên thế-giới còn cần đến lẽ phải trái, thì chúng ta tất phải đem những đảng cộng-sản vô lương-tâm vô liêm-sĩ ấy mà đánh đổ đi mới được. »

Lại cứ như lời Bạch Sùng-Hi nói với các báo-giới ngày 16 Avril rằng : « Đảng cộng-sản nắm giữ lấy chính-phủ quốc-dân và trung-ương đảng bộ, kêu gọi nên cái va chiến-tranh về giai-cấp, để làm cho li-gián mấy người linh tụ cách-mệnh là : Tưởng Giới-Thạch, Ưng Tinh-Vệ và Hồ Hán-Dân. Nghe đâu đảng ấy sắp sửa thí-nghiệm thí-hành cái chủ-nghĩa cộng-sản ở Lẽ-lãng. Vậy hiện nay các lĩnh Giang-tô, Chiết-giang, Quảng-đông, Quảng-tây, Hồ-bắc và Phúc-kiến đều hết sức tảo-trừ bọn cộng-sản. »

Xem thế thì tình-thế Trung-hoa đương về tuần tháng Avril các việc nội-chính và ngoại-giao đều đình-hoãn cả; vì ở Nam-phương phân ra hai phái là tả-phái và hữu-phái. Tả-phái thì theo chủ-nghĩa quá-khích là về đảng cộng-sản, thì lập chính-phủ ở Vũ Hán, Trần Hữu-Nhân cũng theo về phái ấy, mà Ưng Tinh-Vệ cũng bị giữ ở Vũ Hán, không biết có hẳn theo về phái ấy không ? Hữu-phái thì chủ-nghĩa ôn-hòa là về đảng quốc-dân thì lập chính-phủ ở Nam-kinh do Tưởng Giới-Thạch tổ-chức lập ra.

Tưởng mới chỉnh-đốn lập ra một cuộc chính-vụ hội-nghị đều cử người đại-lý. Ngoại-giao thì cử Ngũ Triều-Khu, tài-chính cử Cố Ứng-Phần, còn công việc trung-ương thì do Hồ Hán-Dân chủ-tri. Sau lại có tin trung-ương đảng-bộ thì cử Ngô Trĩ-Huy làm chủ-nhiệm.

Phùng Ngọc-Tường mới rời ở Tân-an cũng tỏ ý phản-đối chủ-nghĩa cộng-

sản, mà một lòng tin-ngưỡng chủ-nghĩa tam-ân.

Tưởng Giới-Thạch gần đây đã tuyên-bố tuyệt-giao với đảng cộng-sản, đã sai quân đi đánh Vũ Hán thắng được quân Trần Hữu-Nhân ở gần Càn-giang. Trần Hữu-Nhân và các đảng-viên trong bọn cộng-sản đã trốn chạy vào trong tô-giới ngoại-quốc.

Hiện nay chính-phủ Nam-kinh đã tổ-chức lại vệing-vàng, đã đặt ra một bộ cảnh-binh địa-phương để trông nom về việc bảo-an, bài-trừ đảng cộng-sản. quân Tưởng đã dẫn đến phía bắc Phố-khâu và Tô-châu là nơi có nhiều đường hỏa-xa gặp nhau, nếu Tưởng mà đánh được nơi ấy thì có thể phân rẽ được các binh-gia Phụng-thiên, với binh-gia của Tôn Truyền-Phong và Trương Tôn-Xương. Các tướng ở Hán-khâu trước theo về đảng cộng-sản thì nay lại theo về Tưởng cả rồi, vì thế Tưởng mới có cơ đánh lấy lại được Hán-khâu, mà kế-tục tiến-quân bắc-phạt.

Ở Bắc-kinh đảng cộng-sản cũng nhiên-động. Cứ như danh-sách đảng cộng-sản ở Bắc-kinh tuyên-bố ra, thì Trần Học-Tú đảng-viên bậc thứ bảy, Lý Đạt-Chiêu (giáo-sư trường đại học Bắc-kinh) là bậc thứ sáu, Đàm Đình-Sơn là bậc thứ tư. Tiền kinh-phi đi tuyên-truyền thì cứ tùy bậc mà lĩnh số nguyệt-cấp của chính-phủ Sô-viêt để làm. Mới rồi có tin Lý Đạt-Chiêu đã bị bắt giam giữ, rồi sẽ đặt ra tòa án riêng để xét xử.

Phái Phụng-thiên định đặt ra chiến-sự nội-các, do Trương Lạc-Lâm tóm giữ toàn-quyền về quân-chính, còn dưới đều cử những người do vũ-nhân xuất-thân đứng làm ban tổ-chức ra một chính-phủ để đối-phó với thời-cục. Còn nội-các Cố Duy-Quán thì không cần lưu lại nữa.

Đầu tháng Avril Trương có phái cảnh-binh đến khám một nhà ngán-

hàng nước Nga ở gần sừ-quán Nga, lại khám đến sở xe lửa Trung-hoa đông-bộ có bắt 30 người Nga và 30 người Tàu, và một số khí-giới thuốc đạn rất nhiều. Việc khám xét này cũng làm thất cảm-tình với người Nga.

Còn về việc xảy ra ở Nam-kinh làm thiệt-hại cho người ngoại-quốc về tháng trước, liệt-cường trước đã thông điệp cho chính-phủ Nam-phương để bắt bồi-thường. Nhưng sau các nước đều chềnh-mảng không đồng-ý với nhau, Hoa-kỳ thì bỏ lảng ra không đề-huê với các nước nữa, Nhật-bản thì trù-trừ, còn nước Anh thì không thể lấy một mình đối-phó với nước Tàu mà yếu-cầu bồi-thường gì được.

Ở Vân-nam mới rồi có xảy ra việc cắt đứt đường xe hỏa ở chỗ kilômètre 234, và bắt cóc M. M. PATON, POLI và một người đốc-công An-Nam. Việc ấy nghe đâu là bởi mấy viên tướng vì bất-bình mà khởi làm phản-nghịch. Sau nhờ có nguyên-soái Hồ Nhược-Ngu ở Mông-tự đem quân đi dẹp và điều-dinh cũng đã yên, đường xe hỏa đã đi lại được như cũ.

Mới rồi Đường Kế-Nghiêu cũng có sai đại-biêu đến Nam-kinh để yết-kiến Trương Giới-Thạch. Lại có tin Đường bị đau đã lâu, đã tạ-thế ngày 23 tháng 5 mới rồi.

Việc nước Mĩ. — Nước Mĩ trong việc Tàu cũng lúng-túng như các Liệt-cường khác. Đã từng tuyên-bố rằng chỉ cầu bảo-hộ người bản-quốc mình ở Tàu mà thôi, chứ quyết không muốn can-thiệp đến việc Tàu. Nghĩa là muốn theo cái chính-sách biệt-lập, không liên-lạc với các Liệt-cường khác. Song xét ra cái chính-sách biệt-lập ấy chẳng qua là chính-sách duy-kỷ mà thôi, việc gì đi với Liệt-cường không có lợi thì biệt-lập, chứ việc gì lợi-dụng được Liệt-cường thì không biệt-lập nữa, mà lại muốn cầu hiệp-lực với Liệt-cường.

Như việc tái-giảm binh-bị hải-quân, thì không thấy nước Mĩ nói biệt-lập, mà lại khần-khoãn muốn đề-huê với Liệt-cường, mời Liệt-cường họp lại thành một hội-nghị nữa để bàn-bạc về việc đó. Nguyên hội-nghị Hoa-thịnh-đốn năm trước đã hạn-định số các đại-chiến-hạm của ba nước Mĩ, Anh và Nhật theo cái tỉ-lệ 5-5-3, nghĩa là hải-quân của Mĩ và của Anh thời ngang bằng nhau, còn của Nhật sánh với Anh Mĩ thì chỉ bằng ba phần năm mà thôi; còn những hải-quân của Pháp của Ý thì đứng vào bậc dưới còn kém xa nhiều. Cứ theo cái hiệp-ước Hoa-thịnh-đốn thì bị thiệt nhất là nước Nhật. Nhưng nước Nhật bấy giờ cũng nhần-nhục chịu, còn Pháp và Ý thì vốn hải-quân không sánh được với ba nước kia, cũng không thiệt gì cho lắm và cũng có thể nói rằng vì chủ-nghĩa hòa-bình mà phải chịu như thế. Nhưng kỳ hội-nghị ấy chỉ định về hạn-đại-thiết-hạm mà thôi, còn những chiến-hạm thông-thường như khinh-tuần-dương, chế-ngư-lôi, hay các thứ tàu ngầm, thì không có ước-định gì, mỗi nước được tự-do muốn chế bao nhiêu cũng được. Bởi thế nên các nước đã bị hạn-chế về hạn-đại-thiết-hạm, bèn chú-ý cả vào hạn-đại-thiết-hạm thông-thường, là hạn-tiện-lợi nhất để bảo-thủ hoặc để công-kích các bờ bể, để canh-phòng các hải-quân và cấm sự buôn-bán lậu. Thành ra hiện nay hải-quân nước Mĩ về hạn-đại-thiết-hạm thông-thường đó lại kém hải-quân Anh và Nhật. Về phần nước Pháp, thì vừa trong bán-hạt, vừa các thuộc-địa đường duyên-hải to rộng lắm, cần phải có đủ tàu chiến để mà canh-phòng, lại để hộ-vệ cho sự giao-thông của mẫu-quốc với các-thuộc-địa. Nước Ý cũng vậy, nguyên là một cái bán-đảo, đường duyên-hải cũng dài rộng lắm, lại như đóng kín vào trong giữa Địa-trung-hải, cần phải có hải-quân mạnh để làm cái cơ-quan mà

bành trướng ra ngoài, nếu không thì làm-thời có thể bị vây kín ở trong Địa-trung-hải mà không ra được. Các lẽ ấy hình như nước Mĩ không để ý đến, chỉ biết rằng số tàu chiến của mình hiện nay có mấy hạng còn kém nước Anh và nước Nhật, bèn giương cái chủ-nghĩa bảo-hòa lên mà khần-khoản mời bốn nước Anh, Nhật, Pháp, Ý cùng nhau lại họp thành một hội-nghị nữa ở Genève để bàn về việc tài-giám hải-quân. Nước Mĩ chủ-trương việc đó mà mong rằng thiên-hạ vui theo mình thì thật là làm to. Người Mĩ thường trách rằng Âu-châu không hiểu nước Mĩ. Nhưng cứ xét việc này thời Mĩ có lẽ lại không hiểu Âu-châu lắm nữa. Ở Mĩ thì những vấn-đề phòng-bị bảo-an về mặt lục-địa, tuyết-nhiên không có. Ở Âu-châu thì những vấn-đề ấy lại trọng-yếu lắm. Mĩ cho những việc phòng-bị đó là việc nhỏ-nhen, không đáng để ý đến, và cứ trách Âu-châu là không chịu thành-tâm về việc giảm-binh, song tự mình thì lại lấy cái chủ-nghĩa biệt-lập mà không chịu can-thiệp vào để giúp cho Âu-châu một chút nào. Không biết rằng sẵn có cái thế-lực một đại-cường-quốc giàu có đệ-nhất trong thế-giới, nếu can-thiệp vào mà giúp cho các nước Âu-châu thoát khỏi cái tình-trạng quân-bách về tài-chính thì thật là có công với cuộc hòa-bình biết bao nhiêu. Nay các việc cốt-yếu của Âu-châu thì Mĩ không thêm can-thiệp đến mà việc cốt-yếu cho mình là việc hạn-chế hải-quân của các nước để không địch nổi với mình được thì lại khần-khoản mời Âu-châu để-huê hiệp-lực với mình. Cách làm như thế thì thật là tỏ ra Giám-quốc Mĩ vụng suy quá; nhưng không có lẽ thế, hoặc-giả ngờ rằng ông COOLIDGE chủ-trương việc này là có cái mục-dịch riêng đối với quốc-dân mình chứ không phải đối với ngoài. Vì ở Mĩ ngày nay đã sắp đến kỳ tổng-tuyển-cử, các đảng sắp ra vận-động để

tranh lấy quyền-vị, Giám-quốc muốn giữ địa-vị mình nên cố tìm cách hiệu-lực để lấy công trước là với đảng mình, sau là với cả quốc-dân. Dù thế nào mặc lòng, nếu hội-nghị này có họp được thì cũng chỉ có ba nước Anh, Mĩ, Nhật mà thôi, chứ không gồm được năm nước kể cả Pháp, Ý như chương-trình đã định. Nước Anh không thể không nhận lời nước Mĩ được, vì cái tinh-nghị giao-hiểu hai nước bắt-buộc phải liên-lạc với nhau. Nhưng nhận cũng là nhận miễn-cưỡng mà thôi, nghĩa là nhận tham-dự vào hội-nghị mà thôi, chứ chưa chắc có đồng-ý với Mĩ về cái vấn-đề tài-giám hải-quân sẽ đem ra bàn xét ở hội-nghị. Nước Nhật cũng thế, chưa tỏ ý-kiến về vấn-đề tài-giám, chỉ nhận tham-dự hội-nghị và lại xin định kỳ-hạn xa hơn một chút. Sau lại có tin nói Nhật có trả lời cho Mĩ rằng nếu trong hội-nghị không có Pháp và Ý, thì Nhật cũng không muốn tham-dự. Còn Ý thì công-nhiên từ chối, lấy cớ rằng phải có hải-quân mạnh để bảo-hộ cho sự giao-thông với các nước ngoài. Nước Pháp thì cũng chối, mà chối một cách ôn-hòa, nói rằng giảm-binh là phải nói gồm cả lục-quân và hải-quân, chứ không thể phân tách ra làm hai khoản đặc-biệt, và nay vấn-đề tài-giám lục-quân đã đề-trình cho hội Vạn-quốc xét thì về hải-quân cũng phải nên làm như thế. Nói tóm lại thiên-hạ đối với lời bàn của Giám-quốc Mĩ đều tỏ ra lạnh-nhạt hết cả. Dầu không phải là một sự thất-bại cho Giám-quốc Mĩ, nhưng cũng là một cái mưu hỏng. Song về phương-diện riêng nước Mĩ thì mưu ấy vị-tất đã là hỏng hẳn. Mĩ định mời hội-nghị năm nước, trong số đó thì chỉ có hai nước là quan-hệ với Mĩ, là Anh và Nhật, hai nước ấy dầu miễn-cưỡng mà cũng là đã nhận lời rồi, còn Pháp với Ý thì đối với Mĩ có càng hay mà không cũng được. Tuy-nhiên, hội-nghị cũng khó

mà họp thành được, vì Anh Nhật đều có nhận lời nhưng chưa chắc có đồng-ý với Mĩ không.

Nhân nói việc nước Mĩ, cũng phải nói qua về việc xung-đột nước Mĩ với nước Nicaragua. Xem ý ra Mĩ muốn đặt quyền bảo-hộ ở nước ấy, việc này đã đủ biết từ trước, nhưng nếu thành thật thì nước Mắc-tây-kha (Mexique) chắc sẽ kháng-ngại, và Liệt-cường Âu-châu có lẽ cũng không dễ tự-nhiên được. Mĩ hay công-kích các nước Âu-châu đã thi-hành cái đế-quốc chủ-nghĩa, nhưng Mĩ đối với các nước nhỏ ở chung quanh mình thi-hành cái chính-sách xâm-lược như thế thì có phải là đế-quốc chủ-nghĩa không?

Nói về việc nước Đức. — Ở Đức thì Nội-các mới vẫn ông MAX làm Thủ-tướng, trong Nội-các có nhiều người về đảng quốc-gia, nhưng nghe đâu đã chằm-chước khéo cho cùng nhau thuận nhận cái chính-sách chủ-hòa gọi là chính-sách Locarno. Và người chủ-trương cái chính-sách ấy là ông STRESEMANN nay vẫn giữ chức ngoại-tướng cho Nội-các mới. Như vậy là cái chính-sách ngoại-giao của Đức không thay đổi. — Còn việc giảm binh-bị trong tháng giêng chưa bàn xong thì tháng hai đã giải-quyết xong. Các pháo-đài ở mặt đông nước Đức, thì Đức đã chịu giảm đi hoặc làm nhỏ lại theo như hội-đồng kiểm-sát đã định, và cam-đoan không được làm thêm nữa. Từ nay việc kiểm-sát binh-bị của Đức là thuộc thẳng quyền Hội Vạn-quốc. — Việc xung-đột nước Đức với nước Ba-lan về đường kinh-lẽ thì điều-định mãi đã mấy tháng nay không xong, khi Nội-các mới ở Đức lên cầm quyền thì đình hẳn cuộc thương-thuyết, nghĩa là hai nước tuyệt-giao với nhau về đường kinh-lẽ, tình-trạng ấy vừa thiệt-hại cả cho hai bên, tất sớm trưa

rồi cũng phải giải-quyết cho xong. Song Đức với Ba-lan xưa nay ác-cảm với nhau đã lâu, giải-quyết được việc này, rồi lại sinh-xuất ra việc khác chứ không sai.

Nói về việc Tây - ban - nha. — Nước Pháp và nước Tây-ban-nha hiện đương thương-thuyết với nhau ở Paris về việc cửa Tanager ở Ma-lạc-kha. Tây-ban-nha thì yêu-cầu cửa Tanager và miền phụ-cận để cho một viên Tổng-đốc người Ma-lạc-kha giữ quyền cai-trị, mà viên tổng-đốc thì tự nước Tây-ban-nha kén chọn lấy; Pháp thì nhất-định theo đúng như điều-uớc cũ, quyết không để cho miền Tanager thoát ra ngoài quyền thống-trị của vua Ma-lạc-kha. Hai thuyết đó thực là trái nhau, cũng khó lòng điều-hòa cho được. Ý-giả biết thế cho nên ngoại-tướng Tây-ban-nha đã phải xin từ-chức, mà đơn từ-chức ấy thì Thủ-tướng nhận ngay. Đó là cái chứng rằng chính-phủ Tây-ban-nha cũng không cố kháng-kàng giữ cái thuyết cũ nữa. Nếu như vậy thì việc điều-định cũng dễ, vì Pháp đã đắc-thắng về phần cốt-yếu rồi, thì những điều tiêu-tiết chắc cũng biết rộng chiều Tây-ban-nha cho mau xong việc,

Nói về việc nước Anh. — Như trên kia đã nói nước Anh ở bên Tàu đương gặp nhiều nỗi khó-khăn lắm. Chính-phủ đồng lòng với dư-luận đã phái quân lính sang Tàu nhiều lắm. Nhưng binh-lực ấy bất-quá cũng chỉ giữ được một nơi Hương-cảng và nơi tô-giới Thượng-hải mà thôi, chứ không khi nào giải-quyết được cái vấn-đề Liệt-cường đối với Trung-hoa. Anh nhận thấy trong các phong-trào phản-đối mình, đều có cái tay ngầm của Sô-viết cả, bèn công-nhiên gửi quốc-thư cho chính-phủ cách-mệnh Nga để kháng-ngại và yêu-cầu một cách nghiêm-khắc rằng nếu nước Nga không thôi sự vận-động phản-đối Anh đi, thì Anh sẽ quả-quyết

tuyệt-giao hẳn. Nga trả lời lại cũng cứng - cỏi như thế. Tuy hai bên chưa đến quyết-liệt, nhưng sự xung-đột đã hiển-nhiên rồi. Nếu không thể giải-quyết được thì rồi sau tuyệt-giao ra thế nào? sẽ tuyệt-giao về đường kinh-tế mà thôi, hay là kết-quả đến chiến-tranh với nhau? Nếu đến thế thì Nga có thể địch nổi với Anh được không?

Nói về việc nước Pháp. — Ở Pháp thì đồng phát-lãng vẫn giữ giá bình-thường như mấy tháng nay, không lên không xuống. Có nhiều phái muốn yêu-cầu với thủ-tướng POINCARÉ nên hạ lệnh đặt hẳn một cái công-giá nhất-định, nhưng thủ-tướng không chịu, muốn đợi cho đến bao giờ tình-hình tài-chính kinh-tế được rõ-ràng chắc-chắn rồi sẽ hay. Hiện nay thì các thuế thu đều-dặn cả. Mới rồi có phát phiếu kho bạc, thiên-hạ cổ-võ mua đông lắm. Tháng trước số thợ không có việc làm ở các xưởng tăng lên nhiều, Chính-phủ đã lấy làm lo, nhưng tháng này đã thấy giảm bớt dần, vì các xưởng đã tiệm đủ công việc làm. Đó toàn là những cái triệu tốt cho việc tài - chính kinh-tế trong nước. Nhưng thừa được cơ-hội tốt đó, các chính-đảng lại muốn giữ những thói cạnh-tranh cũ ra. Cuộc đồng-tâm để giúp cho Nội-các POINCARÉ thấy mỗi ngày một nguội lạnh đi, có đảng đã thấy bắt đầu xoay ra phản-đối chính-phủ. Nội-các POINCARÉ mấy tháng trước có vẻ vững-vàng như thế, nay đã thấy lo không biết có bền được không. Hiện nay trong nước đương thảo-luận về vấn-đề thay đổi cách bảo-cử, đảng thì chủ-trương cách bầu theo huyện-hạt, là lối cũ từ trước, đảng thì muốn giữ lối bầu-cử hiện-hành bây giờ gọi là lối quán-bình, nghĩa là chia số vé bầu tùy theo với các chính-đảng, lấy chính-đảng chứ không lấy địa-hạt làm bản-vị. Hiện thảo-luận còn đương kịch-liệt, chưa biết theo hẳn về bên nào.

Lược-khảo về nước Ba-lan. — Nước Ba-lan (*Pologne*) trước bị phân-liệt ra nhiều mảnh thuộc Nga, thuộc Đức, thuộc Áo, tự cuộc Âu-chiến vừa rồi mới được độc-lập, tuyên - bố từ ngày 17 tháng 5 và ngày mồng 9 tháng 11 năm 1918, nhưng đến năm 1919 ký hòa-ước *Versailles* mới thật là được vạn-quốc công-nhận. Theo hiến-pháp ngày 17 tháng 3 năm 1921 thì Ba-lan ngày nay là một nước dân-chủ

Ba-lan mới thành nước tự khi chiến-tranh đến giờ, bờ-cõi hãy còn mập-mờ chưa được nhất-định, không có những cái hiểm-trở thiên-nhiên để phân-địa-giới rõ-ràng với các nước bên cạnh. Cứ diện-tích ngày nay thì được 356.000 cây-tô-mét vuông. Đại-khái đất Ba-lan là cái vùng bình-nguyên rộng có sông *Vistule* chảy qua, nhiều những đồng lầy rừng rậm. Dân-số ước 28.000.000 người, phần nhiều là thuộc về giống Ti-lạp-phu (*race slave*). Những nơi đô - thành lớn trong nước là : *Varsovie* là kinh - đô, *Posen*, *Lodz*, *Cracovie*, *Léopol*.

Nước Ba-lan có nhiều mỏ than đá, nên gần đây công-nghệ cũng phát-dạt, nhất là nghề dệt và nghề luyện-kim, đất bình-điền giồng ngũ-cốc cũng tốt lắm.

Sau này kể qua về lịch-sử Ba-lan cho biết cuộc hưng-vong của nước ấy từ xưa đến nay thế nào.

Nước Ba-lan xưa là một vương-quốc, thành-lập tự thế-kỷ thứ chín. Họ làm vua thứ nhất là họ *Piasts*; đời vua *MIECISLA* thứ nhất thời đạo Thiên-chúa truyền-bá vào trong nước. Đến năm 1382 họ *Piasts* mất nước, họ *Jagellons* lên chiếm ngôi. Đời bấy giờ nước đương thịnh, bờ - cõi mở - mang ra rộng, ra mãi khỏi hai con sông *Dwina* và *Dniéper*, Năm 1572 vua *SIGISMOND* nhất - danh là *AUGUSTE* thứ

nhất mất, thì họ *Jagellons* cũng mất nước từ đây. Nhân các thành-thị càng ngày càng được rộng quyền tự-trị, và bọn qui-tộc lại được thêm lắm cái đặc-quyền, nên quyền nhà vua cũng mỗi ngày một suy kém đi. Vua AUGUSTE 1er chết không có con, ngôi vua từ đây theo về chế-độ bầu-cử. Người được bầu-cử thứ nhất là HENRI DE VALOIS, sau này làm vua nước Pháp. Đời SOBIESKI về thế-kỷ thứ 17 thời Ba-lan đương toàn-thịnh. Nhân người Thổ-nhĩ-kỳ đến vây thành *Vienne*, vua Ba-lan đánh giải vây được. Nhưng ngót một trăm năm về sau thì vận nước đã thấy suy, một là vì quyền vua yếu đi, hai là vì bọn qui-phái lộng-lẫy quá, như nghị-viện quyết-nghị điều gì mà một người trong phái đó bác đi cũng phải bỏ. Có mấy họ qui-tộc lớn như họ *Czartoryski*, họ *Radziwill*, họ *Potocki*, quyền-thế lẫn tranh nhau mà giám-đốc vua. Năm 1764, nữ-hoàng CATHERINE nước Nga bắt dân Ba-lan phải tôn STANILAS PONIATOWSKI. Năm 1768 nhân có đảng qui-tộc nổi lên phản-đối nước Nga, năm 1772 Ba-lan bị qua-phân lần thứ nhất, chia ra làm ba phần thuộc Nga, thuộc Phổ và thuộc Áo. Năm 1792 trong nước có nội-loạn, Nga lại thừa-cơ can-thiệp vào lần nữa; Ba-lan bị nước Phổ phản-gián lại phải qua-phân một lần thứ nhì nữa (1793), có nhà chí-sĩ *Kosciuszko* hết sức chống lại cũng không được. Chí-sĩ bị thua trận *Maciejowice* ngày 4 tháng 10 năm 1794 có kêu than một câu rằng : *Finis Poloniae !*, nghĩa là xong đời nước Ba-lan !, câu ấy đã thành như một lời cách-ngôn phổ-thông trong các nước đề chỉ cái cảnh vô-cùng tuyệt-vọng. Ba-lan lại bị qua - phân một lần thứ ba là lần sau cùng, cũng do ba nước Áo, Nga và Phổ chiếm-đoạt lấy, lần này thì nước Ba-lan không còn có tên trên bản-đồ thế-giới nữa. Năm 1807 ký điều-ước *Tilsit*, trích một phần đất nhỏ thuộc

nước Phổ cho độc-lập, gọi là quận *Varsovie* thuộc quyền chúa-tê vua FRÉDÉRIC AUGUSTE nước *Saxe*; nhưng điều-ước năm 1815 lại sáp-nhập quận *Varsovie* vào nước Nga. Nga bấy giờ cũng muốn tỏ ra rộng-rãi, cho dân Ba-lan được hưởng một chút tự-do. Khi được tin nước Pháp nổi Cách-mệnh năm 1830, dân Ba-lan cũng hưởng-ứng mà nổi loạn lên; người Nga trị một cách khốc-liệt, thu hết cả các quyền tự-do, khuất-nhục người Ba-lan rất thậmtê. Năm 1863, nhân Nga thua trận Đông-phương người Ba-lan lại thừa-cơ nổi loạn. Quân Cách-mệnh lấy lưỡi liềm làm khí-giới, nên thành tên là « Quân lưỡi liềm » (*Les Faucheurs*), tuy đã hết sức can-đảm, nhưng vì số ít quá không chống lại nổi, không đầy một năm lại bị nước Nga dẹp yên. Người Ba-lan không thể ở nước được, nhiều người sang ngụ-cư ở Anh và ở Pháp.

Tuy bị khốn-nạn nhiều lần như thế, khi thì bị nước Phổ, khi thì bị nước Nga bách-hại như thế, mà cái lòng ái-quốc của người Ba-lan vẫn không nhạt, cái chí khôi-phục độc-lập càng bị tóa-chiết lại càng như hăng-hái thêm lên. Bởi thế nên ngay tự khi nước Nga mới tham-dự vào cuộc đại-chiến vừa rồi, Nga-hoàng NICOLAS thứ 2 đã hứa cho người Ba-lan rồi sẽ được độc-lập (tháng 8 năm 1914); nhưng lời hứa đó sau không giữ. Nước Áo và nước Đức cũng muốn lấy lòng người Ba-lan công-nhận cho nước Ba-lan theo như cương-giới đã định năm 1815 được độc-lập (ngày 3 tháng 11 năm 1916). Còn các nước Đồng-minh thời mãi đến khi chính-phủ Nga-hoàng bị đổ, vua NICOLAS thứ 2 chết và bọn quá-khích đương bắt đầu hoành-hành ở nước Nga, bấy giờ mới công-nhận cho Ba-lan được độc-lập và được có đường thông-tiếp ra biển (lời tuyên-bố ở *Versailles* ngày 3 tháng 6 năm 1911). Hồi ký ước đình-chiến ngày

11 tháng 11 năm 1918, không ai dă-dộng đến nước Ba-lan, người Ba-lan phải tự mưu giải-thoát lấy, rồi hòa-ước *Versailles* và *Saint-Germain-en-Laye* năm 1919 mới công-nhiên khôi-phục cho Ba-lan những đất trước thuộc Đức và Áo, hợp với quận *Varsovie* cũ. Ấy nước Ba-lan ngày nay thành-lập từ đó, nhưng bờ-cõi nhỏ kém Ba-lan ngày xưa nhiều; nhiều hạt như hạt *Dantzig* trước thuộc Ba-lan, bây giờ không thuộc nữa. Lại Hội Vạn-quốc mấy lần họp về sau (năm 1920-1921) lại còn cắt bớt đất của Ba-lan để sáp-nhập vào nước Đức và nước Triết-khắc.

Nước Ba-lan từ ngày khôi-phục đến giờ cũng đã gặp nhiều nỗi khó-khăn lắm, phần nhiều là bởi sự ác-cảm của nước Anh và sự xung-đột với các nước láng-giềng chỉ muốn thừa-cơ sâu-sé lẫn nữa: nào là Triết-khắc, nào là Hung-gia-lợi, nào là người *Ukraine*, nào là bọn quá-khích Nga, nổi tiếp nhau mà gây chiến-tranh với nước Ba-lan mới. Bọn quá-khích đã có hội sắp diệt được Ba-lan; nhưng sau bị thua ở trận *Varsovie*, phải đánh duỗi ra ngoài bờ-cõi và ký hòa-ước *Riga* tháng 10 năm 1920. Từ bấy đến nay nước Ba-lan nhất-diện thời vẫn chăm sửa lại đường địa-giới về mặt *Lithuanie*, nhưng chưa xong, nhất-diện thời chỉnh-dốn việc nội-chính cho hoàn-bị.

Như trên kia đã nói, chính-thể nước Ba-lan ngày nay là chính-thể dân-chủ, rộng hơn chính-thể dân-chủ hồi xưa. Quốc-trưởng là quan Giám-quốc, chủ quyền hành-chính cùng với một tòa Nội-các có trách-nhiệm. Quyền lập-pháp thuộc hai Nghị-viện, Thứ-dân và Thượng-nghị-viện; quyền tư-pháp thuộc các tòa án độc-lập. Nghị-viện Thượng Hạ-viện bầu-cử theo lối phổ-thông-đầu-phiếu, phạm người dân Ba-lan, bất-cứ dân ông hay dân bà, có đủ công-quyền và tuổi đúng 21 thời được quyền bỏ vé

bầu Hạ-nghị-viện, tuổi đúng 30 được quyền bỏ vé bầu Thượng-nghị-viện.

Quân-đội được 125.000 người, chia ra làm 30 sư-đoàn. Hải-quân có hai chiếc tuần-dương-hạm, 6 chiếc phóng-ngư-lôi. Trong Bộ quốc-phòng có dùng quân-quan Pháp làm cố-vấn.

Việc học trong nước thời hiện nay đương chỉnh-dốn cho nhất-trí. Bậc tiểu-học không mất tiền và sơ-học thời cường-bách. Trường sơ-học có 27.500 cái, số học-trò ước 3.200.000. Trung-học có 764 trường, số học-trò 230.000. Học chuyên-môn và học kỹ-nghệ có 586 trường. Các trường đại-học kể như sau này (nói rõ lập từ năm nào và kê số học-sinh năm 1922-1923):

Trường Đại-học *Varsovie* (lập năm 1816) 8.940 học-sinh

— *Cracovie* (— 1364) 5.235 —

— *Lwow* (— 1611) 5.646 —

— *Poznan* (— 1905) 3.416 —

— *Wilno* (— 1578) 2.202 —

— *Lublin* (— 1919) 1.120 —

Trường Cao-đẳng Bách-công *Varsovie* 3.868 —

— *Lwow* 2.560 —

Xã-hội Học-viện *Varsovie*.

Trường cao-đẳng xã-hội và kinh-tế-học ở *Lodz* (lập năm 1925),

Trường Đại-học của dân *Ukraine* ở *Cracovie*.

Trường Khoáng-học *Cracovie*,

Trường Mĩ-thuật *Cracovie*,

Trường Thú-y *Lwow*,

Sư-phạm học-viện *Varsovie*,

Pháp-quốc học - viện *Varsovie* (lập năm 1921).

Nói về báo-quán, thì năm 1920 ở Ba-lan có 810 cái báo và tạp-chí, trong số đó thời 658 cái viết bằng chữ Ba-lan. Các báo hằng ngày to nhất là những tờ sau này:

Báo *Gazeta Warszawska*, thuộc về
đáng hũu ;
— *Glos Naroda* — hũu,
— *Journal de Pologne*, viết bằng chữ,
Pháp,

Báo *Kurjer Polski*, thuộc về đảng cấp-
tiến.
— *Kurjer Poranny* — cấp-tiến,
— *Kurjer Warszawski*, tự-do độc-lập.
— *Robotnik* — xã-hội.

Việc trong nước

Tình-hình chính-trị.— Quan Toàn-quyền VARENNE ở Pháp về, đến Sài-gòn ngày 17 tháng 5, ở vài ngày rồi liền đáp tàu lên Hà-nội, ngày 23 tới nơi. Khi đến Sài-gòn và đến Hà-nội, nhân quan Đốc-lý hai tỉnh ấy có đọc tờ chúc mừng, quan Toàn-quyền trả lời vẫn tất mảy câu nói chính-sách ngài không thay đổi, nhưng ngài quả-quyết giữ trật-tự cho yên-ôn, không dùng những kẻ nhiễu-loạn cuộc tri-an, vậy xin dân Tây dân Nam phải đồng tâm hòa-hợp với nhau,

Quan VARENNE mới sang đã sửa đổi lại mấy to-tào ở Phủ Toàn-quyền. Tòa chính-trị cũ nay đặt thành ra hai sảnh : một sảnh ngoại-giao và một sảnh dân-chính, thuộc quyền ông Đổng-lý Văn-phòng giám-đốc.

Trong khi về hội-thương bên Pháp, quan Toàn-quyền chú-ý nhất về việc quân-phòng và việc học-chính ; nên bên bộ có phái sang đây một chức đại-tướng thanh-trà quân Thuộc-địa là tướng CLAUDEL để cùng quan Toàn-quyền bàn định về các vấn-đề phòng-bị và nghe đầu sẽ bàn cả việc tổ-chức một quân-đội bản-xú có quan võ bản-xú cai-quản ; bộ lại phái quan nguyên-học-chánh Đổng-duong GOURDON để điều-tra về việc học và nghệ-phương-pháp cải-cách.

Ở Nam-kỳ thời mới rồi có mấy ông định hợp « mê-tinh » để kháng-rhệ về việc bãi và cấm tờ báo *Tân-thế-kỷ*, nhưng chính-phủ có lệnh cấm không cho hợp, lại bắt giam người chủ-trương việc ấy là ông Trịnh Hưng-Ngẫu, biên-tập ở Báo

Tribune indochinoise. Cũng thuộc về việc báo *Tân-thế-kỷ*, mấy nhà thân-thương có in truyền-đơn gửi khắp Lục-tỉnh đề kháng-rhệ và yêu-cầu quyền ngôn-luận tự-do, nhưng chính-phủ cũng cho đi dò bắt thu lấy hết. — Khi quan Toàn-quyền VARENNE đến Sài-gòn, ông Bùi Quang-Chiều và mấy ông nữa muốn họp một bọn người đồng-chí cũng khá đông, để đến chào quan Toàn-quyền, cũng như năm trước ông Nguyễn Phan-Long đã làm hồi ông VARENNE mới sang lần thứ nhất. Nhưng có lệnh ông Thống-đốc Nam-kỳ định rằng các nghị-viên muốn vào chào quan Toàn-quyền thì phải chia ra từng đoàn-thể mà đi chứ không đi đông cả một lúc, thành ra cuộc tiếp-kiến của ông Bùi định tổ-chức không thành. Nghe đầu các ông có ý giận, và bừa các thân-hào An-Nam vào chào quan Toàn-quyền, các ông không đi.

Ở Sài-gòn mới rồi lại có lệnh đình-bản một tờ báo mới : *Pháp-Việt-nhứt gia*, vì có bài bị tòa kiểm-duyet sủa bỏ mà báo ấy cứ in. — Ở Hà-nội tờ *Dân-báo* mới xuất-bản được vài chục số, cũng bị bế-quán.

Ở Trung-kỳ, cái phong-tào học trò bãi-khóa vừa rồi đã êm dần, và tháng mới rồi không có việc gì lạ.

Nam-Phong Tùng-Thư

Nam-Phong Tùng-Thư đã xuất-bản quyền thứ nhất đề là « Văn-minh-luận », khảo xét về tình-cách văn-minh đời nay.

Quyền thứ nhì : Ba tháng ở Paris, hiện đương in, tháng sau sẽ xuất-bản.

Phần đặc-sắc của bộ Nam-Phong Tùng-Thư này là cuối mỗi quyển có mấy chục trang Tự-vựng bằng quốc-ngữ, chữ Pháp, chữ nho, thích nghĩa rõ về các danh-từ mới. — Ngài nào mua từ quyển đầu, sau này hợp các phần « Tự-vựng » lại, sẽ thành một quyển « Hán-Pháp-Việt tự-điền » có giá-trị.

Mỗi quyển giá 4 hào, bán ở Đông-kinh ấn-quán. Hà-nội,

Tiền cước gửi về các nơi xa : một quyển 0\$16, 2 quyển 0\$22, và sau cứ thêm mỗi quyển là thêm 0\$06.

Bán ở hiệu Đông-kinh ấn-quán, 80 phố hàng Gai, Hanoi ; bán buôn có trừ huê-hồng.

∴

Giới - thiệu tranh quốc - sử. —

Cách giáo-dục của nước ta xưa nay còn khuyết-điểm nhiều, chính ngay về khoa quốc-sử là cần nhất phải dạy cho trẻ sơ-học, mà xưa nay chỉ dạy so-sài, hoặc đọc qua một vài đoạn quốc-sử, thì tài nào mà khai-phát được trí-não cho trẻ con, để cho nó hiểu biết được nòi giống rồng tiên là gây-dựng ra ta đây, mà non sông gấm vóc là mở-mạng tự bao giờ. Vậy nên muốn cho trẻ con chóng hiểu biết quốc-sử, thì dạy bằng sách, không

chóng bằng dạy bằng tranh, nó lại dễ gọi thêm được lý-thú ; dạy bằng miệng không hiệu bằng dạy bằng mắt, nó lại hay hiểu thấu được tinh-thần. Nay mới thấy hiệu Hoán-Văn mới xuất-bản ra một thứ tranh quốc-sử, vẽ đủ cả từ đời Hùng-vương cho chí các đời Đinh, Lý, Trần, Lê. Xem tranh Trưng-vương, Triệu-Âu thì ai cũng kính-phục là bậc nữ trung anh-hùng ; xem tranh Phù-đồng thiên-vương thì ai cũng nức khen là bậc thiếu-niên tài-tướng ; xem tranh Lê Thái-tổ nhẩy ngựa trên núi Lam-son, còn hơn là xem tranh Lưu Bị chạy xe qua Tân-dã ; xem tranh Trần Hưng-đạo bơi thuyền trên sông Bạch-đăng, còn hơn là xem tranh Chu Du phóng hỏa trên dòng Xích-bích. Những bức tranh quốc-sử ấy là tự ông Tạ Đình-Ninh là một nhà danh-họa, hội-ý vẽ ra, cũng là có công giúp về việc giáo-dục cho lũ đồng-ấu. Mỗi một bức tranh lại có điền đủ cả lịch-sử bằng chữ quốc-ngữ, để ai xem tranh mà đọc qua lịch-sử thì dễ hiểu ngay, nhất là trẻ con thì lại càng thích xem lắm, vì các bức tranh vẽ thì cũng sắc-sỡ đủ mùi, thực là vui mắt. Nhưng nếu vẽ các vua đời cổ thì cách sống-áo ăn-mặc phải mộc-mạc chất-phác, thì mới khỏi lạc mất tinh-thần, chắc rằng dần-dà sửa-sang sau này có lẽ hoàn-bì hơn. Giá mỗi bức nhỏ hai xu, bức lớn toàn cả bốn tích tám xu, bán tại hiệu Hoán-văn Hàng Bông Hà nội.

